

East Asia and Pacific Region: MARINE PLASTICS SERIES

NGHIÊN CỨU THỊ TRƯỜNG CHO VIỆT NAM: CƠ HỘI VÀ RÀO CẢN ĐỐI VỚI TUẦN HOÀN NHỰA





© 2021 Nhóm Ngân hàng Thế giới
1818 H Street NW, Washington, DC 20433
Điện thoại: 202-473-1000; Internet: www.worldbank.org

Ấn phẩm này là sản phẩm của đội ngũ chuyên gia của Nhóm Ngân hàng Thế giới. "Nhóm Ngân hàng Thế giới" là các tổ chức độc lập về pháp lý bao gồm Ngân hàng Tái thiết và Phát triển Quốc tế (IBRD), Hiệp hội Phát triển Quốc tế (IDA), Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC), và Cơ quan Bảo lãnh Đầu tư Đa phương (MIGA).

Mặc dù đáng tin cậy, Nhóm Ngân hàng Thế giới không đảm bảo về tính chính xác, độ tin cậy, hoặc hoàn chỉnh của nội dung ấn phẩm này, hoặc về các kết luận hoặc nhận định trong tài liệu, và không chịu trách nhiệm hoặc trách nhiệm pháp lý đối với mọi thiếu sót hoặc sai sót (bao gồm, nhưng không giới hạn, lỗi đánh máy và lỗi kỹ thuật) trong nội dung hoặc việc sử dụng những nội dung đó. Đường biên giới, màu sắc, tên gọi và thông tin khác thể hiện trên các bản đồ trong báo cáo này không hàm ý đưa ra nhận định của Nhóm Ngân hàng Thế giới về tư cách pháp lý của bất kỳ vùng lãnh thổ nào và cũng không thể hiện sự ủng hộ hay chấp nhận các đường biên giới đó. Những phát hiện, diễn giải và kết luận trình bày trong báo cáo này không nhất thiết phản ánh quan điểm của Ban Giám đốc Điều hành Nhóm Ngân hàng Thế giới hoặc các chính phủ mà Nhóm Ngân hàng Thế giới đại diện.

Không nội dung nào trong tài liệu này cấu thành hoặc được coi như hạn chế đối với hoặc từ bỏ các đặc quyền và miễn trừ của bất kỳ tổ chức nào thuộc Nhóm Ngân hàng Thế giới, là các quyền được bảo lưu đặc biệt.

Trích dẫn

Nhóm Ngân hàng Thế giới 2021. Nghiên cứu Thị trường cho Việt Nam: Cơ hội và rào cản đối với tuân hoán nhựa.
Loạt tài liệu về Nhựa Đại dương, Khu vực Đông Á và Thái Bình Dương. Washington DC.

Quyền và Giấy phép

Tài liệu trong ấn phẩm này có bản quyền. Vì Ngân hàng Thế giới khuyến khích phổ biến kiến thức, toàn bộ hoặc một phần tác phẩm này có thể được sao chép cho mục đích phi thương mại, với điều kiện có ghi nguồn đầy đủ về ấn phẩm. Mọi câu hỏi về quyền và giấy phép xin gửi về Bộ phận Xuất bản Ngân hàng Thế giới, Nhóm Ngân hàng Thế giới, 1818 H Street NW, Washington, DC 20433, Hoa Kỳ; e-mail: pubrights@worldbank.org.

Ảnh bìa: NguyenQuocThang/Shutterstock. Cần có thêm quyền để sử dụng lại.



NGHIÊN CỨU THỊ TRƯỜNG CHO VIỆT NAM: CƠ HỘI VÀ RÀO CẢN ĐỐI VỚI TUẦN HOÀN NHỰA



PROBLUE



MỤC LỤC

| | |
|---|-----------|
| LỜI CẢM ƠN | 8 |
| THUẬT NGỮ CHÍNH VÀ TỪ VIẾT TẮT | 9 |
| TÓM TẮT TỔNG QUAN | 12 |
| PHÁT HIỆN CHÍNH: | 13 |
| PHẦN 1: SỰ CẦN THIẾT CỦA TUẦN HOÀN NHỰA | 20 |
| 1.1 BỐI CẢNH | 20 |
| 1.2 MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU | 23 |
| 1.3 THIẾT LẬP MỤC TIÊU | 23 |
| 1.4 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU | 24 |
| 1.5 PHẠM VI NGHIÊN CỨU | 25 |
| Lựa chọn các loại nhựa | 25 |
| Ứng dụng theo ngành | 27 |
| 1.6 CAM KẾT TUẦN HOÀN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG CHUỖI GIÁ TRỊ NGÀNH NHỰA | 28 |
| 1.7 HẠN CHẾ CỦA NGHIÊN CỨU VÀ CƠ HỘI CHO NGHIÊN CỨU TRONG TƯƠNG LAI | 29 |
| 1.8 CÁC NGHIÊN CỨU KHÁC VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI NHỰA Ở VIỆT NAM | 32 |
| PHẦN 2: VIỆT NAM THẤT THOÁT 75% GIÁ TRỊ VẬT LIỆU NHỰA PET, PP, HDPE, VÀ LDPE TIÊU THỦ NĂM 2019 | 34 |
| 2.1 CÁC CÔNG CỤ ĐƯỢC SỬ DỤNG ĐỂ ĐÁNH GIÁ TUẦN HOÀN NHỰA | 34 |
| Phân tích dòng nguyên vật liệu (MFA) | 34 |
| Phân tích thất thoát giá trị vật liệu | 35 |
| 2.2 CÁC LOẠI NHỰA LÀ TRỌNG TÂM NGHIÊN CỨU | 38 |
| PET | 38 |
| PP | 43 |
| PE (HDPE và LDPE) | 46 |
| HDPE | 47 |
| LDPE/LLDPE | 48 |
| 2.3 TÓM LƯỢC | 50 |
| Phân tích dòng nguyên vật liệu cho tất cả các loại nhựa | 50 |
| Phân tích thất thoát giá trị vật liệu cho tất cả các loại nhựa | 52 |
| PHẦN 3: LÝ DO DẪN TỚI THẤT THOÁT 75% GIÁ TRỊ VẬT LIỆU NHỰA | 54 |
| 3.1 SỨC ÉP ĐỐI VỚI TỶ LỆ CFR | 54 |
| Sụt giảm giá nhựa nguyên sinh dẫn tới việc quay trở lại sử dụng nhựa nguyên sinh, gây áp lực về giá đối với nhựa tái chế | 54 |
| Thiếu nhu cầu thường xuyên trong nước đối với tất cả các loại nhựa tái chế cơ bản | 57 |

| | |
|--|------------|
| Các phương án tài trợ nhỏ và không thể tiếp cận đối với ngành tái chế nhựa..... | 60 |
| Thiếu hụt công suất tái chế và sự cần thiết phải có cơ sở tái chế tiên tiến | 63 |
| Nguồn cung không đều và có rủi ro từ khu vực phi chính thức..... | 65 |
| Hệ thống CTRĐT ưu tiên thu gom và chôn lấp thay vì tái chế | 66 |
| Thiếu dữ liệu thị trường bao bì nhựa và dữ liệu chuỗi giá trị tái chế | 69 |
| 3.2 ÁP LỰC ĐỐI VỚI HIỆU SUẤT THU HỒI GIÁ TRỊ VÀ TỶ LỆ CFR..... | 70 |
| Chất lượng tái chế thấp do thiếu tiêu chuẩn thiết kế để tái chế | 70 |
| Những thách thức dai dẳng trong thực hiện phân loại tại nguồn một cách bền vững..... | 72 |
| Chưa tận dụng được nhu cầu ngày càng tăng trên toàn cầu đối với hàm lượng tái chế trong bao bì | 73 |
| Phụ thuộc nặng nề vào nhập khẩu phế liệu nhựa và lo ngại của các đơn vị tái chế về hạn chế nhập khẩu sắp tới..... | 74 |
| Các đơn vị tái chế thiếu chứng chỉ chất lượng và EHS..... | 76 |
| 3.3 NHỮNG THÁCH THỨC MÀ CÁC MÔ HÌNH TÁI SỬ DỤNG/TÁI NẠP VÀ PHÂN PHỐI SẢN PHẨM MỚI PHẢI ĐỔI MẶT | 78 |
| 3.4 TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC CỦA COVID-19 ĐỐI VỚI NGÀNH CÔNG NGHIỆP TÁI CHẾ NHỰA | 79 |
| Sụt giảm đáng kể về cầu do giá dầu thấp và suy thoái kinh tế | 79 |
| Sụt giảm nguồn cung phế liệu nhựa do thay đổi cách thức tiêu dùng | 80 |
| Tỷ lệ đáng kể ngành công nghiệp tái chế có rủi ro đóng cửa | 80 |
| Lợi nhuận tái chế còn nhiều thách thức vì dự báo giá dầu thấp..... | 81 |
| 3.5 THẮT CHẶT QUY ĐỊNH VỀ VẬN CHUYỂN XUYÊN BIÊN GIỚI VÀ KINH DOANH NHỰA PHẾ LIỆU VÀ TÁI CHẾ | 82 |
| Hai diễn biến quốc tế quan trọng..... | 82 |
| Diễn biến trong nước | 82 |
| 3.6 TIÊU THỤ NHỰA SINH HỌC KHÔNG ĐÁNG KẾ | 82 |
| 3.7 QUẢN LÝ CHẤT THẢI NHỰA THÔNG QUA ĐỒNG XỬ LÝ NHIÊN LIỆU CÓ NGUỒN GỐC TỪ CHẤT THẢI | 83 |
| PHẦN 4: CAN THIỆP ĐỂ GIẢI PHÓNG THÊM GIÁ TRỊ VẬT LIỆU | 86 |
| 4.1 TỔNG QUAN..... | 86 |
| 4.2 NHỮNG CAN THIỆP NHẰM TĂNG HIỆU SUẤT THU HỒI GIÁ TRỊ VÀ TỶ LỆ CFR..... | 87 |
| A. Thúc đẩy tuân hoàn nhựa thông qua xây dựng kịp thời các nghị định và thông tư nền tảng để hướng dẫn thi hành Luật BVMT..... | 87 |
| C. Cải thiện cơ hội tiếp cận tài chính cho các dự án tái chế và hỗ trợ xây dựng năng lực | 95 |
| D. Khuyến khích sử dụng hàm lượng tái chế trong tất cả các ứng dụng sử dụng cuối | 98 |
| E. Tiêu chuẩn bắt buộc về thiết kế để tái chế đối với mọi loại nhựa, đặc biệt là bao bì | 101 |
| 4.3 CÁC CAN THIỆP ĐỂ TĂNG TỶ LỆ CFR | 104 |
| A. Bảo đảm minh bạch hơn về dữ liệu trên thị trường nhựa | 104 |
| B. Tăng công suất tái chế (cơ học và hóa học) và không khuyến khích thải bỏ nhựa | 106 |
| C. Thiết lập yêu cầu cụ thể theo ngành để giúp tăng tỷ lệ thu gom, tái chế chất thải nhựa | 110 |
| 4.4 TÓM TẮT CÁC GIẢI PHÁP CAN THIỆP | 111 |
| 4.5 LỘ TRÌNH TIẾP THEO | 113 |
| Hành động ưu tiên để giải phóng giá trị vật liệu thất thoát | 113 |
| Tóm tắt các cơ hội tài trợ và/hoặc đầu tư của khu vực tư nhân | 114 |

DANH MỤC HÌNH

| | |
|--|----|
| Hình 1. TỶ LỆ CFR DỰ KIẾN CHO TÙNG LOẠI NHỰA (2019) | 14 |
| Hình 2. PHÂN TÍCH THẤT THOÁT GIÁ TRỊ VẬT LIỆU ĐỐI VỚI CÁC LOẠI NHỰA PHỔ BIẾN (PET, PP, HDPE VÀ LDPE, 2019) | 15 |
| Hình 3. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI NGHIÊN CỨU | 24 |
| Hình 4. CHI TIẾT SẢN XUẤT VÀ XỬ LÝ NHỰA SAU TIÊU DÙNG (tấn/năm, 2019) | 26 |
| Hình 5. CAM KẾT VỀ TUẦN HOÀN NHỰA THEO NHÓM CÁC BÊN LIÊN QUAN..... | 28 |
| Hình 6. PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH DÒNG NGUYÊN VẬT LIỆU (MFA) SỬ DỤNG CHO MỖI LOẠI NHỰA | 35 |
| Hình 7. TỔNG QUAN VỀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TÍNH TOÁN TỔN THẤT GIÁ TRỊ VẬT LIỆU | 37 |
| Hình 8. VÍ DỤ VỀ PHÂN LOẠI GIÁ TRỊ CỦA SẢN PHẨM TÁI CHẾ TỪ PET | 38 |
| Hình 9. SẢN LƯỢNG VÀ CÔNG SUẤT TÁI CHẾ BAO BÌ PET (tấn/năm, 2019) | 39 |
| Hình 10. SẢN LƯỢNG VÀ CÔNG SUẤT TÁI CHẾ BAO NHỰA POLYESTER PET (tấn/năm, 2019) | 39 |
| Hình 11. PHÂN TÍCH DÒNG NGUYÊN VẬT LIỆU (MFA) CỦA BAO BÌ PET VÀ POLYESTER PET (2019) | 40 |
| Hình 12. PHÂN TÍCH DÒNG NGUYÊN VẬT LIỆU CỦA NHỰA POLYESTER PET (TẤN/NĂM, 2019)..... | 40 |
| Hình 13. PHÂN TÍCH THẤT THOÁT GIÁ TRỊ VẬT LIỆU CỦA BAO BÌ PET (2019) | 42 |
| Hình 14. PHÂN TÍCH THẤT THOÁT GIÁ TRỊ VẬT LIỆU CỦA POLYESTER PET (2019) | 42 |
| Hình 15. SẢN LƯỢNG VÀ CÔNG SUẤT TÁI CHẾ NHỰA PP (tấn/năm, 2019) | 43 |
| Hình 16. PHÂN TÍCH DÒNG NGUYÊN VẬT LIỆU CỦA NHỰA PP (TẤN/NĂM, 2019) | 44 |
| Hình 17. PHÂN TÍCH THẤT THOÁT GIÁ TRỊ VẬT LIỆU CỦA NHỰA PP (2019) | 45 |
| Hình 18. SẢN LƯỢNG VÀ CÔNG SUẤT TÁI CHẾ NHỰA PE (tấn/năm, 2019) | 46 |
| Hình 19. PHÂN TÁCH PE THÀNH HDPE VÀ LLDPE/LDPE (tấn/năm, 2019) | 46 |
| Hình 20. PHÂN TÍCH DÒNG NGUYÊN VẬT LIỆU CỦA NHỰA HDPE (TẤN/NĂM, 2019) | 47 |
| Hình 21. PHÂN TÍCH THẤT THOÁT GIÁ TRỊ VẬT LIỆU CỦA NHỰA HDPE (2019) | 48 |
| Hình 22. PHÂN TÍCH DÒNG NGUYÊN VẬT LIỆU CỦA NHỰA LDPE/LLDPE (tấn/năm, 2019) | 49 |
| Hình 23. PHÂN TÍCH THẤT THOÁT GIÁ TRỊ VẬT LIỆU CỦA NHỰA LDPE/LLDPE (2019)..... | 49 |
| Hình 24. TỔNG LƯỢNG THU GOM ĐỂ TÁI CHẾ UỚC TÍNH TRONG TỔNG LƯỢNG TIÊU THỤ NHỰA ĐỐI VỚI TÙNG LOẠI NHỰA (tấn/năm, 2019) | 50 |
| Hình 25. CÔNG SUẤT TÁI CHẾ CHÍNH THỨC VÀ KHÔNG CHÍNH THỨC UỚC TÍNH VÀ DỰ KIẾN SỬ DỤNG CÔNG SUẤT TÁI CHẾ (2019)..... | 50 |
| Hình 26. TỶ LỆ CFR DỰ KIẾN CHO MỖI LOẠI NHỰA | 51 |
| Hình 27. GIÁ TRỊ VẬT LIỆU BÌNH QUÂN ĐƯỢC GIẢI PHÓNG SO VỚI GIÁ TRỊ VẬT LIỆU THẤT THOÁT UỚC TÍNH(2019)..... | 52 |
| Hình 28. PHÂN TÍCH THẤT THOÁT GIÁ TRỊ VẬT LIỆU DỰ KIẾN CHO TẤT CẢ CÁC LOẠI NHỰA CHÍNH (PET, PP, HDPE VÀ LDPE/LLDPE) (2019) | 52 |
| Hình 29. SO SÁNH GIÁ PET NGUYÊN SINH VÀ PET TÁI CHẾ Ở EU | 55 |
| Hình 30. SO SÁNH GIÁ PET NGUYÊN SINH VÀ PET TÁI CHẾ TẠI VIỆT NAM VÀ GIÁ DẦU TOÀN CẦU | 56 |
| Hình 31. THIẾU HỤT CÔNG SUẤT UỚC TÍNH SO VỚI CÔNG SUẤT LẮP ĐẶT ĐỂ TÁI CHẾ CÁC LOẠI NHỰA CHÍNH TẠI VIỆT NAM (2019) | 63 |
| Hình 32. GDP THEO ĐẦU NGƯỜI VÀ TỶ LỆ CFR CỦA MỘT SỐ THÀNH PHỐ ĐÔNG NAM Á | 66 |
| Hình 33. TĂNG CHẤT THẢI THU GOM TẠI THƯỢNG HẢI SAU KHI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH BẮT BUỘC VỀ PHÂN LOẠI RÁC THẢI | 69 |
| Hình 34. VÍ DỤ VỀ THÁCH THỨC LIÊN QUAN ĐẾN THIẾT KẾ ĐỂ TÁI CHẾ ĐỐI VỚI BAO BÌ Ở VIỆT NAM..... | 70 |
| Hình 35. MỤC TIÊU HÀM LƯỢNG NHỰA TÁI CHẾ NĂM 2025 CỦA 9 THƯƠNG HIỆU TOÀN CẦU HIỆN DIỆN TẠI VIỆT NAM | 73 |
| Hình 36. CHUYỂN DỊCH DÒNG NHỰA PHẾ LIỆU DO CHÍNH SÁCH THANH KIỂM QUỐC GIA CỦA TRUNG QUỐC | 75 |
| Hình 37. CHỨNG NHẬN MÔI TRƯỜNG, SỨC KHỎE, VÀ AN TOÀN (EHS) CỦA MỘT MẪU CÁC ĐƠN VỊ TÁI CHẾ LỚN TẠI VIỆT NAM (n = 13)..... | 76 |
| Hình 38. MỐI QUAN HỆ GIỮA GIÁ DẦU TOÀN CẦU VÀ GIÁ NHỰA NGUYÊN SINH Ở VIỆT NAM | 79 |

| | |
|--|-----|
| Hình 39. GIÁ NHỰA NGUYÊN SINH VÀ NHỰA TÁI CHẾ TRONG GIAI ĐOẠN TRƯỚC COVID-19 VÀ TRONG COVID-19..... | 80 |
| Hình 40. GIÁ DẦU THÔ LỊCH SỬ VÀ DỰ BÁO, GIÁ TƯƠNG LAI DỰ BÁO Ở KHOẢNG TIN CẬY 95%..... | 81 |
| Hình 41. HAI NHÓM HÀNH ĐỘNG ĐỂ GIẢI PHÓNG THÊM GIÁ TRỊ VẬT LIỆU THÔNG QUA TÁI CHẾ | 87 |
| Hình 42. XẾP HẠNG CAN THIỆP ĐỂ XUẤT BỞI CÁC ĐƠN VỊ TÁI CHẾ VÀ THƯƠNG HIỆU TẠI VIỆT NAM..... | 100 |
| Hình 43. CAN THIỆP ĐỂ XUẤT VÀ TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI VIỆC TĂNG TỶ LỆ CFR VÀ HIỆU SUẤT THU HỒI GIÁ TRỊ | 112 |
| Hình 44. TÓM TẮT TẤT CẢ CÁC CAN THIỆP VÀ HÀNH ĐỘNG TƯƠNG ỨNG | 113 |

DANH MỤC BẢNG

| | |
|---|-----|
| Bảng 1. TÓM TẮT 12 HÀNH ĐỘNG ƯU TIÊN ĐỂ GIẢI PHÓNG GIÁ TRỊ VẬT LIỆU THẤT THOÁT | 18 |
| Bảng 2. CHI TIẾT CÁC NGÀNH SỬ DỤNG NHỰA CUỐI THEO DOANH THU..... | 27 |
| Bảng 3. HẠN CHẾ CỦA NGHIÊN CỨU VÀ HÀNH ĐỘNG ĐỂ XUẤT ĐỂ GIẢI QUYẾT..... | 29 |
| Bảng 4. SO SÁNH GIÁ NHỰA NGUYÊN SINH TẠI VIỆT NAM VỚI MỨC GIÁ CẦN THIẾT ĐỂ DOANH NGHIỆP TÁI CHẾ NHỰA CÓ THỂ TỒN TẠI | 56 |
| Bảng 5. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN TUẦN HOÀN NHỰA (HÀM LƯỢNG TÁI CHẾ VÀ EPR) | 58 |
| Bảng 6. TẠP CHẤT VÀ THÁCH THỨC VỀ THIẾT KẾ VÀ TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI TÁI CHẾ..... | 70 |
| Bảng 7. HÀNH ĐỘNG VÀ CƠ SỞ CHO CAN THIỆP A: THÚC ĐẨY TUẦN HOÀN NHỰA THÔNG QUA XÂY DỰNG KỊP THỜI CÁC CÔNG CỤ CHÍNH SÁCH NỀN TẢNG CHO LUẬT BVMT..... | 88 |
| Bảng 8. HÀNH ĐỘNG VÀ CƠ SỞ CHO CAN THIỆP B: TĂNG HIỆU QUẢ THU GOM VÀ PHÂN LOẠI CHẤT THẢI NHỰA..... | 90 |
| Bảng 9. HÀNH ĐỘNG VÀ CƠ SỞ CHO CAN THIỆP C: CẢI THIỆN CƠ HỘI TIẾP CẬN TÀI CHÍNH VÀ XÂY DỰNG NĂNG LỰC | 95 |
| Bảng 10. HÀNH ĐỘNG VÀ CƠ SỞ CHO CAN THIỆP D: KHUYẾN KHÍCH SỬ DỤNG HÀM LƯỢNG TÁI CHẾ TRONG TẤT CẢ CÁC ỨNG DỤNG SỬ DỤNG CUỐI QUAN TRỌNG..... | 98 |
| Bảng 11. HÀNH ĐỘNG VÀ CƠ SỞ CHO CAN THIỆP E: TIÊU CHUẨN BẮT BUỘC "THIẾT KẾ ĐỂ TÁI CHẾ" ĐỐI VỚI TẤT CẢ CÁC LOẠI NHỰA, ĐẶC BIỆT BAO BÌ..... | 101 |
| Bảng 12. HÀNH ĐỘNG VÀ CƠ SỞ CHO CAN THIỆP F: BẢO ĐẢM MINH BẠCH HƠN VỀ DỮ LIỆU TRÊN THỊ TRƯỜNG NHỰA..... | 104 |
| Bảng 13. HÀNH ĐỘNG VÀ CƠ SỞ CHO CAN THIỆP G: TĂNG CÔNG SUẤT TÁI CHẾ (CƠ HỌC VÀ HÓA HỌC) & KHÔNG KHUYẾN KHÍCH THẢI BỎ NHỰA | 106 |
| Bảng 14. HÀNH ĐỘNG VÀ CƠ SỞ CHO CAN THIỆP H: THIẾT LẬP YÊU CẦU CỤ THỂ THEO NGÀNH ĐỂ GIÚP TĂNG TỶ LỆ THU GOM, TÁI CHẾ CHẤT THẢI NHỰA | 110 |
| Bảng 15. CAN THIỆP ĐỂ XUẤT VÀ TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI VIỆC TĂNG TỶ LỆ CFR VÀ HIỆU SUẤT THU HỒI GIÁ TRỊ | 112 |
| Bảng 16. TÓM TẮT 12 HÀNH ĐỘNG ƯU TIÊN ĐỂ GIẢI PHÓNG GIÁ TRỊ VẬT LIỆU THẤT THOÁT | 114 |
| Bảng 17. TÓM TẮT CÁC CƠ HỘI TÀI TRỢ VÀ/HOẶC ĐẦU TƯ CỦA KHU VỰC TƯ NHÂN | 115 |

DANH MỤC HỘP

| | |
|---|-----|
| Hộp 1. Enabling Policies for Plastics Circularity From Benchmark Countries..... | 60 |
| Hộp 2. NHỰA DUY TÂN NHẬN KHOẢN VAY XANH ĐẦU TIÊN TỪ HSBC VIỆT NAM..... | 62 |
| Hộp 3. Enabling Policies for Recycling and EPR From Benchmark Countries..... | 64 |
| Hộp 4. NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN CỦA NGÂN HÀNG THẾ GIỚI CHO VIỆT NAM (2018) | 67 |
| Hộp 5. Enabling Policies from Benchmark Countries for a Circular MSW System | 68 |
| Hộp 6. Enabling Design-for-Circularity Policies From Benchmark Countries | 72 |
| Hộp 7. THÔNG TIN TỪ LÀNG NGHỀ TÁI CHẾ (CƠ SỞ TÁI CHẾ PHI CHÍNH THỨC) | 77 |
| Hộp 8. THÔNG LỆ TỐT NHẤT: NỀN TẢNG CHAI PET CHÂU ÂU (EPBP) | 103 |

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu thị trường cho Việt Nam: Cơ hội và rào cản đối với tuần hoàn nhựa là đánh giá thị trường tập trung vào khu vực tư nhân về chuỗi giá trị ngành nhựa và thị trường tái chế tại Việt Nam với mục tiêu tổng thể là xác định các cơ hội và rào cản đối với tuần hoàn nhựa tại Việt Nam.

Nghiên cứu được thực hiện bởi nhóm chuyên gia thuộc Công ty GA Circular, bao gồm Laura Allen, Ashwin Subramaniam, Tam Nguyen, Samantha Philips và Thao Pham, với điều hành của các chuyên gia thuộc Nhóm Ngân hàng Thế giới, bao gồm Vũ Tường Anh, Navneet Chadha, Ashraf El-Arini, Nguyen Lê Thu và Dương Cẩm Thúy với sự chỉ đạo của Carolyn Turk, Kyle F. Kelhofer, Mona Sur, và Tuyên D. Nguyễn. Delphine Arri, Solvita Klapare và Mira Nahouli đã thực hiện bình duyệt báo cáo. Báo cáo đã được Zubair Qamar biên tập và Đoàn Thanh Hà thiết kế.

Nhóm nghiên cứu chân thành cảm ơn tất cả các bên liên quan thuộc khu vực tư nhân và nhà nước đã tham gia vào nghiên cứu này, và đặc biệt cảm ơn bà Huỳnh Thị Hồng Mỹ, Tổng thư ký Hiệp hội Nhựa Việt Nam, và ông Hoàng Đức Vượng, Chủ tịch Chi hội Nhựa Tái sinh Việt Nam vì những giúp đỡ quý báu trong nghiên cứu. Nghiên cứu cũng được Bộ Tài nguyên và Môi trường Việt Nam hỗ trợ thực hiện.

Kinh phí thực hiện nghiên cứu này do PROBLUE tài trợ. PROBLUE là quỹ tín thác đa biến thuộc Ngân hàng Thế giới, hỗ trợ phát triển tổng hợp và bền vững các nguồn tài nguyên biển và ven biển trong các đại dương lành mạnh.

Tổ chức Đóng góp

Chúng tôi vô cùng trân trọng những đóng góp, thông tin đầu vào, và thông tin chi tiết từ các tổ chức tư nhân, cơ quan chính phủ, và các bên liên quan khác trong nghiên cứu này:

Tổ chức Tư nhân:

Tập đoàn An Phát Holdings, AustDoor Ninh Bình, Công ty CP Á Đông ADG, Lọc Hóa dầu Bình Sơn, BASF Việt Nam, Coca-Cola Việt Nam, Quỹ Circulate Capital Ocean Fund (CCOF), Công ty Bao bì DynaPlast Việt Nam, Công ty Nhựa Duy Tân, Công ty Đại Dương LA, Euro Film, FrieslandCampina Việt Nam, Hạt Nhựa HA, HM Plastic, Công ty Thương mại Dịch vụ Nhựa Hưng Long, Công ty Sản xuất Công nghiệp Hoàng Anh, Công ty Sản xuất Thương mại Nhựa Hiệp Phát, Công ty Hưng Nghiệp Formosa, INSEE Ecocycle Việt Nam, Khánh Quỳnh Long An, Nhựa Khánh Toàn, Nhựa Lam Trần, Lavergne Việt Nam, Mai Tân Đạt, Nam Thiên Sáng, Ngũ Long, Nhật Nam Trà Vinh, Nestlé Việt Nam & La Vie Việt Nam, Nhựa Nghi Sơn, OPEC Plastics, Far Eastern Polytex Việt Nam, PRO Việt Nam, Nhựa Phú Hưng, QMT - JP Plastic, Nước Giải Khát Suntory PepsiCo Việt Nam, Công nghệ Môi trường Shun An, SCG Việt Nam (Tổ hợp hóa dầu Long Sơn), Thương mại và Dịch vụ Sơn Trang Plastic, Nhựa Tân Phú, Sản xuất và Gia công Bao bì Thành Công, Trịnh Nghiên, TontoTon, Universal Robina URC Việt Nam, Việt Nhật, Vikohasan, Vinatic Hải Phòng, Phòng Thương mại & Công nghiệp Việt Nam, Công ty CP Vĩnh Thành, VPBank, Hiệp hội Nhựa Việt Nam, Chi hội Nhựa Tái sinh, và Công ty TNHH Nhựa Việt Trung.

Cơ quan Chính phủ:

Văn phòng Sản xuất và Tiêu dùng Bền vững (SCPO) thuộc Vụ Tiết kiệm Năng lượng và Phát triển Bền vững của Bộ Công Thương (Bộ CT); Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam (VASI) thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TNMT).

Các bên liên quan khác:

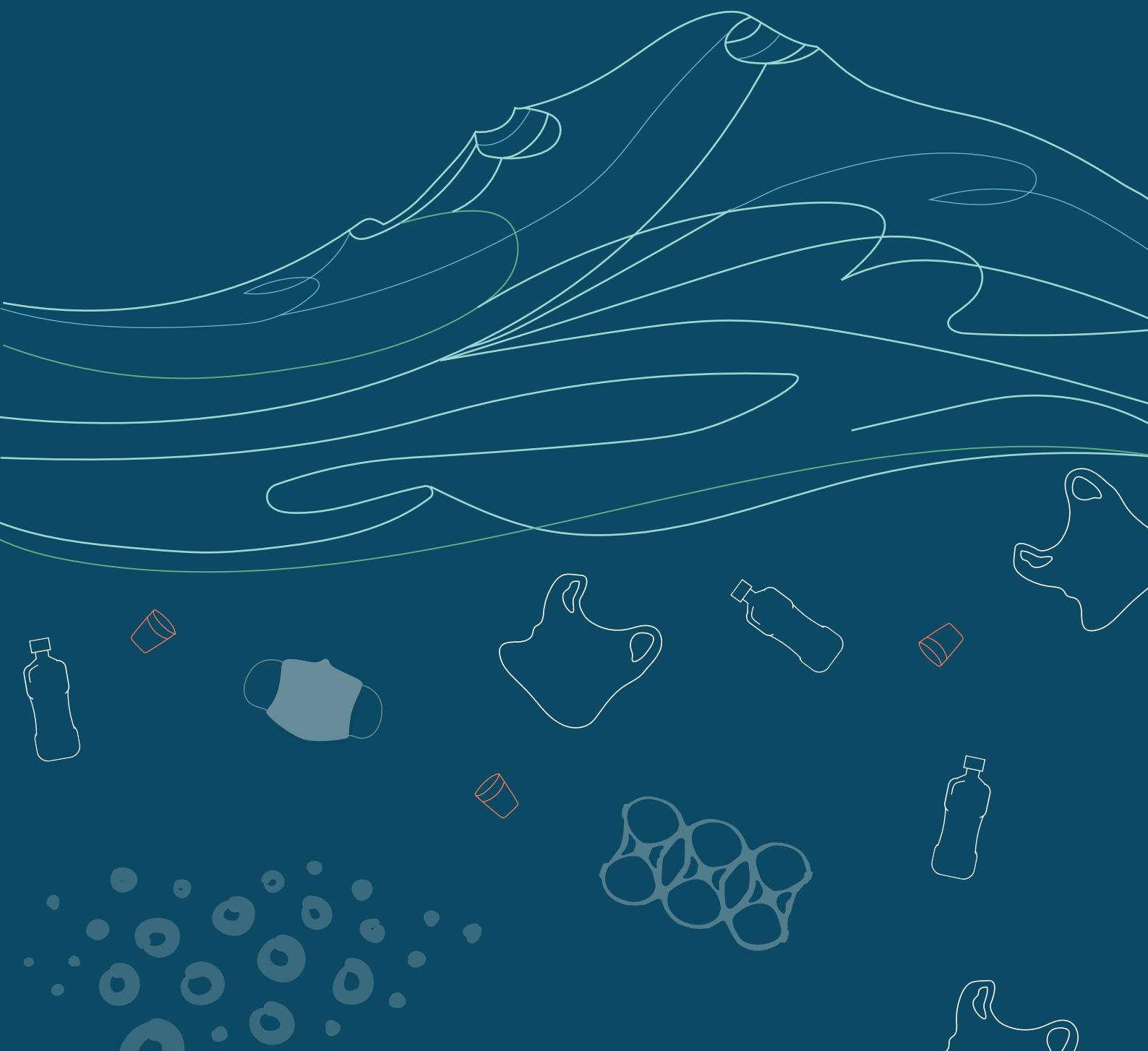
CL2B, Expertise France, Sáng kiến Tăng trưởng Xanh Toàn cầu, GreenHub, và Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên (WWF) Việt Nam.

THUẬT NGỮ CHÍNH VÀ TỪ VIẾT TẮT

| THUẬT NGỮ | DIỄN GIẢI |
|--------------------------------|---|
| Bốn loại nhựa cơ bản | Là bốn loại nhựa PET, HDPE, LDPE / LLDPE và PP thuộc phạm vi của nghiên cứu này. |
| Khu vực tái chế phi chính thức | Là các đơn vị tiền xử lý và đơn vị tái chế không thuộc nền kinh tế chính thức. |
| Khu vực phi chính thức | Thường chỉ những bên liên quan trong chuỗi giá trị thu gom phi chính thức như người nhặt rác trên đường phố, người thu gom rác tái chế, và các cửa hàng thu mua không chính thức. |
| Trong nước | Trừ trường hợp được đề cập cụ thể trong bối cảnh một đơn vị chính quyền địa phương, thuật ngữ “trong nước” đề cập đến cấp quốc gia theo cách sử dụng thuật ngữ này trong ngành. |
| TỪ VIẾT TẮT | ĐẦY ĐỦ |
| CAGR | TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KÉP HÀNG NĂM |
| CAPEX | Chi phí Vốn |
| CFR | Tỷ lệ Thu gom để Tái chế, Tỷ lệ Thu gom Tái chế |
| EHS | Môi trường, Sức khỏe, và An toàn |
| EPR | Trách nhiệm Mở rộng của Nhà sản xuất |
| GPP | Mua sắm Công Xanh |
| HCMC | Thành phố Hồ Chí Minh |
| HDPE; rHDPE | Polyethylene mật độ cao; Polyethylene mật độ cao tái chế |
| IFC | Tổ chức Tài chính Quốc tế, thuộc Nhóm Ngân hàng Thế giới |
| ISWM | Quản lý Chất thải Rắn Tổng hợp |
| Luật BVMT | Luật Bảo vệ Môi trường |
| LLDPE; rLLDPE | Polyethylene mật độ thấp tuyển tính; Polyethylene mật độ thấp tuyển tính tái chế |
| LDPE; rLDPE | Polyethylene mật độ thấp; Polyethylene mật độ thấp tái chế |
| MDOPE | PE định hướng bằng máy |
| MFA | Phân tích Dòng Nguyên vật liệu |
| Bộ CT | Bộ Công Thương |
| Bộ TNMT | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| CTRĐT | Chất thải rắn đô thị |
| MVRP | Sản phẩm tái chế có giá trị nhất |
| NGO | Tổ chức Phi Chính phủ |
| NGO | Non-Governmental Organization |

| | |
|---------------------|--|
| NDM | Mô hình Phân phối Mới |
| OPP | Màng PP |
| PAYT / SAYR | Trả phí theo lượng rác thải / Tiết kiệm Khi Tái chế |
| PBAT | Poly Butylene Adipate Terephthalate |
| PBS | Polybutylene Succinate |
| PCR | Nhựa sau tiêu dùng |
| PET; rPET | Polyetylen Terephthalate; Polyethylene Terephthalate tái chế |
| POY; rPOY | Sợi định hướng một phẵn; Sợi định hướng một phẵn tái chế |
| PRO | Tổ chức Trách nhiệm của Nhà sản xuất |
| PRO Việt Nam | Liên minh Tài chế bao bì Việt Nam |
| PPC Việt Nam | Hợp tác Công Tư Việt Nam |
| PP; rPP | Polypropylene; Polypropylene tái chế |
| PS | Polystyrene |
| PSF; rPSF | Xơ sợi Polyester; Xơ sợi Polyester tái chế |
| PVC | Polyvinyl clorua |
| RDF | Nhiên liệu có nguồn gốc từ chất thải |
| DNNVV | Doanh nghiệp nhỏ và vừa |
| QLCTR | Quản lý chất thải rắn |
| VASI | Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam |
| VAT | Thuế Giá trị Gia tăng |
| VMCPP | PP đúc kim loại chân không |
| VPA | Hiệp hội Nhựa Việt Nam |
| VPRA | Chi hội Nhựa Tái sinh |

TÓM TẮT TỔNG QUAN



TÓM TẮT TỔNG QUAN

Nhựa có đóng góp quan trọng đối với nền kinh tế toàn cầu và Việt Nam. Kể từ những năm 1950, việc sử dụng các sản phẩm nhựa đã tăng gấp hai mươi lần do nhựa có giá thành rẻ, có nhiều đặc tính chức năng, bền, và có nhiều ứng dụng. Năm 2018, sản lượng nhựa toàn cầu đạt 360 triệu tấn.¹ Nhựa được sử dụng phổ biến trong nhiều ngành công nghiệp ở Việt Nam, bao gồm bao bì, hàng tiêu dùng, điện tử, ô tô, hàng không, dệt may, và nông nghiệp. Năm 2019, ngành nhựa Việt Nam sản xuất 8,89 triệu tấn sản phẩm, và có đóng góp ước tính 17,5 tỷ USD cho nền kinh tế quốc gia, hay tương đương với 6,7% GDP.²

Tình trạng quản lý chất thải nhựa không phù hợp gây ra những hậu quả ngày càng lớn về kinh tế, môi trường, và xã hội

Tình trạng quản lý chất thải nhựa không phù hợp từ các nguồn trên đất liền, đặc biệt ở dạng bao bì sử dụng một lần hoặc ngắn hạn, gây ra chi phí kinh tế và xã hội đáng kể trên toàn thế giới, trong đó có Việt Nam, do làm giảm năng suất của các hệ thống tự nhiên quan trọng và gây tắc nghẽn hạ tầng đô thị. Trên toàn cầu, 5 đến 13 triệu tấn rác thải nhựa bị rò rỉ ra đại dương hàng năm.³ Ước tính, Châu Á gây ra trên 80% lượng nhựa rò rỉ ra đại dương, vì 8 trong số 10 quốc gia gây rò rỉ nhiều nhất nằm ở khu vực này. Theo một nghiên cứu toàn cầu, Việt Nam là quốc gia gây ô nhiễm nhựa đại dương thứ tư trên thế giới.⁴ Trên toàn cầu, chi phí của việc bao bì nhựa gây ảnh hưởng tới môi trường bên ngoài sau sử dụng, cộng với chi phí gắn với phát thải khí nhà kính trong quá trình sản xuất nhựa, được ước tính một cách thận trọng ở mức 40 tỷ USD hàng năm, còn cao hơn tổng lợi nhuận của ngành bao bì nhựa.⁵ Mỗi năm, một lượng bao bì nhựa trị giá 80-120 tỷ USD bị thất thoát khỏi nền kinh tế toàn cầu do thiếu tái chế và tạo ra giá trị dưới mức tối ưu khi có tái chế. Tất cả những yếu tố này đã góp phần nâng cao nhận thức toàn cầu về quản lý chất thải nhựa, và những lo ngại về ô nhiễm nhựa đã được người tiêu dùng bình thường của Việt Nam nhận thức rõ.

Các bên liên quan thuộc khu vực nhà nước và tư nhân ngày càng tích cực giải quyết vấn đề chất thải nhựa

Chính phủ Việt Nam đã có một số cam kết công khai về giảm rác thải nhựa trên biển và đại dương thông qua nhiều biện pháp khác nhau. Năm 2019, Chính phủ đã ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 (Quyết định số 1746/QĐ-TTg). Tháng 12 năm 2020, văn phòng Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chương trình Đối tác Hành động Quốc gia về Nhựa (NPAP), một nền tảng cho nhiều chủ thể của Diễn đàn Kinh tế Thế giới nhằm thực hiện các cam kết giảm thiểu ô nhiễm nhựa. Luật sửa đổi, bổ sung Luật Bảo vệ Môi trường (Luật BVMT) năm 2014 được Quốc hội thông qua vào tháng 11 năm 2020. Luật BVMT sửa đổi đã có các điều khoản quy định chính phủ, nhà sản xuất và người tiêu dùng có trách nhiệm lớn hơn đối với chất thải nhựa. Có hiệu lực từ 01/01/2022, Luật BVMT sửa đổi có quy định về trách nhiệm mở rộng của nhà sản

1 Euractiv, "[Plastic production on the rise worldwide but slowing in Europe](#)" (2019)

2 Vietnam+, "[Plastics industry posts 7.2 percent increase in output in 2019](#)" (2019)

3 Jenna Jambeck, "[Plastic waste inputs from land into the ocean](#)" (2015)

4 Jenna Jambeck, "[Plastic waste inputs from land into the ocean](#)" (2015)

5 Ellen MacArthur Foundation New Plastics Economy: Rethinking the Future of Plastics (2016)

PHÁT HIỆN CHÍNH:



Việt Nam tái chế khoảng **33% các loại nhựa chủ yếu** trong năm 2019.



Có tới **2,62 triệu tấn nhựa bị thải bỏ mỗi năm**, tức là không được tái chế, dẫn đến mất 75% giá trị vật liệu của nhựa, tương đương từ **2,2 - 2,9 tỷ USD mỗi năm**.



Một số thách thức về cơ cấu gây thất bại thị trường đối với tái chế nhựa, dẫn tới **thất thoát đáng kể hàng năm về giá trị vật liệu**.

xuất (EPR) đối với bao bì nhựa và các chất thải khác. Khu vực tư nhân cũng tích cực tham gia các sáng kiến đang diễn ra như sáng kiến Hợp tác Công Tư (PPC) Việt Nam, Liên minh Tái chế Bao bì (PRO) Việt Nam, và từng doanh nghiệp cũng có nỗ lực riêng. Ngoài ra, năm 2020, Việt Nam đã chứng kiến chương trình tài trợ xanh đầu tiên trên quy mô lớn do VP Bank, một ngân hàng trong nước thực hiện với khoản tín dụng trị giá 212,5 triệu USD do Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) cấp.⁶ Chương trình này bao gồm tám nhóm Tài sản Xanh, trong đó có nhóm “sản phẩm, sản xuất, và công nghệ thân thiện với môi trường và/hoặc phù hợp với nền kinh tế tuần hoàn.”

Mặc dù các khía cạnh của mô hình tái sử dụng, tái nạp, và phân phối mới của nền kinh tế tuần hoàn nhựa đã được đánh giá, nghiên cứu này chủ yếu tập trung vào tái chế nhựa, là phân khúc mà khu vực tư nhân có nhiều cơ hội đầu tư quy mô lớn để giải quyết ô nhiễm nhựa

Kết luận của nghiên cứu này cho thấy việc tái chế, đặc biệt đối với nhựa cứng có giá trị cao, là đòn bẩy chính để các cơ hội đầu tư của khu vực tư nhân có tác động và có quy mô lớn giúp chuyển hướng khỏi lượng lớn chất thải nhựa ra khỏi các bãi thải, bãi chôn lấp, và đường bờ biển dài của Việt Nam. Các giải pháp tái chế phi tập trung gần với các nguồn phát sinh chất thải có thể giúp thúc đẩy quá trình chuyển đổi hướng đến nền kinh tế tuần hoàn bằng cách quản lý chất

thải như một nguồn tài nguyên có giá trị, phát triển thị trường nội địa cho vật liệu thứ cấp, và tận dụng khu vực phi chính thức ở Việt Nam. Các mô hình tái nạp/tái sử dụng và phân phối mới đã được đánh giá ngắn gọn, nhưng các thương hiệu toàn cầu hiện không tập trung vào những mô hình kinh tế tuần hoàn này ở Việt Nam do những thách thức như chi phí cao hơn, thách thức về kho vận, và sự ưa thích của người tiêu dùng trong nước. Báo cáo này trình bày các phương án chính sách để hỗ trợ việc áp dụng các mô hình tái sử dụng và tái nạp trong tương lai. Ngoài ra, Ngân hàng Thế giới đang tiến hành phân tích nhằm cung cấp cơ sở để xác định 10 sản phẩm nhựa ưu tiên hàng đầu là mục tiêu của các chính sách và các khoản đầu tư tại Việt Nam. Phân tích này là sẽ hỗ trợ tư vấn cho chính phủ về các chính sách để giải quyết các sản phẩm nhựa mục tiêu.

Chính phủ Việt Nam khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân để hỗ trợ nỗ lực đạt được mục tiêu tham vọng về quản lý chất thải nhựa quốc gia

Phần lớn hoạt động tái chế của quốc gia diễn ra tách biệt với hệ thống quản lý chất thải rắn đô thị (CTRDT) thông qua chuyên hướng ngược dòng, do khu vực phi chính thức trực tiếp thực hiện, bao gồm người nhặt rác, người thu gom, cơ sở thu mua, và điểm tập kết phế liệu, dẫn đến một nền kinh tế song song cho việc thu gom và bán phế liệu tái chế. Nghiên cứu này xác định hiện trạng của ngành tái chế chất thải nhựa trong nước, bao gồm cung cầu, cơ hội thị trường, động lực và rào cản đối với tăng trưởng, đồng thời khuyễn nghị các hành động mà chính phủ cần thực hiện.

6 VietReader - [VPBank signed a US\\$100 million loan agreement with IFC to boost funding for SMEs struggling due to COVID](#) (2020)

Nghiên cứu này được thực hiện theo phương thức chuỗi giá trị ngành nhựa nhằm xác định các bên liên quan chính ở Việt Nam, bao gồm người sản xuất, người dùng, và tái chế nhựa, và chỉ ra các động lực thị trường và thách thức đối với việc mở rộng quy mô tái chế

Bản đồ chi tiết chuỗi giá trị ngành nhựa cho các loại nhựa Polyethylene Terephthalate (PET), Polyethylene mật độ cao (HDPE), Polyethylene mật độ thấp (LDPE) và Polypropylene (PP) được lập bằng cách thu thập dữ liệu về sản xuất, xuất/nhập xuất khẩu, sử dụng, thu gom, thu hồi, và tái chế nhựa. Phân tích này cho thấy có áp lực về giá và cầu đối với hầu hết các loại nhựa tái chế, trừ nhựa tái chế cấp thực phẩm, vì nhu cầu đối với loại nhựa này chủ yếu tăng theo yêu cầu của cơ quan quản lý ở EU và các cam kết tự nguyện của các thương hiệu toàn cầu. Phân tích cũng cho thấy những thiếu hụt đáng kể về công suất tái chế đối với hầu hết các loại nhựa.

Nghiên cứu này bao gồm công tác thu thập dữ liệu cơ sở chi tiết, phân tích, và trao đổi với các bên liên quan thuộc khu vực tư nhân trong chuỗi giá trị ngành nhựa, các bên liên quan thuộc chính quyền, và các chuyên gia khác. Những hoạt động này đã dẫn tới ba phát hiện định lượng chính và tóm giải pháp can thiệp được khuyến nghị thực hiện để thúc đẩy hoạt động tái chế nhựa ở Việt Nam.

Phát hiện Chính: Tỷ lệ Thu gom Tái chế (CFR) và Thất thoát giá trị vật liệu

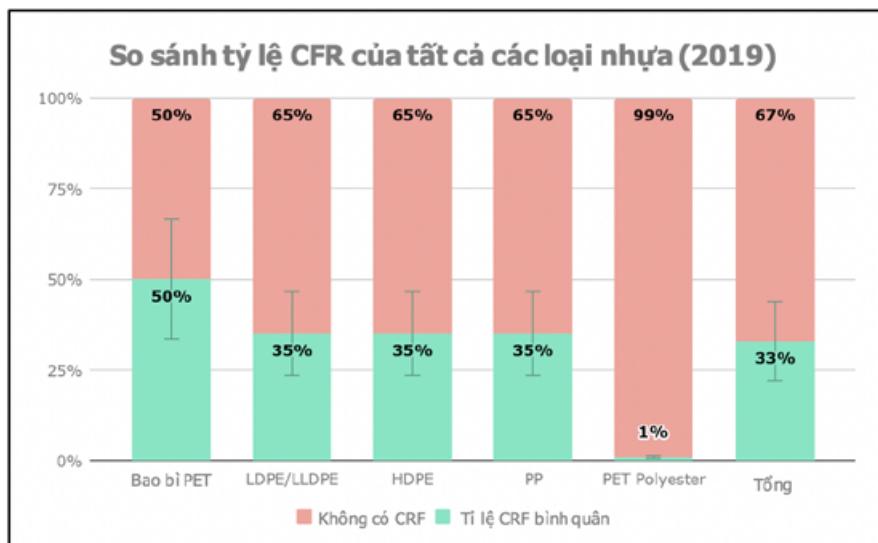
Việt Nam tái chế khoảng 33% các loại nhựa chủ yếu trong năm 2019.

Mỗi năm, khoảng 3,90 triệu tấn nhựa PET, LDPE, HDPE và PP được tiêu thụ tại Việt Nam. Trong số này, 1,28 triệu tấn (33%) được tái chế (xem Hình 1 dưới đây). Bao bì PET có tỷ lệ thu gom tái chế (CFR) cao nhất trong số tất cả các loại nhựa chủ yếu, ở mức 50%, vì: (i) số lượng ứng dụng cuối cùng của bao bì PET còn hạn chế so với các loại nhựa khác, nhờ đó đơn giản hóa quá trình thu gom và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu thập dữ liệu cụ thể cho bao bì PET; (ii) công nghệ tái chế hiện có và công suất xử lý bao bì PET tương đối cao giúp loại nhựa này “khỏi đầu thuận lợi” so với các loại nhựa khác; và (iii) bao bì PET, tính theo hạng mục riêng, có mức tiêu thụ thấp hơn nhiều so với các loại nhựa khác. Tuy nhiên, tỷ lệ tái chế đối với từng loại nhựa/định dạng bao bì lại rất khác nhau, tùy thuộc vào giá nhựa nguyên sinh, mục đích sử dụng cuối cùng của nhựa tái chế, và các yếu tố thị trường khác.

Có tới 2,62 triệu tấn nhựa bị thải bỏ mỗi năm, tức là không được tái chế, dẫn đến mất 75% giá trị vật liệu của nhựa, tương đương từ 2,2 - 2,9 tỷ USD mỗi năm.

Nếu tất cả các loại nhựa PET, HDPE, LDPE, và PP sử dụng ở Việt Nam được thu gom và tái chế thành các sản phẩm tái chế có giá trị nhất, về lý thuyết tổng giá trị vật liệu giải phóng được nhờ tái chế sẽ tương đương 3,4 tỷ USD mỗi năm. Hiện nay có 25% tổng giá trị vật liệu nhựa, tương đương 872 triệu USD, được giải phóng hàng năm, tính theo tỷ lệ tái chế 33% và thu hồi được 77% giá trị từ tái chế nhựa. Tình trạng này gây

Hình 1.
TỶ LỆ CFR DỰ KIẾN CHO TỪNG LOẠI NHỰA (2019)



thiệt hại từ 2,2 - 2,9 tỷ USD giá trị vật liệu tiềm tàng từ tái chế mỗi năm (Hình 2). Có thể tận dụng được cơ hội thị trường tiềm năng này nhờ các khoản đầu tư lớn của khu vực nhà nước và tư nhân để cải thiện việc thu gom/phân loại chất thải, tạo lập môi trường thuận lợi để cải thiện hiệu quả kinh tế của tái chế, và các giải pháp can thiệp khác mang tính hệ thống để giải quyết các thất bại của thị trường.

Một số thách thức về cơ cấu gây thất bại thị trường đối với tái chế nhựa, dẫn tới thất thoát đáng kể hàng năm về giá trị vật liệu

Mỗi năm, thất thoát về giá trị vật liệu lên tới 2,2-2,9 tỷ USD là do nhiều thách thức cơ cấu có tác động đến tỷ lệ CFR và hiệu suất thu hồi giá trị. Những thất bại của thị trường bao gồm tình trạng tăng giá mạnh của giá nhựa nguyên sinh và hạt nhựa tái chế, thiếu nhu cầu bền vững đối với nhựa tái chế trong nước, khả năng tiếp cận tài chính của đơn vị tái chế, đặc biệt doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV), nguồn cung không đều và có rủi ro từ khu vực phi chính thức, phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu phế liệu nhựa, không có tiêu chuẩn thiết kế để tái chế, và hệ thống quản lý chất thải ưu tiên thu gom và xử lý hơn so với tái chế. Những thách thức này đã xuất hiện và càng trở nên nghiêm trọng cùng với đại dịch COVID-19, vì nguồn cung cho ngành công nghiệp tái chế sụt giảm do

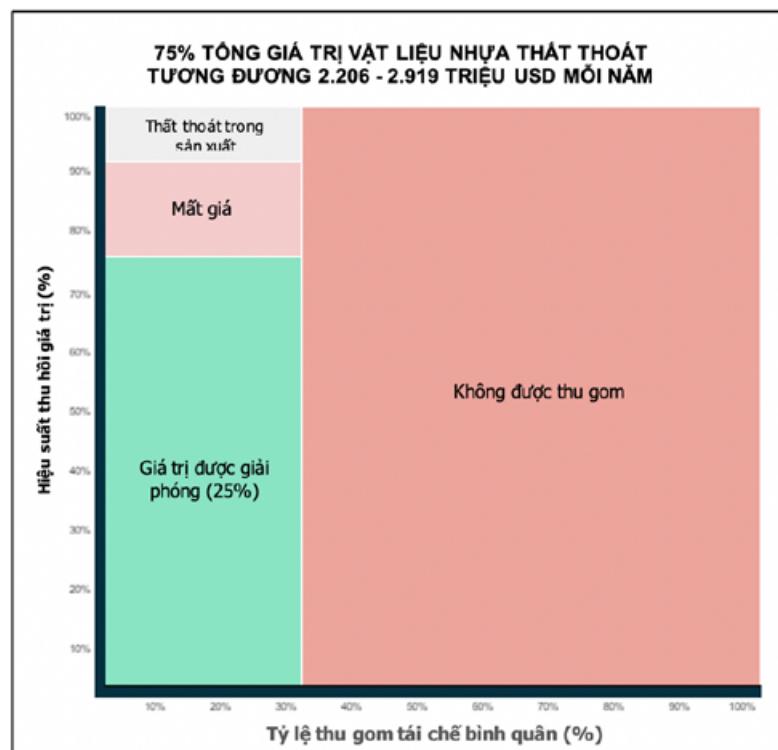
thay đổi về hành vi tiêu dùng và sụt giảm đáng kể nhu cầu đối với các sản phẩm tái chế do giá dầu thấp và suy thoái kinh tế.

Giải pháp can thiệp Đề xuất và Hành động Ưu tiên

Nghiên cứu này khuyến nghị thực hiện tám giải pháp can thiệp theo chủ đề và 29 hành động để Việt Nam có thể giải phóng thêm đáng kể giá trị vật liệu thông qua tái chế nhựa. Mỗi giải pháp can thiệp có khả năng giải phóng giá trị vật liệu từ 0,8 - 1,8 tỷ USD mỗi năm. Tuy nhiên, những can thiệp này có thể trùng lặp, do đó tổng giá trị có thể giải phóng sẽ thấp hơn tổng giá trị của những can thiệp đơn lẻ. Về lý thuyết, giá trị tối đa có thể giải phóng có thể lên tới 2,2 - 2,9 tỷ USD mỗi năm nếu một số thất bại về cơ cấu và thị trường được giải quyết hiệu quả và kịp thời. Mục tiêu chính của phân tích giá trị vật liệu này là nâng cao nhận thức của khu vực nhà nước và tư nhân về giá trị thất thoát có thể thu hồi hàng năm bằng cách tăng đáng kể tỷ lệ thu gom chất thải nhựa và hỗ trợ/tối ưu hóa ngành công nghiệp tái chế trong nước. Chi phí để thực hiện các khuyến nghị khác nhau sẽ phụ thuộc vào nhiều yếu tố cụ thể theo địa điểm và chưa được ước tính trong nghiên cứu thị trường này. Tương tự như vậy, phân tích chi phí - lợi ích chi tiết cho từng khuyến nghị chưa được thực hiện nhưng có thể được thực hiện trong các nghiên cứu khả thi và phân tích

Hình 2.

PHÂN TÍCH THẤT THOÁT GIÁ TRỊ VẬT LIỆU ĐỐI VỚI CÁC LOẠI NHỰA PHỔ BIẾN (PET, PP, HDPE VÀ LDPE, 2019)



chính sách tiếp theo để cho phép các cơ quan chức năng thực hiện các hành động được khuyến nghị cho khu vực nhà nước và tư nhân.

Các giải pháp can thiệp cả trong ngắn hạn và dài hạn có thể cung cấp môi trường thuận lợi, cải thiện nhu cầu nhựa tái chế trong nước, và giúp mở rộng quy mô ngành công nghiệp tái chế trong nước nhờ tạo ra cơ hội đầu tư cho khu vực tư nhân. Các giải pháp can thiệp có mục tiêu tăng cường cơ sở hạ tầng quản lý chất thải rắn (QLCTR) và cải thiện hoạt động tại Việt Nam, là những cải thiện cần thiết để quản lý CTRDT hiệu quả hơn trong khi chuyên đổi từ mô hình tuyển tính hiện tại là thu gom chất thải vào cuối tuổi thọ và xử lý tại bãi chôn lấp sang nền kinh tế tuần hoàn nhựa. Việc thực hiện các khuyến nghị tập trung vào tuần hoàn nhựa cũng có thể giúp cải thiện năng lực và giảm chi phí vốn cho các phương án xử lý QLCTR không chôn lấp trong tương lai (vd: nhiên liệu có nguồn gốc từ chất thải) bằng cách chi xử lý những chất thải không thể thu hồi, tái chế, hoặc tái sử dụng sáng tạo (upcycle) để thu hồi giá trị. Tóm giải pháp can thiệp theo chủ đề được giải thích dưới đây.

Thúc đẩy tuần hoàn nhựa thông qua việc kịp thời hoàn thiện các nghị định và thông tư chính hướng dẫn Luật BVMT

Luật BVMT sửa đổi mới nhất năm 2020 là khung pháp lý chung áp dụng đối với tất cả các ngành, các loại chất thải, và các giải pháp khác nhau. Các điều khoản có liên quan nhất đến tuần hoàn nhựa trong Luật BVMT hiện hành là: Điều 53, 54, 55 (Trách nhiệm tái chế và EPR), Điều 146 (Mua sắm xanh); Điều 149, 150 (Tín dụng xanh và Trái phiếu xanh), và Điều 75, 76, 77, 78, 79, 80 (Quản lý chất thải rắn sinh hoạt). Những điều khoản này là điểm cài tiến so với Luật BVMT 2014. Tuy nhiên, điều quan trọng là các nghị định và thông tư được xây dựng cho Luật BVMT mới phải có khả năng thực hiện và thực thi với các mục tiêu thực tế. Cần phân giao nhiệm vụ rõ ràng cho các cơ quan chính phủ và các cơ quan, ban ngành liên quan, cần có lộ trình để đạt được các mục tiêu một cách thành công, cung cấp nguồn lực và hướng dẫn, và nâng cao năng lực để các cơ quan, ban, ngành có thể thực hiện nhiệm vụ. Tham vấn chi tiết với các chuyên gia và với ngành cũng có ý nghĩa quan trọng.

Những nội dung quan trọng cần cân nhắc đưa vào các nghị định và thông tư hướng dẫn Luật BVMT bao gồm, nhưng không giới hạn, những nội dung sau:

- Chính sách nhằm giảm tiêu thụ nhựa (vd: dàn loại bỏ các sản phẩm nhựa sử dụng một lần không cần

thiết) và đẩy nhanh việc áp dụng các hệ thống tái sử dụng (vd: chai có thể nạp lại, phân phối mới, và các mô hình kinh doanh). Đối với các sản phẩm nhựa sử dụng một lần có giá trị thấp mà không có phương án thay thế phù hợp, các chính sách hiệu quả có thể bao gồm cấm và hạn chế đưa sản phẩm đó ra thị trường, áp dụng phí đối với người tiêu dùng, nhà sản xuất, hoặc nhà nhập khẩu, và thuế vì những công cụ chính sách này có ảnh hưởng trực tiếp nhiều hơn đến hành vi của người tiêu dùng và góp phần nhanh chóng đạt được kết quả đáng kể. Cần thực hiện thêm phân tích chính sách và trao đổi với các bên liên quan để xác định công cụ chính sách thích hợp cho từng sản phẩm và lộ trình áp dụng.

- Các mục tiêu bắt buộc về thu gom tái chế phải được điều chỉnh phù hợp dựa trên mức độ có thể tái chế của các loại nhựa và sản phẩm, phù hợp với cơ sở hạ tầng tái chế trong nước. Cần bổ sung các mục tiêu tái sử dụng ngoài mục tiêu tái chế trong dự thảo Nghị định về EPR vì nhà sản xuất cũng có trách nhiệm tái sử dụng theo Điều 53, khoản 1, mục c) Luật BVMT.
- Mức phí có điều chỉnh cho các loại bao bì nhựa khác nhau dựa trên khả năng tái chế với mức phí cao hơn cho bao bì có giá trị tái chế thấp hơn và không tái chế được.
- Các mục tiêu bắt buộc về hàm lượng tái chế vì theo nghiên cứu này Việt Nam đã có đủ công suất tái chế để đạt được tối thiểu 20% hàm lượng tái chế cho bao bì PET, PP, HDPE và LDPE/LLDPE vào năm 2030. Liên quan đến vấn đề này, dự thảo Nghị định về EPR nên có quy định yêu cầu nhà sản xuất phải sản xuất những sản phẩm dễ tháo dỡ, bền hơn, có thể sửa chữa, sử dụng ít bao bì hơn, và các biện pháp khác góp phần ngăn ngừa phát sinh chất thải.

Tăng hiệu quả thu gom và phân loại chất thải nhựa

Hoạt động thu gom của khu vực phi chính thức không hiệu quả và do đó có chi phí đắt hơn so với phê duyệt nhựa nhập khẩu, gây ảnh hưởng bất lợi đến hiệu quả kinh tế của tái chế. Điều này, cùng với rò rỉ do tỷ lệ thu gom CTRDT chính thức còn thấp, cho thấy nhu cầu cấp thiết phải có một hệ thống quản lý chất thải rắn (QLCTR) tổng hợp và hiệu quả hơn, bao gồm tăng tỷ lệ thu gom, phân loại tại nguồn và thu gom riêng, có lộ trình tái chế, và địa điểm xử lý an toàn. Do đó, để cải thiện hiệu quả kinh tế của tái chế, cần phải tăng hiệu quả thu gom và phân loại chính thức trên toàn bộ chuỗi giá trị ngành nhựa sau tiêu dùng, bao gồm

các giai đoạn xử lý chất thải tiêu dùng, thu gom, vận chuyển, và phân loại riêng vật liệu từ các nguồn hỗn hợp. Ở mức tối thiểu, việc phân loại chất thải hữu cơ ướt và chất thải tái chế tại nguồn sẽ làm giảm đáng kể tỷ lệ ô nhiễm chất thải nhựa. Ngoài ra, cần có chuỗi cung ứng chất thải minh bạch hơn và tạo cơ hội để khu vực phi chính thức hòa nhập.

Cải thiện khả năng tiếp cận tài chính cho các dự án tái chế và hỗ trợ nâng cao năng lực

Các ngân hàng trong nước nên giải quyết tình trạng chênh lệch giữa nhu cầu tài chính của các đơn vị tái chế nhựa là DNNVV và các sản phẩm tài chính xanh hiện hành với việc xây dựng các quy định tài trợ đơn giản hơn. Cần xây dựng năng lực đánh giá tác động kinh tế và xã hội của các ngân hàng trong nước để các ngân hàng có thể thực hiện tốt hơn việc đánh giá các dự án tái chế nhựa khả thi và có khả năng cấp vốn. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) và các bên liên quan cũng cần khuyến khích các ngân hàng trong nước xây dựng các sản phẩm tài chính xanh được thiết kế cụ thể để quản lý rủi ro liên quan đến tái chế và các dự án khác về tuần hoàn nhựa. Ngoài ra, còn có cơ hội cải thiện tài trợ xanh thông qua các khoản vay nhanh và có quy mô nhỏ hơn cho các đơn vị tái chế là DNNVV và nâng cao nhận thức về các phương án và quy trình hiện tại. Ngoài ra, các đơn vị tái chế cần được hỗ trợ về kỹ thuật để đáp ứng các chứng chỉ EHS nhằm có đủ điều kiện hợp lệ để vay vốn.

Khuyến khích sử dụng hàm lượng tái chế trên tất cả các ứng dụng cuối cùng quan trọng

Ước tính chi khoảng 33% trong số 3,9 triệu tấn nhựa tiêu thụ được tái chế hàng năm, Việt Nam thiếu một thị trường thứ cấp mạnh mẽ cho nhựa tái chế. Việc Việt Nam phải phụ thuộc vào các thị trường xuất khẩu khiến ngành công nghiệp tái chế phải chịu toàn bộ gánh nặng biến động giá toàn cầu tiềm ẩn trong lĩnh vực tái chế. Do đó, cần khuyến khích sử dụng hàm lượng tái chế, bắt đầu với các chính sách ưu đãi, sau đó là chi tiêu/ tiêu chuẩn về hàm lượng tái chế cho các ngành sử dụng nhựa lớn nhất. Chính phủ có thể đóng vai trò chủ đạo bằng cách thực hiện mua sắm công xanh (GPP) và dán nhãn các sản phẩm nhựa tái chế. Mục tiêu hàm lượng tái chế trước tiên nên tập trung vào PET cấp thực phẩm và không thuộc cấp thực phẩm vì loại nhựa này dễ tái chế hơn, và sau đó là các ứng dụng không thuộc cấp thực phẩm cho HDPE, LDPE và PP.

Quy định bắt buộc áp dụng tiêu chuẩn thiết kế để tái chế đối với tất cả các loại nhựa, đặc biệt là bao bì

Bao bì chiếm khoảng 35% doanh thu của tất cả các loại nhựa tiêu thụ tại Việt Nam.⁷ Nếu không thiết kế lại và đổi mới một cách nền tảng, khoảng 30% bao bì nhựa sẽ không bao giờ được tái sử dụng hoặc tái chế.⁸ Nghiên cứu này đã xác định những thách thức về tái chế đối với sản phẩm chưa có thiết kế phù hợp hiện đang được bán trên thị trường trong nước. Do đó, Bộ Công Thương (Bộ CT) nên tham vấn ý kiến các bên liên quan thuộc khu vực nhà nước và tư nhân để phối hợp xây dựng các tiêu chuẩn thiết kế để tái chế, khuyến khích các ngành tự nguyện áp dụng các tiêu chuẩn này, và bắt buộc áp dụng các tiêu chuẩn này.

Cải thiện sự minh bạch về dữ liệu trên thị trường nhựa

Không có sẵn dữ liệu liên quan và cập nhật về quy mô thị trường tái chế trong nước đối với các loại nhựa khác nhau, bao gồm cả nhập khẩu/xuất khẩu và xu hướng giá cả cho khu vực tư nhân tiếp cận để tạo thuận lợi cho việc đầu tư vào thị trường Việt Nam. Sẽ rất hữu ích nếu Tổng cục Hải quan thiết lập cơ sở dữ liệu chính thức về nhập khẩu/xuất khẩu nhựa để có thể truy cập rộng rãi, cải thiện mức độ chính xác của nhập liệu, và Bộ Công Thương xây dựng danh mục toàn diện các đơn vị tái chế trong nước. Ngoài ra, Hiệp hội Nhựa Việt Nam (VPA) cần khuyến khích khu vực tư nhân tham gia chia sẻ dữ liệu hơn nữa để thiết lập cơ sở dữ liệu về nhựa nguyên sinh/nhựa tái chế và xây dựng báo cáo thị trường.

Tăng khả năng tái chế cơ học và hóa học và không khuyến khích thải bỏ nhựa

Chênh lệch giữa tổng lượng nhựa tiêu thụ và công suất chính thức hiện có ước tính để tái chế lượng nhựa này tương đương với 2,67 triệu tấn/năm hay 68% tổng lượng nhựa tiêu thụ. Chính phủ nên xem xét đưa ra các chính sách ưu đãi để khuyến khích tăng công suất tái chế polyolefin (PP, PE) và phát triển nhựa rPET (PET tái chế) chất lượng cao cho các ứng dụng tiếp xúc với thực phẩm. Mục tiêu là đẩy nhanh đổi mới sáng tạo trên một thị trường còn non trẻ. Một khi thị trường đã được thiết lập và vật liệu tái chế có thể cạnh tranh trên cơ sở chi phí với vật liệu nguyên sinh, có thể giảm hoặc loại bỏ hoàn toàn các chính sách ưu đãi. Cần phân tích chi tiết hơn về hiệu lực, hiệu quả, và tác động của các chính sách ưu đãi tiềm năng trước khi đưa ra các khuyến nghị cụ thể. Cần tăng phí bãi chôn lấp để hạn chế việc vứt bỏ rác thải nhựa.

7 VPA Domestic Plastic Consumption Data 2019

8 Ellen MacArthur Foundation New Plastics Economy: Catalyzing Action

Thiết lập yêu cầu cụ thể theo ngành để giúp tăng tỷ lệ thu gom và tái chế chất thải nhựa

Việc thiếu các yêu cầu thu gom/thu hồi cụ thể theo ngành đối với ngành bao bì nhựa sử dụng cuối cùng dẫn đến việc thu gom nhựa được giao hoàn toàn cho lực lượng thị trường với tỷ lệ thu gom thấp. Điều này đặc biệt đúng đối với các sản phẩm sau tiêu dùng không dễ thu gom và có giá trị thị trường thấp. Cần quy định các mục tiêu thu gom có tính bắt buộc cho ngành bao bì sau khi tham vấn ý kiến trong ngành. Việc thiết kế và triển khai các mô hình kinh tế trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất và xác định các mục tiêu thu gom bắt buộc không nên mang tính mệnh lệnh mà nên dựa trên tham

vấn với ngành bao bì và xem xét các điều kiện của địa phương. Điều này đảm bảo các khoản tiền thu được từ ngành vẫn thuộc quyền sử dụng của ngành này để thực hiện những can thiệp cần thiết. Ngoài ra, các mục tiêu phải khuyến khích khả năng tái chế để được giảm phí trong mô hình kinh tế trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất để đẩy nhanh tiến độ.

12 hành động ưu tiên xác định trong Bảng 1 dưới đây trong tổng số 29 hành động khuyến nghị có khả năng hỗ trợ tăng trưởng tái chế nhựa và khai thác toàn diện giá trị vật liệu. Lựa chọn này được thực hiện dựa trên phân tích của nhóm nghiên cứu và phản hồi của các bên liên quan về tính thực tiễn của việc triển khai trong giai đoạn 5 năm tới.

Bảng 1.

TÓM TẮT 12 HÀNH ĐỘNG ƯU TIÊN ĐỂ GIẢI PHÓNG GIÁ TRỊ VẬT LIỆU THẤT THOÁT

| Hành động Ưu tiên | Thời gian | Bên liên quan Chính |
|---|-----------|------------------------------|
| Bảo đảm các cơ quan có trách nhiệm có đủ thẩm quyền và nguồn lực để phối hợp với các bên liên quan xây dựng các nghị định và thông tư cần thiết và thực thi Luật BVMT | | |
| Khuyến khích giảm sử dụng nhựa (vd: loại bỏ dần những sản phẩm nhựa không cần thiết) và các hệ thống tái sử dụng (vd: chai có thể nạp lại, mô hình phân phối mới, và mô hình kinh doanh) | 1-2 years | |
| Quy định và điều chỉnh hài hòa các tiêu chuẩn và mục tiêu phân loại tại nguồn và thu gom riêng | | Chính phủ |
| Hoàn thiện khung tài trợ xanh hiện tại để có chính sách ưu đãi và hỗ trợ cụ thể cho chuỗi giá trị tái chế nhựa | | |
| Quy định tiêu chuẩn quốc gia về thiết kế để tái chế cho bao bì nhựa | | |
| Khuyến khích tăng công suất tái chế PE/PP chính thức; phát triển tái chế PET chất lượng cao hơn | | |
| Xây dựng các tiêu chuẩn rõ ràng đối với việc nhập khẩu nhựa phế liệu có chất lượng để sản xuất hạt, bán thành phẩm và/hoặc thành phẩm nhựa; tránh việc cấm hoàn toàn nhập khẩu phế liệu nhựa | 3-5 years | |
| Xây dựng các quy trình thực tế để tài trợ cho các doanh nghiệp tuân hoà nhựa | | |
| Xây dựng và triển khai các chính sách ưu đãi cho việc sử dụng hàm lượng tái chế | | |
| Thiết lập mục tiêu/tiêu chuẩn hàm lượng tái chế cho các ngành lớn sử dụng sản phẩm nhựa cuối | 1-2 years | Chính phủ và khu vực tư nhân |
| Bộ CT/Tổng cục Hải quan chính thức (i) thiết lập cơ sở dữ liệu có thể truy cập rộng rãi về xuất/nhập khẩu nhựa; (ii) cải thiện mức độ chính xác của nhập liệu; và (iii) xây dựng danh mục toàn diện các đơn vị tái chế trong nước | | |
| Quy định các mục tiêu thu gom cho ngành bao bì, dựa trên tham vấn ngành | | |

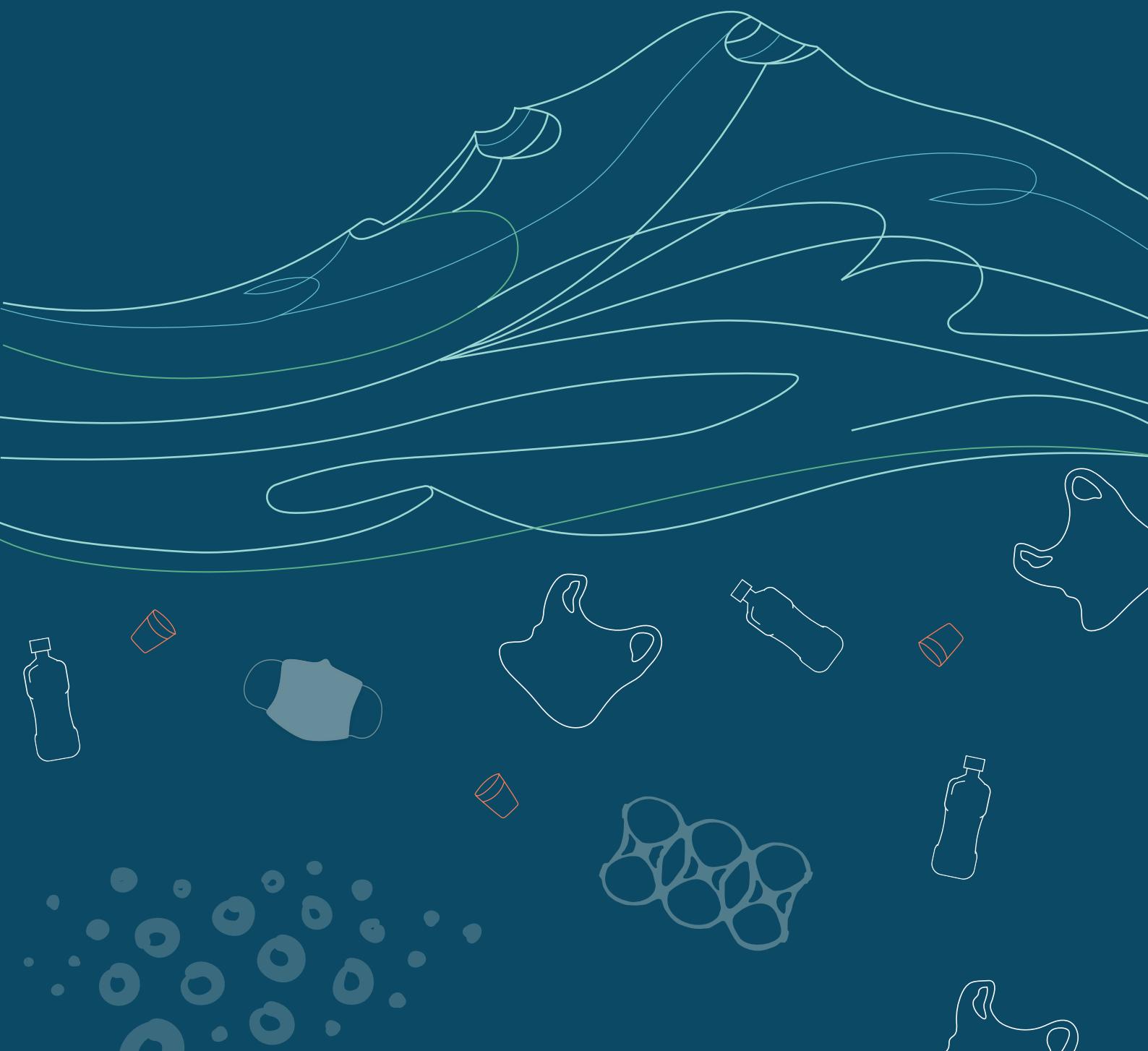
Note: Engineering includes both the automotive and medical industries.

Dựa trên việc thực hiện theo từng giai đoạn tất cả các khuyến nghị trên đây, cần có cách tiếp cận tổng thể để thúc đẩy tuần hoàn và giảm rò rỉ nhựa ra môi trường biển và đại dương. Ví dụ, nếu chỉ tập trung cải thiện mức độ bao phủ thu gom chất thải và hiệu quả phân loại nhựa sẽ làm giảm rò rỉ nhựa nhưng sẽ không cải thiện đáng kể mục tiêu tuần hoàn nhựa.

Tương tự, việc tập trung tăng công suất tái chế và nhu cầu nhựa tái chế sẽ thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang tuần hoàn nhựa. Tuy nhiên, hoạt động này không giải quyết được vấn đề rò rỉ nhựa vì sẽ không giải quyết được những thách thức cơ bản của việc thu gom chất thải chưa đầy đủ và nhiều sản phẩm nhựa chưa có khả năng tái chế.

PHẦN 1:

SỰ CẨN THIẾT CỦA TUẦN HOÀN NHỰA



PHẦN 1:

SỰ CẦN THIẾT CỦA TUẦN HOÀN NHỰA

1.1 Bối cảnh

Năm 2019, ngành nhựa Việt Nam sản xuất ra 8,89 triệu tấn sản phẩm nhựa và đóng góp ước tính 17,5 tỷ USD cho nền kinh tế quốc dân.⁹ Đến năm 2019, tổng công suất sản xuất nhựa nguyên sinh của cả nước là 1,6 triệu tấn (595.000 tấn PET, 550.000 PP, 340.000 tấn PVC, 102.000 tấn PS và 40.000 tấn hạt nhựa khác).¹⁰ Việt Nam chưa có năng lực sản xuất nhựa PE và do đó hoàn toàn phụ thuộc vào nhập khẩu. Đối với bốn loại nhựa chủ yếu cho nghiên cứu này (PET, HDPE, LDPE và PP), Việt Nam là quốc gia nhập khẩu ròng, và nhập khẩu 3,3 triệu tấn những loại nhựa này trong năm 2019, tương đương với 75% tổng lượng nhựa quy đổi. Do phụ thuộc vào nhập khẩu, Việt Nam có kế hoạch tăng công suất sản xuất nhựa nguyên sinh trong nước thêm 2,6 triệu tấn bắt đầu từ năm 2021 (1.050.000 đối với PP, 800.000 đối với PE, 400.000 đối với PET, và 350.000 đối với các loại nhựa khác). Phụ lục 1 cung cấp thông tin chi tiết về công suất của các doanh nghiệp sản xuất nhựa và kế hoạch mở rộng từ năm 2019.

Tăng trưởng của ngành công nghiệp nhựa trên toàn thế giới, với mức tăng trưởng gấp 20 lần trong 50 năm từ 1964 đến 2014, đã mang lại lợi ích rộng rãi cho xã hội.¹¹ Tuy nhiên, quá trình đô thị hóa nhanh chóng và chất thải nhựa được quản lý không phù hợp và rác thải từ các nguồn trên đất liền đang gây ra thiệt hại kinh tế đáng kể do làm giảm năng suất của các hệ thống tự nhiên quan trọng như đại dương và các khu vực ven biển cũng như thông qua việc gây tắc nghẽn hạ tầng đô thị. Trên toàn cầu, chi phí của việc bao bì nhựa gây ảnh hưởng tới môi trường bên ngoài sau sử dụng, cộng với chi phí gắn với phát thải khí nhà kính trong quá trình sản xuất nhựa, được ước tính một cách thận trọng ở mức 40 tỷ USD hàng năm - cao hơn tổng lợi nhuận của ngành bao bì nhựa.¹²

Cụ thể đối với bao bì nhựa, 95% giá trị vật liệu, tương đương 80 - 120 tỷ USD bị thất thoát khỏi nền kinh tế toàn cầu chỉ sau một lần sử dụng.¹³ Khoảng 40 - 50% ô nhiễm nhựa đại dương là do bao bì sử dụng một lần hoặc sử dụng ngắn hạn. Khoảng 5 - 13 triệu tấn chất thải nhựa đổ vào các đại dương mỗi năm, và có thể sẽ có khoảng 250 triệu tấn nhựa trong các đại dương trên thế giới trong vòng chưa đầy 10 năm.¹⁴ Một số quốc gia ở Đông Á và Khu vực Thái Bình Dương là những quốc gia tạo ra nhiều rác thải nhựa chưa được quản lý phù hợp, có tác động mạnh mẽ đối với sinh kế của các cộng đồng ven biển dễ bị tổn thương và các ngành du lịch, đánh bắt và vận tải biển. Theo ước tính, Việt Nam là một trong bốn quốc gia hàng đầu trên toàn cầu góp phần gây ô nhiễm nhựa đại dương.¹⁵

9 Vietnam Plus, "Plastic Industry Posts 7.2 percent increase in output in 2019" (2020)

10 Dựa trên các cuộc phỏng vấn được thực hiện với VPA.

11 Ellen MacArthur Foundation New Plastics Economy: Rethinking the Future of Plastics (2016)

12 Ellen MacArthur Foundation New Plastics Economy: Rethinking the Future of Plastics (2016)

13 Ellen MacArthur Foundation New Plastics Economy: Rethinking the Future of Plastics (2016)

14 Jenna Jambeck, "Plastic waste inputs from land into the ocean"

15 Jenna Jambeck, "Plastic waste inputs from land into the ocean"

Tình trạng quản lý chất thải nhựa yếu kém này có tương quan chặt chẽ với tăng trưởng chất thải rắn đô thị (CTRĐT) ở Việt Nam. Ngân hàng Thế giới ước tính phát sinh CTRĐT tại Việt Nam năm 2018 là 31 triệu tấn.¹⁶ Đến năm 2030, Ngân hàng Thế giới dự báo lượng CTRĐT phát sinh trên toàn quốc sẽ lên tới 54 triệu tấn, tăng 73% so với mức năm 2018.¹⁷ Trong một nghiên cứu riêng, lượng chất thải nhựa phát sinh, ước tính ở mức 3,7 triệu tấn năm 2018, dự kiến sẽ tăng lên 7,5 triệu tấn vào năm 2030.¹⁸ Điều này đồng nghĩa với mức tăng trưởng 106% trong cùng thời kỳ, tức là giai đoạn 2018-2030. Do đó, lượng chất thải nhựa phát sinh được dự báo sẽ có tốc độ nhanh hơn phát sinh CTRĐT ở Việt Nam.

Khi nhận ra sự cần thiết phải giải quyết các vấn đề liên quan đến sự tăng trưởng của ngành công nghiệp nhựa và quản lý yếu kém đối với chất thải nhựa, các quốc gia đã bắt đầu chuyển đổi hướng tới nền kinh tế tuần hoàn. Nền kinh tế tuần hoàn dựa trên các nguyên tắc thiết kế để loại bỏ chất thải và ô nhiễm, kéo dài thời gian sử dụng sản phẩm và vật liệu, đồng thời tái tạo các hệ thống tự nhiên. Cách thức này khác với hệ thống kinh tế hiện tại của nền kinh tế tuyến tính, khi các nguồn nguyên vật liệu và nhiên liệu được sử dụng để sản xuất sản phẩm, sau đó được tiêu dùng, và vứt bỏ (lấy-sản xuất- thải bỏ). Định nghĩa nền kinh tế tuần hoàn được sử dụng cho nghiên cứu này là định nghĩa do Quỹ Ellen MacArthur xây dựng và được các chính phủ và các tổ chức tư nhân lớn trong chuỗi giá trị ngành nhựa toàn cầu chấp nhận rộng rãi.¹⁹

"Nền kinh tế tuần hoàn là một hệ thống công nghiệp có tính phục hồi hoặc tái tạo theo chủ đích và thiết kế. Khái niệm "cuối tuổi thọ" được thay thế bằng phục hồi, chuyên dịch hướng đến sử dụng năng lượng tái tạo, loại bỏ việc sử dụng hóa chất độc hại, làm mất khả năng tái sử dụng, và nhằm mục đích loại bỏ chất thải thông qua thiết kế ưu việt của vật liệu, sản phẩm, hệ thống và, trong phạm vi này, các mô hình kinh doanh"

Định nghĩa chi tiết về nền kinh tế tuần hoàn và các thuật ngữ liên quan khác được cung cấp tại Phụ lục 2.

Chính phủ Việt Nam đã bắt đầu hướng tới một nền kinh tế tuần hoàn và giải quyết vấn đề chất thải nhựa trong vài năm qua với những cam kết chính trị vững chắc. Các cam kết bao gồm nhưng không giới hạn:

- Mục tiêu của Nghị quyết số 36-NQ/TW năm 2018 là “Ngăn ngừa, kiểm soát và giảm đáng kể ô nhiễm môi trường biển; tiên phong trong khu vực về giảm thiểu chất thải nhựa đại dương”. Chủ đề của Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam năm 2020 là “đổi mới để phát triển bền vững nền kinh tế biển Việt Nam”, với mục đích đổi mới công tác thực hiện kế hoạch ở các cấp hành chính khác nhau (các bộ, ngành, và địa phương) nhằm cụ thể hóa các nội dung trong Nghị quyết số 26/NQ-CP của Chính phủ (ban hành năm 2020²⁰) để thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW.²¹
- Nghị quyết số 1746/QĐ-TTg năm 2019 ban hành Kế hoạch Hành động Quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030.²² Kế hoạch Hành động Quốc gia thiết lập các nhiệm vụ, giải pháp cần thiết để đến năm 2030 sẽ giảm 75% rác thải nhựa trên biển và đại dương. Những nhiệm vụ này bao gồm xây dựng và thực hiện các chương trình truyền thông về tác hại của các sản phẩm sử dụng một lần có nguồn gốc từ nhựa đối với biển và đại dương, thúc đẩy các chương trình thu gom, phân loại, và xử lý rác thải nhựa đại dương, và khuyến khích các tổ chức và cá nhân thực hiện tái chế.²³
- Để đạt được mục tiêu giảm 75% rác thải nhựa trên biển và đại dương, Việt Nam đã hợp tác với Diễn đàn Kinh tế Thế giới để triển khai Chương trình Đối tác Hành động Quốc gia về Nhựa (NPAP), một nền tảng hành động để giải quyết rác thải nhựa. Một lộ trình hành động quốc gia bao gồm các kế hoạch hành động cụ thể để giảm thiểu rác thải nhựa đại dương và quy định rõ đối tượng

20 LuatVietnam, "[Nghị quyết số 26/NQ-CP của Chính phủ : Ban hành Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị lần thứ tam Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững the Strategy on sustainable development of Vietnam's marine economy through 2030, with a vision toward 2045](#)" (2020)

21 Công thông tin Tỉnh Thái Bình, "[Phát triển bền vững nền kinh tế biển Việt Nam](#)" (2020)

22 Royal Norwegian Embassy, UNDP and VASI, "[National Action Plan for Management of Marine Plastic Litter by 2030](#)" (2020).

23 Ibid.

16 World Bank, "[Solid and Industrial Hazardous Waste Management Assessment](#)" (2018)

17 Ibid.

18 GA Circular report commissioned by the World Economic Forum, "[Radically Reducing Plastic Leakage in Vietnam: Action Roadmap](#)" (Manuscript submitted for publication).

19 [Ellen MacArthur Foundation Global Commitment](#)

chiu trách nhiệm, dự kiến sẽ được NPAP Việt Nam công bố vào cuối năm nay (2021).

- Mặc dù chưa có kế hoạch cụ thể cho việc loại bỏ sản phẩm nhựa sử dụng một lần, chính phủ Việt Nam đã công bố quyết tâm đến năm 2025 Việt Nam không còn sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần.²⁴
- Chi thị số 27/CT-TTg năm 2018 ban hành các giải pháp cấp bách tăng cường công tác quản lý đối với hoạt động nhập khẩu và sử dụng phé liệu nhập khẩu.²⁵
- Năm 2019, Chính phủ Việt Nam đã bổ sung việc thiết lập nền kinh tế tuần hoàn thành một mục tiêu quốc gia tại Chi thị số 13 hiện hành về Phát triển bền vững.²⁶

Năm 2020, Chính phủ đã sửa đổi, bổ sung Luật Bảo vệ Môi trường (Luật BVMT). Việc sửa đổi Luật BVMT tạo điều kiện thuận lợi cho việc thiết lập nền kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam vì việc này đã được coi là một trong những mục tiêu cần thực hiện. Các chiến lược tuần hoàn sẽ được ban hành có thể cải thiện công tác quản lý chất thải rắn với việc quy định rõ trách nhiệm của người tiêu dùng và nhà sản xuất, như thực hiện chương trình Trách nhiệm Mở rộng của Nhà sản xuất.²⁷ Luật BVMT sửa đổi sẽ góp phần cải thiện sự minh bạch trong một số lĩnh vực, bao gồm quy định về việc một số loại doanh nghiệp phải lập báo cáo tác động môi trường và xây dựng các tiêu chuẩn chất lượng và tái chế cho nhiều loại vật liệu, bao gồm nhựa.

Chính phủ đang tiếp cận khu vực tư nhân được trang bị tốt của quốc gia để khu vực này đóng vai trò quan trọng trong quá trình chuyển đổi hướng đến nền kinh tế tuần hoàn nhựa. Khu vực này có thể tham gia với các đói mới trong thiết kế sản phẩm, mô hình kinh doanh (vd: tái sử dụng/tái nạp), công nghệ tái chế tiên tiến, và cơ chế tài chính đổi mới. Nhiều thương hiệu toàn cầu hàng đầu và các nhà bán lẻ đa quốc gia sử dụng nhựa đã thực hiện các cam kết tự nguyện công khai để chuyển đổi sang bao bì hoàn toàn có thể tái sử dụng, tái chế hoặc có thể phân hủy vào năm 2025. Các

nha sản xuất nhựa như Indorama Ventures²⁸, nha sản xuất nhựa PET hàng đầu toàn cầu, và LyondellBasell²⁹, một trong những nha sản xuất nhựa PP lớn nhất thế giới, đang đầu tư ngày càng nhiều vào linh vực tái chế nhựa. Các nha sản xuất nhựa trong khu vực, như PTTGC ở Thái Lan³⁰ và PETRONAS ở Malaysia³¹, cũng đang xem xét đầu tư vào tái chế nhựa do nhu cầu ngày càng tăng đối với nhựa tái chế. Tuy nhiên, đến nay, các nha sản xuất nhựa ở Việt Nam chưa thông tin công khai về bất kỳ kế hoạch đầu tư nào vào các cơ sở tái chế nhựa, mặc dù một công ty nhựa (Duy Tân) đã xây dựng nha máy tái chế chai nhựa rPET cấp thực phẩm (sắp đi vào vận hành), dự kiến đến năm 2025 sẽ tăng công suất tái chế nhựa lên 100.000 tấn.³²

Cơ sở hạ tầng QLCTR, chi phí vận hành, và tác động tích cực của việc chuyên hướng phế thải nhựa từ các bãi chôn lấp và bãi rác lộ thiên sang tái chế sẽ gắn kết chặt chẽ với hệ thống QLCTR đô thị tối ưu, tương tự các nền kinh tế phát triển như Liên minh Châu Âu và Nhật Bản. Tuy nhiên, ở Việt Nam, phần lớn hoạt động tái chế còn được thực hiện tách biệt với hệ thống QLCTR thông qua chuyên hướng ngược dòng. Hoạt động này do khu vực phi chính thức thực hiện, bao gồm người nhặt rác, người thu gom, cơ sở thu mua, và điểm tập kết phế liệu, tạo ra một nền kinh tế song song cho việc thu gom phế liệu tái chế. Nhiều loại nhựa có giá trị như chai PET còn sót lại trong dòng QLCTR được nhặt ra một cách ngẫu nhiên tại các điểm khác nhau của dòng QLCTR, như từ xe chở rác và tại các trạm trung chuyển và bãi thải. Nghiên cứu này mô tả hiện trạng của ngành tái chế nhựa phế thải trong nước, bao gồm cung cầu, cơ hội thị trường, động lực và rào cản đối với tăng trưởng. Nghiên cứu cũng xác định các rào cản và cơ hội đối với các mô hình tuần hoàn khác như mô hình tái sử dụng và mô hình phân phối mới.

28 Indorama - [Recycling business](#)

29 LyondellBasell - [Press release](#)

30 PTTGC Thailand - [Press release](#)

31 Plastic Energy & PETRONAS - [Press Release](#)

32 Theo phỏng vấn với Duy Tân.

24 Tuoi Tre News, "[Vietnam aiming for nationwide eradication of single-use plastics by 2025: PM](#)" (2019)

25 [Bài trình bày](#) của ông Nguyễn Thanh Yên, Phó Vụ trưởng Vụ Quản lý chất thải, Tổng cục Môi trường (2019)

26 Vietnam Business Council for Sustainable Development and United States Business Council for Sustainable Development, "[Vietnam Materials Marketplace](#)" (2019)

27 IUCN, "[Extended Producer Responsibility: an approach to improving solid waste management in Viet Nam](#)" (2020)



Photo: Al.geba - Shutterstock

1.2 MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

- Thu hút khu vực tư nhân tham gia chuỗi giá trị ngành nhựa Việt Nam và hiểu rõ các động lực và thách thức của thị trường trong việc mở rộng các phương thức kinh tế tuần hoàn, đặc biệt tập trung vào tái chế
- Xác định hiện trạng của ngành tái chế nhựa phế thải trong nước, bao gồm cung và cầu, cơ hội thị trường, động lực và rào cản đối với tăng trưởng
- Rà soát các quy định và tiêu chuẩn quốc gia so với thông lệ tốt nhất hiện hành để xác định cơ hội cũng như chênh lệch có thể cản trở việc thực hiện tuần hoàn nhựa một cách rộng rãi hơn
- Dựa trên chuỗi giá trị ngành nhựa với trọng tâm là khu vực tư nhân và phân tích thị trường tái chế, tóm tắt các phát hiện chính, và khuyến nghị các hành động ưu tiên.

1.3 THIẾT LẬP MỤC TIÊU

Những vấn đề cần giải quyết sau đây được thiết lập phù hợp với mục tiêu của dự án và được giải quyết trong các phần cụ thể:

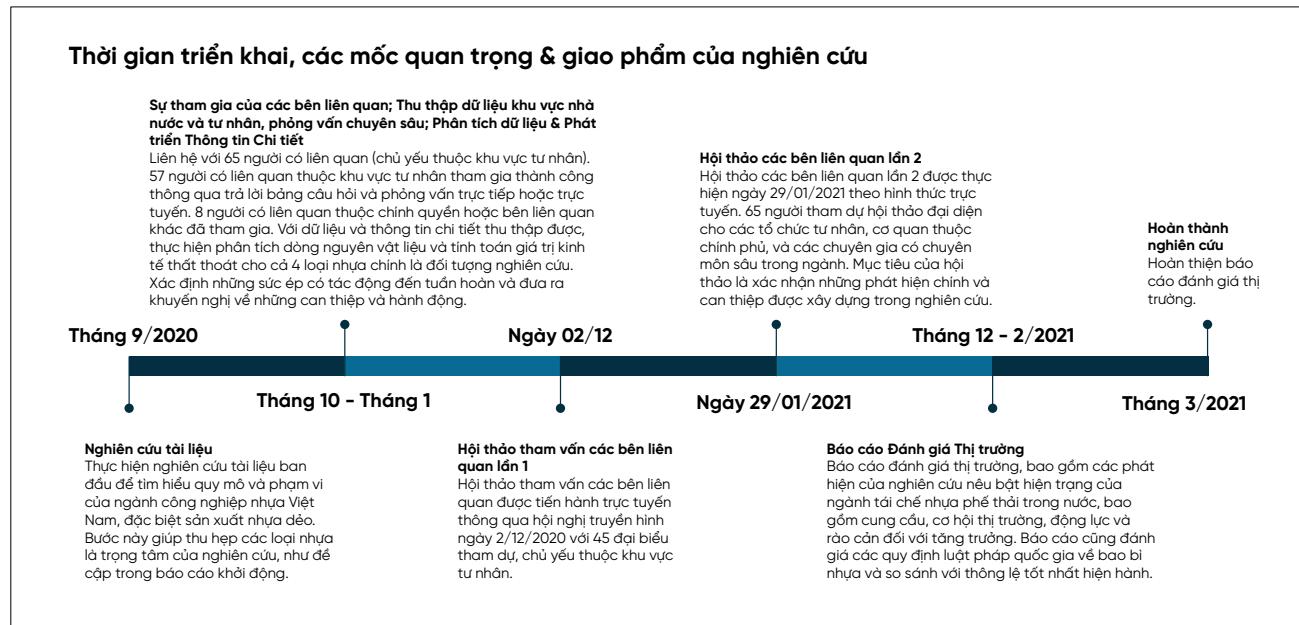
1. Tuần hoàn nhựa là gì trong bối cảnh Việt Nam? (giải quyết tại Mục 1.5 và 1.6)
2. Chuỗi giá trị ngành nhựa hiện tại từ sản xuất, thu gom, tái chế, phế thải, nhập khẩu, và xuất khẩu ở Việt Nam là gì? (giải quyết tại Mục 2).
3. Những yếu tố và rào cản nào ảnh hưởng đến việc tái sử dụng, thu hồi, hoặc tái chế nhựa trong các chuỗi giá trị của các loại nhựa khác nhau và quy mô của cơ hội để giải quyết những vấn đề này? (giải quyết tại Mục 2 và 3)
4. Các chính sách và môi trường pháp lý hiện tại có tác động thế nào đối với tuần hoàn nhựa ở Việt Nam? (giải quyết tại Phần 3)
5. Cần có chính sách nào và can thiệp gì của khu vực tư nhân để cho phép tái chế nhựa ở Việt Nam và bao nhiêu giá trị vật liệu có thể được giải phóng thông qua những can thiệp này? (giải quyết tại Phần 4)

1.4 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu này được thực hiện từ tháng 9/2020 đến tháng 3/2021 theo giai đoạn với các mốc thời gian và mục tiêu được xác định như trong Hình 3 dưới đây:

Hình 3.

KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI NGHIÊN CỨU



Chú thích: Kế hoạch triển khai không biểu diễn theo tỷ lệ thời gian.

Nghiên cứu tài liệu ban đầu được thực hiện nhằm tìm hiểu quy mô và phạm vi của ngành công nghiệp nhựa Việt Nam, đặc biệt liên quan đến sản xuất nhựa dẻo và xuất nhập khẩu nhựa nguyên sinh. Các tài liệu được nghiên cứu bao gồm các báo cáo và bài thuyết trình được phổ biến công khai của Hiệp hội Nhựa Việt Nam (VPA), báo cáo thường niên/báo cáo bền vững của các công ty sản xuất nhựa và hóa dầu lớn, và các công ty nhựa trong nước. Việc nghiên cứu tài liệu giúp thu hẹp lựa chọn các loại nhựa là trọng tâm nghiên cứu, như đề cập trong báo cáo khởi động, và giúp xây dựng chuỗi giá trị cho từng loại nhựa được chọn.

Nhóm nghiên cứu đã thực hiện 65 cuộc phỏng vấn chuyên sâu với đại diện với các tổ chức chủ chốt thuộc khu vực nhà nước và tư nhân từ tháng 10/2020 đến tháng 1/2021. Những cuộc phỏng vấn này đã giúp thu thập các điểm dữ liệu chính xác chuỗi giá trị, bao gồm sản xuất nhựa, tỷ lệ thu gom tái chế (CFR), và các sản phẩm tái chế. Ngoài ra, nhóm nghiên cứu cũng tìm hiểu quan điểm về tuần hoàn nhựa và những giải pháp can thiệp cần thiết để cải thiện tuần hoàn nhựa. Những thông tin có được đã cho phép nhóm

nghiên cứu chuẩn bị bản phân tích dòng nguyên vật liệu (MFA) đầu tiên và chuẩn bị thông tin chi tiết về từng loại nhựa để sau này bổ sung cho các khía cạnh khác nhau của nghiên cứu.

Hội thảo tham vấn các bên liên quan lần một được tổ chức vào ngày 2/12/2020, với sự hợp tác của VPA, nhằm giới thiệu dự án với các bên liên quan chính thuộc khu vực nhà nước và tư nhân. Hội thảo bao gồm các bài trình bày về các mô hình được sử dụng (phân tích dòng nguyên vật liệu và phân tích thất thoát giá trị vật liệu), dự thảo phân tích dòng nguyên vật liệu cho từng loại nhựa được chọn và các bên liên quan chính được chọn cho nghiên cứu.

Bản MFA cập nhật được chuẩn bị cho từng loại nhựa được chọn cho nghiên cứu dựa trên dữ liệu và đề xuất tiếp nhận thông qua các cuộc phỏng vấn chuyên sâu và hội thảo tham vấn lần một. Các nguồn dữ liệu sử dụng trong nghiên cứu bao gồm phỏng vấn cá nhân, cơ sở dữ liệu của chính phủ, nguồn tài liệu công khai, Hiệp hội Nhựa Việt Nam (VPA), Tổng cục Hải quan Việt Nam, Phòng Thống kê LHQ (UN Comtrade), đơn vị tái chế, doanh nghiệp nhựa, thương hiệu, và Chi hội

Nhựa Tái sinh (VPRA). Dữ liệu được sử dụng để tham khảo và kiểm tra chéo với công suất đã xác nhận của các đơn vị tái chế chính thức, ước tính công suất tái chế của các đơn vị tái chế chính thức và không chính thức và làng nghề, và so sánh với tỷ lệ CFR được xác định cho Việt Nam theo các nghiên cứu của Công ty GA Circular trước đây. MFA cho mỗi loại nhựa và dữ liệu giá nhựa được sử dụng để phân tích tác động kinh tế của tái chế liên quan đến giá trị được giải phóng và giá trị tối đa tiềm năng có thể được giải phóng. Giải thích chi tiết về các công cụ phân tích dòng nguyên vật liệu và phân tích thất thoát giá trị vật liệu được cung cấp tại Mục 2.1.

Phân tích MFA và phân tích giá trị vật liệu được hoàn thiện và trình bày trong hội thảo tham vấn các bên liên quan trực tuyến lần hai ngày 29/1/2021. Mục tiêu của hội thảo này là thảo luận và xác nhận các phát hiện và can thiệp chính được đề xuất trong nghiên cứu để hoàn thiện hơn nữa các phát hiện và khuyến nghị. Đại biểu tham gia đại diện cho các tổ chức thuộc khu vực nhà nước và tư nhân, và đã cung cấp thông tin đầu vào có giá trị.

Tóm lại, nghiên cứu được thực hiện với những nguồn thông tin và công cụ sau:

- Các báo cáo và bài trình bày công bố công khai của các tổ chức liên quan thuộc khu vực tư nhân và các cơ quan ban ngành thuộc chính phủ
- Phòng vấn chuyên sâu 58 người có liên quan thuộc khu vực tư nhân (tham khảo Phụ lục 3A để biết danh sách các bên liên quan)
- Phòng vấn chuyên sâu 7 người có liên quan thuộc khu vực nhà nước, như các bên liên quan thuộc chính phủ và tổ chức phi chính phủ (tham khảo Phụ lục 3B để biết danh sách các bên liên quan)
- Hai hội thảo tham vấn chuyên sâu các bên liên quan với trên 80 đại biểu tham dự từ các tổ chức tư nhân, nhà nước, và phi chính phủ (tham khảo Phụ lục 3C để biết danh sách đại biểu tham dự)
- Phân tích dòng nguyên vật liệu và phân tích giá trị vật liệu của các loại nhựa chính được thực hiện riêng cho nghiên cứu này và được so sánh với ví dụ về phân tích tương tự trên toàn cầu
- Dữ liệu định lượng và định tính từ các bên liên quan khác nhau thuộc khu vực tư nhân, các cơ quan, ban, ngành thuộc chính phủ và đơn vị định giá trên thị trường nhựa toàn cầu

1.5 PHẠM VI NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu này là một đánh giá thị trường tập trung vào khu vực tư nhân về chuỗi giá trị ngành nhựa và thị trường tái chế ở Việt Nam với mục tiêu tổng thể là xác định các cơ hội và rào cản đối với tái chế nhựa và tuần hoàn nhựa tại Việt Nam. Trọng tâm của nghiên cứu là khía cạnh tái chế của nền kinh tế tuần hoàn nhựa để đóng vai trò đòn bẩy chuyển dịch chất thái nhựa khỏi bãi chôn lấp và môi trường và cải thiện việc đưa nhựa trở lại nền kinh tế. Các khía cạnh giảm thiểu tại nguồn và tái nạp/tái sử dụng của nền kinh tế tuần hoàn nhựa cũng được xem xét. Tuy nhiên, vì trọng tâm chính của nghiên cứu là xác định các cơ hội đầu tư có khả năng mở rộng quy mô cho khu vực tư nhân Việt Nam, là khu vực có vai trò chính trong lĩnh vực tái chế nhựa, nghiên cứu này tập trung nhiều hơn vào tái chế nhựa.

Những can thiệp và hành động được khuyến nghị trong nghiên cứu nhằm cải thiện tái chế nhựa và tuần hoàn nhựa tại Việt Nam sẽ hỗ trợ thực hiện Kế hoạch Hành động Quốc gia về Quản lý Rác thải Nhựa Đại dương đến năm 2030. Những can thiệp và hành động này cũng có thể hỗ trợ thực thi các điều khoản và xây dựng các công cụ chính sách nền tảng (vd: nghị định và thông tư) hướng dẫn Luật Bảo vệ Môi trường (Luật BVMT) bằng cách cung cấp thông tin cơ sở thiết thực cho mỗi loại nhựa và các khuyến nghị khả thi để khu vực tư nhân và chính phủ thực hiện.

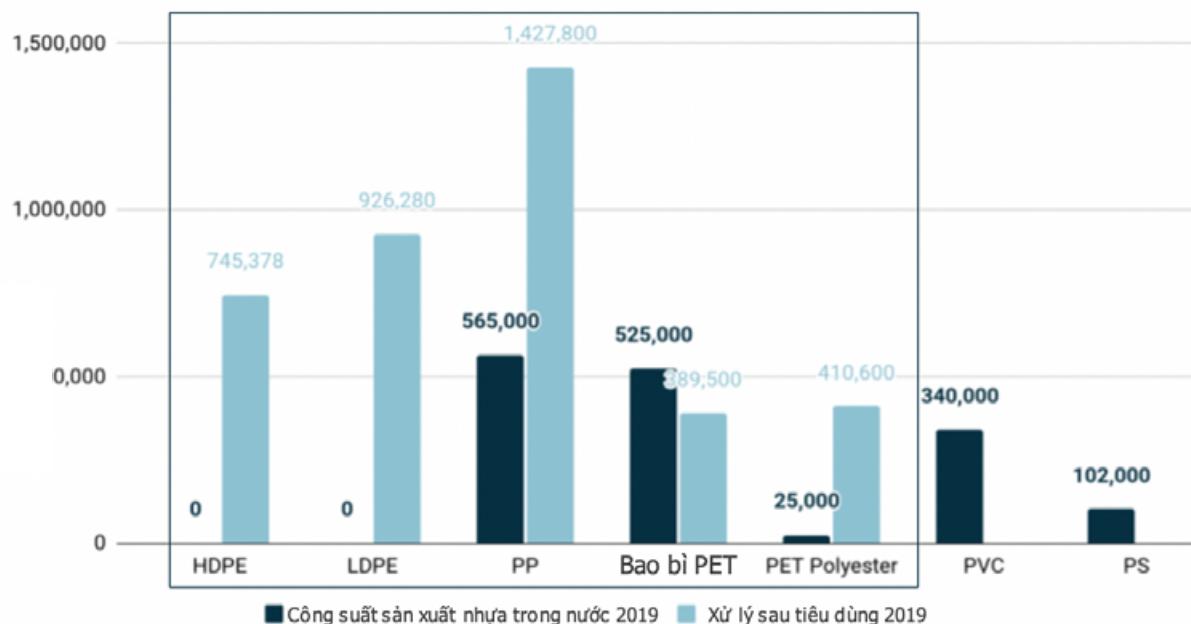
Lựa chọn các loại nhựa

Bốn loại nhựa được chọn cho nghiên cứu này là HDPE, LDPE, PP và PET (chia thành Bao bì PET và Polyester PET). Việc lựa chọn này được thực hiện dựa trên dữ liệu năm 2019 do ngành nhựa cung cấp. Như thể hiện trong Hình 4 dưới đây, PP, LDPE/LLDPE, HDPE, Bao bì PET và Polyester PET là những loại nhựa được tiêu thụ rộng rãi và phổ biến nhất tại Việt Nam.

PVC và PS không được đưa vào nghiên cứu này vì một số lý do. PVC được sử dụng rộng rãi trong ngành xây dựng để làm tấm ốp tường và khung cửa sổ, ván sàn, tấm lợp, lớp cách điện cho cáp điện, ống nước và ống nước thải. PVC cho các ứng dụng xây dựng có tuổi thọ ứng dụng rất dài (từ 10-20 năm) so với sản phẩm sử dụng một lần hoặc trong thời gian ngắn từ HDPE, LDPE, PP và PET. Ngoài ra, vì việc sử dụng nhựa PVC chủ yếu chỉ giới hạn trong ngành xây dựng, PVC được coi là chất thải xây dựng và phá dỡ và do đó, có khả năng được quản lý tốt hơn, không như HDPE, LDPE,

Hình 4.

CHI TIẾT SẢN XUẤT VÀ XỬ LÝ NHỰA SAU TIÊU DÙNG (TẤN/NĂM, 2019)



Nguồn: Mô hình của VPA và GA Circular.

Chú thích: Khối lượng xử lý sau tiêu dùng còn tính đến lượng nhựa nhập khẩu và xuất khẩu và bán thành phẩm, ngoài vẫn để tuổi thọ. Đến năm 2019, chưa có sản xuất nhựa HDPE và LDPE trong nước.

PP, và PET, được thải bỏ rộng rãi như một phần của chất thải rắn đô thị. Vì vậy, PVC không phải là thành phần đáng kể trong rác thải đại dương. Trong khi các sản phẩm PS có ứng dụng sử dụng một lần như hộp xốp đựng thực phẩm và cốc nhựa dùng một lần đang góp phần gây ra mảnh vụn nhựa trên biển, các ứng dụng của PS có thể trở thành đối tượng được điều chỉnh tại Việt Nam trong khuôn khổ lệnh cấm nhựa sử dụng một lần, công bố vào năm 2019, có khả năng thực hiện vào năm 2025³³ và đã có công nhận rộng rãi

trên toàn cầu về sự cần thiết phải loại bỏ dần việc sử dụng PS do kết quả tái chế kém và tình trạng nhiễm tạp chất của hệ thống tái chế polyolefin, vì không thể loại bỏ hoàn toàn trong quá trình phân tách chìm nổi.³⁴ Ngoài ra, các sản phẩm PS không được sử dụng rộng rãi ở Việt Nam, với mức tiêu thụ thấp hơn PET, HDPE, LDPE và PP.

33 Năm 2019, Thủ tướng Chính phủ, Nguyễn Xuân Phúc, đã công bố mục tiêu của Việt Nam phản ánh không sử dụng đồ nhựa dùng một lần vào năm 2025. Nguồn: Tuổi Trẻ News, “[Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc: Tới 2025, Việt Nam sẽ không còn đồ nhựa xài một lần](#)” (2019). Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa, giao cho Bộ TNMT “Nghiên cứu, đề xuất cơ chế hạn chế sản xuất, tiêu dùng và có lộ trình cấm sản xuất, tiêu dùng một số sản phẩm nhựa dùng một lần”.

34 Ellen MacArthur Foundation - The New Plastics Economy: Catalyzing Action (2017)

Bảng 2.

CHI TIẾT CÁC NGÀNH SỬ DỤNG NHỰA CUỐI THEO DOANH THU

| Tiêu thụ Nhựa Trong nước theo VPA (%) | | |
|---------------------------------------|------|------|
| Ngành | 2018 | 2019 |
| Bao bì | 38% | 35% |
| Xây dựng | 23% | 24% |
| Thiết bị gia dụng | 30% | 22% |
| Kỹ thuật | 9% | 19% |

Chú thích: Kỹ thuật bao gồm ngành ô tô và y tế.

Ứng dụng theo ngành

Cần thực hiện phân loại chi tiết các ngành công nghiệp sử dụng cuối để xác định hành vi tiêu dùng và những yếu tố có thể ảnh hưởng đến lượng nhựa có thể thu gom tái chế. Ví dụ, nhựa sử dụng trong ngành xây dựng thường được thu gom như chất thải công nghiệp và không đi qua hệ thống chất thải rắn đô thị. Ngoài ra, quy định về quản lý chất thải có khác biệt giữa các ngành và sản phẩm. Do đó, nghiên cứu này xem xét các quan điểm chính sách liên quan đến những ngành tiêu thụ nhựa lớn nhất.

Như thể hiện trong Bảng 2 dưới đây, Hiệp hội Nhựa Việt Nam ước tính chi tiết về các “ngành” năm 2019 theo doanh thu: 35% bao bì, 24% xây dựng, 22% thiết bị gia dụng, và 19% kỹ thuật (bao gồm ngành ô tô và y tế).

Cách phân loại chi tiết do VPA cung cấp không theo phân loại ngành truyền thống, tức là ngành điện và điện tử không được coi là ngành riêng và thay vào đó được hiểu là nằm trong “ngành” thiết bị gia dụng.

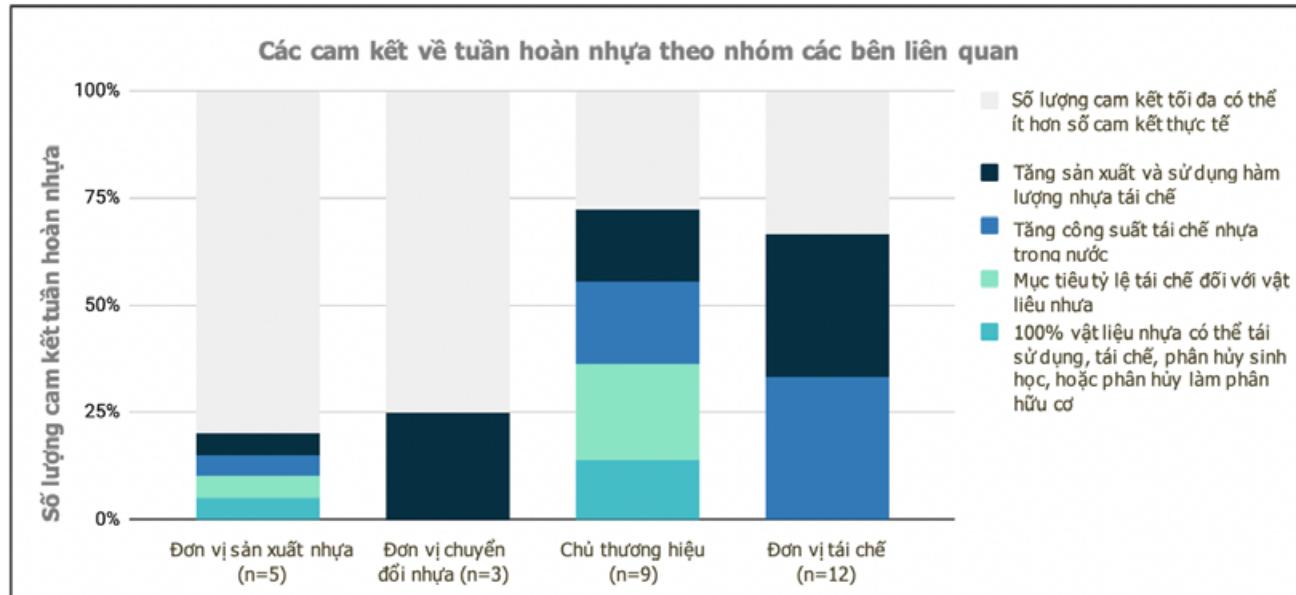
Dựa trên dữ liệu này, các ngành bao bì, xây dựng, điện tử, và ô tô đã được chọn cho phần đánh giá chính sách của nghiên cứu. Ngoài ra, dựa trên phân tích dữ liệu về Polyester PET và trao đổi với VPA, ngành sợi filament được chọn cho phân tích chính sách. Nhựa được tiêu thụ trong tất cả các ngành công nghiệp sử dụng cuối ở Việt Nam đã được đánh giá trong phân tích dòng nguyên vật liệu và phân tích kinh tế của nghiên cứu.



Photo: www.unplash.com

HÌNH 5.

CAM KẾT VỀ TUẦN HOÀN NHỰA THEO NHÓM CÁC BÊN LIÊN QUAN



Chú thích: Các bên liên quan được sắp xếp từ trái sang phải theo chuỗi giá trị ngành nhựa.

1.6 CAM KẾT TUẦN HOÀN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG CHUỖI GIÁ TRỊ NGÀNH NHỰA

Các bên liên quan trong chuỗi giá trị ngành nhựa tại Việt Nam đã có hành động trước nhận thức cao hơn của cộng đồng và xã hội dân sự về tác động môi trường của tình trạng chưa quản lý nhựa phù hợp theo nhiều cách khác nhau. Ví dụ, chủ sở hữu các thương hiệu toàn cầu và các nhà sản xuất bao bì đã thành lập Tổ chức Trách nhiệm Nhà sản xuất của ngành với tên gọi Liên minh Tái chế Bao bì Việt Nam (PRO) để tăng tỷ lệ thu gom rác thải và phối hợp với chính phủ để xây dựng chương trình EPR. Nhóm nghiên cứu đã rà soát các cam kết về tuần hoàn được công bố công khai của các bên liên quan chính trong chuỗi giá trị ngành nhựa Việt Nam, có thể được phân thành bốn nhóm sau:

- Tăng sử dụng hàm lượng nhựa tái chế
- Tăng công suất tái chế nhựa trong nước
- Tiến tới 100% vật liệu nhựa có thể tái sử dụng, tái chế, phân hủy sinh học, hoặc phân hủy làm phân hữu cơ
- Mục tiêu về tỷ lệ tái chế (tỷ lệ thu gom tái chế) đối với vật liệu nhựa

Mặc dù việc rà soát này không phân tích quy mô hoặc hiệu quả của các cam kết, rà soát vẫn có giá trị

hữu ích trong việc xác định định hướng của ngành và những loại cam kết khác nhau của các bên liên quan.

Như có thể thấy trong Hình 5 trên đây, chủ sở hữu thương hiệu đưa ra tỷ lệ cam kết cao nhất, vì đây là nhóm đối mặt nhiều nhất với người tiêu dùng, đồng nghĩa với việc nhóm này có động lực đáng kể nhất trong thực hiện cam kết để thu hút người tiêu dùng. Các đơn vị tái chế có tỷ lệ cam kết cao thứ hai vì tái chế là hoạt động kinh doanh chính của nhóm này. Tuy nhiên, điều quan trọng cần lưu ý là cam kết số 3 (Tiến tới 100% vật liệu nhựa có thể tái sử dụng, tái chế, phân hủy sinh học, hoặc phân hủy làm phân hữu cơ) và cam kết số 4 (Mục tiêu tỷ lệ tái chế đối với vật liệu nhựa) không áp dụng cho ngành này và không được tính vào tỷ lệ cam kết về tuần hoàn.

Rà soát này cho thấy các chủ sở hữu thương hiệu và đơn vị tái chế là những đơn vị có khả năng ảnh hưởng lớn nhất đến sự thay đổi, tiếp theo là các đơn vị chuyển đổi và đơn vị sản xuất nhựa, đối với sự tham gia vào tuần hoàn nhựa ở Việt Nam của khu vực tư nhân trong tương lai. Mặc dù các đơn vị sản xuất nhựa hiện có tỷ lệ cam kết về tuần hoàn thấp nhất, nhưng đơn vị này có thể đóng vai trò quan trọng. Nhóm này hiện đang sản xuất hơn 1 triệu tấn nhựa nguyên sinh và đang phát triển thêm 2,6 triệu tấn công suất. Do đó, việc cải thiện cam kết và đầu tư cho tuần hoàn nhựa sẽ có tác động đáng kể đối với tuần hoàn nhựa trong nước.

1.7 HẠN CHẾ CỦA NGHIÊN CỨU VÀ CƠ HỘI CHO NGHIÊN CỨU TRONG TƯƠNG LAI

Nghiên cứu này được thực hiện phù hợp với các mục tiêu và phạm vi đã thiết lập nhưng còn có hạn chế do chưa có nhiều dữ liệu trong một số trường hợp nhất định. Do đó, những hạn chế này là cơ hội để thực hiện các nghiên cứu tiếp theo dựa trên nghiên cứu này, như đề cập trong Bảng 3 dưới đây.

Bảng 3.

HẠN CHẾ CỦA NGHIÊN CỨU VÀ HÀNH ĐỘNG ĐỀ XUẤT ĐỂ GIẢI QUYẾT

| Chủ đề | Chi tiết | Cơ hội cho nghiên cứu trong tương lai dựa trên các chủ đề đã xác định |
|--|--|--|
| Các loại nhựa là trọng tâm nghiên cứu và chi tiết về phạm vi trong các MFA | <p>Nhu cầu đề cập tại mục 1.5, bốn loại nhựa được chọn là trọng tâm của nghiên cứu này bao gồm PET (cà Bao bì PET và Polyester PET), PP, LDPE và HDPE. Do đó, các MFA chỉ được thực hiện cho bốn loại nhựa chính này. Mục tiêu của các MFA này là cung cấp ước tính mang tính định hướng về tỷ lệ tái chế đối với những loại nhựa này và không nhằm tính đến mỗi tần nhựa được sản xuất, tiêu thụ hoặc tái chế tại Việt Nam.</p> <p>Mặc dù bao bì màng ghép (vd: túi ép) cũng là một loại bao bì ở Việt Nam, loại bao bì này chưa được thu gom thương mại để tái chế ở quy mô lớn như vật liệu cứng và bao bì màng đơn. Do các giải pháp đầu tư của khu vực tư nhân có khả năng mở rộng quy mô để tái chế những loại bao bì màng ghép đa vật liệu này chưa được thương mại hóa ở Việt Nam hay Đông Nam Á, việc phân loại các loại nhựa chủ yếu thành các loại nhựa dẻo đa lớp, đa vật liệu và đánh giá riêng về phân tích giá trị vật liệu đối với loại vật liệu dẻo này không thuộc phạm vi của nghiên cứu.</p> <p>Phân loại chi tiết giữa chôn lấp, thu hồi năng lượng, và rò rỉ không thuộc phạm vi nghiên cứu. Tương tự, đánh giá nhiệt trị chi tiết của túi ép và lộ trình thu hồi năng lượng của vật liệu dẻo cũng không thuộc phạm vi nghiên cứu.</p> | <p>Đánh giá hàng năm của các MFA đối với bốn loại nhựa sẽ cung cấp cho ngành công nghiệp nhựa Việt Nam hiểu biết sâu sắc về lộ trình hướng tới tuần hoàn.</p> <p>Do phần lớn vật liệu dẻo hiện nay chưa được thu gom để thu hồi năng lượng hoặc tái chế, MFA chi tiết cho nhựa dẻo đa lớp, đa vật liệu tương tự MFA thực hiện cho một loại nhựa trong nghiên cứu này dự kiến sẽ không mang lại lợi ích đáng kể trừ khi những can thiệp khác nhau liên quan đến bao bì dẻo đa chất liệu (Phần 4) được đề cập cụ thể.</p> <p>Phân loại chi tiết giữa chôn lấp, thu hồi năng lượng, và tỷ lệ rò rỉ sẽ cung cấp hiểu biết về mức độ chuyển dịch khỏi bãi chôn lấp và giảm bớt rò rỉ.</p> |
| Dữ liệu Mã HS cho xuất nhập khẩu nhựa và các sản phẩm nhựa | Dữ liệu xuất/nhập khẩu nhựa và bán thành phẩm sử dụng dữ liệu của chính phủ (Tổng cục Hải quan Việt Nam). Dữ liệu này đã được phân tích đổi chiều với dữ liệu ngành, Phòng Thống kê LHQ (thương mại toàn cầu) và các nguồn dữ liệu khác. Tuy nhiên, có những thách thức có hữu liên quan đến độ chính xác của dữ liệu được báo cáo thông qua Mã HS chung. Lượng nhựa/bán thành phẩm/sản phẩm được ghi nhận trong dữ liệu của chính phủ thường không theo đơn vị trọng lượng (tấn hoặc kg) và thường được ghi là số tần/mặt hàng. | Có thể thực hiện hành động để chuẩn hóa việc báo cáo dữ liệu hải quan trong đó lượng nguyên vật liệu nhập khẩu/xuất khẩu được ghi nhận bằng một đơn vị duy nhất (vd: tấn hoặc kg). Tham chiếu hành động 19 tại Mục 4.3 (F). |

| Chủ đề | Chi tiết | Cơ hội cho nghiên cứu trong tương lai dựa trên các chủ đề đã xác định |
|-----------------------------------|---|--|
| Xuất nhập khẩu nhựa và thành phẩm | <p>Dữ liệu về sản xuất và nhập khẩu nhựa PET, PE, PP mang tính đại diện vì những tập hợp dữ liệu này được tiếp nhận từ tất cả các nguồn/nhà sản xuất nhựa lớn trong ngành.</p> <p>Tái chế nhựa còn tương đối phân tán, chỉ có một vài đơn vị tái chế vừa và lớn và nhiều đơn vị tái chế nhỏ (chính thức và không chính thức). Các đơn vị tái chế vừa và lớn đồng ý tham gia nghiên cứu này đã được phỏng vấn, và ước tính tốt nhất về các đơn vị tái chế nhỏ đã được thực hiện thông qua phỏng vấn một số đơn vị tái chế nhỏ, cung cấp ước tính của VPRA, nghiên cứu tài liệu, và phản hồi nhận được từ các đơn vị tái chế.</p> <p>Dữ liệu về xuất nhập khẩu thành phẩm từ PET, PP, HDPE và LDPE/LLDPE không được tính đến do không có dữ liệu và tình trạng kém chắc chắn đáng kể khi cố gắng tính toán khối lượng nhựa trong thành phẩm. Nỗ lực chi tiết đã được thực hiện cùng với VPA để thu thập dữ liệu thông tin về xuất nhập khẩu thành phẩm và xác định cấu phần nhựa của xuất nhập khẩu thành phẩm (và bao bì). Tuy nhiên, có nhiều hạn chế về sự sẵn có của dữ liệu quan trọng, bên cạnh tình trạng thiếu chính xác khi xác định thành phần nhựa của xuất nhập khẩu thành phẩm.</p> <p>Dựa trên phỏng vấn các bên liên quan, Việt Nam là quốc gia xuất khẩu ròng thành phẩm. Tác động của việc này là tiêu thụ thực tế và xử lý sau sử dụng có thể sẽ thấp hơn một chút và việc đánh giá thất thoát giá trị vật liệu sẽ bị tăng nhẹ. Mặc dù việc tiêu thụ và xử lý theo MFA được cho là bị tăng nhẹ do không tính đến thành phẩm, nghiên cứu này vẫn cung cấp hiểu biết rõ ràng về hiện trạng (ví dụ, lượng tiêu thụ và xử lý nhựa ước tính, thiếu nhu cầu sản phẩm tái chế, thiếu công suất tái chế) để cân nhắc khi xây dựng chính sách/quy định hiệu quả, v.v... Việc thu gom thêm dữ liệu về tiêu thụ thành phẩm không có vai trò tối quan trọng trong việc xây dựng các chính sách/quy định hiệu quả.</p> | <p>Sẽ rất khó xác định mức tiêu thụ thành phẩm vì: (i) có hàng nghìn chủ sở hữu thương hiệu trong tất cả các ngành cần chia sẻ dữ liệu để biến dữ liệu thành tập dữ liệu đại diện, (ii) chủ sở hữu thương hiệu đạt mức độ bảo mật cao đối với dữ liệu đó, và (iii) ngay cả khi có dữ liệu, việc tính toán khối lượng nhựa trong thành phẩm rất phức tạp và tương đối không chính xác.</p> <p>Do đó, nỗ lực xác định mức tiêu thụ thành phẩm là mục tiêu cần đạt được trong từ 5 - 10 năm thông qua khung báo cáo bắt buộc về nhựa (tham chiếu hành động 29 trong Mục 4.3 (H)).</p> |
| Tuổi thọ của sản phẩm nhựa | Việc xử lý nhựa trong tương lai/quá khứ được tính toán theo mô hình mà nghiên cứu này xây dựng dựa trên các nguồn dữ liệu ngành trong khu vực cho các ứng dụng sử dụng trong ngành và tuổi thọ. | Nghiên cứu trong tương lai có thể xây dựng mô hình tuổi cụ thể cho ngành nhựa Việt Nam; tuy nhiên, thông tin này dự kiến chỉ có tác động tối thiểu (<5%) đối với số liệu xử lý sau sử dụng cuối cùng. |

| Chủ đề | Chi tiết | Cơ hội cho nghiên cứu trong tương lai dựa trên các chủ đề đã xác định |
|--|---|--|
| Phân tích lợi nhuận của hoạt động tái chế hạt nhựa | <p>Phân tích giá trị vật liệu được thực hiện trong nghiên cứu này không nhằm mục đích phân tích lợi nhuận hoặc kinh tế cho việc tái chế từng loại nhựa. Phân tích lợi nhuận sẽ làm sáng tỏ những lợi ích bổ sung mà các hoạt động hoặc ưu đãi trong chuỗi giá trị ngành nhựa sẽ mang lại so với chi phí bổ sung mà các hoạt động hoặc ưu đãi đó phát sinh. Phân tích lợi nhuận như vậy cũng phù hợp để giải quyết tỷ lệ CFR rất thấp, trừ CFR của nhựa PET, là động lực chính để giải phóng giá trị. Từ khía cạnh kinh doanh, phân tích sẽ thể hiện giá trị ròng trên cơ sở xem xét chi phí và biên lợi nhuận. Các đơn vị tái chế tham gia nghiên cứu này rất miên cưỡng khi chia sẻ thông tin nhạy cảm về giá cả hoặc chi phí hoạt động chi tiết.</p> | <p>Nhóm nghiên cứu đề xuất phân tích lợi nhuận đối với các chỉ số kinh tế của tái chế cho từng trường hợp trong khuôn khổ nghiên cứu tiền khả thi, chuyên sâu do các nhà đầu tư trong lĩnh vực quản lý chất thải hoặc tái chế thực hiện.</p> |
| Đánh giá chi phí QLCTR | <p>Đánh giá một cách hệ thống về cơ sở hạ tầng QLCTR quốc gia, chi phí hoạt động của công tác QLCTR, và xác định liên hệ giữa khu vực phi chính thức và QLCTR, không thuộc phạm vi của nghiên cứu này. Trường hợp có dữ liệu, nghiên cứu thứ cấp hoặc nghiên cứu trong quá khứ của Công ty GA Circular tại Việt Nam và các nguồn thông tin trực tuyến khác về khu vực phi chính thức đã được sử dụng để xác định vai trò của khu vực phi chính thức trong việc thu gom rác tái chế và giải quyết các thách thức để công nhận và tích hợp khu vực phi chính thức một cách hiệu quả hơn.</p> | <p>Đánh giá chi tiết về cơ sở hạ tầng QLCTR và chi phí QLCTR trong bối cảnh tuân hoàn nhựa có thể được thực hiện trong nghiên cứu tiếp theo đánh giá thị trường này.</p> |
| Tác động của COVID-19 đối với hoạt động tái chế | <p>Toàn bộ dữ liệu được sử dụng trong MFA trong nghiên cứu này là dữ liệu cho năm 2019 vì đây là bộ dữ liệu hoàn chỉnh nhất có sẵn vào tháng 9/2020 khi nghiên cứu này bắt đầu. Do đó, dữ liệu không phản ánh thay đổi đáng kể trong hoạt động tái chế do COVID-19. Đại dịch COVID-19 đã gây ra những trở ngại nghiêm trọng cho phong trào xử lý rác thải nhựa toàn cầu hiện nay, vì các đơn vị tái chế ở một số quốc gia, trong đó có Việt Nam, ghi nhận cầu sản phẩm giảm trung bình 50%, giá bán hàng giảm 21%, và nhiều đơn vị tái chế và doanh nghiệp trong chuỗi giá trị ngành nhựa có nguy cơ mất khả năng thanh toán. Nghiên cứu này bắt đầu sau đỉnh điểm của đại dịch COVID-19 ở Việt Nam, và theo quan sát thì đại dịch đã gây gián đoạn hoạt động kinh doanh của hầu hết các doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị tái chế. Một số bên liên quan không có mặt để tham gia nghiên cứu này do gián đoạn liên tục do COVID-19 gây ra cho doanh nghiệp, đặc biệt các doanh nghiệp thuộc chuỗi giá trị tái chế. Ngoài ra, do hạn chế đi lại, một số cuộc phòng vấn đã được thực hiện trực tuyến. Vì đại dịch và tác động của đại dịch vẫn đang diễn biến, phân tích giá trị vật liệu thực hiện trong nghiên cứu này không phản ánh tác động kinh doanh của COVID-19 đối với lĩnh vực tái chế nhựa. Tuy nhiên, thông tin chi tiết về tác động của COVID-19, đặc biệt là suy thoái kinh tế và giá dầu/nhựa nguyên sinh thấp hiện tại và dự kiến trong tương lai, đã được tính đến.</p> | <p>Nên tham khảo các nghiên cứu được thực hiện về tác động của COVID-19 đối với lĩnh vực tái chế³⁵ và lĩnh vực quản lý chất thải³⁶ trong khi cân nhắc đầu tư vào các lĩnh vực này ở Việt Nam.</p> |

35 GA Circular & Circulate Capital - [Safeguarding the Plastic Recycling Value Chain \(2020\)](#)

36 IFC - [COVID-19's Impact on the Waste Sector \(2020\)](#)

1.8 Các nghiên cứu khác về quản lý chất thải nhựa ở Việt Nam

Một nghiên cứu có tiêu đề “Hướng dẫn Quốc gia về Xác định Điểm nóng Ô nhiễm Nhựa và Xây dựng Hành động: Điểm nóng của Việt Nam” do IUCN và UNEP phối hợp thực hiện vào năm 2019/20 đã thực hiện phân tích dòng nguyên vật liệu tập trung vào bảy loại nhựa ở Việt Nam. Mục tiêu của nghiên cứu là xác định các điểm nóng về ô nhiễm nhựa ở Việt Nam, tập trung vào 5 nhóm nóng sau: polymer nhựa, ứng dụng nhựa, ngành, khu vực, và chuỗi giá trị ngành nhựa.

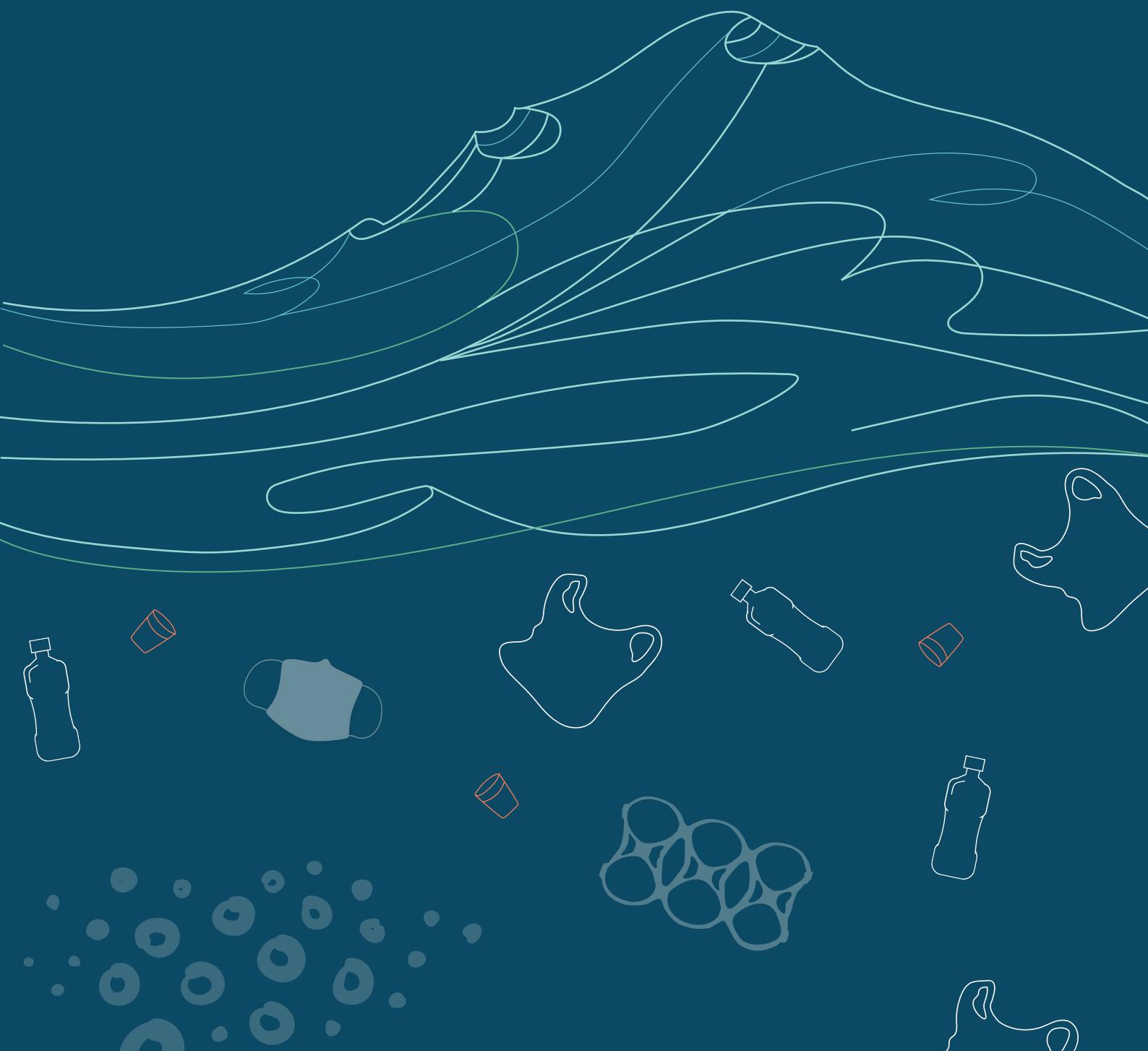
Nghiên cứu của IUCN/UNEP và nghiên cứu này khác nhau về mục tiêu và phương pháp luận, dẫn đến các kết quả MFA khác nhau. Điểm giống nhau giữa hai MFA là cả hai nghiên cứu đều thực hiện MFA cho các loại nhựa chủ yếu, PET, HDPE, PP, và LDPE/LDPE, và có tính đến nhập khẩu/xuất khẩu nhựa và bán thành phẩm. Nghiên cứu này được xây dựng dựa trên phương pháp MFA của IUCN/UNEP cho Việt Nam trên cơ sở hợp tác chặt chẽ với VPA. Mục đích là xác nhận sản lượng sản xuất và xuất nhập khẩu nhựa, có tính đến tuổi thọ cho lượng tiêu thụ nhựa, và sử dụng số lượng đang kể các cuộc phỏng vấn và thu thập dữ liệu của

VPRA và đơn vị tái chế. Nghiên cứu này không bao gồm nhập khẩu và xuất khẩu thành phẩm do lo ngại về độ tin cậy của dữ liệu. Việc xem xét kỹ dữ liệu của các đơn vị tái chế, bao gồm cả công suất tái chế và sử dụng thực tế, và tính đến thất thoát trong sản xuất và xuất khẩu ròng bán thành phẩm có ý nghĩa quan trọng then chốt đối với nghiên cứu này. Dữ liệu của đơn vị tái chế cần có mức độ chi tiết hơn như vậy để có được hiểu biết về các rào cản và cơ hội cụ thể đối với tái chế nhựa, bao gồm cả các khoản đầu tư. Kết quả của nghiên cứu IUCN/UNEP tập trung vào việc xác định các điểm nóng về ô nhiễm nhựa. Phụ lục 4 cung cấp thông tin chi tiết về những điểm giống và khác nhau về phương pháp luận giữa nghiên cứu của IUCN/UNEP và nghiên cứu này.

WWF Việt Nam, cùng với Cyclos, Intectus GmbH, và Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, gần đây đã thực hiện một nghiên cứu có tiêu đề “Đánh giá cơ chế EPR đối với chất thải bao bì tại Việt Nam”. Nghiên cứu này dự kiến có một cấu phần phân tích dòng nguyên vật liệu để đưa ra các khuyến nghị về EPR, nhưng cấu phần phân tích này chưa được thực hiện do Covid-19.

PHẦN 2:

VIỆT NAM THẤT THOÁT 75% GIÁ TRỊ VẬT LIỆU NHỰA PET, PP, HDPE, VÀ LDPE TIÊU THỤ NĂM 2019



PHẦN 2:

VIỆT NAM THẤT THOÁT 75% GIÁ TRỊ VẬT LIỆU NHỰA PET, PP, HDPE, VÀ LDPE TIÊU THỤ NĂM 2019

Mục 2.1 giới thiệu hai công cụ được sử dụng để đánh giá hiện trạng tuần hoàn nhựa của Việt Nam cho từng loại nhựa - phân tích dòng nguyên vật liệu (MFA) và phân tích thất thoát giá trị vật liệu. Mục 2.2 sử dụng hai công cụ này để phân tích chi tiết từng loại nhựa. Mục này cũng nêu bật các phát hiện liên quan đến cải thiện tuần hoàn. Mục 2.3 tóm tắt MFA và phân tích giá trị vật liệu của tất cả các loại nhựa là trọng tâm của nghiên cứu này.

2.1 CÁC CÔNG CỤ ĐƯỢC SỬ DỤNG ĐỂ ĐÁNH GIÁ TUẦN HOÀN NHỰA

Phân tích dòng nguyên vật liệu (MFA)

MFA được thực hiện cho từng loại nhựa trong phạm vi nghiên cứu này bao gồm khối lượng nhựa, đi qua từng giai đoạn của chuỗi giá trị từ sản xuất nhựa đến thái bò, và cuối cùng tới các điểm đến sau tiêu dùng. Phân tích này giúp hình dung khối lượng nhựa đi qua các giai đoạn khác nhau và cho phép hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến tuần hoàn ở mỗi giai đoạn.

MFA, như thể hiện trong Hình 6 trên đây, có thể được phân tích theo ba giai đoạn từ trái sang phải: sản xuất, thái bò, và sau tiêu dùng. MFA bắt đầu với lượng nhựa được sản xuất. Giá định là nhập khẩu và xuất khẩu loại nhựa này và các bán thành phẩm của loại nhựa này sẽ được cộng vào tổng lượng sản phẩm nhựa tiêu thụ trong nước.³⁷ Tổng lượng sản phẩm nhựa tiêu thụ trong nước đại diện cho 100% lượng có thể tái chế cho loại nhựa đó.

Ở giai đoạn thái bò, sản phẩm nhựa được thu gom để tái chế hoặc thái bò tại bãi chôn lấp (sử dụng để thu hồi năng lượng hoặc rò rỉ ra môi trường). Tuổi thọ của sản phẩm nhựa cũng được xem xét bằng cách loại bỏ những sản phẩm sản xuất năm 2019 nhưng sẽ thái bò trong những năm trong tương lai, bao gồm cả các sản phẩm sản xuất trước năm 2019 và thái bò vào năm 2019. Số liệu này được tính toán như sau: trước tiên, tỷ lệ vật liệu thái bò vào năm 0 (năm sản xuất) cho đến cuối tuổi thọ được xác định bằng cách ước tính tuổi thọ điển hình của sản phẩm nhựa cho từng ứng dụng cuối cùng và tỷ lệ ứng dụng cuối cùng cho mỗi loại nhựa (tham khảo Phụ lục 5 để có thêm chi tiết).

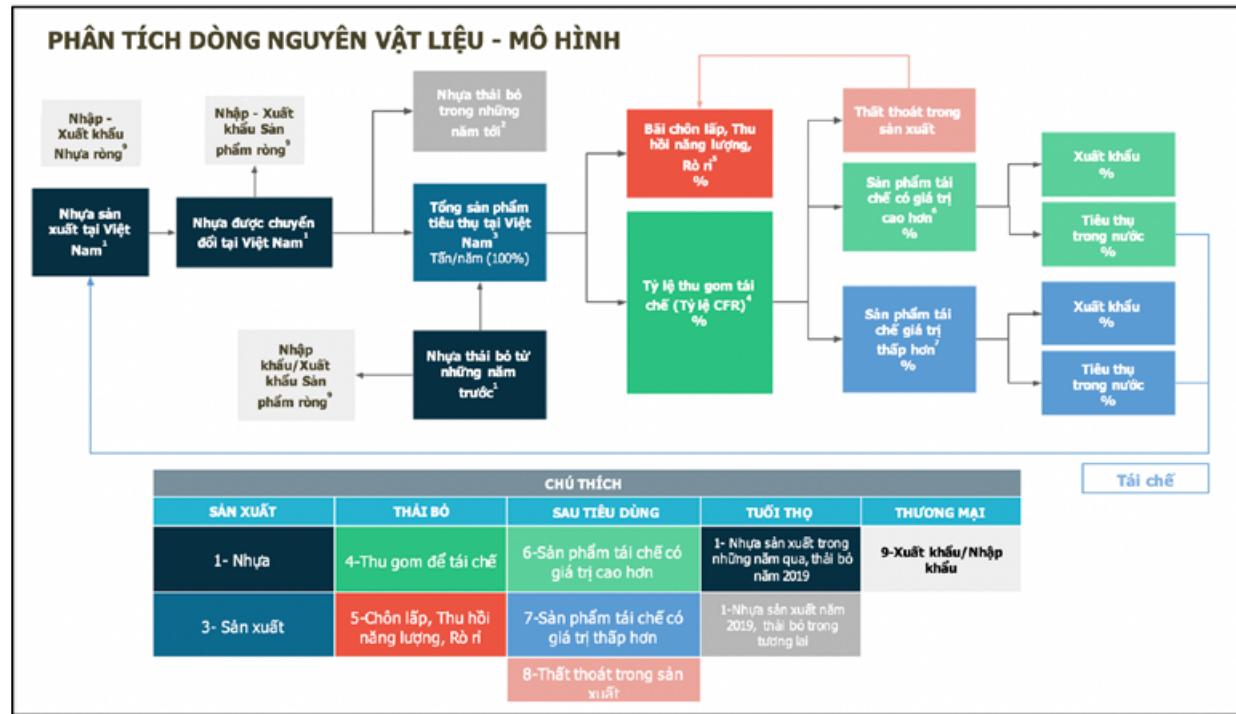
Thứ hai, sử dụng đường cong phân phối chuẩn, thể hiện tuổi thọ bình quân (tham khảo Phụ lục 5) và số liệu sản lượng ước tính trong quá khứ của các loại nhựa chủ yếu ở Việt Nam,³⁸ tính số lượng sản phẩm nhựa thái bò năm 2019 nhưng sản xuất trước 2019. Việc tính toán được thực hiện bằng cách nhân lượng nhựa tiêu thụ

37 Chi tiết hơn về các Mã HS được sử dụng trong tính toán được cung cấp tại Phụ lục 6A.

38 Ước tính sử dụng tốc độ tăng trưởng được tính toán từ dữ liệu thu thập được trong một nghiên cứu gần đây của Ngân hàng Thế giới và do Viện Nhựa Việt Nam (PIT) cung cấp để làm dữ liệu thay thế vì không có dữ liệu tương ứng cho Việt Nam

Hình 6.

PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH DÒNG NGUYÊN VẬT LIỆU (MFA) SỬ DỤNG CHO MỖI LOẠI NHỰA



trong mỗi năm với tỷ lệ sản phẩm tương ứng ước tính sê thải bô năm 2019. Sau đó, số liệu mỗi năm sau đó được cộng để tính số lượng cuối cùng ước tính sê thải bô năm 2019. Cuối cùng, loại bô tỷ lệ nguyên vật liệu được sản xuất năm 2019 nhưng ước tính sê thải bô trong những năm tới để có số liệu cuối cùng về tổng lượng nhựa thải bô năm 2019 là sản phẩm cuối cùng.

Tỷ lệ CFR, thất thoát trong sản xuất, và sản phẩm tái chế sau đó được thể hiện trong phần cuối cùng bên phải (sau tiêu dùng/tái chế). Tỷ lệ CFR biểu thị số tấn hoặc tỷ lệ phần trăm một loại nhựa cụ thể được thu gom thông qua lĩnh vực thu gom chính thức và không chính thức của quốc gia. Sau đó, lượng nhựa này được bán cho các đơn vị chế biến và/hoặc tái chế trong nước hoặc xuất khẩu. Tỷ lệ CFR đã tính đến việc loại bô chất gây ô nhiễm và các loại nhựa và vật liệu khác, không phải là loại nhựa thuộc đối tượng nghiên cứu. Thuật ngữ “thu gom tái chế” được sử dụng vì hai lý do. Thứ nhất, khi nhập khẩu và xuất khẩu vật liệu tái chế, tỷ lệ CFR biểu thị lượng thu gom trong nước, sau đó bán cho đơn vị chế biến/tái chế nhưng không nhất thiết trong nước. Một quốc gia có thể có tỷ lệ CFR là 75% mặc dù không tái chế vật liệu trong nước do không có ngành công nghiệp tái chế nội địa phát triển mạnh.

Thứ hai, do hiệu suất tái chế không tương đương với 100% và có chênh nhau giữa các loại nhựa do “thất thoát trong xử lý”, tỷ lệ CFR không tương đương với tỷ lệ nhựa sau sử dụng được bán từ quá trình tái chế. Mặc dù những tạp chất như bụi bẩn, nhựa khác, và kim loại được loại bỏ trong quá trình phân loại và làm sạch, lượng tạp chất này không được tính trong MFA cho mỗi loại nhựa. Do đó, tỷ lệ CFR của PET được xác định sau khi loại bỏ các tạp chất như kim loại bẩn và nhựa khác (ống bọc và nắp từ các vật liệu khác như HDPE và PP).

Phân tích thất thoát giá trị vật liệu

Phân tích thất thoát giá trị vật liệu nhựa đánh giá thất thoát giá trị khi nhựa không được tái chế thành sản phẩm tái chế có giá trị nhất (MVRP) theo kịch bản tái chế tốt nhất có thể theo bình quân giá quyền cho loại nhựa cụ thể đó, hoặc khi nhựa hoàn toàn không được tái chế, ví dụ như thải bô ở bãi chôn lấp. Phân tích thất thoát giá trị vật liệu này được thực hiện bằng công cụ MFA trên đây được sử dụng cho từng loại nhựa.

Hình 7 thể hiện bằng hình ảnh phương pháp tính toán sử dụng để tính giá trị vật liệu được giải phóng. Việc này được thực hiện dựa trên tính toán hai giá trị chính sau: Thứ nhất, tỷ lệ thu gom tái chế (CFR), biểu thị trên trục x, và thứ hai, hiệu suất thu hồi giá trị (tích



Photo: Phonix_a Pk.sarote - Shutterstock

của hiệu suất khói lượng và hiệu suất giá), biểu thị trên trực y. Giá trị được giải phóng thông qua tái chế được biểu thị bằng kích thước của các ô màu xanh. Tất cả các khu vực ngoài ô màu xanh thể hiện giá trị tái chế thất thoát. Mũi tên đỏ biểu thị sức ép làm giảm giá trị được giải phóng, tức là sức ép thông qua tỷ lệ CFR thấp hơn và hiệu suất thu hồi giá trị thấp hơn.

Thể hiện bằng đồ họa minh họa trong Hình 7 được chuẩn hóa và phát triển dựa trên phương pháp luận của Quỹ Ellen MacArthur để đánh giá giá trị vật liệu thất thoát từ các ứng dụng bao bì nhựa dùng một lần trên toàn cầu.³⁹ Phương pháp đã được điều chỉnh cho nghiên cứu này để minh họa cả thất thoát trong sản xuất và thất thoát về giá của mỗi loại nhựa. Phương pháp phân tích giá trị vật liệu mô tả trong Hình 7 không bao gồm chi phí tiết kiệm được do không phải thu gom và xử lý nhựa không tái chế dưới dạng chất thải trong hệ thống thu gom CTRDT, hoặc chi phí thiết lập và vận hành cơ sở hạ tầng quản lý chất thải rắn đô thị để hỗ trợ quá trình chuyển đổi hướng đến tuần hoàn nhựa. Do đó, phân tích này có mục tiêu chỉ

ra những lợi ích tiềm tàng từ tái chế nhựa chứ không phải cơ hội “ròng”. Điều này phù hợp với phương pháp luận do Quỹ Ellen MacArthur sử dụng, không tính đến chi phí đầu tư ban đầu, chi phí vận hành cho các phương thức tuần hoàn hướng đến quản lý chất thải rắn, hoặc tiết kiệm chi phí thông qua giảm thu gom và xử lý chất thải nhựa.

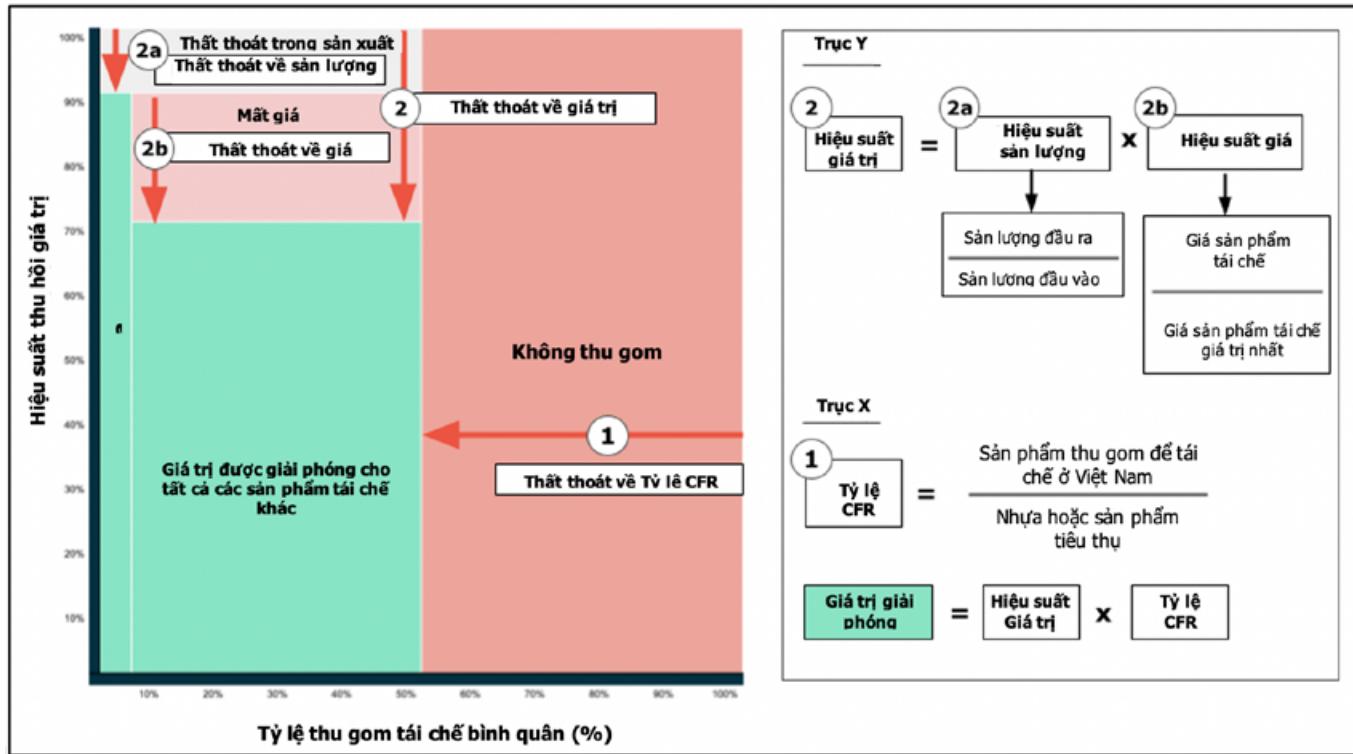
Mặc dù thực tế không thể đạt được tỷ lệ 100% cho CFR và hiệu suất thu hồi giá trị, tỷ lệ 100% được sử dụng cho cả hai trực chỉ cho mục đích minh họa vì các mục tiêu thường được thiết lập dựa trên 100% nguyên vật liệu/đầu vào thị trường. Giải thích thêm về việc sử dụng con số 100%, mục tiêu của chính phủ Việt Nam là “100% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các trung tâm đô thị được thu gom và xử lý, 90% trong số đó được tái chế, tái sử dụng, thu hồi năng lượng, hoặc sử dụng cho mục đích sản xuất phân bón hữu cơ” theo Chiến lược Quốc gia về Quản lý Tích hợp Chất thải Rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.⁴⁰

39 Ellen MacArthur Foundation New Plastics Economy: Rethinking the Future of Plastics (2016)

40 Asem Connect, “[National Strategy for integrated solid waste management to 2025, vision to 2050](#)” (2017)

Hình 7.

TỔNG QUAN VỀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TÍNH TOÁN TỔN THẤT GIÁ TRỊ VẬT LIỆU



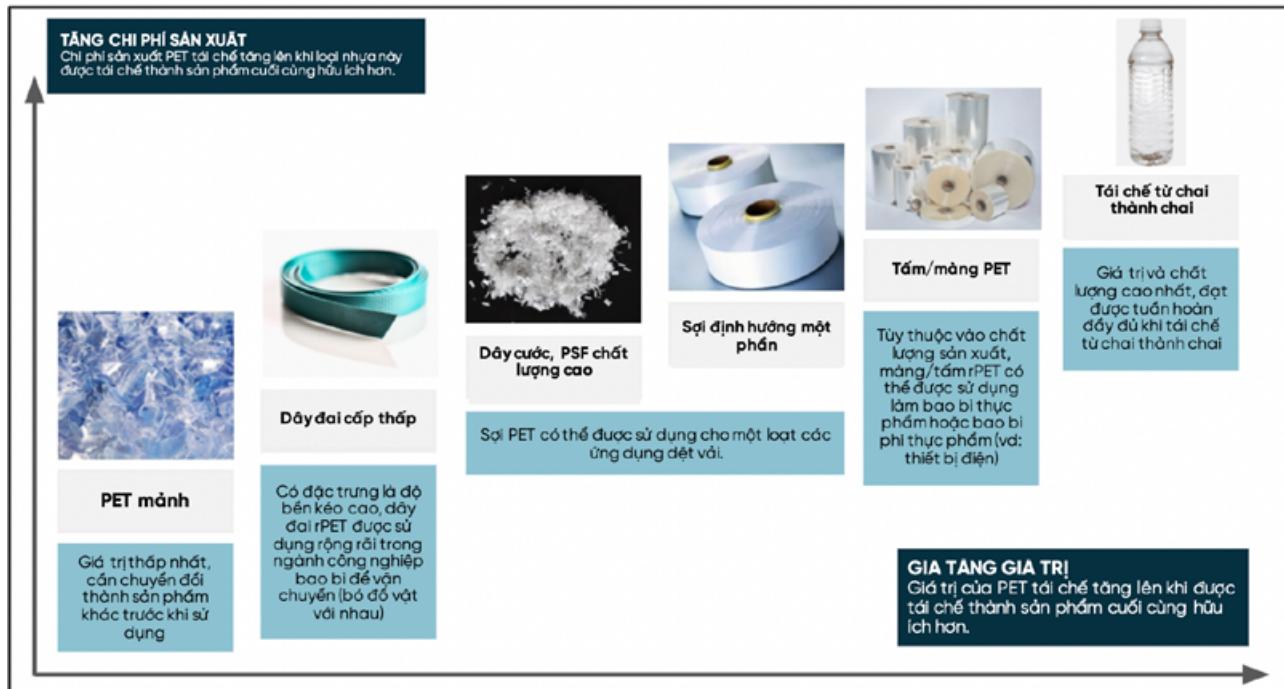
Các tiêu chí sau được áp dụng để bảo đảm mức giá đáng tin cậy và nhất quán cho các sản phẩm tái chế: (a) giá phải mang tính đại diện cho ngành;⁴¹ b) giá phải có sẵn cho nhiều nhóm sản phẩm cuối cùng; (c) giá phải có sẵn cho tối thiểu ba tháng trong năm 2019 để có thể tính mức giá bình quân của ba tháng với mục tiêu tránh sự bất thường về giá thường xảy ra chỉ trong tháng định giá. Hiện tại, không có nguồn thông tin về giá độc lập và ở cấp ngành cho sản phẩm tái chế ở Việt Nam. Do đó, mức giá trong nước được sử dụng cho sản phẩm tái chế nếu có hai đơn vị tái chế độc lập cung cấp và cũng được so sánh với giá khu vực và toàn cầu. Lý do là nhiều sản phẩm tái chế cạnh tranh trên thị trường toàn cầu, và do đó, việc định giá toàn cầu cung cấp bức tranh toàn cảnh chính xác về cơ hội thị trường.

Thuật ngữ MVRP cho mỗi loại nhựa dùng để chỉ sản phẩm tái chế có giá trị cao nhất trên thị trường nhựa tái chế toàn cầu trong số tất cả các phương án khả thi mà loại nhựa đó có thể được tái chế. Đối với tính toán này, MVRP tính toán bình quân gia quyền của các sản phẩm tái chế khác nhau có thể. Tỷ lệ của từng loại sản phẩm tái chế thể hiện kịch bản tốt nhất về giá trị tối đa được giải phóng cho loại nhựa đó. Điều này là do sẽ không thực tế khi kỳ vọng 100% lượng nhựa được tái chế thành sản phẩm tái chế có giá trị cao nhất (vd: PET cấp thực phẩm cho bao bì PET sau tiêu dùng). Hình 8 dưới đây là ví dụ về sản phẩm tái chế từ PET có giá trị thấp nhất đến cao nhất.

41 Để mang tính đại diện cho ngành, nguồn giá phải là bất kỳ nguồn nào sau đây: (i) hiệp hội ngành, (ii) đơn vị định giá thị trường độc lập; hoặc (iii) từ 2 đơn vị tái chế độc lập trở lên.

Hình 8.

VÍ DỤ VỀ PHÂN LOẠI GIÁ TRỊ CỦA SẢN PHẨM TÁI CHẾ TỪ PET



Chú thích: Nhựa rPET từ chai thành chai là sản phẩm tái chế có giá trị cao nhất.

2.2 Các loại nhựa là trọng tâm nghiên cứu

Mục này phân tích từng loại nhựa chính với hai công cụ giải thích trên đây. Dữ liệu chi tiết được cung cấp tại các phụ lục theo thứ tự như sau. Để có thông tin chi tiết về công suất của đơn vị sản xuất nhựa, sản lượng nhựa thực tế, và công suất nhựa dự kiến bổ sung, tham khảo Phụ lục 1. Để có thông tin chi tiết về công suất tái chế bên cạnh sử dụng thực tế, tham khảo Phụ lục 8. Để có thông tin chi tiết về nguồn dữ liệu và các giả định chính cho các tính toán phân tích thất thoát giá trị vật liệu cho từng loại nhựa, tham khảo Phụ lục 7.

PET

Đặc điểm chung của PET

PET trong suốt, bền, và có đặc tính chống thâm khí và ẩm tốt. PET được sử dụng rộng rãi trong sản xuất chai nhựa đựng đồ uống, lọ đựng thực phẩm, màng

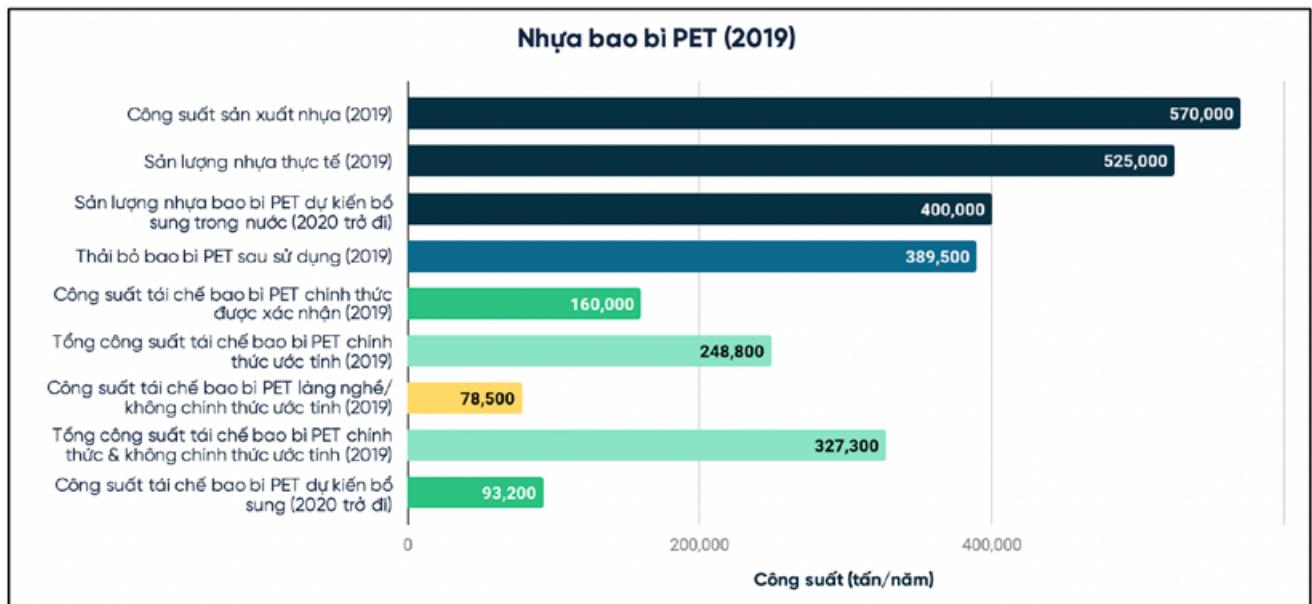
an toàn trong lò nướng và khay đựng thực phẩm có thể sử dụng trong lò vi sóng, vải, dây cuộc, thảm, dây đai, màng, và khuôn kỹ thuật. PET là loại nhựa được tái chế nhiều nhất. Có lượng cầu cao về mảnh và hạt PET đã làm sạch và tái chế trên toàn cầu để sản xuất vỏ chai nước giải khát và xơ để sản xuất sợi thảm và vải. PET có thể được tái chế thành bất kỳ sản phẩm cuối nào sau đây: rFiber để sản xuất thảm, áo khoác lông cừu, ruột nệm, túi, v.v... bằng cách sử dụng xơ sợi polyester tái chế (rPSF) và sợi định hướng một phần tái chế (rPOY). Các ví dụ khác bao gồm sử dụng rPET cấp thực phẩm để sản xuất vỏ chai nước giải khát và hộp đựng thực phẩm và rPET không thuộc cấp thực phẩm để sản xuất màng, tấm, và dây đai.

Đơn vị sản xuất và đơn vị tái chế bao bì pet, polyester ở Việt Nam

Hình 9 và 10 dưới đây thể hiện công suất và sản lượng PET nguyên sinh và công suất PET tái chế cho Bao bì PET và Polyester PET của các đơn vị sản xuất lớn và đơn vị tái chế lớn được xem xét trong nghiên cứu.

Hình 9.

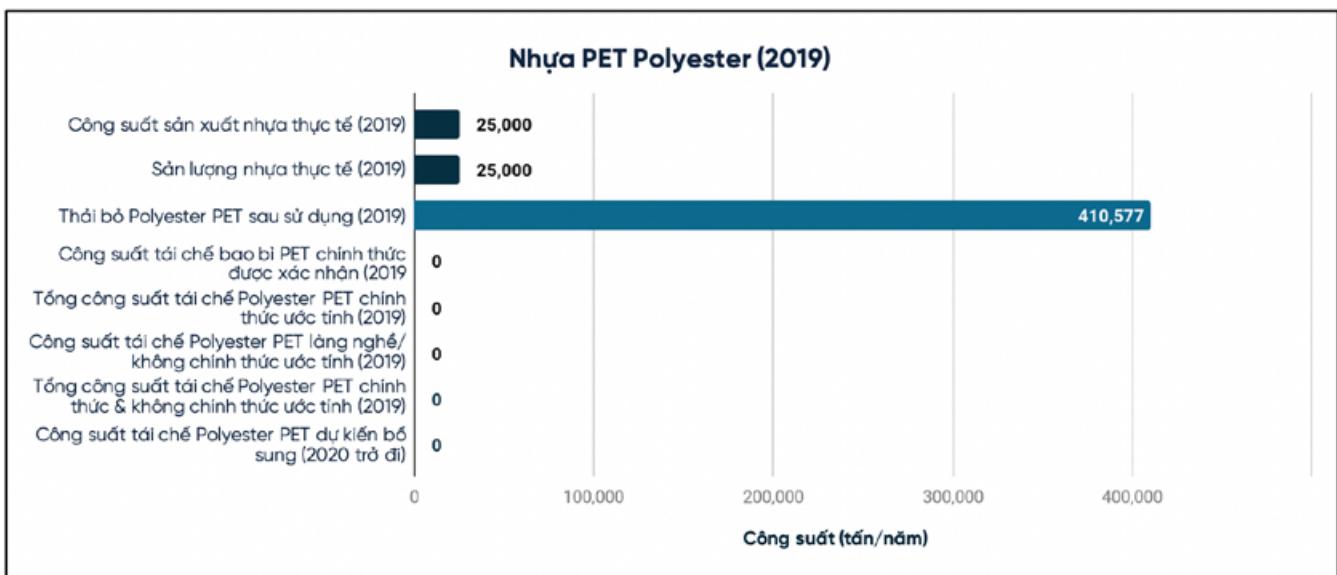
SẢN LƯỢNG VÀ CÔNG SUẤT TÁI CHẾ BAO BÌ PET (TẤN/NĂM, 2019)



Chú thích: Mặc dù có đại diện của các bên liên quan chính, đây có thể chưa phải là danh sách đầy đủ toàn bộ các đơn vị sản xuất và tái chế PET tại Việt Nam. Dữ liệu về tái chế PET chính thức mang tính đại diện vì nhóm nghiên cứu đã tiếp nhận đầu vào từ các đơn vị tái chế PET chính thức và chủ yếu, đại diện trên 64% công suất tái chế PET chính thức. Ước tính về các đơn vị tái chế chính thức còn lại và đơn vị tái chế phi chính thức được thực hiện dựa trên thông tin đầu vào từ các đơn vị tái chế PET chính thức và VPRA và do đó được coi là mang tính đại diện. Dữ liệu về sản xuất nhựa được coi là mang tính đại diện vì thông tin chi tiết về các nhà sản xuất nhựa do VPA cung cấp.

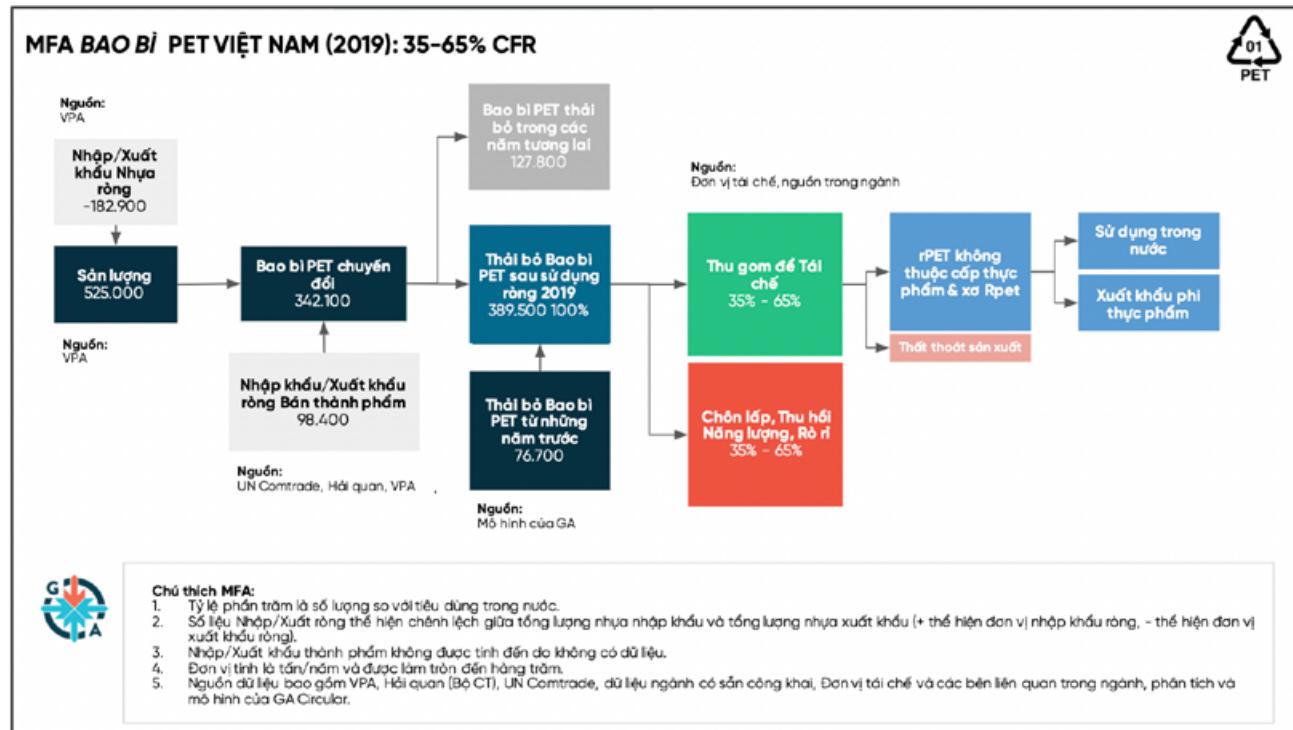
Hình 10.

SẢN LƯỢNG VÀ CÔNG SUẤT TÁI CHẾ BAO NHỰA POLYESTER PET (TẤN/NĂM, 2019)



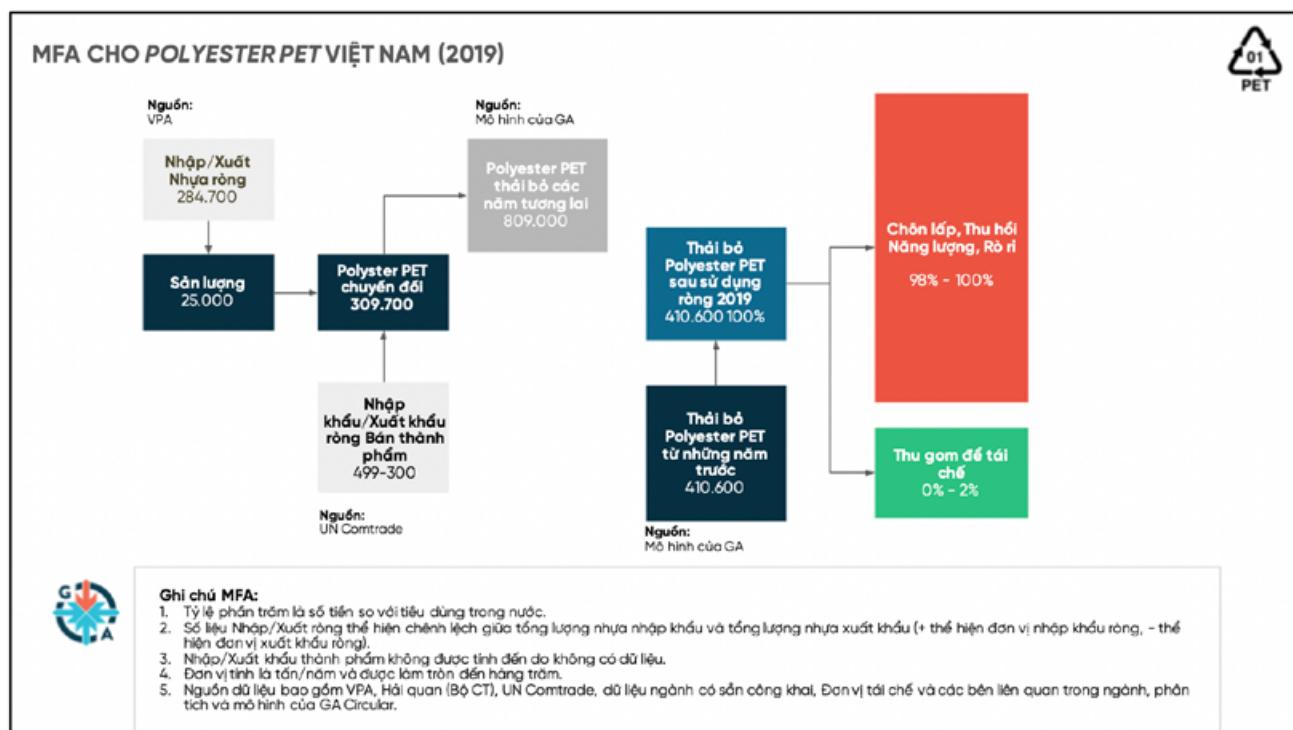
Hình 11.

PHÂN TÍCH DÒNG NGUYÊN VẬT LIỆU (MFA) CỦA BAO BÌ PET VÀ POLYESTER PET (2019)



Hình 12.

PHÂN TÍCH DÒNG NGUYÊN VẬT LIỆU CỦA NHỰA POLYESTER PET (TẤN/NĂM, 2019)



Dưới đây là bốn thông tin chính dựa trên MFAs của bao bì PET và Polyester PET (Hình 11 và 12 trên đây) tại Việt Nam:

Tỷ lệ CFR đối với bao bì PET (bao gồm chai, tấm, và màng) được ước tính là trung vị, ở mức 50%, (điểm giữa của khoảng 35 - 65%). Phạm vi rộng này có tính đến: (i) tình trạng không chắc chắn khi ước tính thực tế tỷ lệ CFR ở Việt Nam; và (ii) thay đổi của tỷ lệ CFR trong năm. Phạm vi CFR này được ước tính dựa trên thông tin thu được thông qua phỏng vấn các bên liên quan trong nước (đơn vị tái chế, VPRA) và được so sánh đối chiếu với năng lực đã được xác minh của các đơn vị tái chế chính thức và ước tính công suất tái chế của các đơn vị tái chế chính thức và không chính thức và làng nghề. Thay đổi của tỷ lệ CFR trong năm là do người thu gom, thu mua, và tái chế chất thải phi chính thức phản ứng với biến động về giá nhựa tái chế và các lực lượng thị trường khác. Khi giá rPET giảm, các bên liên quan này giảm thu gom và thu mua phế liệu nhựa vì việc tái chế có lợi nhuận thấp hơn. Khi giá rPET tăng, việc thu gom lại tăng lên do các bên liên quan này tận dụng lợi thế tăng giá. Tỷ lệ tái chế cũng chênh lệch đáng kể giữa các ứng dụng sử dụng cuối cùng. Tỷ lệ tái chế đối với vỏ chai nước giải khát PET ước tính ở mức từ 45 - 65%. Ngược lại, đối với các ứng dụng bao bì PET khác (tấm, màng, ứng dụng chai dầu, ứng dụng mỹ phẩm, v.v...), ước tính tỷ lệ tái chế sẽ thấp hơn nhiều, từ 30 - 40%.

Hiện chưa có sản phẩm PET tái chế cấp thực phẩm được chứng nhận tại Việt Nam. Đây là cơ hội kinh doanh lớn chưa được khai thác vì rPET cấp thực phẩm cho các ứng dụng vỏ chai có giá trị cao nhất trên thị trường và là giải pháp kinh tế toàn hoàn thay vì tái chế chai PET thành vải dệt hoặc các sản phẩm sử dụng cuối khác mà rút cục sẽ bị thải ra bãi chôn lấp. Hơn nữa, rPET cấp thực phẩm ít chịu ảnh hưởng của việc giảm giá PET nguyên sinh vì nhu cầu đối với rPET cấp thực phẩm ngày càng tăng do các thương hiệu thực phẩm và đồ uống toàn cầu đưa ra nhiều cam kết bền vững và các thị trường xuất khẩu như EU đã có quy định về hàm lượng tái chế. Từ đầu năm 2021, Công ty

Nhựa Duy Tân có kế hoạch khởi công xây dựng cơ sở tái chế chai nhựa dùng cho thực phẩm đầu tiên được FDA chấp thuận tại Việt Nam (tham khảo chi tiết tại Hộp 1, Phần 3). Các bên liên quan trong chuỗi giá trị đã khẳng định nhu cầu ngày càng tăng đối với chai PET sau sử dụng do Duy Tân phải trả chi phí cao hơn để đáp ứng nhu cầu rPET của khách hàng.

Ước tính chi có một lượng tối thiểu Polyester PET được sử dụng trong các ứng dụng vải dệt và xơ sợi sẽ được tái chế (từ 0-2%).⁴² Một trong những lý do chính là các sản phẩm pha trộn từ sợi polyester — ví dụ, pha trộn với nylon hoặc bông — dẫn tới tình trạng không thể thực hiện tái chế cơ học vì không thể tách riêng thành phần polyester. Công nghệ tái chế sản phẩm polyester pha trộn (công nghệ tái chế hóa học) vẫn đang trong giai đoạn phát triển tương đối sớm trên toàn cầu và chưa có ở Việt Nam.

Một lượng đáng kể vải dệt tiêu thụ tại Việt Nam (through qua cả nhựa và bán thành phẩm), cụ thể là Polyester PET, được nhập khẩu. Do đó, vì không có sẵn dữ liệu về thành phẩm, ước tính lượng PET xử lý sau sử dụng cuối cùng trên đây có khả năng ước tính mức tiêu thụ vải dệt polyester cao hơn thực tế vì Việt Nam được cho là quốc gia xuất khẩu ròng hàng dệt may thành phẩm

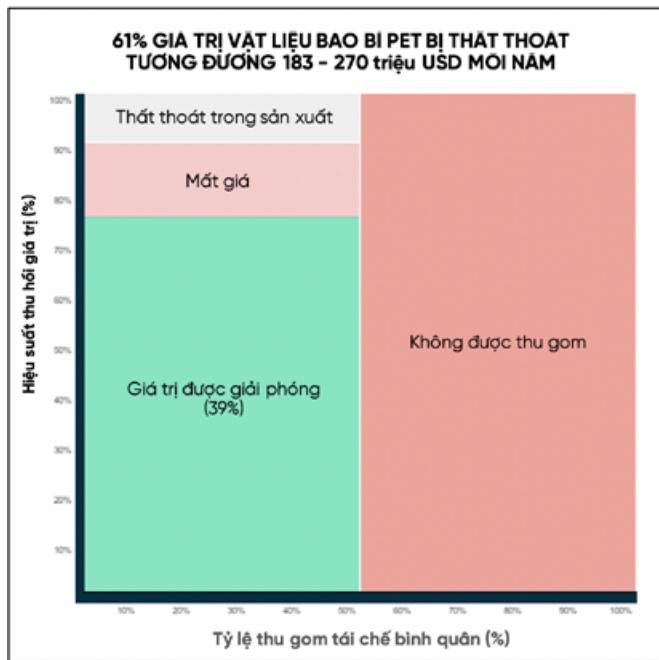
Phân tích thất thoát giá trị vật liệu đối với PET

Thất thoát giá trị vật liệu đối với PET được chia thành hai phần: bao bì PET và Polyester PET. Hình 13 dưới đây thể hiện giá trị được giải phóng cho bao bì PET, dựa trên MFA trên đây cho bao bì PET. CFR là 50% (35 - 65%), và hiệu suất thu hồi giá trị là 78%, dẫn đến 39% (27 - 51%) giá trị vật liệu được giải phóng. Do đó, 61% (49 - 73%) giá trị vật liệu của bao bì PET bị thất thoát, tương đương với giá trị vật liệu thất thoát mỗi năm là 183 triệu - 270 triệu USD (tham khảo Phụ lục 7 để có thêm thông tin về các giá trị và tính toán).

42 Dựa trên phỏng vấn với VPRA và các đơn vị tái chế nhựa, chưa có đơn vị tái chế Polyester PET nào ở Việt Nam và cũng chưa có kế hoạch tái chế Polyester PET nào dự kiến thực hiện.

Hình 13.

PHÂN TÍCH THẤT THOÁT GIÁ TRỊ VẬT LIỆU CỦA BAO BÌ PET (2019)

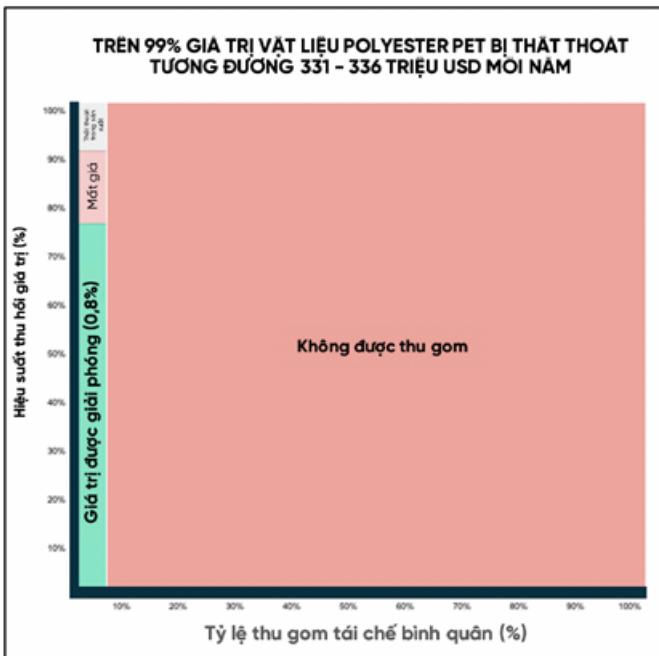


Hình 14 dưới đây thể hiện giá trị được giải phóng cho Polyester PET dựa trên MFA trên đây cho Polyester PET. CFR là 1% (0 - 2%, giá định tối thiểu có tái chế vải dệt quy mô nhỏ, mặc dù các nguồn công nghiệp và các tác giả không chưa thấy có bất kỳ hoạt động tái chế Polyester PET nào) trong khi hiệu suất thu hồi giá trị là 78%. Kết hợp với nhau,

CFR và hiệu suất thu hồi giá trị chỉ giải phóng 1% (0 - 2%) giá trị vật liệu, chủ yếu do CFR thấp. Do đó, 99% (98 - 100%) giá trị vật liệu của Polyester PET bị thất thoát, tương đương với giá trị vật liệu thất thoát mỗi năm là 331 triệu - 336 triệu USD. (Tham khảo Phụ lục 7 để có thêm thông tin về các giá trị và tính toán).

Hình 14.

PHÂN TÍCH THẤT THOÁT GIÁ TRỊ VẬT LIỆU CỦA POLYESTER PET (2019)





PP

Đặc điểm chung của PP

PP là loại nhựa nhiệt dẻo, cứng, và có khả năng kết tinh được sản xuất từ monome propen (hoặc propylen). PP có đặc tính cản tốt như độ bền cao, bề mặt hoàn thiện tốt, và có chi phí thấp, do đó đây là loại nhựa lý tưởng cho một số ứng dụng bao bì. PP là một trong những loại nhựa rẻ nhất hiện nay và được sử dụng rộng rãi trong các ứng dụng bao bì (cà bao bì cứng và dẻo), ứng dụng ô tô (như hộp và

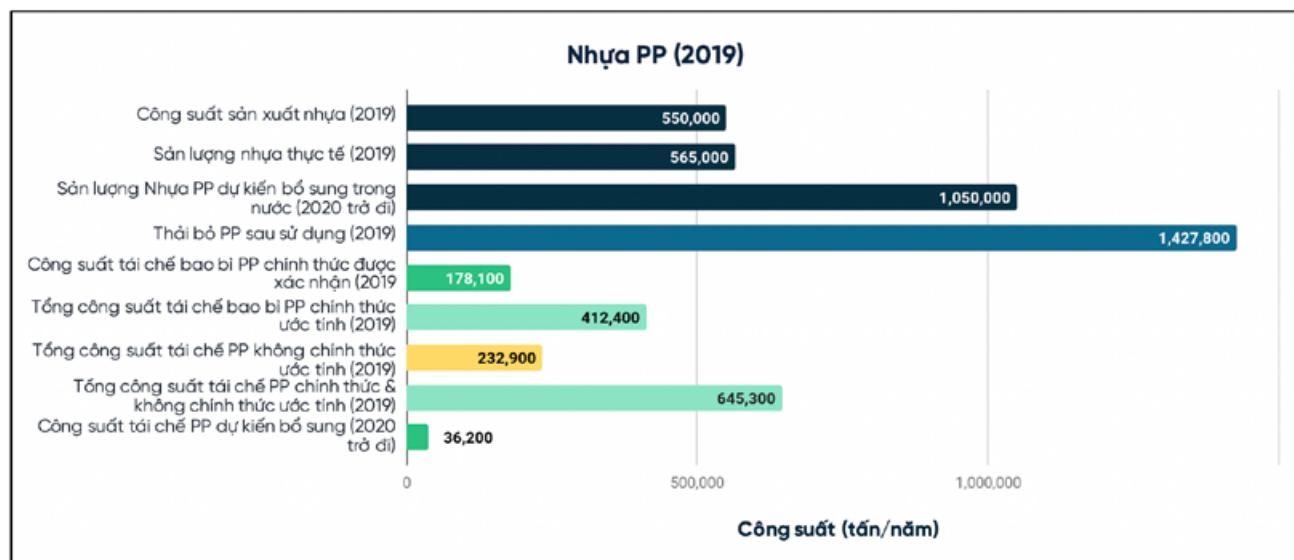
khay pin, tấm ốp cán, tấm chắn bùn, trang trí nội thất, bảng đồng hồ xe, và tấm ốp cánh cửa), và trong xo sợi và vải (dây đai, sợi filament, và xo tổng hợp). PP có thể được tái chế thành rPP cho các ứng dụng bao bì và rPP cho các ứng dụng công nghiệp như cho các ngành ô tô, điện tử, và nội thất.

Các đơn vị sản xuất và tái chế PP lớn ở Việt Nam

Hình 15 dưới đây thể hiện công suất và sản lượng (nếu có) tương ứng của PP nguyên sinh và PP tái chế của các đơn vị sản xuất và tái chế lớn lớn được xem xét trong nghiên cứu.

Hình 15.

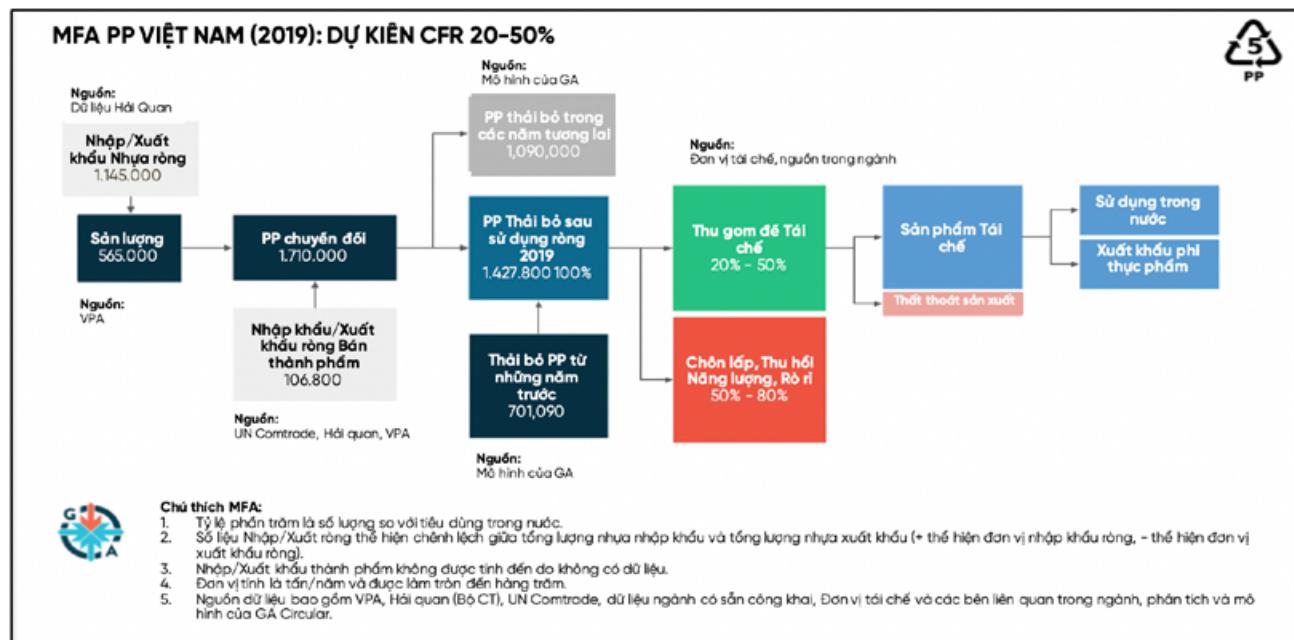
SẢN LƯỢNG VÀ CÔNG SUẤT TÁI CHẾ NHỰA PP (TẤN/NĂM, 2019)



Chú thích: Mặc dù có đại diện của các bên liên quan chính, đây có thể chưa phải là danh sách đầy đủ toàn bộ các nhà sản xuất và tái chế PP tại Việt Nam. Dữ liệu về tái chế PP chính thức mang tính đại diện vì nhóm nghiên cứu đã tiếp nhận dữ liệu từ các đơn vị tái chế PP chính thức và chủ yếu, đại diện trên 43% công suất tái chế PP chính thức. Ước tính về các đơn vị tái chế chính thức còn lại và đơn vị tái chế phi chính thức được thực hiện dựa trên thông tin đầu vào từ các đơn vị tái chế PP chính thức và do đó được coi là mang tính đại diện. Dữ liệu về sản xuất nhựa được coi là mang tính đại diện vì thông tin chi tiết về các nhà sản xuất nhựa do VPA cung cấp.

Hình 16.

PHÂN TÍCH DÒNG NGUYÊN VẬT LIỆU CỦA NHỰA PP (TẤN/NĂM, 2019)



Dưới đây là những thông tin chính dựa trên MFA cho PP tại Việt Nam (Hình 16):

Tỷ lệ CFR đối với PP được ước tính từ 20 - 50%. Phạm vi rộng này có tính đến: (i) tình trạng không chắc chắn khi ước tính thực tế tỷ lệ CFR ở Việt Nam; và (ii) thay đổi của tỷ lệ CFR trong năm. Phạm vi CFR này được ước tính dựa trên thông tin thu được thông qua phỏng vấn các bên liên quan trong nước (đơn vị tái chế, VPRA) và được so sánh đối chiếu với năng lực đã được xác minh của các đơn vị tái chế chính thức, ước tính công suất tái chế của các đơn vị tái chế chính thức và không chính thức và làng nghề. Thay đổi của tỷ lệ CFR trong năm là do người thu gom, thu mua, và tái chế chất thải phi chính thức phản ứng với biến động về giá nhựa tái chế và các lực lượng thị trường khác. Khi giá rPP giảm, các bên liên quan này giảm thu gom và thu mua phế liệu nhựa vì việc tái chế có lợi nhuận thấp hơn. Khi giá rPP tăng, việc thu gom lại tăng lên do các bên liên quan này tận dụng lợi thế tăng giá. Tỷ lệ tái chế cũng chênh lệch đáng kể giữa các ứng dụng sử dụng. Tỷ lệ tái chế đối với các sản phẩm PP cứng dễ phân tách và có giá trị cao hơn được ước tính ở mức cao hơn, trong khi các ứng dụng PP khác (vd: màng dẻo, vật liệu tổng hợp, v.v...) có tỷ lệ tái chế ước tính thấp hơn nhiều.

Tỷ lệ cao PP được sử dụng để sản xuất màng và túi dẻo, bao gồm các ứng dụng bao bì thực phẩm. Các sản phẩm PP này bị nhiễm tạp chất hoặc có mực in mà đơn vị tái chế không thể tách ra. Đó là lý do những sản phẩm này có hiệu suất thu hồi giá trị thấp hơn và vẫn không được thu gom (nếu không có chương trình EPR).

Các thành phần PP không tái chế được là những thành phần được sử dụng trong sản phẩm vật liệu tổng hợp trong các ứng dụng công nghiệp (vd: trong điện tử và ô tô). Bản chất tổng hợp của sản phẩm đồng nghĩa với việc phải có thêm một bước tháo dỡ và phân tách trước khi tái chế. Để thực hiện được cần có cơ sở chuyên dụng (cơ sở tái chế tấm cản ô tô chuyên dụng), hiện chưa có ở Việt Nam.

Phân tích thất thoát giá trị vật liệu cho PP

Hình 17 dưới đây thể hiện giá trị được giải phóng cho PP, dựa trên MFA trên đây cho PP. CFR là 35% (20 - 50%) và hiệu suất thu hồi giá trị là 75%, dẫn đến giá trị vật liệu được giải phóng là 26% (15 - 38%). Do đó, 74% (62 - 85%) giá trị vật liệu của PP bị thất thoát, tương đương với giá trị vật liệu thất thoát mỗi năm là 747 triệu - 1.017 triệu USD (tham khảo Phụ lục 7 để biết thêm thông tin về giá trị và tính toán).

Hình 17.

PHÂN TÍCH THẤT THOÁT GIÁ TRỊ VẬT LIỆU CỦA NHỰA PP (2019)

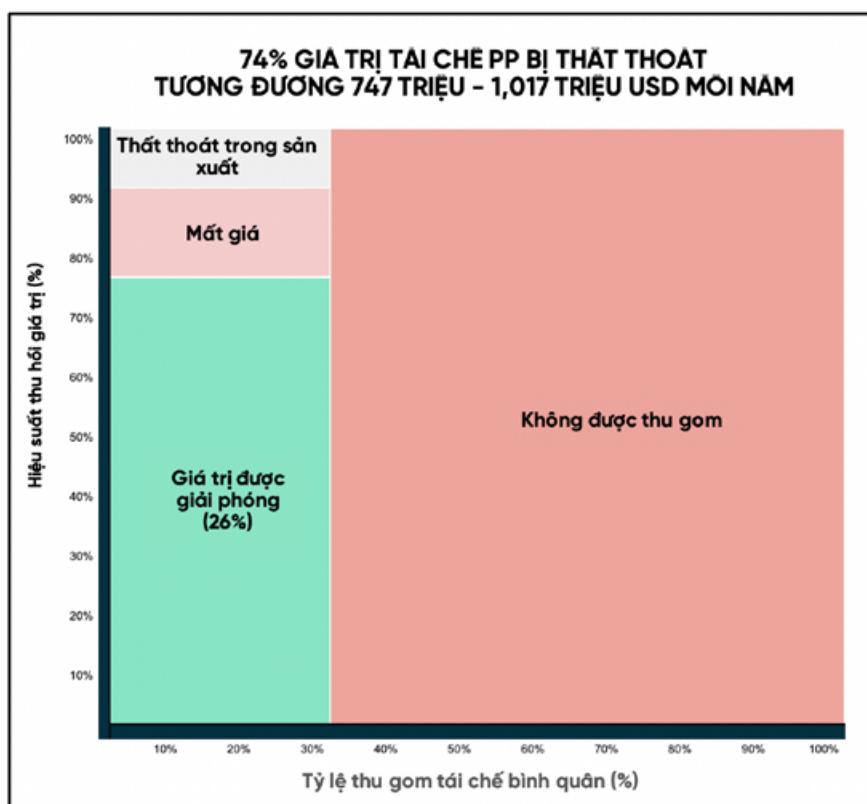


Photo: Paul Prescott - Shutterstock

PE (HDPE và LDPE)

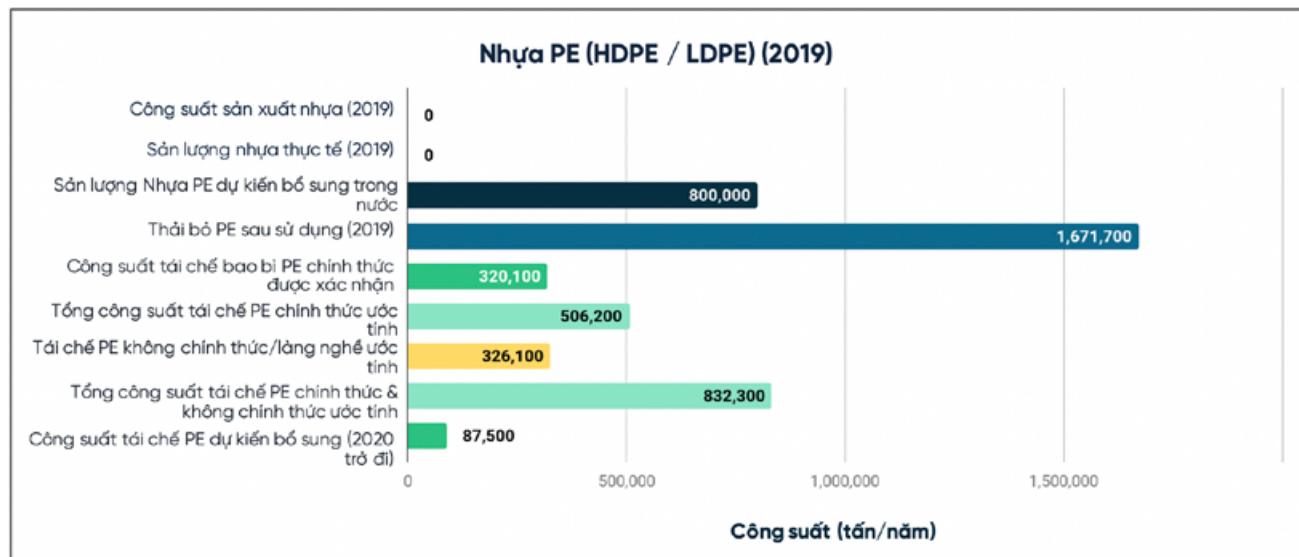
Rất khó phân tách giữa nhập khẩu và xuất khẩu nhựa HDPE và LDPE/LLDPE ở Việt Nam vì VPA không tách được số liệu nhập khẩu/xuất khẩu PE chi tiết thành HDPE và LDPE/LLDPE.

Sản xuất nhựa PE và công suất tái chế ước tính tại Việt Nam

Hình 18 dưới đây thể hiện lượng PE nguyên sinh được sản xuất và công suất và sản lượng PE tái chế.

Hình 18.

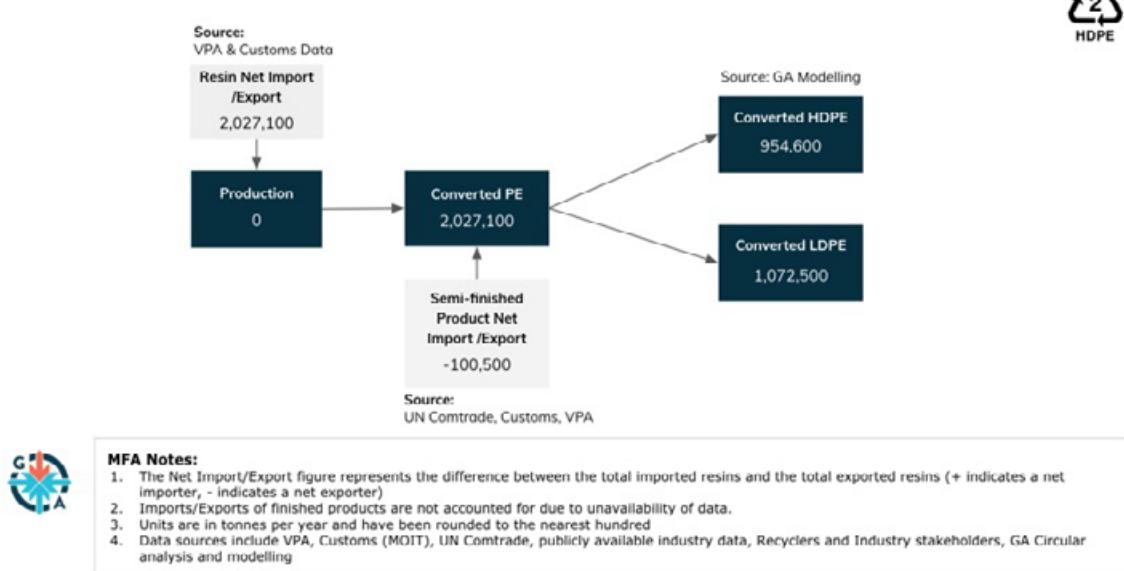
SẢN LƯỢNG VÀ CÔNG SUẤT TÁI CHẾ NHỰA PE (TẤN/NĂM, 2019)



Hình 19.

PHÂN TÁCH PE THÀNH HDPE VÀ LLDPE/LDPE (TẤN/NĂM, 2019)

VIETNAM PE MFA (2019): breakdown between HDPE and LLDPE/LDPE



MFA (Hình 19 dưới đây) có tính đến tổng sản lượng PE và chuyển đổi sang HDPE/LDPE. Việc phân tách giữa nhựa HDPE và LDPE được mô hình hóa, và MFA cụ thể cho từng loại nhựa đã được xây dựng. Tỷ lệ phân tách sử dụng là 47% HDPE và 53% LLDPE/LDPE.⁴³

43 Phân tách giữa HDPE và LDPE được thực hiện dựa trên dữ liệu từ hai quốc gia Đông Nam Á khác (Thái Lan và Philip-pines) và đã được VPA rà soát và xác nhận.



HDPE

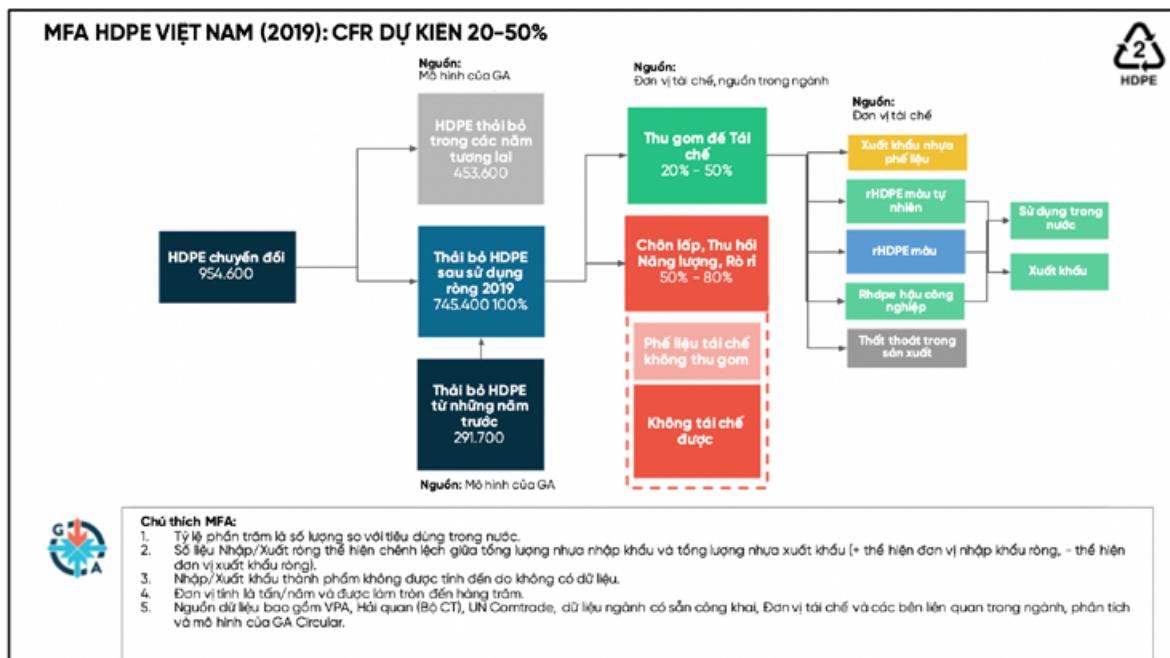
Đặc điểm chung của HDPE

HDPE là một loại polyme nhiệt dẻo được sản xuất từ monome ethylene. Loại nhựa này có tỷ lệ sức bền/mật độ cao, khiến HDPE phù hợp với nhiều ứng dụng nhựa cứng. Mặc dù HDPE cũng có thể được sử dụng cho các ứng dụng bao bì màng (đặc biệt khi cần có màng cứng hơn), nhưng độ mờ của LDPE/LLDPE đồng nghĩa với

việc LDPE/LLDPE được ưu thích hơn trong hầu hết các trường hợp. HDPE được sử dụng rộng rãi trong các ứng dụng bao bì như vỏ chai dầu gội đầu, bình sữa, túi mua sắm nhựa, và ống kem đánh răng, trong các ứng dụng ô tô như thùng nhiên liệu, tám che bảo vệ trong và ngoài xe, và các ngành công nghiệp khác như ghế băng và bàn. HDPE có thể được tái chế thành rHDPE cho các ứng dụng bao bì (vd: vỏ chai dầu gội đầu và túi nhựa) hoặc rHDPE cho các ứng dụng công nghiệp (vd: linh kiện ô tô và điện tử).

Hình 20.

PHÂN TÍCH DÒNG NGUYÊN VẬT LIỆU CỦA NHỰA HDPE (TẤN/NĂM, 2019)



Dưới đây là những thông tin chính dựa trên MFA của HDPE (Hình 20):

Tỷ lệ CFR đối với HDPE được ước tính từ 20 - 50%. Phạm vi rộng này có tính đến: (i) tình trạng không chắc chắn khi ước tính thực tế tỷ lệ CFR ở Việt Nam; và (ii) thay đổi của tỷ lệ CFR trong năm. Phạm vi CFR này được ước tính dựa trên thông tin thu được thông qua phỏng vấn các bên liên quan trong nước (đơn vị tái chế, VPRA) và được so sánh đối chiếu với năng lực đã được xác minh của các đơn vị tái chế chính thức, ước tính công suất tái chế của các đơn vị tái chế chính thức và không chính thức và làng nghề. Thay đổi của tỷ lệ CFR trong năm là do người thu gom, thu mua, và tái chế chất thải phi chính thức phản ứng với biến động về giá nhựa tái chế và các lực lượng thị trường khác. Khi giá rHDPE giảm, các bên liên quan này giảm thu gom và thu mua phế liệu nhựa vì việc tái chế có lợi nhuận thấp hơn. Khi giá rHDPE tăng, việc thu gom lại tăng lên do các bên liên

quan này tận dụng lợi thế tăng giá. Tỷ lệ tái chế cũng chênh lệch đáng kể giữa các ứng dụng sử dụng. Tỷ lệ tái chế đối với HDPE cũng dễ phân tách (ví dụ, vỏ chai dầu gội đầu) được ước tính ở mức cao hơn trong khi các ứng dụng HDPE khác (vd: màng, túi nhựa, v.v...) có tỷ lệ tái chế ước tính thấp hơn nhiều.

Tương tự như PP, tỷ lệ lớn HDPE được sử dụng trong các ứng dụng bao bì màng, bao gồm bao bì thực phẩm và túi đựng rác. Các sản phẩm HDPE này bị nhiễm tạp chất và do đó, có hiệu suất thu hồi giá trị thấp và không được thu gom.

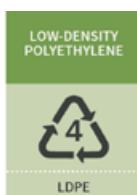
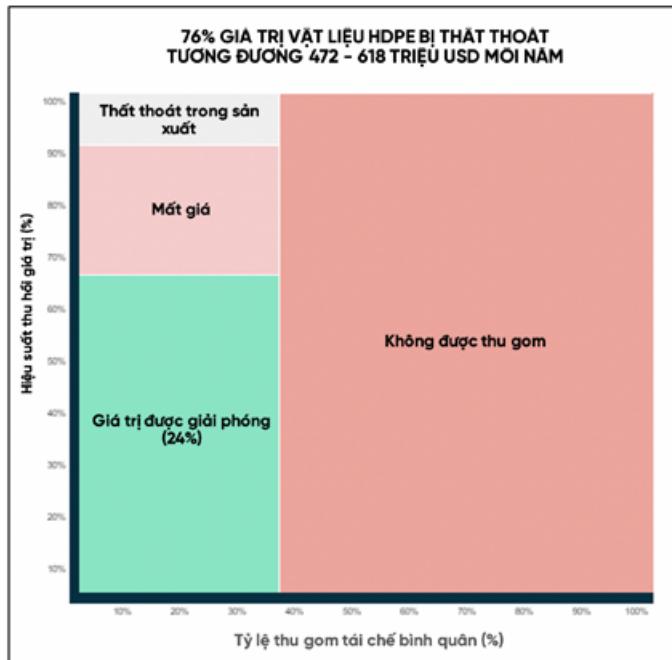
HDPE được sử dụng trong các thành phần/ứng dụng vật liệu tổng hợp (như trong điện tử và ô tô) cùng với các vật liệu khác, được phân loại vào nhóm không thể tái chế vì khó tách vật liệu này khỏi các vật liệu khác trong vật liệu tổng hợp. Trừ khi được thiết kế để tháo dỡ dễ dàng, HDPE được sử dụng trong vật liệu tổng hợp sẽ không thể tái chế và trở thành chất thải.

Phân tích thất thoát giá trị vật liệu cho HDPE

Hình 21 dưới đây thể hiện cho giá trị được giải phóng cho HDPE dựa trên MFA trên đây cho HDPE. CFR là 35% (20 - 50%) và hiệu suất thu hồi giá trị là 68%, dẫn đến giá trị vật liệu được giải phóng là

Hình 21.

PHÂN TÍCH THẤT THOÁT GIÁ TRỊ VẬT LIỆU CỦA NHỰA HDPE (2019)



LDPE/LLDPE

Đặc điểm chung của LDPE

LDPE là một loại polyme nhiệt dẻo được sản xuất từ monome ethylene. Loại nhựa này có thể được sản xuất ở dạng trong suốt, do đó thường được sử dụng trong các ứng dụng màng cho cả ứng dụng bao bì và ứng dụng khác ngoài bao bì. Một số sản phẩm có thể được sản xuất từ LDPE bao gồm bao bì (bao bì thịt và gia cầm, bao bì sản phẩm sữa, đồ ăn nhẹ và kẹo, túi thực phẩm đóng lạnh, và bao bì bánh nướng) và các ứng dụng khác bao bì (túi đựng rác, màng sử dụng trong nông nghiệp, và đồ nội thất). LDPE có thể được tái chế thành các ứng dụng khác nhau, như gỗ nhựa/nội thất, túi đựng rác, tấm phủ, màng, và ván sàn.

Sau đây là các thông điệp chính từ MFA của LDPE/LLDPE (Hình 22):

Tỷ lệ CFR đối với LDPE/LLDPE được ước tính từ 20 - 50%. Phạm vi rộng này có tính đến: (i) tình trạng không chắc chắn khi ước tính thực tế tỷ lệ CFR ở Việt Nam; và (ii) thay đổi của tỷ lệ CFR trong năm. Phạm vi CFR này được ước

24% (14 - 34%). Do đó, 76% (66 - 86%) giá trị vật liệu của HDPE bị thất thoát, tương đương với giá trị vật liệu thất thoát mỗi năm là 472 triệu - 618 triệu USD (tham khảo Phụ lục 7 để biết thêm thông tin về giá trị và tính toán).

tính dựa trên thông tin thu được thông qua phỏng vấn các bên liên quan trong nước (đơn vị tái chế, VPRA) và được so sánh đối chiếu với năng lực đã được xác minh của các đơn vị tái chế chính thức, ước tính công suất tái chế của các đơn vị tái chế chính thức và không chính thức và làng nghề. Thay đổi của tỷ lệ CFR trong năm là do người thu gom, thu mua, và tái chế chất thải phi chính thức phản ứng với biến động về giá nhựa tái chế và các lực lượng thị trường khác. Khi giá rLDPE giảm, các bên liên quan này giảm thu gom và thu mua phế liệu nhựa vì việc tái chế có lợi nhuận thấp hơn. Khi giá rLDPE tăng, việc thu gom lại tăng lên do các bên liên quan này tận dụng lợi thế tăng giá. Tỷ lệ tái chế cũng chênh lệch đáng kể giữa các ứng dụng sử dụng. Tỷ lệ tái chế đối với LDPE hậu công nghiệp được ước tính ở mức cao hơn, trong khi đối với các ứng dụng LDPE sau tiêu dùng (vd: màng, túi nhựa, vật liệu tổng hợp, v.v...), tỷ lệ này ước tính ở mức thấp hơn nhiều.

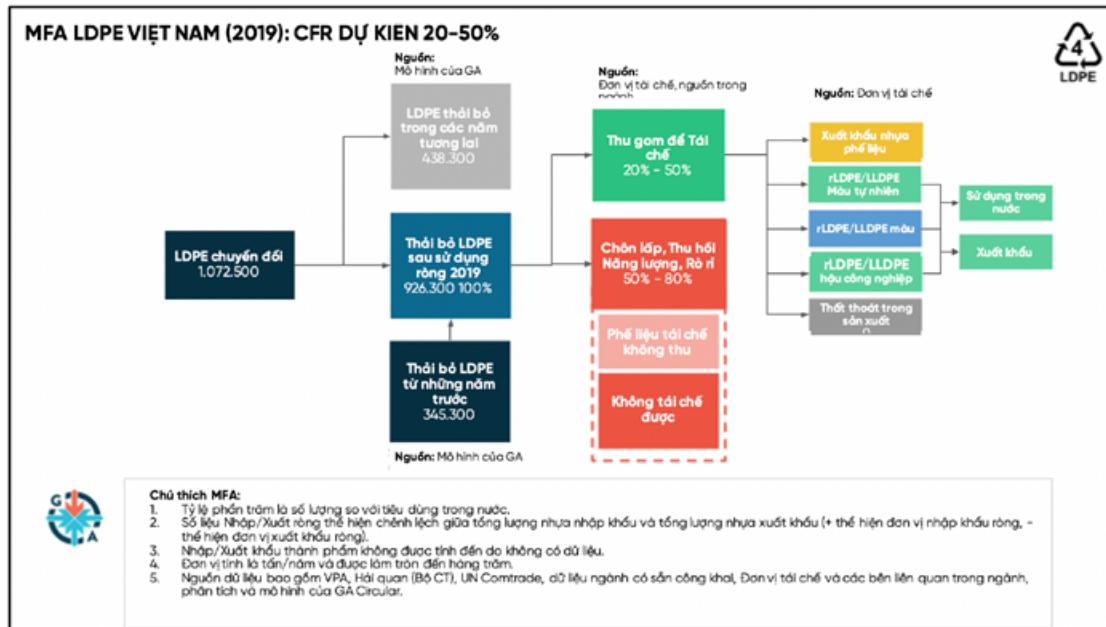
Tỷ lệ lớn LDPE được sử dụng cho màng và túi dẻo, bao gồm ứng dụng bao bì thực phẩm. Những sản phẩm LDPE này thường bị nhiễm tạp chất và do đó có hiệu suất thu hồi giá trị thấp hơn và không được thu mua (nếu không có chương trình EPR). Qua phỏng vấn, một số đơn vị tái chế chia sẻ rằng họ cũng nhận thấy nhu

cầu ngày càng tăng đối với rLDPE để sản xuất túi nhựa cho các ứng dụng bán lẻ. Tuy nhiên, sau khi sử dụng, các sản phẩm túi nhựa này bị nham nhố chất và do đó vẫn không được thu gom.

Các thành phần LDPE không tái chế được là những thành phần được sử dụng trong các sản phẩm vật liệu tổng hợp trong các ứng dụng công nghiệp (vd: trong điện tử và ô tô). Bán chất tổng hợp của sản phẩm đồng nghĩa với việc phải có thêm một bước tháo dỡ và phân tách trước khi tái chế.

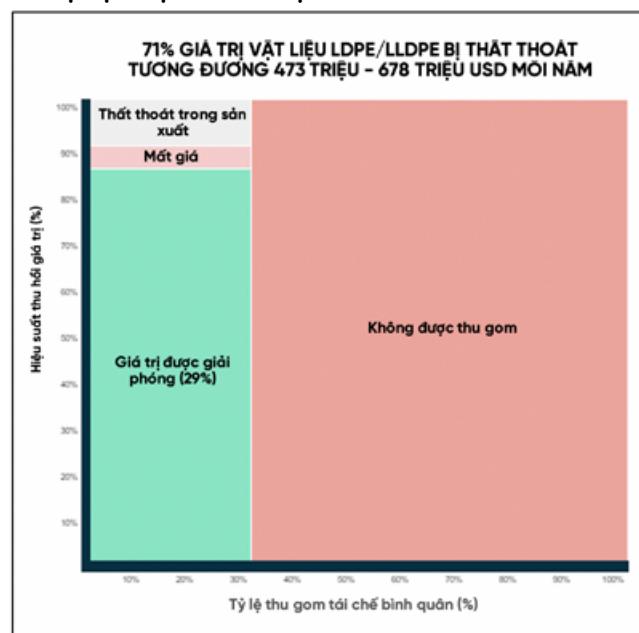
Hình 22.

PHÂN TÍCH DÒNG NGUYÊN VẬT LIỆU CỦA NHỰA LDPE/LLDPE (TẤN/NĂM, 2019)



Hình 23.

PHÂN TÍCH THẤT THOÁT GIÁ TRỊ VẬT LIỆU CỦA NHỰA LDPE/LLDPE (2019)



Phân tích thất thoát giá trị vật liệu cho LDPE

Hình 23 dưới đây thể hiện giá trị được giải phóng cho LDPE dựa trên MFA cho LDPE. CFR là 35% (20 - 50%) và hiệu suất thu hồi giá trị là 84%, dẫn đến giá trị vật liệu được giải phóng là 29% (17 - 42%). Do đó, 71% (58 - 83%) giá trị vật liệu của LDPE bị thất thoát, tương đương với giá trị vật liệu thất thoát mỗi năm là 473 triệu - 678 triệu USD (tham khảo Phụ lục 7 để có thêm thông tin về các giá trị và tính toán).

2.3 TÓM LƯỢC

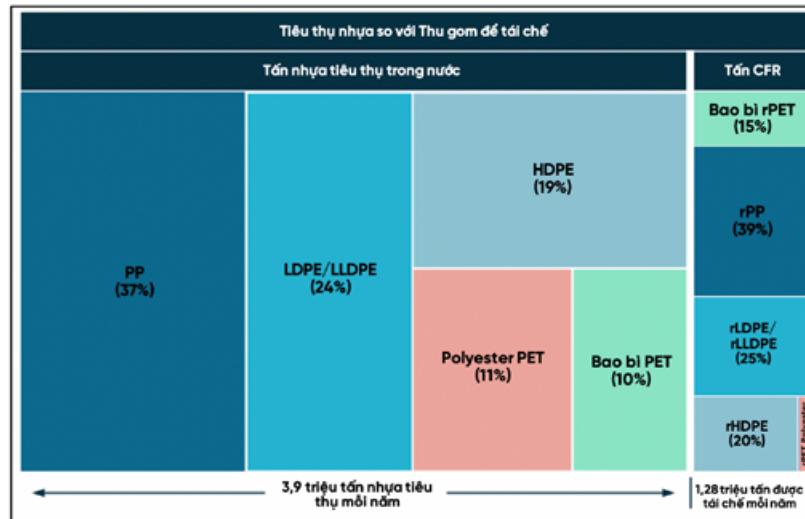
Phân tích dòng nguyên vật liệu cho tất cả các loại nhựa

Thông tin chính từ việc so sánh MFA của các loại nhựa như sau: 3,90 triệu tấn các loại nhựa chính được tiêu thụ ở Việt Nam mỗi năm. Theo ước tính,

1,28 triệu tấn/năm (từ 0,76 - 1,81 triệu tấn/năm tùy) của lượng tiêu thụ này được tái chế, trong khi 2,62 triệu tấn/năm còn lại (từ 2,09 - 3,14 triệu tấn) được thải ra các bãi chôn lấp và bãi rác hợp vệ sinh và không hợp vệ sinh, bị đốt, đốt lộ thiên, hoặc thái bò, vứt bừa bãi, hoặc rò rỉ trên đất liền hoặc xuống đường thủy (xem Hình 24 dưới đây).

Hình 24.

TỔNG LƯỢNG THU GOM ĐỂ TÁI CHẾ ƯỚC TÍNH TRONG TỔNG LƯỢNG TIÊU THỤ NHỰA ĐỐI VỚI TỪNG LOẠI NHỰA (TẤN/NĂM, 2019)



Chú thích: tỷ lệ phần trăm
trên gân nhất. Tỷ lệ phần trăm làm tròn cho Tấn CFR rPolyester PET là 0%.

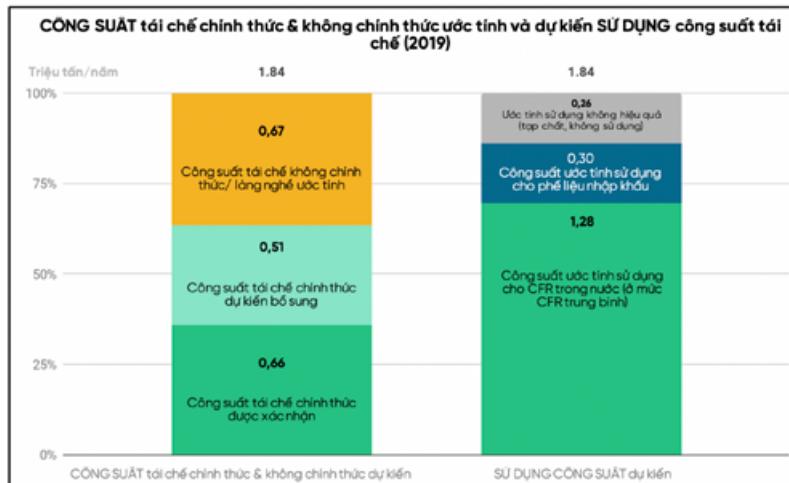
được làm tròn đến phần

Theo Hình 25 dưới đây, ước tính công suất tái chế chính thức và không chính thức ở Việt Nam đối với PET, HDPE, LDPE và PP là 1,84 triệu tấn/năm, và 1,28 triệu tấn của công suất này được sử dụng cho nhựa hậu tiêu dùng và hậu công nghiệp có nguồn gốc trong nước mỗi năm (đóng góp cho tỷ lệ CFR nội

địa), trong khi 0,30 triệu tấn được sử dụng cho phế liệu nhựa nhập khẩu hàng năm. 0,26 triệu tấn công suất còn lại được sử dụng chưa hiệu quả do tạp chất trong nguyên liệu và thiếu sử dụng (tham khảo Phụ lục 8 để có thêm chi tiết).

Hình 25.

CÔNG SUẤT TÁI CHẾ CHÍNH THỨC VÀ KHÔNG CHÍNH THỨC ƯỚC TÍNH VÀ DỰ KIẾN SỬ DỤNG CÔNG SUẤT TÁI CHẾ (2019)

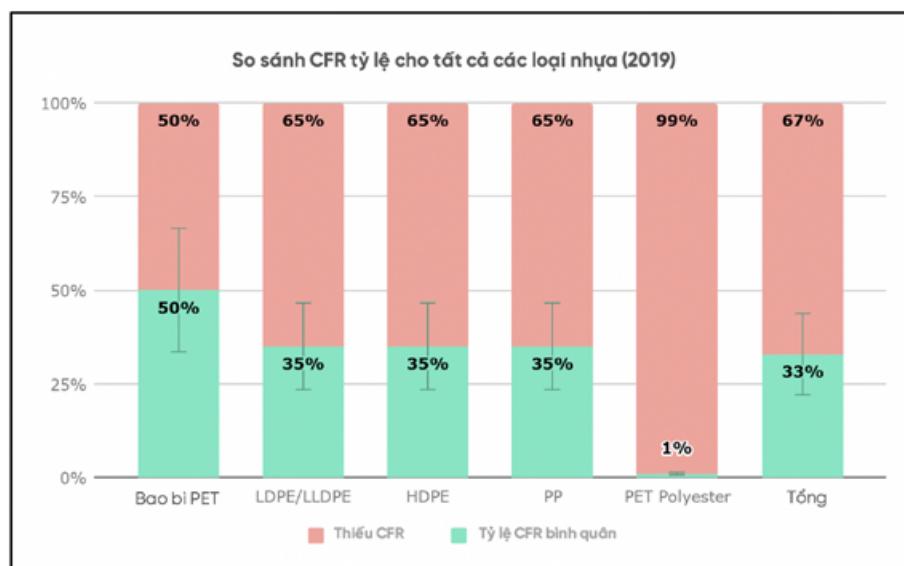


Bình quân giá quyền của các tỷ lệ CFR ước tính của tất cả các loại nhựa chính là 33%, với tỷ lệ CFR ở mức thấp có trọng số ở 19% và ở mức cao có trọng số ở mức 46% như thể hiện trong Hình 26 dưới đây. Việt Nam chưa công bố bất kỳ mục tiêu nào về tỷ lệ CFR nhựa để tỷ lệ CFR hiện tại này có thể so sánh. Để dễ hình dung, tỷ lệ CFR toàn cầu đối với bao bì PET là từ 55 - 57%,⁴⁴ cao hơn một chút so với CFR bao bì PET của Việt Nam. Không có tỷ lệ CFR toàn cầu của riêng polyolefin. Riêng đối với bao bì nhựa, Quý Ellen MacArthur ước tính tỷ lệ CFR cho toàn bộ bao bì nhựa (bao bì làm từ tất cả các loại hạt nhựa PET, HDPE, PVC, LLDPE/LDPE, PP, PS, và các loại khác) là 14%.⁴⁵

Bao bì PET có tỷ lệ CFR cao nhất trong bốn loại nhựa vì một số lý do. Thứ nhất, số lượng ứng dụng cuối cùng cho bao bì PET có hạn chế so với các vật liệu khác, do đó đơn giản hóa quá trình thu gom. Nhựa PET chủ yếu được sử dụng làm bao bì thực phẩm và đồ uống. Vì vậy, người thu gom có thể dễ dàng xác định (vd: chai nhựa PET). Ngược lại, các loại nhựa khác có thể được sử dụng trong nhiều ứng dụng như linh kiện điện tử, ô tô và xây dựng, khiến quá trình thu gom và tái chế phức tạp hơn. Thứ hai, Việt Nam đã có công nghệ tái chế cơ học và công suất tái chế PET tương đối tốt để xử lý bao bì nhựa PET sau sử dụng thành các ứng dụng khác nhau, do có nhu cầu cao từ thị trường tiêu dùng cuối toàn cầu và trong nước

- 44 S&P Global Platts - [Petrochemicals Special Report](#) (2019)
 45 Ellen MacArthur Foundation - [The New Plastics Economy: Catalysing Action](#) (2017)

Hình 26.
TỶ LỆ CFR DỰ KIẾN CHO MỖI LOẠI NHỰA



đối với nhựa PET tái chế. Mặc dù công suất tái chế còn chưa tối ưu, việc có công nghệ tái chế đã khiến tái chế bao bì PET có "bước khởi đầu sớm hơn" so với hoạt động tái chế các loại nhựa khác. Thứ ba, bao bì PET có mức tiêu thụ hàng năm thấp hơn nhiều so với các loại nhựa khác (khoảng 389.500 tấn/năm đối với bao bì PET so với 1.427.800 tấn/năm đối với PP, 745.400 tấn/năm đối với HDPE, và 926.300 tấn/năm đối với LDPE/LLDPE). Do đó, mốc cơ sở để tính toán CFR thấp hơn.

Tỷ lệ CFR ước tính của PET, PP, HDPE và LDPE/LLDPE ở Việt Nam cao hơn tỷ lệ ở Malaysia, Philippines và Thái Lan do: (i) Việt Nam có số lượng cơ sở tái chế phi chính thức lớn hơn so với các quốc gia khác, cả ở hàng trăm làng nghề và cơ sở tái chế phi chính thức độc lập.⁴⁶ (ii) GDP của Việt Nam, thấp hơn của Malaysia và Thái Lan, dẫn tới khu vực phi chính thức hoạt động mạnh hơn ở Việt Nam.⁴⁷ (iii) Việc vận hành một cơ sở tái chế ở Việt Nam tương đối dễ hơn và có chi phí thấp hơn so với Philippines.⁴⁸ (iv) Có vị trí liền kề với Trung Quốc, là quốc gia mua nhiều nhất các loại hạt và mảnh tái chế. (v) Việt Nam có số lượng cơ sở tái chế polyolefin chính thức nhiều hơn đáng kể so với Thái Lan.

46 Tham khảo Phụ lục 8 về làng nghề và ước tính về số lượng cơ sở tái chế phi chính thức ở Việt Nam.

47 GA Circular, "Full Circle: Accelerating the Circular Economy for Post-Consumer PET Bottles in Southeast Asia" (2019)

48 World Bank - [Doing Business 2020](#) (2020)

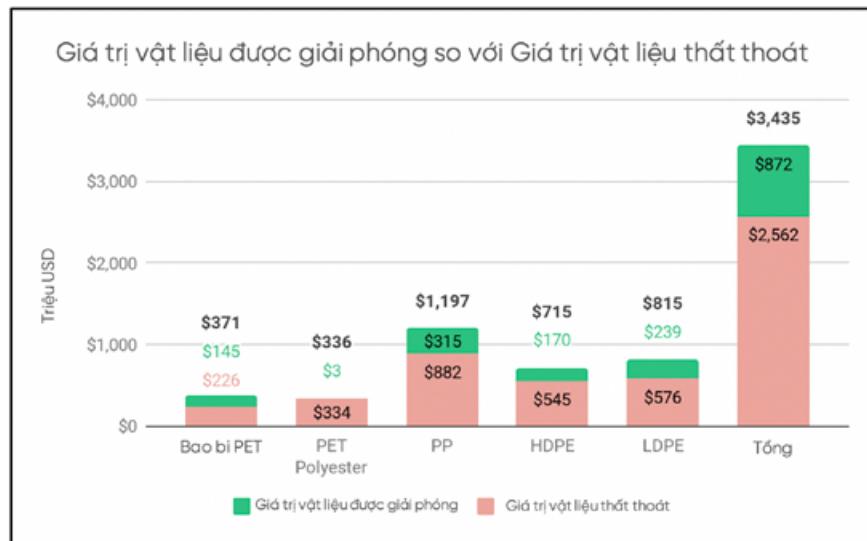
Phân tích thất thoát giá trị vật liệu cho tất cả các loại nhựa

Giá trị vật liệu ròng bị thất thoát mỗi năm ở Việt Nam, như tóm tắt trong Hình 27 và 28 dưới đây, nhấn mạnh sự cấp thiết phải giải quyết vấn đề tuân hoàn nhựa và tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng. Hiện nay, Việt Nam thu được mỗi năm 872 triệu USD nhờ tái chế các loại nhựa khác nhau, chỉ tương đương 25% giá trị có thể được giải phóng từ

tái chế. Điều này đồng nghĩa với khoản thất thoát khoảng 2,2 tỷ USD - 2,9 tỷ USD mỗi năm (75% giá trị). Việt Nam có tiềm năng giải phóng giá trị vật liệu lên tới 3,4 tỷ USD mỗi năm nhờ tái chế các loại hạt nhựa khác nhau dựa trên việc thiết lập một môi trường thuận lợi phù hợp để tạo ra động lực cho tái chế và các giải pháp can thiệp có hệ thống khác. Đây là cơ hội thị trường đáng tin cậy để tái chế nhựa cho Việt Nam.

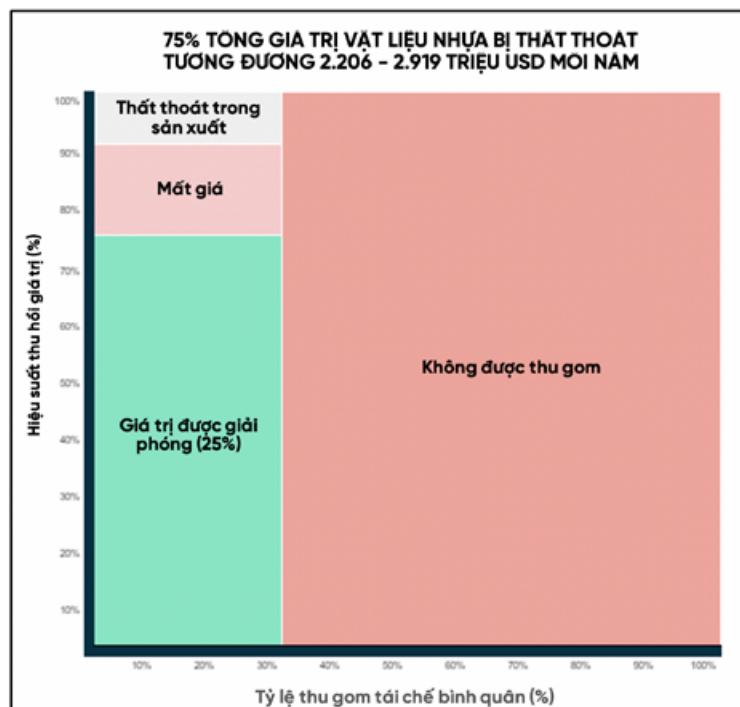
Hình 27.

GIÁ TRỊ VẬT LIỆU BÌNH QUÂN ĐƯỢC GIẢI PHÓNG SO VỚI GIÁ TRỊ VẬT LIỆU THẤT THOÁT UỐC TÍNH(2019)



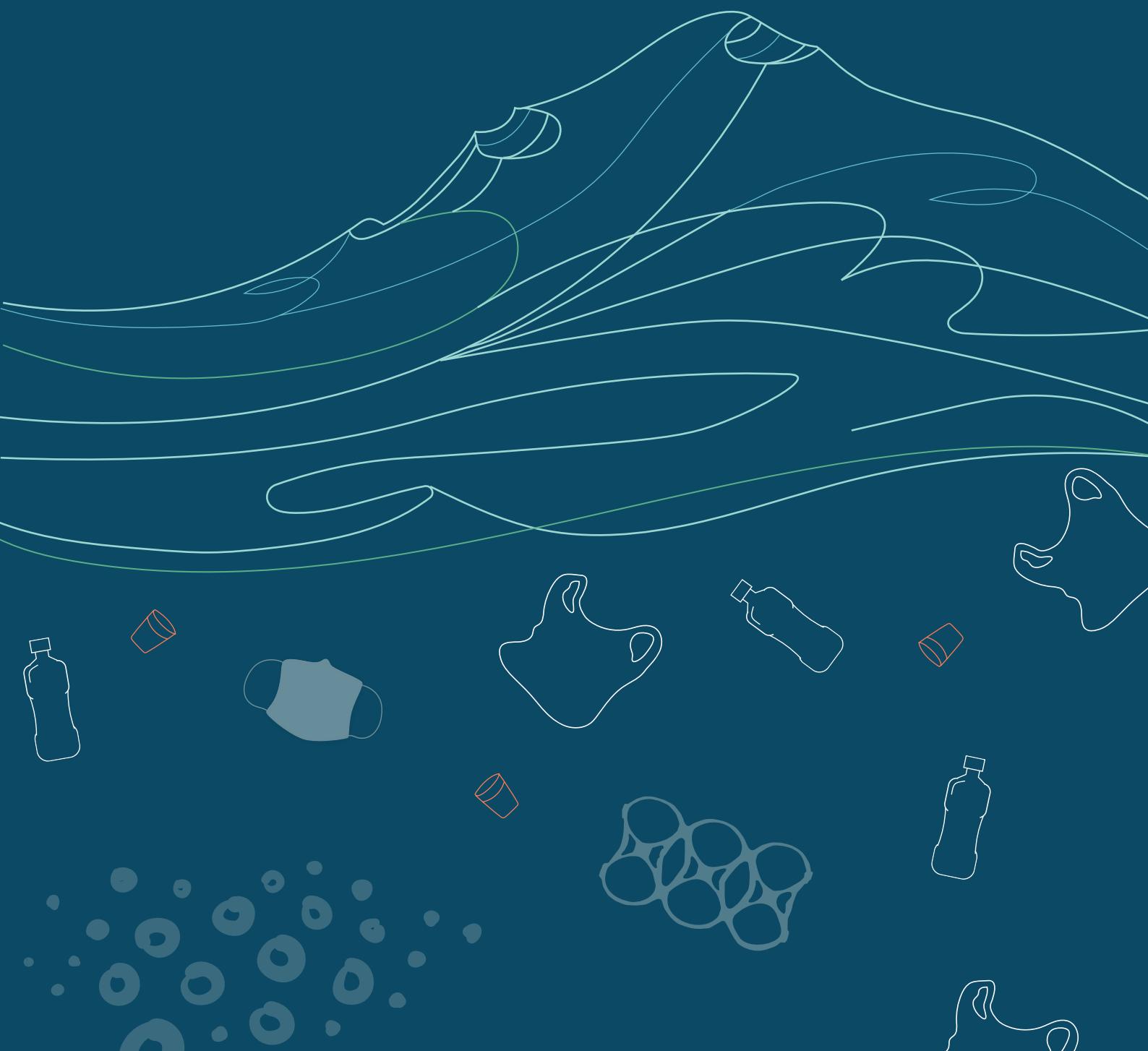
Hình 28.

PHÂN TÍCH THẤT THOÁT GIÁ TRỊ VẬT LIỆU DỰ KIẾN CHO TẤT CẢ CÁC LOẠI NHỰA CHÍNH (PET, PP, HDPE VÀ LDPE/LLDPE) (2019)



PHẦN 3:

LÝ DO DẪN TỚI THẤT THOÁT 75% GIÁ TRỊ VẬT LIỆU NHỰA



PHẦN 3:

LÝ DO DẪN TỚI THẤT THOÁT 75% GIÁ TRỊ VẬT LIỆU NHỰA

Như đã đề cập trong phần trước, 2,62 triệu tấn (2,09 - 3,14 triệu) trong tổng lượng nhựa tiêu thụ mỗi năm tại Việt Nam không được tái chế, dẫn đến thất thoát 75% giá trị vật liệu. Phần này trình bày hai nhóm sức ép chính gây ra thất thoát giá trị vật liệu này.

3.1 Sức ép đối với tỷ lệ CFR

Sụt giảm giá nhựa nguyên sinh dẫn tới việc quay trở lại sử dụng nhựa nguyên sinh, gây áp lực về giá đối với nhựa tái chế

Giá nhựa tái chế bị ảnh hưởng trực tiếp của biến động giá nhựa nguyên sinh, và biến động này lại chịu ảnh hưởng của biến động giá dầu toàn cầu. Trong giai đoạn ba năm qua, phần lớn các loại nhựa tái chế liên tục giảm giá trên toàn cầu kể từ khi đạt đỉnh vào giữa năm 2018. Dựa trên nhiều phỏng vấn trong ngành ở Đông Nam Á, hoạt động tái chế nhựa có khả năng cạnh tranh khi giá dầu ở mức trên 70 USD/thùng, và giá dầu đạt mức này lần cuối vào tháng 9/2018. Mức giá bình quân năm 2020 là 39 USD/thùng và từ tháng 10/2020 đến tháng 01/2021, mức giá dao động từ 40-52 USD/thùng.

Khi chỉ cạnh tranh dựa trên giá, các cơ sở tái chế ở Việt Nam cho biết sản phẩm tái chế phải có mức giá thấp hơn giá sản phẩm nhựa nguyên sinh từ 15-30% để có thể cạnh tranh. Khi giá nhựa nguyên sinh giảm xuống tương đương hoặc thấp hơn giá nhựa tái chế, các công ty sản xuất chuyển sang sử dụng nhựa nguyên sinh, như tình hình thực tế 12 tháng qua.

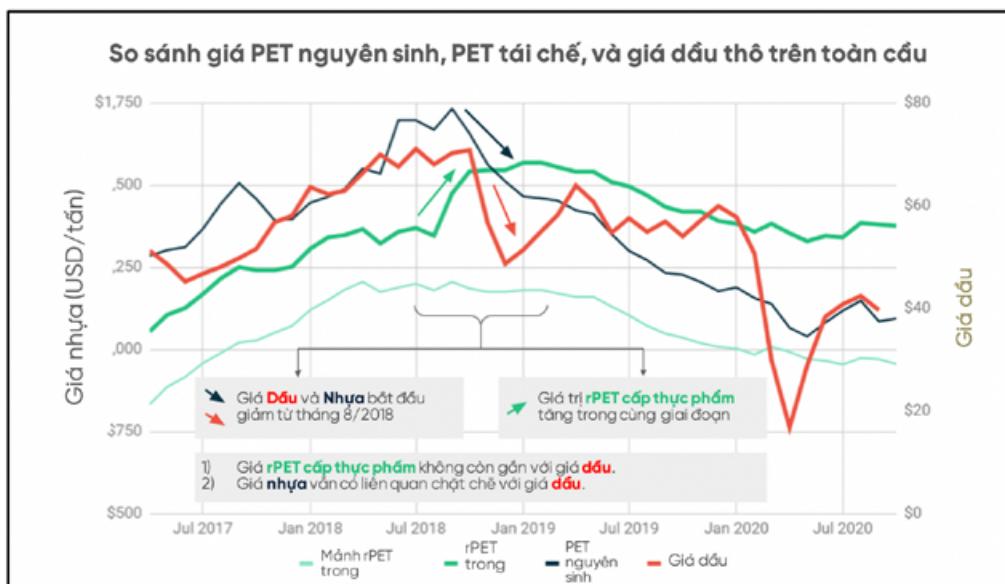
Can thiệp của khu vực nhà nước và tư nhân có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc thúc đẩy nhu cầu nhựa tái chế, như có thể thấy ở những nỗ lực tại EU đã làm tăng giá trị thị trường của PET tái chế. Thành viên của Liên đoàn Nước uống Đóng chai Châu Âu, hiệp hội ngành của các doanh nghiệp đóng chai ở châu Âu, vào tháng 5/2018 đã cam kết công khai sẽ sử dụng tối thiểu 25% PET tái chế (rPET) để sản xuất vỏ chai mới vào năm 2025 như mức bình quân của EU. Các doanh nghiệp đóng chai châu Âu cũng cam kết về khối lượng PET cụ thể để hướng đến mục tiêu của EU là sử dụng 10 triệu tấn nhựa tái chế tại thị trường EU.⁴⁹ Chi thị về Nhựa Sử dụng Một lần của EU, có hiệu lực vào tháng 07/2019, thiết lập mục tiêu sử dụng 25% rPET để sản xuất vỏ chai vào năm 2025 và 30% vào năm 2030.⁵⁰ Nhờ cả hai nỗ lực này, từ tháng 8/2018, giá nhựa cấp thực phẩm như rPET cấp thực phẩm đã bắt đầu không còn hoàn toàn gắn với giá PET nguyên sinh (như có thể thấy trong hình 29 dưới đây).

49 Reuters, "[Europe's bottled water producers seek to increase plastic recycling](#)" (2018)

50 Zero Waste Europe, "[Unfolding the Single-use Plastics Directive](#)" (2019)

Hình 29.

SO SÁNH GIÁ PET NGUYÊN SINH VÀ PET TÁI CHẾ Ở EU



Nguồn: Dữ liệu thị trường

Chú thích: Giá nhựa nguyên sinh và nhựa tái chế ở EU được sử dụng làm đại diện cho mức giá toàn cầu bởi vì khu vực này có dữ liệu/mức độ minh bạch về giá cao nhất liên quan đến giá nhựa nguyên sinh và giá nhựa tái chế.

Tuy nhiên, do không có chi tiêu hàm lượng tái chế cụ thể cho PP, HDPE, LDPE/LLDPE, giá của những loại nhựa tái chế này vẫn thấp hơn giá loại nhựa nguyên sinh tương ứng và chưa tăng giá đáng kể như rPET.

Do vậy, khi giá nhựa nguyên sinh và giá nhựa tái chế vẫn gần liền với nhau như hiện nay, tính kinh tế của hoạt động tái chế nhựa sẽ không bền vững khi giá dầu ở mức dưới 70-80 USD/thùng. Cần có các giải pháp điều chỉnh mang tính cấu trúc và hệ thống, đặc biệt là hệ thống luật pháp hỗ trợ để bảo đảm ngành công nghiệp tái chế có đủ năng lực cạnh tranh với giá nhựa nguyên sinh.

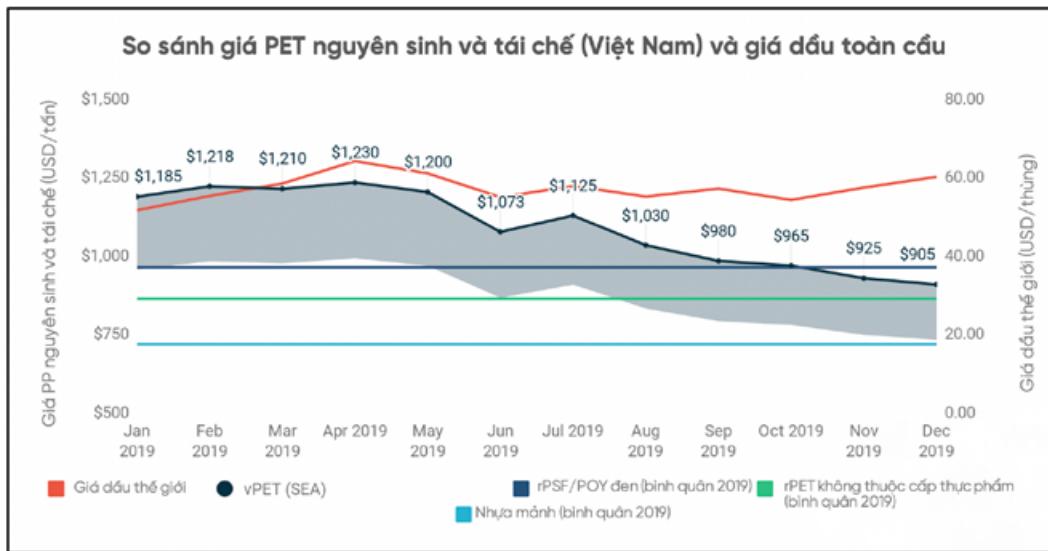
Các cơ sở tái chế ở Việt Nam sẽ tiếp tục chịu rủi ro khi giá dầu và nhựa nguyên sinh giảm trên toàn cầu mà không có sự can thiệp của chính phủ, do đó làm giảm tỷ lệ CFR và tăng nguy cơ phá sản, đặc biệt đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa. Như có thể thấy trong Hình 30 dưới đây, ngành PET tái chế phải vật lộn cạnh tranh trong năm 2019 do tình trạng giảm giá nhựa nguyên sinh tại Việt Nam. Vùng màu xám thể hiện giá PET nguyên sinh giảm từ 0% - 20%. Giá rPSF/POY (xem chú thích dưới hình) đã cao hơn giá PET nguyên sinh trong khi rPET không thuộc cấp thực phẩm giảm trọng phạm vi 20% của giá PET nguyên sinh. Phụ lục 10 cung cấp so sánh giá bổ sung giữa PP, PET và LDPE nguyên sinh và tái chế ở Châu Âu và Việt Nam.



Photo: www.unsplash.com

Hình 30.

SO SÁNH GIÁ PET NGUYÊN SINH VÀ PET TÁI CHẾ TẠI VIỆT NAM VÀ GIÁ DẦU TOÀN CẦU



Nguồn: VPA và các đơn vị sản xuất nhựa nguyên sinh cung cấp Giá Nhựa Nguyên sinh, và các đơn vị tái chế cung cấp giá nhựa tái chế. Chú thích: Không có giá nhựa tái chế hàng tháng, do đó giá bán nhựa tái chế bình quân năm 2019 do các đơn vị tái chế ở Việt Nam cung cấp được sử dụng để so sánh. Khu vực màu xám thể hiện mức giảm 0-20% so với giá nguyên sinh.

Dựa trên các nguồn trong ngành tại Việt Nam, để đạt được trạng thái hòa vốn, các đơn vị tái chế chính thức, phải tuân thủ các tiêu chuẩn hiện hành về môi trường, sức khỏe và an toàn (EHS), cần mức giá nhựa nguyên sinh từ 760 - 1.065 USD/tấn. Trong khi đó, để có lợi nhuận 15% (như mốc tham chiếu), giá nhựa nguyên sinh phải từ 1.246 - 1.370

USD/tấn. Như có thể thấy trong Bảng 4 dưới đây, năm 2020 giá một số loại polyme nguyên sinh (chủ yếu là HDPE và LDPE) thấp hơn mức cần thiết để ngành tái chế có lợi nhuận. Do đó, can thiệp về chính sách có ý nghĩa rất quan trọng trong việc tạo điều kiện để ngành tái chế nhựa trong nước tồn tại và phát triển.

Bảng 4.

SO SÁNH GIÁ NHỰA NGUYÊN SINH TẠI VIỆT NAM VỚI MỨC GIÁ CẦN THIẾT ĐỂ DOANH NGHIỆP TÁI CHẾ NHỰA CÓ THỂ TỒN TẠI

| SO SÁNH GIÁ NHỰA NGUYÊN SINH TẠI VIỆT NAM VỚI MỨC GIÁ CẦN THIẾT ĐỂ DOANH NGHIỆP TÁI CHẾ NHỰA CÓ THỂ TỒN TẠI | | | | |
|---|-------------------|-------------------|--|---|
| | 2019 (USD/tấn) | 2020 (USD/tấn) | Giá nhựa nguyên sinh để các đơn vị tái chế hòa vốn | Giá nhựa nguyên sinh để doanh nghiệp tái chế có lợi nhuận 15% |
| PP | 1.077 USD | 921 USD | 799 USD | 1.246 USD |
| HDPE | 1.019 USD | 921 USD | 939 USD | 1.320 USD |
| LDPE | 991 USD | 827 USD | 1.065 USD | 1.370 USD |
| PET | 1.099 USD | 835 USD | 760 USD | 1.295 USD |

Nguồn: Hiệp hội Nhựa Việt Nam và doanh nghiệp sản xuất nhựa cung cấp giá nhựa nguyên sinh năm 2019 và 2020.

EU, Anh, Ấn Độ và một số quốc gia khác yêu cầu thực hiện các mục tiêu bắt buộc về hàm lượng tái chế để tạo ra nhu cầu thị trường và thúc đẩy tỷ lệ tái chế trong nước, điều này cũng giúp giảm tác động trực tiếp của giá dầu tháp đối với doanh nghiệp tái chế. Những yêu cầu bắt buộc này thua nhau rằng bản thân hoạt động tự nguyện của ngành không đủ để tăng quy mô tái chế lên mức đáng kể. Ngoài ra, giá cả trên thị trường nhựa nguyên sinh ngày nay không tính đến tác động môi trường, chi phí quản lý chất thải nhựa, và các yếu tố ngoại tác tiêu cực khác mà xã hội đang gánh chịu. Do đó, can thiệp của chính phủ sẽ là hết sức cần thiết để giải quyết thất bại thị trường này. Hiện Việt Nam chưa có yêu cầu bắt buộc về hàm lượng tái chế nhựa.

Thiếu nhu cầu thường xuyên trong nước đối với tất cả các loại nhựa tái chế cơ bản

Nhu đã đề cập rõ ràng trong phần trước, nếu không có các giải pháp can thiệp, chuỗi giá trị tái chế nhựa sẽ tiếp tục phải đổi mới với áp lực đáng kể từ giá dầu và giá nhựa nguyên sinh ở mức thấp. Cần có nhu cầu nội địa ổn định ngay tại Việt Nam để giảm bớt áp lực về giá.

Cần thúc đẩy nhu cầu trong nước đối với hàm lượng tái chế

Hiện tại, Việt Nam chưa có yêu cầu về hàm lượng tái chế đối với ngành bao bì hoặc các ứng dụng nhựa khác. Tuy nhiên, nội dung sửa đổi mới nhất trong Luật BVMT được thông qua tháng 11/2020 đề cập đến một số lĩnh vực chính sách, bao gồm các mục tiêu về hàm lượng tái chế và Trách nhiệm Mở rộng của Nhà sản xuất (EPR). Các điều khoản trong Luật BVMT liên quan đến nhựa yêu cầu có một số hành động tiếp theo: Thứ nhất, cần giao trách nhiệm rõ ràng vi hiện chưa rõ cơ quan chính phủ nào chịu trách nhiệm. Thứ hai, vì Luật BVMT sẽ có hiệu lực từ ngày 01/01/2022, các nghị định và thông tư phải được xây dựng đầy đủ trước ngày này để cơ quan liên quan có thể thực thi từng điều khoản của Luật BVMT. Thứ ba, các chính sách nền tảng cần bao gồm các mục tiêu rõ ràng về hàm lượng tái chế tối thiểu.

Sự cần thiết phải thiết lập các mục tiêu chi tiết trong các nghị định và thông tư hướng dẫn Luật BVMT mới

Những Điều chính liên quan đến nội dung nhựa tái chế và EPR theo Luật BVMT mới là Điều 53, 54 và 55, như đề cập nêu trong Bảng 5 dưới đây. Những Điều này là bước cải tiến trong Luật BVMT 2014. Tuy nhiên, các nghị định và thông tư phải thực hiện được và có mục tiêu rõ ràng và thực tế..



Bảng 5.

CÁC ĐIỀU KHOẢN CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN TUẦN HOÀN NHỰA (HÀM LƯỢNG TÁI CHẾ VÀ EPR)

| Điều | Nội dung chính của mỗi điều | Nội dung quan trọng của các nghị định và thông tư (chưa đầy đủ) |
|--|--|--|
| Điều 53: Bảo vệ môi trường đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ | <ul style="list-style-type: none"> Điều này thảo luận về việc xử lý các loại chất thải khác nhau. Tuy nhiên, phần lớn điều này tập trung vào xử lý nước thải mà không có hướng dẫn rõ ràng về quản lý chất thải nhựa. Quy định này yêu cầu các ngành mục tiêu phải thu gom, phân loại, lưu giữ, tái sử dụng, tái chế, và xử lý các chất thải khác nhau. | <ul style="list-style-type: none"> Các mục tiêu bắt buộc về tỷ lệ Thu gom Tái chế. Các mục tiêu phải được điều chỉnh theo mức độ có thể tái chế của các loại nhựa và sản phẩm cũng như mức độ phát triển của cơ sở hạ tầng tái chế. |
| Điều 54: Trách nhiệm tái chế của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu | <ul style="list-style-type: none"> Điều này quy định rõ về việc tổ chức sản xuất hoặc nhập khẩu sản phẩm, bao bì có giá trị tái chế phải thực hiện tái chế theo tỷ lệ và quy cách tái chế bắt buộc. Điều này cho phép đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam hoặc tổ chức có trách nhiệm tái chế tự tổ chức tái chế sản phẩm. Các tổ chức phải đăng ký kế hoạch tái chế và báo cáo kết quả tái chế hàng năm. | <ul style="list-style-type: none"> Mức phí có điều chỉnh (điều chỉnh sinh thái) cho các loại bao bì nhựa khác nhau (và bao bì khác). Mức phí nên thấp hơn đối với bao bì có khả năng tái chế nhiều hơn, và cao hơn đối với bao bì có giá trị thấp hơn và không tái chế được. Mục tiêu hàm lượng tái chế bắt buộc. Việc thiết lập các mục tiêu cụ thể về hàm lượng tái chế và thời hạn thực hiện các mục tiêu này tối thiểu cần cân nhắc công suất tái chế đã lắp đặt, yêu cầu chất lượng, cơ sở hạ tầng QLCTR trong nước, và phân tích chi phí - lợi ích của các mục tiêu tái chế. Mọi mục tiêu tỷ lệ hàm lượng tái chế nên được thiết lập cho từng loại nhựa hoặc ứng dụng sử dụng cuối cùng. |
| Điều 55: Trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu | <ul style="list-style-type: none"> Tổ chức sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, bao bì chứa chất độc hại, khó có khả năng tái chế hoặc gây khó khăn cho thu gom, xử lý phải đóng góp tài chính để hỗ trợ các hoạt động của Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam. Các tổ chức quy định tại Điều này phải đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam, và mức đóng góp tài chính được xác định theo khối lượng hoặc đơn vị sản phẩm hoặc bao bì bán ra. Điều này quy định rõ các hoạt động do Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam hỗ trợ, bao gồm: (i) thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân; (ii) nghiên cứu, phát triển công nghệ, kỹ thuật, sáng kiến xử lý chất thải rắn sinh hoạt, và (iii) thu gom, vận chuyển, xử lý bao bì chứa thuốc bảo vệ thực vật. | |



Photo: Miquelito - Shutterstock

Thiết lập yêu cầu của chính phủ về nhu cầu liên tục đối với hàm lượng tái chế

Chính phủ Việt Nam là bên mua hàng hóa và dịch vụ lớn, mang lại cơ hội chiến lược để xây dựng nhu cầu liên tục trong nước đối với sản phẩm bền vững, bao gồm cả nhựa tái chế. Tuy nhiên, những nỗ lực trước đây để thiết lập khung mua sắm công xanh theo Luật BVMT 2014 có một số vần đè: (i) Các tiêu chí mua hàng tương đương với Tiêu chí Nhân xanh Việt Nam, hầu như không có các nhóm sản phẩm sẵn có và sản phẩm được cấp chứng nhận để lựa chọn; (ii) thiếu kế hoạch thực hiện rõ ràng; và (iii) mâu thuẫn với quy định hiện hành, cụ thể là pháp luật về đấu thầu, Luật Đầu tư Công vì các luật này không quy định những sản phẩm môi trường hoặc sản phẩm bền vững để sử dụng làm tiêu chí đánh giá nhà thầu.

Theo Luật BVMT sửa đổi, bổ sung năm 2020, hướng dẫn mua sắm xanh của khu vực nhà nước vẫn chưa rõ ràng. Điều 146 chỉ bao gồm hai khoản ngắn gọn. Khoản 1 tập trung vào việc mua sắm các sản phẩm được chứng nhận nhân sinh thái của Việt Nam. Nhân sinh thái của Việt Nam là nhân được chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam đối với sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường. Tuy nhiên, không có hướng dẫn rõ ràng về tiêu chí lựa chọn sản phẩm hoặc cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm. Khoản 2 ưu tiên thực hiện mua sắm xanh đối với dự án đầu tư, nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của Chính phủ. Tuy nhiên, khoản này không đề cập những quy định đó là gì.

Do đó, điều này cho thấy sự cần thiết phải đảm bảo để các nghị định và thông tư nền tảng liên quan có khuôn khổ rõ ràng và chặt chẽ để thực hiện mua sắm xanh thành công theo Điều 146 của Luật BVMT.

Thực hiện các mục tiêu hàm lượng tái chế cho các loại nhựa chính

Các mục tiêu bắt buộc về hàm lượng tái chế mang lại cơ hội đáng kể để tạo ra nhu cầu bền vững cho một ngành công nghiệp tái chế bền vững hơn ở Việt Nam. Liên quan đến khả năng các đơn vị tái chế trong nước hoàn thành các mục tiêu về hàm lượng tái chế, vào năm 2019, đã có đủ công suất tái chế trong nước để cho phép thực hiện các mục tiêu về hàm lượng tái chế ở mức tối thiểu 20% đối với bao bì PET, PP, HDPE và LDPE/LLDPE vào năm 2030, như có thể thấy tại Phụ lục 11. Tuy nhiên, cần đầu tư thêm cho các nhà máy hiện tại và/hoặc nhà máy mới để tăng sản lượng hàm lượng tái chế cấp thấp thực phẩm. Mặc dù các ứng dụng cấp thấp thực phẩm tạo ra cơ hội thúc đẩy nhu cầu nội địa, chưa có quy định rõ ràng về việc tận dụng cơ hội này ở Việt Nam. Duy Tân hiện đang dẫn đầu các cơ hội rPET cấp thực phẩm khi doanh nghiệp này bắt đầu có kế hoạch tìm kiếm chứng nhận cấp thực phẩm của FDA Hoa Kỳ.

Mặc dù hiện có đủ năng lực để đạt được các mục tiêu về hàm lượng tái chế, hầu hết sản phẩm nhựa ở Việt Nam không chứa hàm lượng tái chế vì các mục tiêu về hàm lượng tái chế hiện nay là tự nguyện. Do đó, việc áp dụng mục tiêu về hàm lượng tái chế bắt buộc sẽ đảm bảo nhu cầu nội địa ổn định đối với hàm lượng tái chế, nhờ đó thúc đẩy tỷ lệ CFR ở Việt Nam. Dưới đây là ví dụ về các chính sách thuận lợi của các quốc gia đối sánh nhằm thúc đẩy nhu cầu trong nước trong khi giảm rủi ro biến động giá của ngành tái chế (tham khảo thông tin chi tiết hơn tại Phụ lục 13):

Hộp 1.

ENABLING POLICIES FOR PLASTICS CIRCULARITY FROM BENCHMARK COUNTRIES



BAO BÌ:

Chi thị về Nhựa Sử dụng Một lần của Liên minh Châu Âu yêu cầu toàn bộ chai nhựa PET phải đáp ứng mục tiêu 25% hàm lượng tái chế vào năm 2025 và 30% mục tiêu hàm lượng tái chế vào năm 2030.

Gần đây, Vương quốc Anh đã công bố về sắc thuế đối với bao bì nhựa có chứa hàm lượng tái chế dưới 30% sẽ có hiệu lực vào tháng 4 năm 2022 và được áp dụng ở mức 200 bảng Anh/tấn.



TỔNG QUAN:

EU đã áp dụng mức thuế 0,80 €/kg đối với mỗi kg nhựa không tái chế sản xuất tại EU. Chiến lược về Nhựa trong Nền kinh tế Tuần hoàn của EU đã xây dựng kế hoạch cho những can thiệp ngành có định hướng tương lai nhằm sử dụng hàm lượng nhựa tái chế, như trong ngành xây dựng và ô tô.

Trong khuôn khổ Chiến lược về Nhựa trong Nền kinh tế Tuần hoàn của EU, Ủy ban Châu Âu kêu gọi các bên liên quan đưa ra các cam kết tự nguyện để thúc đẩy tiêu thụ nhựa tái chế. Mục tiêu là đảm bảo đến năm 2025, 10 triệu tấn nhựa tái chế được đưa vào các sản phẩm mới trên thị trường EU.

EU đang tích hợp hàm lượng tái chế trong các tiêu chí Mua sắm Công Xanh và Nhân sinh thái (Ecolabel). Sáng kiến của chính phủ Pháp về Mục tiêu Tái chế Nhựa (ORPLAST) và quy định mới của Ý về mua sắm công là hai ví dụ tốt về kết quả có thể đạt được ở cấp quốc gia. Dự án ORPLAST của Cơ quan Môi trường

(ADEME) Pháp hỗ trợ 33 dự án ngành về sử dụng lại nhựa tái chế bằng cách hỗ trợ các nhà sản xuất nghiên cứu và đầu tư cho sử dụng vật liệu tái chế. Dự án cũng kết hợp với một khoản tài trợ để bù đắp chênh lệch giữa giá nhựa hóa thạch và giá nhựa tái chế.

Bang Maharashtra ở Ấn Độ yêu cầu tất cả các nhà sản xuất nhựa công nghiệp sử dụng 25% hàm lượng tái chế.

Các công cụ EPR, như các mục tiêu bắt buộc về hàm lượng tái chế, có vai trò quan trọng trong việc tách rời nhu cầu nhựa tái chế với giá nhựa nguyên sinh thường xuyên biến động. Cần có những quy định bắt buộc như vậy để thiết lập môi trường thuận lợi cho các khoản đầu tư vào tuần hoàn nhựa. Tuy nhiên, việc yêu cầu hàm lượng tái chế bắt buộc không phải là không có thách thức. Phụ lục 11.1 minh họa những thách thức cần vượt qua để các mục tiêu về hàm lượng tái chế trở nên hữu hiệu.

Các phương án tài trợ nhỏ và không thể tiếp cận đối với ngành tái chế nhựa

Trong hai thập kỷ qua, ngành công nghiệp hóa dầu đã nhận được một loạt các ưu đãi về thuế và ngoài thuế cho các dự án, như ưu đãi thuế, trợ giá, hoặc quyền sử dụng đất.⁵¹ Trong khi đó, chính phủ Việt Nam hiện không có chính sách ưu đãi cụ thể nào để hỗ trợ trực tiếp cho ngành tái chế nhựa. Từ góc độ tài trợ khu vực tư nhân, trong khi có động lực hướng tới tài trợ cho sự phát triển của nền kinh tế tuần hoàn, vẫn còn có thách thức, đặc biệt là khả năng của các phương án tài chính trong việc đáp ứng nhu cầu của các đơn vị tái chế nhựa.

Các chính sách ưu đãi hiện tại của chính phủ chưa hướng đến mục tiêu tái chế nhựa

Trên 90% các đơn vị tái chế chính thức được tham vấn trong nghiên cứu này cho biết chính phủ hiện không có hỗ trợ tài chính hoặc ưu đãi nào rõ ràng cho hoạt động tái chế nhựa. 10% còn lại nhận thức được rằng Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam (VEPF) có thể là một nguồn hỗ trợ tài chính. VEPF được thành lập năm 2001 và là quỹ xanh duy nhất do chính phủ quản lý thông qua Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TNMT). Quỹ này cung cấp hỗ trợ tài chính cho các chương trình, dự án, và hoạt động về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, phòng ngừa và khắc phục các vấn đề môi trường có tác động đáng kể của quốc gia. Quỹ đã cung cấp các khoản vay ưu đãi trị giá 2.650 tỷ đồng (115 triệu USD) cho 275 dự án liên quan đến xử lý nước thải, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại, và nâng lượng tái tạo.⁵² Đối với tái chế nhựa, Quyết định số 11/QĐ-HĐQL ngày 28 tháng 12 năm 2018 ban hành tiêu chí lựa chọn cho vay ưu

51 Những ưu đãi này không được quy định cụ thể và rõ ràng và theo trường hợp cụ thể và được quyết định ở cấp tỉnh theo chia sẻ của đại diện VPA.

52 Viet Nam Environment Protection Fund - [Introduction](#)

đại đối với các sản phẩm/lĩnh vực, bao gồm tái chế chất thải rắn và hoạt động của các cơ sở xử lý chất thải (chất thải sinh hoạt, công nghiệp, và chất thải nguy hại). Tuy nhiên, không đơn vị tái chế nhựa nào trong nhóm được phỏng vấn từng nộp đơn xin tài trợ của VEPF do thiếu nhận thức (chỉ 10% được biết) và tình trạng thiếu rõ ràng về quy trình đề nghị tài trợ của VEPF.⁵³

Do không có các ưu đãi đầu tư dành riêng cho tái chế nhựa, các đơn vị tái chế nhựa còn thiếu hiểu biết về hỗ trợ tài chính hiện có của chính phủ. Những đơn vị tái chế chia sẻ khó khăn khi bắt đầu hoạt động tái chế chính thức. Những đơn vị này cho biết họ cần có ưu đãi trong giai đoạn đầu khởi nghiệp hoạt động để có sân chơi “bình đẳng” hơn, đặc biệt trong lĩnh vực tái chế phi chính thức. Các doanh nghiệp tái chế nhận thấy họ đang vận hành các doanh nghiệp cùng tham gia hỗ trợ thực hiện Kế hoạch Hành động Quốc gia về Quản lý Rác thải Nhựa Đại dương của Việt Nam đến năm 2030, cụ thể là mục tiêu giảm 75% rác thải nhựa trên biển và đại dương, và do đó cần có ưu đãi từ chính phủ.

Để đạt được tỷ lệ CFR nhựa cao hơn, chính sách ưu đãi cho tái chế nhựa cần ngang bằng hoặc cao hơn ưu đãi cho ngành nhựa nguyên sinh. Các ưu đãi có thể bao gồm miễn thuế cho doanh nghiệp mới, miễn thuế nhập khẩu máy móc, và khấu trừ bổ sung cho chi phí lao động. Mặc dù những chính sách ưu đãi như vậy là một bước đi đúng hướng và đặc biệt có thể khuyến khích tăng trưởng của doanh nghiệp mới, nhưng có thể chỉ có hiệu quả hạn chế trong hỗ trợ tài chính cho các cơ sở tái chế đang gặp khó khăn để duy trì hoặc phát triển kinh doanh. Như đối với năng lượng tái tạo, ý tưởng đằng sau chính sách ưu đãi vật liệu tái chế hoặc tái sử dụng là khuyến khích đổi mới để hỗ trợ thị trường ổn định. Sau khi thị trường được thiết lập và vật liệu tái chế có thể cạnh tranh trên cơ sở chi phí với vật liệu nguyên sinh, có thể giảm hoặc loại bỏ dần ưu đãi.⁵⁴ Điều này đặc biệt phù hợp khi ngành nhựa tái chế đang phải cạnh tranh gay gắt với nhựa nguyên sinh do giá dầu thấp (như đã đề cập tại Phần 3.1.1).

Hầu hết các đơn vị tái chế không tiếp cận được nguồn tài trợ của ngân hàng thương mại

Các đơn vị tái chế có thể nộp hồ sơ đề nghị vay vốn đối với khoản vay ngân hàng thông thường hoặc tài trợ xanh.

Khoản vay ngân hàng thông thường: Nhiều đơn vị tái chế nhựa ở Việt Nam cho biết tỷ lệ từ chối đối với các khoản vay ngân hàng thông thường ở mức cao do họ thiếu vốn nghiêm trọng. Có ba lý do cho việc từ chối. Thứ nhất, doanh nghiệp tái chế thường là các doanh nghiệp gia đình quy mô nhỏ và không có đủ tài sản đảm bảo, như tài sản hoặc đất đai, mà nhiều ngân hàng thương mại yêu cầu để bảo đảm cho các khoản vay. Thứ hai, các đơn vị tái chế thiếu hồ sơ tài chính minh bạch để chứng minh thu nhập và chi phí hoạt động vì nhiều giao dịch được thực hiện bằng tiền mặt. Các đơn vị tái chế mua nguyên vật liệu thô từ khu vực phi chính thức không có biên lai phù hợp cùng với hóa đơn thuế giá trị gia tăng (VAT) (còn được gọi là hóa đơn đỏ). Do đó, những giao dịch như vậy sẽ không được thể hiện trên tờ khai thuế. Thứ ba, các đơn vị tái chế không tách được dòng thu nhập từ tái chế và từ nguồn khác vì nhiều cơ sở cung hoạt động trong vai trò thu mua để bảo đảm bền vững tài chính chung cho hoạt động kinh doanh.

Điều này cho thấy chính phủ cần cung cấp một chương trình bảo lãnh khoản vay có thể tạo điều kiện cho doanh nghiệp tái chế nhựa và tuân hoán nhựa, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) không có tài sản thế chấp để vay vốn từ các ngân hàng.

Tài chính xanh: Đối với tài chính xanh, hiện tối thiểu có Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng (VPBank), HSBC và một số ngân hàng thương mại trong nước khác cung cấp khoản vay xanh. Vào tháng 1 năm 2020, IFC đã cung cấp gói tài trợ trị giá 212,5 triệu USD cho VPBank để mở rộng cho vay đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, và tăng cường tài trợ, đặc biệt cho các dự án thân thiện về khí hậu. Đây là một trong những giao dịch cho vay xanh đầu tiên của Việt Nam và tạo cơ hội cho VPBank có vai trò tiên phong trong lĩnh vực tài chính xanh tại Việt Nam, bao gồm chuyển dịch hướng tới nền kinh tế tuần hoàn. Vào tháng 7 năm 2020, HSBC đã ký một hợp đồng tín dụng xanh với Công ty Cổ phần Nhựa Duy Tân. Phụ lục 12 cung cấp thêm thông tin chi tiết về VPBank, và Hộp 1 dưới đây cung cấp ví dụ về khoản vay xanh gần đây cho một công ty tái chế nhựa trong nước.

53 Mặc dù đã có hướng dẫn nộp hồ sơ xin vay trên trang web của VEPF, các đơn vị tái chế được phỏng vấn cho biết quy trình nộp hồ sơ đề nghị vay của VEPF còn chưa rõ ràng.

54 Green Alliance - [Completing the Circle, Creating Effective UK Markets for Recovered Resources \(2018\)](#)

Hộp 2.

NHỰA DUY TÂN NHẬN KHOẢN VAY XANH ĐẦU TIỀN TỪ HSBC VIỆT NAM

Vào tháng 7/2020, HSBC Việt Nam đã ký hợp đồng tín dụng xanh với Công ty Cổ phần Nhựa Duy Tân để tài trợ cho giai đoạn đầu của cơ sở tái chế nhựa Duy Tân với khoản vay 60 triệu USD. Đây là khoản vay xanh đầu tiên mà HSBC thu xếp cho một công ty tại Việt Nam.⁵⁵ Với công suất dự kiến lên đến 100.000 tấn/năm vào năm 2025, nhà máy sẽ là cơ sở tái chế từ vỏ chai thành vỏ chai mới đầu tiên của Việt Nam. Cơ sở sẽ tập trung sản xuất chai PET và điều chỉnh dây chuyền và công suất đầu ra HDPE tùy theo nhu cầu của khách hàng.

Để đảm bảo hạn mức tín dụng xanh từ HSBC, dự án của Duy Tân phải đáp ứng quy trình quản lý và phê duyệt tín dụng nghiêm ngặt của Ủy ban Cho vay Bên vững Châu Á Thái Bình Dương của HSBC. Ngoài ra, dự án phải đáp ứng các tiêu chuẩn cao của Nguyên tắc Cho vay Xanh Quốc tế do Hiệp hội Thị trường Cho vay và Hiệp hội Thị trường Cho vay Châu Á Thái Bình Dương đồng ban hành, bao gồm bốn cấu phần cốt lõi: sử dụng số tiền thu được, lựa chọn và thẩm định dự án, quản lý dòng tiền thu được, và báo cáo.

55 Vietnam Investment Review, [Vietnam rolls out first green financing package for duy tan plastics recycling](#), 2020

Mặc dù đã có một số tiến bộ tích cực như vậy, các phương án tài chính xanh vẫn còn phải vượt qua nhiều thách thức mới đáp ứng được nhu cầu của các đơn vị tái chế nhựa, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Những thách thức này bao gồm:

- *Yêu cầu nghiêm ngặt đối với các khoản vay xanh:* Trong khi các yêu cầu nghiêm ngặt là cần thiết, yêu cầu đối với các khoản vay xanh thường chặt hơn các khoản vay tiêu chuẩn của ngân hàng (tham khảo Phụ lục 12.2 về yêu cầu đối với các khoản vay xanh của VPbank). Do đó, nhiều đơn vị tái chế (đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa) không thể đáp ứng được yêu cầu.
- *Các đơn vị tái chế chưa có nhận thức đầy đủ về khoản vay xanh:* Trên 75% số đơn vị tái chế được phỏng vấn trong khuôn khổ nghiên cứu này cho biết họ không biết về các phương án tài chính xanh hiện có. Cụ thể với VPBank, VPBank cho biết cho đến nay mới có một công ty tái chế nhựa nộp hồ sơ đề nghị vay vốn (và hồ sơ đề nghị vay vốn của công ty tái chế này đã không được phê duyệt do thiếu có báo cáo lãi lỗ rõ ràng).
- *Nhu cầu vay nhỏ hơn.* Các đơn vị tái chế nhỏ và vừa quan tâm đến hỗ trợ tài chính thường cần các khoản vay quy mô nhỏ hơn nhiều (10.000 USD - 500.000 USD) cho nhiều mục đích khác nhau, từ tăng nhân sự, trả vốn vay, cải tiến công nghệ tái chế hoặc mở rộng công suất. Trong khi đó, các ngân hàng nhìn chung thích cấp các khoản vay quy mô lớn cho doanh nghiệp lớn và có tình hình tài chính tốt.

Ngoài chương trình bảo lãnh khoản vay của chính phủ nêu trên, những thách thức về tài chính xanh này cho thấy cơ hội cải thiện tài trợ xanh cho các doanh nghiệp tái chế nhựa và doanh nghiệp tuần hoàn nhựa. Điều cần thiết là truyền thông/nâng cao nhận thức về tín dụng xanh và nâng cao năng lực/đào tạo các đơn vị tái chế nhựa để đáp ứng các yêu cầu cho vay và điều chỉnh quy mô khoản vay.



"Chúng tôi không biết về những chương trình tài chính xanh này. Mà kể cả biết, chúng tôi thấy các chương trình tài chính này chỉ có lợi cho các công ty vốn đã có nhiều tiền mặt."

Đơn vị tái chế ở Hà Nội, Việt Nam

Ví dụ về chính sách thuận lợi của các quốc gia đối sánh

Dưới đây là ví dụ về chính sách thuận lợi của các quốc gia đối sánh nhằm hỗ trợ ngành tái chế (tham khảo thông tin chi tiết hơn tại Phụ lục 13):

- Trong khuôn khổ Chiến lược về Nhựa trong Nền kinh tế Tuần hoàn của EU, hơn 5,5 tỷ € đã được phân bổ để cải thiện hoạt động quản lý chất thải trên toàn Châu Âu. Hoạt động này dự kiến sẽ làm tăng thêm 5,8 triệu tấn công suất tái chế chất thải mỗi năm. Ví dụ, trên 1,5 triệu € được phân bổ để hỗ trợ

- Vùng Walloon của Bỉ thực hiện dự án Tái chế công nghệ ERDF nhằm triển khai quy trình sáng tạo để tái chế chất thải nhựa cứng tại chính bãi chôn lấp.
- Với tài trợ của EU's Horizon 2020, hơn 250 triệu € đã được phân bổ cho nghiên cứu và phát triển liên quan đến nhựa trong nền kinh tế tuần hoàn. Năm 2020, 100 triệu € được bổ sung để tài trợ cho các hành động ưu tiên, bao gồm phát triển vật liệu nhựa thông minh hơn và có khả năng tái chế tốt hơn, quy trình tái chế hiệu quả hơn, và loại bỏ các chất độc hại và chất gây ô nhiễm từ nhựa tái chế.

- Trong khuôn khổ Quỹ Đầu tư Chiến lược Châu Âu, GreenFiber International SA đã được cấp khoản vay 7,5 triệu € để tài trợ cho dự án tái chế và kinh tế tuần hoàn nhằm tạo ra 280 việc làm toàn thời gian và thu gom và xử lý trên 50.000 tấn chất thải mỗi năm.
- Nhật Bản thực hiện chính sách lồng ghép tài trợ cho Các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG)/Môi trường-Xã hội-Quản trị (ESG). Trong khuôn khổ chính sách này, bao gồm cả nội dung kinh tế tuần hoàn và biến đổi khí hậu, một số hướng dẫn triển khai đã được xây dựng, như hướng dẫn thẩm định doanh nghiệp và công bố thông tin. Một hội đồng cấp cao về tài chính ESG bao gồm các lãnh đạo doanh nghiệp hàng đầu đã được thành lập.

Thiếu hụt công suất tái chế và sự cần thiết phải có cơ sở tái chế tiên tiến

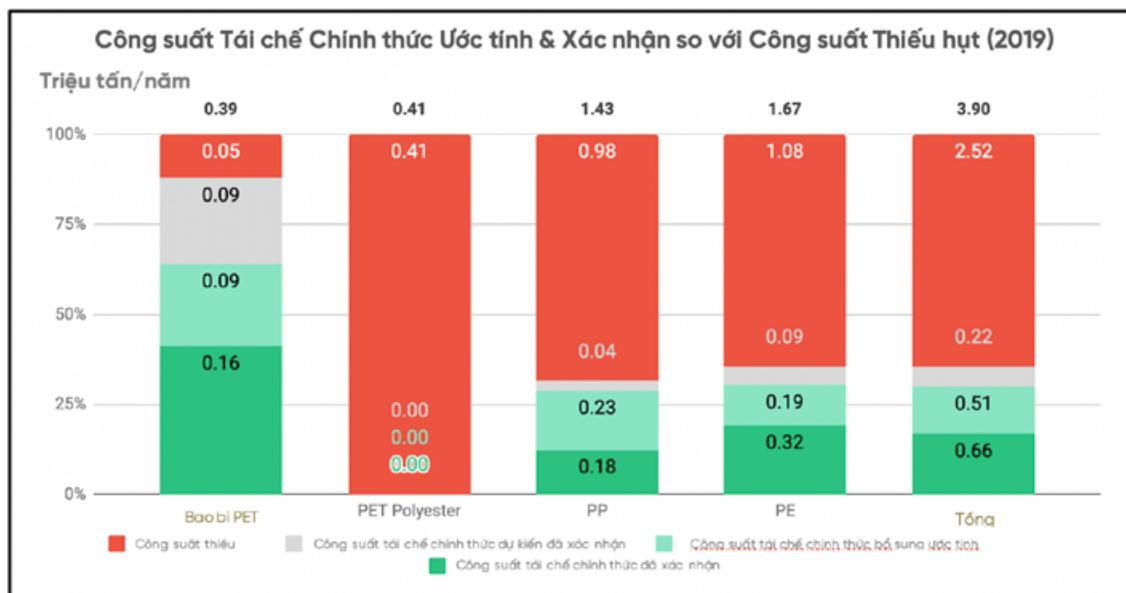
Chênh lệch giữa tổng lượng nhựa tiêu thụ đối với các loại nhựa chính và công suất chính thức ước tính hiện tại cho các loại nhựa này tương đương với 2,73 triệu tấn/năm hay 70%.⁵⁶ Chênh lệch này rõ ràng nhất đối với Polyester PET (chênh lệch 100%), tiếp theo là PP (chênh lệch 71%) và PE (chênh lệch 70%). Mức chênh lệch đối với Bao bì PET là thấp nhất (chênh lệch 36%). Chênh lệch này sẽ giảm một chút vì sẽ có công suất bổ sung đi vào hoạt động từ năm 2020 đến năm 2025. Theo phỏng vấn các đơn vị tái chế chính thức, các khoản đầu tư theo kế hoạch cho công suất tái chế bổ sung tổng cộng là 0,22 triệu tấn/năm, trong đó có 0,09 triệu tấn/năm cho bao bì PET (xem hình 31 dưới đây). Kể cả khi tính đến khu vực phi chính thức và mở rộng theo kế hoạch, công suất còn thiếu vẫn ở mức đáng kể là 49% lượng nhựa tiêu thụ.⁵⁷

56 Giá trị này dựa trên tỷ lệ tái chế 100% và sử dụng cho mục đích minh họa vì mục tiêu tái chế và chiết xuất giá trị vật liệu được đặt ra dựa trên 100% đầu vào thị trường/vật liệu.

57 Để biết thêm thông tin về ước tính công suất lắp đặt của các cơ sở tái chế không chính thức, vui lòng tham khảo Phụ lục 8.

Hình 31.

THIẾU HỤT CÔNG SUẤT ƯỚC TÍNH SO VỚI CÔNG SUẤT LẮP ĐẶT ĐỂ TÁI CHẾ CÁC LOẠI NHỰA CHÍNH TẠI VIỆT NAM (2019)



Ghi chú: Tham khảo Phụ lục 8D để có thêm chi tiết về công suất tái chế chính thức ước tính và xác nhận

Tình trạng thiếu hụt nhu cầu trong nước đối với nhựa tái chế, đặc biệt đối với các ứng dụng sử dụng cuối có giá trị cao, dẫn đến tỷ suất lợi nhuận kém hơn và cuối cùng dẫn đến thiếu hụt đáng kể về đầu tư cho các cơ sở tái chế tiên tiến. Nhiều đơn vị tái chế được phóng vân cho nghiên cứu này có thiết bị lạc hậu và vẫn sử dụng lao động thủ công, kể cả khi tự động hóa có thể giúp tiết kiệm chi phí và cải thiện lợi nhuận trong dài hạn. Ngoài ra, nhiều cơ sở tái chế thiếu thiết bị an toàn lao động và hệ thống xử lý nước thải.

Các cơ chế EPR (như cơ chế đề xuất theo Luật Bảo vệ Môi trường 2020) cho từng ngành sẽ giúp làm rõ trách nhiệm của tất cả các bên liên quan chính trong chuỗi giá trị ngành nhựa, thiết lập các mục tiêu có tính ràng buộc đối với thu gom và tái chế hoặc thu

hồi chất thải. Những mục tiêu này cũng thiết lập môi trường thuận lợi để đầu tư tăng công suất tái chế. Ví dụ, ở một số quốc gia có tỷ lệ tái chế cao, hầu hết chi phí thu gom và xử lý riêng chất thải bao bì được tài trợ từ đóng góp của các nhà sản xuất.⁵⁸ Trong trường hợp không có chính sách EPR, các ngành công nghiệp không có nghĩa vụ khuyến khích đầu tư cho công suất tái chế trong nước, do đó dẫn đến tỷ lệ CFR thấp hơn, đặc biệt đối với chất thải có giá trị thấp không được thu gom.

Dưới đây là ví dụ về chính sách thuận lợi từ các quốc gia đổi sánh về hỗ trợ tăng công suất tái chế và thực hiện EPR (tham khảo thông tin chi tiết hơn tại Phụ lục 13):

58 European Commission, "EU Strategy for Plastics in the Circular Economy" (2018)

Hộp 3.

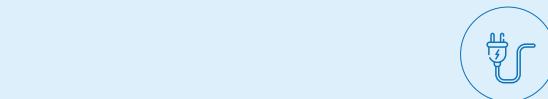
ENABLING POLICIES FOR RECYCLING AND EPR FROM BENCHMARK COUNTRIES



BAO BÌ:

Chi thị về Nhựa Sứ dụng Một lần của EU yêu cầu tất cả các quốc gia thành viên tái chế tối thiểu 55% toàn bộ bao bì nhựa năm 2030. Riêng chai nhựa sử dụng một lần có tỷ lệ CFR mục tiêu cao hơn, ở mức 77% năm 2025 và 90% năm 2029.

Nhận thức được rằng việc thiết lập mục tiêu là chưa đủ, Chi thị về Nhựa Sứ dụng Một lần của EU cũng yêu cầu các quốc gia thành viên triển khai các chương trình Trách nhiệm Mở rộng của Nhà sản xuất (EPR), chi trả cho chi phí thu gom, vận chuyển, và xử lý, dọn vệ sinh và các biện pháp nâng cao nhận thức đối với hộp đựng, bao gói và giấy gói thực phẩm, cốc đựng đồ uống, hộp đựng đồ uống có dung tích đến ba lít, túi nhựa loại nhẹ và dụng cụ câu cá, đều trước 31/12/2024.



THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ:

Chi thị về Thiết bị Điện và Điện tử Thải bỏ của EU (WEEE) 2012/19/EU quy định về việc xây dựng kế hoạch thu gom trong đó người tiêu dùng được trả lại WEEE miễn phí.

Theo Luật Tài ché Thiết bị Gia dụng của Nhật Bản, bao gồm sản phẩm điện tử, các nhà sản xuất phải nhận lại các thiết bị gia dụng mà họ đã sản xuất hoặc nhập khẩu từ các nhà bán lẻ và tái chế những thiết bị này. Luật quy định trách nhiệm của từng bên liên quan trong toàn bộ vòng đời sản phẩm. Theo quy định, các bên liên quan như nhà bán lẻ và nhà sản xuất phải cung cấp cơ sở hạ tầng thu gom như điểm trả sản phẩm và dịch vụ nhận lại sản phẩm. Những bên liên quan không có khả năng cung cấp hệ thống thu gom, như hộ gia đình, phải trả phí tái chế bắt buộc để góp phần tài trợ cho hệ thống thu gom.



XÂY DỰNG:

Chương trình Dầu ăn Xanh BCA của Singapore khuyến khích sử dụng vật liệu bền vững trong xây dựng và cung cấp cơ sở hạ tầng thu gom rác tái chế.



DỆT MAY:

Gói Kinh tế Tuần hoàn Đầu tiên của EU (2018) yêu cầu các quốc gia thành viên bảo đảm thu gom riêng sản phẩm dệt may vào năm 2025.

Nguồn cung không đều và có rủi ro từ khu vực phi chính thức

Tương tự nhiều quốc gia láng giềng Đông Nam Á, Việt Nam phụ thuộc nhiều vào khu vực phi chính thức đối với hoạt động thu gom vật liệu tái chế, trong đó có phé liệu nhựa. Nghiên cứu trước đây của nhóm nghiên cứu cho thấy tỷ lệ CFR đối với chai PET là 62% ở Thành phố Hồ Chí Minh và 39% ở Hà Nội. Theo ước tính, 90% số vỏ chai PET này, được thu gom để tái chế, do khu vực phi chính thức xử lý.⁵⁹ Theo phỏng vấn các bên liên quan, tình hình của các loại nhựa khác cũng tương tự như vậy, đặc biệt là nhựa sau tiêu dùng và vật liệu bao bì khác. Ví dụ như thành phố Hồ Chí Minh làm, một đô thị ở Việt Nam, khu vực phi chính thức là bộ phận không thể thiếu của hệ thống quản lý chất thải rắn (QLCTR).⁶⁰ Theo báo cáo, lực lượng lao động thu gom rác phi chính thức bao gồm 6.200 người, tức là 2.000 người nhặt rác trên đường phố, và 4.200 người nhặt rác độc lập.⁶¹

Khu vực phi chính thức đóng vai trò quan trọng trong hoạt động thu gom và phân loại chất thải trong trường hợp không có phương thức chính thức rộng rãi để thu gom phé liệu nhựa (vd: phân loại phé liệu tái chế tại nguồn, cơ sở thu hồi vật liệu chuyên dụng cho phé liệu tái chế). Tình trạng này tạo ra một hệ thống thu gom rác tái chế song song nhưng không hiệu quả, cùng với hoạt động thu gom CTRDT chính thức, trong đó phé liệu của người thu gom không chính thức và chính thức được giao dịch thông qua mạng lưới cửa hàng thu mua không chính thức để tới được cơ sở chế biến và tái chế.

59 GA Circular, “[Full Circle: Accelerating the Circular Economy for Post-Consumer PET Bottles in Southeast Asia](#)” (2019)

60 USAID, “Behavior Change in Local Systems to Mitigate Ocean Plastic Pollution” (2020)

61 Nghiên cứu do ENDA thực hiện đã chỉ ra số lượng người nhặt/thu gom rác thải phi chính thức. Người thu gom rác thải đường phố được định nghĩa là cá nhân thu gom phé liệu tái chế trên đường phố và/hoặc mua phé liệu từ các hộ gia đình trong khi người thu gom rác thải độc lập là cá nhân thu gom rác thải sinh hoạt từ các hộ gia đình, vận chuyển rác thải đến trạm trung chuyển và nhặt ra phé liệu tái chế trong đó có nhựa.

Sự phụ thuộc nặng nề vào khu vực phi chính thức đặt ra thách thức cho doanh nghiệp tái chế do biến động mạnh của nguồn cung và giá cả của giao dịch phi chính thức. Khu vực phi chính thức thường hạn chế hoạt động khi giá mua nhựa tái chế giảm. Vì lý do đó, các cơ sở tái chế liên tục cho rằng việc tiếp cận nguồn nguyên liệu ổn định và đầy đủ (về chất lượng, giá cả và khối lượng) là một thách thức lớn.

Các nghiên cứu trước đây do nhóm nghiên cứu thực hiện tại Việt Nam và các nước Đông Nam Á khác vào năm 2017 và 2018 cho thấy giá phé liệu tái chế giảm và chi phí sinh hoạt ngày càng tăng đã khiến việc thu gom phé liệu tái chế trở nên khó khăn đối với người lao động phi chính thức.⁶² Nếu việc thu gom phé liệu tái chế được hệ thống thu gom rác thải chính thức ưu tiên thực hiện, tỷ lệ CFR sẽ tăng lên khi các thành phố phát triển. Tuy nhiên, tình hình ở Đông Nam Á chưa đạt được điều này vì hoạt động thu gom vẫn phụ thuộc nhiều vào khu vực phi chính thức. Do đó, tỷ lệ CFR thường thấp hơn ở các thành phố phát triển hơn như Kuala Lumpur và Bangkok như có thể thấy ở biểu đồ dưới đây. Như vậy, việc các thành phố Việt Nam tiếp tục phụ thuộc vào khu vực phi chính thức có thể làm giảm tỷ lệ CFR khi GDP bình quân đầu người tăng lên trong thập kỷ tới.

Có thể thấy rõ tác động của việc phụ thuộc quá nhiều vào khu vực phi chính thức ở Việt Nam trong giai đoạn đại dịch COVID-19. Trong thời gian giãn cách, những người thu gom và thu mua phé liệu phi chính thức không được phép làm việc vì không được coi là dịch vụ thiết yếu. Kể cả sau khi kết thúc giãn cách, chỉ có 50 - 70% cơ sở tái chế hoạt động. Lý do là nhu cầu nhựa tái chế giảm, giá bán thấp, thiếu nguồn cung nguyên vật liệu, và thiếu nhân công do hạn chế về giãn cách xã hội.⁶³

62 GA Circular, “[Full Circle: Accelerating The Circular Economy For Post-consumer Pet Bottles In Southeast Asia](#)” (2019)

63 GA Circular & Circulate Capital - [Safeguarding the Plastic Recycling Value Chain](#) (2020)

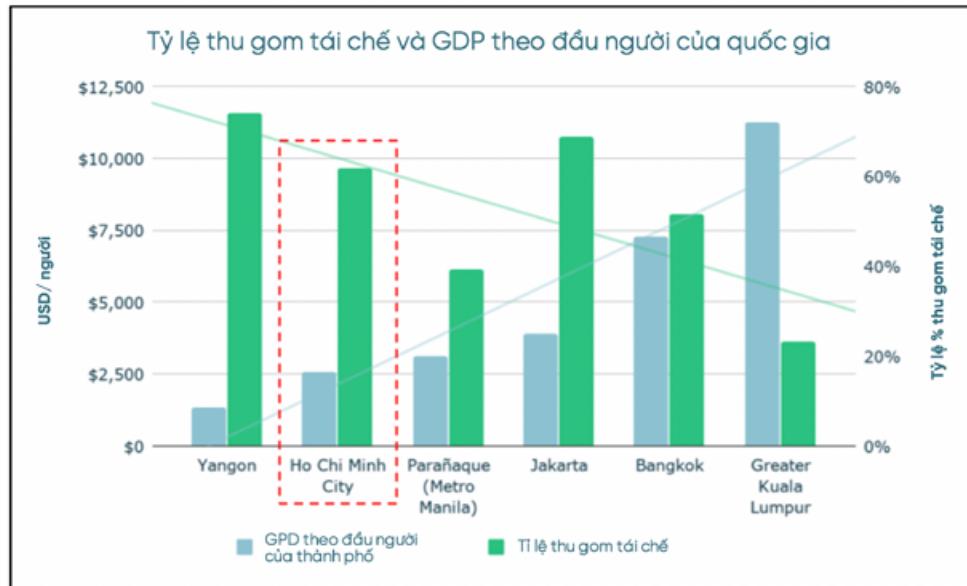


“Nguồn cung từ khu vực thu gom phi chính thức có thể ngừng bất cứ lúc nào khi không có nhu cầu”

Đơn vị tái chế ở Việt Nam

Hình 32.

GDP THEO ĐẦU NGƯỜI VÀ TỶ LỆ CFR CỦA MỘT SỐ THÀNH PHỐ ĐÔNG NAM Á



Nguồn: Nghiên cứu của Công ty GA Circular

Tỷ lệ CFR đối với các loại nhựa khác nhau có thể giảm trong thập kỷ tới ở Việt Nam trừ khi Việt Nam thực hiện các bước cần thiết để hoạt động thu gom nhựa trở thành hoạt động chính thức, cùng với việc hồi nhập tốt hơn của khu vực phi chính thức. Sụt giảm này, cùng với kiểm soát chặt chẽ hơn đối với nhựa phế liệu nhập khẩu vào năm 2025, gây ra những thách thức nghiêm trọng về nguyên vật liệu cho các đơn vị tái chế.

Một ví dụ về chính sách thuận lợi của một quốc gia đối sánh, Ấn Độ, hỗ trợ công nhận và hội nhập khu vực phi chính thức, thể hiện rõ trong tài liệu năm 2020, "Hướng dẫn về Khung Thống nhất về Trách nhiệm Mở rộng của Nhà sản xuất theo Quy tắc Quản lý Chất thải Nhựa 2016". Theo đó, các nguyên tắc hướng dẫn thúc đẩy cải thiện tuân hoán nhựa bằng cách khuyến khích các chương trình tái chế phân loại tại nguồn như hỗ trợ trực tiếp và gián tiếp để cải thiện điều kiện làm việc và thu nhập của các cơ sở tái chế phi chính thức. Những nguyên tắc này kêu gọi hợp thức hóa và tăng cường năng lực các bên liên quan trong khu vực phi chính thức như người nhặt rác, thu mua, và thu gom phế liệu để triển khai mô hình EPR một cách phù hợp. Theo hướng dẫn này, cơ quan quản lý chất thải cần trao đổi với những người nhặt rác phi chính thức và tạo cơ hội để họ tham gia hệ thống quản lý chất thải chính thức nhằm đảm bảo đầy đủ các điều kiện môi trường, sức khỏe, và làm việc an toàn, được công nhận nghề nghiệp, tôn trọng và nhân phẩm, có mô hình kinh doanh công bằng, kiểm toán các hoạt

động quản lý chất thải, các sáng kiến truyền thông, giáo dục, và hòa nhập cho người lao động trong lĩnh vực chất thải, và các hoạt động khác để tích hợp khu vực phi chính thức vào khu vực chính thức.

Hệ thống CTRDT ưu tiên thu gom và chôn lấp thay vì tái chế

Phát sinh CTRDT ở Việt Nam dự kiến sẽ tăng lên nhanh chóng, từ 26 triệu tấn/năm vào năm 2018 lên 38 triệu tấn/năm vào năm 2030, tương đương với mức tăng 45%. Phát sinh chất thải nhựa dự báo sẽ tăng 103% từ năm 2018 đến năm 2030 trong khi tỷ lệ nhựa trong CTRDT dự kiến sẽ tăng từ 14 lên 20% khi quốc gia tiếp tục đô thị hóa.⁶⁴ Hơn nữa, chất thải điện tử, chất thải xây dựng và phá dỡ, và chất thải thực phẩm sẽ là những vấn đề mới cần giải quyết.

Hệ thống CTRDT hiện có ở Việt Nam được thiết kế để thu gom và xử lý chất thải hầu hết theo cách đưa vào bãy chôn lấp (phần lớn không đảm bảo vệ sinh) và một phần xử lý bằng lò đốt hoặc cơ sở sản xuất phân hữu cơ, và hầu như hoặc không được tái chế chính thức. Mặc dù Chiến lược Quốc gia về Quản lý Tổng hợp Chất thải Rắn đến năm 2025 của Việt Nam đã thiết lập mục tiêu về phân loại, thu gom và tái chế chất thải, nhưng việc triển khai thu gom và tái chế riêng đối với nhựa và phế liệu tái chế khác hầu như chưa được thực hiện. Ví dụ như ở thành phố Hồ Chí Minh,

64 GA Circular & Circulate Capital - Safeguarding the Plastic Recycling Value Chain (2020)

đến năm 2020, vẫn chưa có hoạt động thu gom rác thải riêng, chính thức, và 69% rác thải thu gom tiếp tục được đưa đến các bãi chôn lấp, 31% còn lại được đưa đến các cơ sở sản xuất phân hữu cơ và lò đốt.⁶⁵ Ngoài ra, rác thu gom cũng không được phân loại thêm tại các trạm trung chuyển cho mục đích tái chế.

Luật BVMT sửa đổi được thông qua vào tháng 11/2020 có một số điều khoản đề cập đến việc chính thức hóa dịch vụ thu gom và cải thiện nỗ lực “3R” (Giảm thiểu, Tái sử dụng, và Tái chế) của khu vực nhà nước và tư nhân. Tuy nhiên, hầu hết các bên liên quan được phòng vấn trong nghiên cứu này tin rằng sẽ mất nhiều năm trước khi việc triển khai rộng rãi đạt được hiệu quả.

Cơ sở hạ tầng CTRDT ở Việt Nam hiện chưa được thiết kế để thúc đẩy tuân hoán, vì không có mục tiêu để các chính quyền chuyên dịch chất thải khỏi các bãi chôn lấp và tăng cường tái chế (mặc dù có mục tiêu quốc gia giảm chôn lấp xuống 80% vào năm 2025). Nếu không thực hiện phân loại chất thải tại nguồn,

chất lượng nhựa thu gom qua hệ thống CTRDT (khác với nhựa có giá trị cao do khu vực phi chính thức thu gom) rất thấp vì bị trộn lẫn và bị nhiễm tạp chất bao gồm chất thải hữu cơ và chất thải thông thường khác. Tình trạng thiếu hệ thống quản lý chất thải rắn tổng hợp (ISWM) là trở ngại lớn đối với việc mở rộng quy mô tái chế nhựa vì chi chiết xuất được một lượng nhỏ nhựa, do đó làm giảm tỷ lệ CFR, đặc biệt đối với nhựa không phải PET. Như đã đề cập trước đó trong phân tích năm 2018 của Ngân hàng Thế giới về lĩnh vực quản lý chất thải rắn của Việt Nam (Hộp 2 dưới đây), việc triển khai ISWM ở quốc gia sẽ rất thách thức vì phí CTRDT do chính quyền địa phương thu thường chỉ bù đắp được chưa tới 60% tổng chi phí quản lý chất thải, thậm chí chỉ từ 20 - 30% chi phí ở một số địa phương. Do đó, hệ thống EPR bắt buộc, có thiết kế tốt, và việc triển khai hệ thống này một cách phù hợp như dự kiến trong Luật BVMT sửa đổi sẽ giúp giảm tình trạng hụt kinh phí này bằng cách chuyển trách nhiệm chi phí thu gom và thu hồi bao bì nhựa vào cuối vòng đời cho các nhà sản xuất và nhập khẩu.

65 Based on GA Circular comms with Ms Lam of CITENCO HCMC on 13th May 2020 as part of the Vietnam National Plastic Action Partnership study.

Hộp 4.

NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN CỦA NGÂN HÀNG THẾ GIỚI CHO VIỆT NAM (2018)

Nghiên cứu thị trường nhựa tuân hoán này bổ sung cho phân tích trước đó của Ngân hàng Thế giới về lĩnh vực quản lý chất thải rắn (QLCTR) ở Việt Nam,⁶⁶ với các khuyến nghị quan trọng để hỗ trợ thực hiện Chiến lược Quốc gia về Quản lý Chất thải Rắn. Báo cáo năm 2018 đã đánh giá lượng phát sinh chất thải rắn, thành phần, và tăng trưởng dự báo của chất thải rắn ở ba thành phố (Hà Nội, Hải Phòng và Phú Thọ) và ngoại suy để có số liệu ước tính cho toàn quốc. Báo cáo cũng phân tích các kịch bản quản lý chất thải khác nhau, bao gồm các khoản đầu tư cần thiết và chi phí vận hành cũng như tác động tương ứng đối với mức thuế và khả năng chi trả. Hộp này cung cấp các phát hiện và khuyến nghị chính từ nghiên cứu QLCTR này liên quan đến thúc đẩy tuân hoán nhựa ở Việt Nam.

Nghiên cứu này thấy rằng tốc độ đô thị hóa nhanh chóng của Việt Nam sẽ tiếp tục gây áp lực lên cơ sở hạ tầng và dịch vụ QLCTR vốn đã căng thẳng. Để đạt được các mục tiêu Chiến lược Quốc gia đầy tham vọng, Việt Nam phải áp dụng cách tiếp cận theo giai đoạn để hướng tới một hệ thống quản lý chất thải rắn hiện đại, tổng hợp, và bền vững với chi phí hợp lý. Điều này yêu cầu phải có những thay đổi được điều phối thận trọng trên các khía cạnh kỹ thuật, môi trường, tài chính, văn hóa xã hội, và chính sách.

Nghiên cứu nhấn mạnh thêm về sự cần thiết phải cải thiện hạ tầng cơ bản cho hệ thống thu gom và vận chuyển, bao gồm

việc hướng tới thu gom bằng container, cho phép hiện đại hóa và tối ưu hóa hệ thống QLCTR. Việc phân loại chất thải ướt (hữu cơ) và khô (nhựa) tại nguồn sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các phương án tái chế tốt hơn trong khi chuyển dịch chất thải khỏi bãi chôn lấp. Nghiên cứu cũng đánh giá các phương án xử lý chất thải cuối đường ống và chi phí liên quan.

Nghiên cứu ước tính tổng chi phí đầu tư để triển khai các hệ thống xử lý chất thải rắn hiện đại ở Việt Nam vào năm 2030 vào khoảng 13 tỷ USD. Ngoài ra, chi phí hoạt động hàng năm ước tính khoảng 2,2 tỷ USD, hay 20 USD (470.000 đồng)/người/năm. Phí rác thải thực tế ở nhiều thành phố nhỏ và khu vực nông thôn thấp hơn nhiều so với mức này, chi tương đương 79.500 đồng/người/năm. Thông thường, các doanh nghiệp vận hành như URENCO có nguồn thu dưới 20% từ phí chất thải, phần còn lại được cân đối bằng trợ cấp của chính quyền địa phương. Các khoản đầu tư lớn hoặc dài hạn để xây dựng các cơ sở và hệ thống QLCTR bị cản trở bởi tình trạng phụ thuộc vào trợ cấp và thiếu cơ chế tài chính phù hợp, như lập kế hoạch tài chính-ngân sách dài hạn, tiết kiệm để đầu tư trong tương lai và tái đầu tư, và hoàn vốn đầu tư. Như lưu ý trong nghiên cứu thị trường này, có cơ hội nắm bắt giá trị vật liệu thất thoát và tạo ra doanh thu nếu các dòng chất thải nhựa có giá trị được phân loại và thu hồi thích hợp để tái chế.

Mặc dù chính phủ đã ban hành luật và quy định toàn diện về QLCTR, trong đó có Luật Bảo vệ Môi trường sửa đổi mới thông qua, nhưng cần có cải cách hơn nữa, bao gồm lộ trình thực tế để giám sát, và đạt được kết quả. Cũng cần có kế hoạch quản lý chất thải chuyên dụng, cải thiện kỹ năng nguồn nhân lực, và tăng cường kiểm soát và thực thi.

66 World Bank, 2018. Solid and Industrial Hazardous Waste Management Assessment Options and Action Area to Implement the National Strategy.

Dưới đây là ví dụ về các chính sách thuận lợi từ các quốc gia đổi sánh để hỗ trợ chuyển đổi sang hệ thống CTRĐT tuần hoàn (tham khảo thông tin chi tiết hơn tại Phụ lục 13):

Hộp 5.

ENABLING POLICIES FROM BENCHMARK COUNTRIES FOR A CIRCULAR MSW SYSTEM



BAO BÌ:

Kế hoạch Hành động Kinh tế Tuần hoàn Đầu tiên của EU (2018) thiết lập mục tiêu chung của EU là tái chế 65% chất thải đô thị vào năm 2035; mục tiêu chôn lấp bắt buộc nhằm giảm lượng chôn lấp xuống mức tối đa 10% lượng rác thải đô thị vào năm 2035; cấm chôn lấp chất thải thu gom riêng; nghĩa vụ thu gom riêng được tăng lên ngoài phé liệu tái chế, mở rộng đối với rác thải sinh hoạt nguy hại (cuối năm 2022), rác thải sinh học (cuối năm 2023), và hàng dệt may (cuối năm 2025). Kế hoạch hành động công nhận rằng nếu việc phân loại chất thải không được thực hiện tại nguồn, sẽ khó có thể mong đợi các nhà sản xuất

thực hiện EPR, đặc biệt đối với nhựa có giá trị thấp.

Chi thị về Chôn lấp của EU nhằm mục đích loại bỏ dần việc chôn lấp vật liệu tái chế vào năm 2025. Chiến lược về Nhựa trong Nền kinh tế Tuần hoàn của EU khuyến khích các quốc gia thành viên cũng như chính quyền địa phương và vùng ở EU nội địa hóa chi phí môi trường của việc chôn lấp và đốt rác thông qua mức phí, thuế cao hoặc tăng dần, hoặc các công cụ kinh tế khác.

Ở Ấn Độ, dự thảo Chính sách Hiệu quả Tài nguyên Quốc gia năm 2019 thiết lập mục tiêu cấm thải bỏ chất thải tái chế, bao gồm cả nhựa, tại bãi chôn lấp vào

năm 2025. Quy tắc quản lý chất thải nhựa năm 2016 của Ấn Độ khuyến khích các cơ quan đô thị địa phương thu hồi năng lượng từ nhựa cấp thấp thông qua lò nung xi măng, nhà máy chuyên đổi chất thải thành năng lượng, hoặc nhà máy chuyên đổi chất thải thành dầu. Nhờ đó, ngành công nghiệp xi măng Ấn Độ đang ngày càng thay thế than hoặc các nhiên liệu hóa thạch khác trong lò nung xi măng bằng Nhiên liệu Lâm tǔ Rác thải (RDF) có chứa nhựa không tái chế được, với mục tiêu đạt được Tỷ lệ Thay thế Nhiệt của than bằng RDF là 25% vào năm 2025 và 30% vào năm 2030.



XÂY DỰNG:

Luật Tái chế Vật liệu Xây dựng của Nhật Bản quy định nhà thầu phải phân loại và tái chế chất thải phát sinh trong quá trình phá dỡ công trình.

Tại EU, lệnh cấm chôn lấp được khuyến nghị trong khuôn khổ Nghị định thư Quản lý Chất thải Xây dựng và Phá dỡ.



TỔNG QUAN:

Năm 2019, Chính quyền Nhân dân Thành phố Thượng Hải ban hành chính sách phân loại chất thải bắt buộc đối với 26 triệu cư dân của thành phố. Cư dân được yêu cầu phân loại chất thải thành 4 loại, bao gồm chất thải ướt, chất thải có thể tái chế, chất thải còn lại, và chất thải nguy hại, và thực thi nghiêm ngặt các khoản phạt (200 NDT đối với cá nhân và 20.000 NDT đối với doanh nghiệp không phân loại chất thải).⁶⁷ Kết quả là lượng chất thải nguy hại được phân loại, chất thải có thể tái chế, và chất thải thực phẩm hộ gia đình được thu gom đều tăng lên đáng kể, như thể hiện trong Hình 33 dưới đây.⁶⁸ Trước đây, khoảng 40% chất thải của thành phố được đưa đến các bãi chôn lấp, nhưng với việc tăng cường phân loại chất thải tại nguồn và tăng cường tái chế, chất thải chôn lấp đã giảm 20% nhờ các quy định mới.⁶⁹

67 Green Initiatives, “[One Year of Waste Segregation in Shanghai: Success or Failure?](#)” (2020)

68 Lưu ý rằng số liệu này khá lớn vì trước khi thực hiện chính sách chất thải, hầu như không có dữ liệu về chất thải ở Việt Nam; do đó dữ liệu hiện tại được so sánh với số liệu ban đầu thấp.

69 Green Initiatives, “[One Year of Waste Segregation in Shanghai: Success or Failure?](#)” (2020)

Hình 33.

TĂNG CHẤT THẢI THU GOM TẠI THƯỢNG HẢI SAU KHI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH BẮT BUỘC VỀ PHÂN LOẠI RÁC THẢI



Thiếu dữ liệu thị trường bao bì nhựa và dữ liệu chuỗi giá trị tái chế.

Thiếu dữ liệu thị trường bao bì nhựa và dữ liệu chuỗi giá trị tái chế

VPA và VPRA, thông qua các thành viên và Tổng cục Hải quan và Bộ Công Thương, chịu trách nhiệm duy trì các tập hợp dữ liệu về sản xuất, xuất khẩu, và nhập khẩu nhựa nguyên sinh của Việt Nam.

Mặc dù bao bì là một ngành sử dụng cuối quan trọng đối với tất cả các loại nhựa chính, không có phân loại chi tiết về số lượng bao bì mà các nhà sản xuất Việt Nam đưa ra thị trường hàng năm. Cụ thể, Việt Nam thiếu các nguồn độc lập và từ cơ quan có thẩm quyền về giá cả và thông tin thị trường cập nhật về nhựa tái chế, đặc biệt là ở các công đoạn xử lý và tái chế của chuỗi giá trị. Khối lượng (trọng lượng) và giá nhựa sau tiêu dùng di chuyển qua chuỗi giá trị không rõ ràng, do đó cần trở thành khoản thị trường và đầu tư vào công suất tái chế. Thực trạng này gây tác động tiêu cực đối với tỷ lệ CFR theo ba cách. Thứ nhất, điều này tạo ra thách thức trong việc bán sản phẩm tái chế mà không gây biến động đáng kể về giá. Thứ hai, việc gia nhập thị trường tái chế của thành viên mới sẽ khó khăn hơn. Thứ ba, những đơn vị tái chế hiện tại sẽ gặp khó khăn trong xây dựng kế hoạch kinh doanh chắc chắn để phát triển công suất hoạt động.

Các thành viên thị trường, như chính quyền trong nước, công ty quản lý chất thải, và đơn vị tái chế, cần có thông tin về xu hướng giá cả hàng tuần và hàng tháng, quy mô hợp đồng, và điều kiện hiện tại trên thị trường cho vật liệu thu hồi để có thể thực hiện

những can thiệp thích hợp. Các ví dụ dưới đây về chính sách thuận lợi là từ các quốc gia đổi sảnh hỗ trợ dữ liệu thị trường cho sản phẩm tái chế và dữ liệu sản xuất chi tiết cho bao bì (tham khảo thông tin chi tiết hơn tại Phụ lục 13):

Các quốc gia ở EU, Nhật Bản, và Singapore đều có quy định bắt buộc các doanh nghiệp sản xuất bao bì và sản phẩm sử dụng bao bì phải lưu trữ dữ liệu về loại và số lượng bao bì đưa ra thị trường mỗi năm. Sau đó, những doanh nghiệp này phải báo cáo dữ liệu bao bì cho tổ chức nhà sản xuất có trách nhiệm của ngành hoặc chính phủ, và đây là bước đầu tiên để hướng tới quản lý chất thải bao bì bền vững hơn. Việc báo cáo này thiết lập nền tảng cho việc báo cáo các khía cạnh của khung Trách nhiệm Mở rộng của Nhà sản xuất (EPR) để quản lý chất thải bao bì.

Khi các khung EPR được triển khai và nhu cầu nhựa tái chế bắt đầu tăng lên ở EU và một phần Bắc Mỹ, các công ty dữ liệu thị trường như IHS Markit, ICIS, S&P Platts, và Wood Mackenzie bắt đầu cung cấp dịch vụ dữ liệu thị trường cho sản phẩm tái chế ở những khu vực này.

Viện Nhựa Thái Lan (PIT), là viện chuyên ngành của chính phủ trực thuộc Bộ Công nghiệp, duy trì cơ sở dữ liệu toàn diện về sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, và tiêu thụ nhựa nguyên sinh ở Thái Lan. PIT cũng cung cấp thông tin thị trường thường xuyên và biểu đồ giá nhựa nguyên sinh hàng tháng.

3.2 Áp lực đối với hiệu suất thu hồi giá trị và tỷ lệ CFR

Chất lượng tái chế thấp do thiếu tiêu chuẩn thiết kế để tái chế

Các đơn vị tái chế nhựa được phỏng vấn trong nghiên cứu này cho biết tỷ lệ tạp chất của phé liệu từ Việt Nam lên tới 30%. Tỷ lệ này bao gồm tạp chất do phân loại và thiết kế bao bì chưa tốt. Dưới đây là một số ví dụ về các sản phẩm có tiêu chuẩn thiết kế để tái chế không phù hợp mà các đơn vị tái chế PET, PP, và HDPE ở Việt Nam thường nhận được.

Hình 34.

VÍ DỤ VỀ THÁCH THỨC LIÊN QUAN ĐẾN THIẾT KẾ ĐỂ TÁI CHẾ ĐỐI VỚI BAO BÌ Ở VIỆT NAM



Ghi chú: Từ trái sang phải: Chai PET màu có nhãn PVC; cốc uống nước có đế PP, nắp PET, và ống hút PE; thân bằng nhựa HDPE có in chữ với nắp nhôm; chai có nhãn toàn thân và đầu nắp bơm có lò xo kim loại.

Một số vấn đề xuất phát từ thiết kế sản phẩm mà các đơn vị tái chế ở Việt Nam dễ gặp trong Bảng 6 dưới đây.

Bảng 6.

TẠP CHẤT VÀ THÁCH THỨC VỀ THIẾT KẾ VÀ TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI TÁI CHẾ

| Problem | Description | Impact on recycling |
|----------|---|--|
| Nhựa màu | Nhựa có màu sẽ ảnh hưởng đến giá trị của sản phẩm tái chế vì màu của những loại nhựa này không thể chuyển trở lại màu “tự nhiên”. | Cơ sở tái chế hoặc giữ nguyên màu hoặc chuyển sang màu đen tùy theo yêu cầu của khách hàng. Những lựa chọn này đồng nghĩa với việc giá trị bị mất đi vì nhựa tái chế có màu có giá trị thấp hơn so với các loại nhựa có màu tự nhiên. Do đó, nhựa màu làm giảm hiệu suất thu hồi giá trị của tái chế. Trong một số trường hợp, nhựa màu hoàn toàn không tái chế được (vd: chai nhựa PET màu không thể tái chế thành xố sợi polyester). Nhựa màu làm giảm tỷ lệ CFR vì nhựa màu có vai trò như một tạp chất. |

| Problem | Description | Impact on recycling |
|-------------------------------------|---|--|
| Canxi cacbonat (CaCO ₃) | Chất độn/phụ gia như CaCO ₃ làm thay đổi mật độ của mành HDPE và ảnh hưởng đến việc phân tách trong quá trình phân tách chìm nói và khó kiểm soát đặc tính của nhựa tái chế (ví dụ, độ dai, màu sắc). | Thất thoát do tạp chất trong quá trình phân tách chìm nổi tăng từ mức bình thường 5% lên 20%. Do đó, tạp chất này làm giảm tỷ lệ CFR đối với HDPE. Khi các đặc tính vật lý khó kiểm soát hơn, chất lượng của sản phẩm cuối giảm đi, làm giảm hiệu suất thu hồi giá trị. |
| Nhân PVC | Khi nhân PVC được đưa vào quá trình tái chế hóa nhiệt, hydro clorua, một axit ăn mòn mạnh, được tạo ra, làm hỏng phần bên trong của thiết bị tái chế. Do đó, cơ sở tái chế phải đầu tư thiết bị phân loại để đảm bảo nhân PVC không xâm nhập vào quá trình tái chế. | Điều này làm giảm tỷ lệ CFR và hiệu suất thu hồi giá trị vì nhân làm tăng tạp chất của vật liệu sau tiêu dùng. |
| Vật liệu tổng hợp hoặc nhiều lớp | Thiết bị tái chế cơ học chỉ tái chế được một loại nhựa nhất định tại một thời điểm. Ví dụ, cơ sở tái chế PET chỉ xử lý được vật liệu thô chỉ bao gồm PET. | Điều này hạn chế tỷ lệ CFR vì làm giảm lượng vật liệu có thể được thu gom tái chế. |
| Trọng lượng nhẹ | Bao bì nhẹ giúp giảm chi phí sản xuất và vận chuyển. | Người thu gom không chính thức có lợi ích cận biên dựa trên trọng lượng của vật liệu thu gom. Sản phẩm nhẹ hơn dẫn đến việc khu vực phi chính thức có lợi ích cận biên thấp hơn và do đó có mức độ hấp dẫn thấp hơn khi thu gom bao bì, gây hạn chế tỷ lệ CFR. |

Tại Thành phố Hồ Chí Minh, những người thu gom và thu mua phế liệu phi chính thức thường không bán riêng chai PET màu và trong, không như các thị trường Đông Nam Á khác. Hai loại chai PET (màu và trong) thường được trộn lẫn và bán ở một mức giá, dẫn đến việc người thu gom không chính thức thu gom cả hai loại. Việc phân tách PET màu và trong suốt chỉ trở nên rõ ràng ở công đoạn tái chế, khi công nhân phân loại riêng chai PET.

Tạp chất do thiếu phân loại tài nguyên và thiết kế để tái chế chưa tốt làm giảm cả hiệu suất khôi lượng và hiệu suất giá, làm giảm hiệu suất thu hồi giá trị. Việc thực hiện các tiêu chuẩn thiết kế để tái chế nhằm làm tăng hiệu suất thu hồi giá trị bao gồm nhưng không giới hạn ở những phương thức sau:

- Chuyển từ các sản phẩm đa vật liệu sang sản phẩm đơn vật liệu vì sản phẩm đơn vật liệu dễ tái chế về mặt cơ học hơn. Phương thức này kh

thi đối với hai trường hợp sau: nhựa đa vật liệu, đặc biệt là túi ép và bao bì nhiều lớp, và hàng nhựa gia dụng đa vật liệu.

- Thiết kế lại (hoặc loại bỏ) thuốc nhuộm, bột màu nhựa, phụ gia, và keo dán.
- Tiết chế sử dụng canxi cacbonat và các chất độn khác.
- Loại bỏ các polyme và định dạng bao bì gây vẩn đẽ.
- Cải thiện việc ghi nhãn để cho phép người tiêu dùng, thu gom, và đơn vị tái chế xác định và chuyên hướng vật liệu theo hướng tái chế một cách chính xác.

Ví dụ dưới đây về các chính sách thuận lợi từ các quốc gia đối sánh hỗ trợ thiết kế để tái chế (tham khảo thông tin chi tiết hơn tại Phụ lục 13):

Hộp 6.

ENABLING DESIGN-FOR-CIRCULARITY POLICIES FROM BENCHMARK COUNTRIES



BAO BÌ:

Chiến lược về Nhựa trong Nền kinh tế Tuần hoàn của EU yêu cầu toàn bộ bao bì nhựa trên thị trường EU phải có khả năng tái sử dụng hoặc tái chế vào năm 2030. Ủy ban EU cũng đang bắt đầu xây dựng các quy tắc hài hòa mới để đảm bảo đến năm 2030 toàn bộ bao bì nhựa trên thị trường EU có thể được tái sử dụng hoặc tái chế một cách tiết kiệm chi phí.



Ô TÔ:

Trong khuôn khổ Chỉ thị về Phương tiện Hết Niên hạn Sử dụng (ELV) của EU, xe hơi phải được thiết kế để cho phép tháo dỡ đúng cách và cho phép linh kiện và vật liệu được tái sử dụng, tái chế, và/hoặc thu hồi. Luật Tái chế Xe hơi của Nhật Bản quy định vai trò và trách nhiệm của từng bên liên quan chính trong tái chế ELV. Chủ phương tiện được yêu cầu chi trả "Phí tái chế" hàng năm, là nguồn giúp tài trợ cho việc thu gom và tái chế ELV.



THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ:

Chi thị về Thiết kế Sinh thái của EU, trong khuôn khổ Sáng kiến Điện tử Tuần hoàn, quy định các thiết bị phải được chế tạo theo cách đạt được hiệu quả năng lượng, bền, có khả năng sửa chữa, nâng cấp, bảo trì, tái sử dụng, và tái chế.



TẤT CẢ CÁC NGÀNH:

Chiến lược về Nhựa trong Nền kinh tế Tuần hoàn của EU khuyến khích ngành thực hiện các bước cụ thể để cải thiện đổi mới và hợp tác trong chuỗi giá trị, đặc biệt các nội dung về nguyên liệu và thiết kế sản phẩm..

Những thách thức dai dẳng trong thực hiện phân loại tại nguồn một cách bền vững

Đã có một số thử nghiệm về phân loại tại nguồn ở nhiều quận, huyện ở Việt Nam. Tuy nhiên, vẫn có thách thức đáng kể liên quan đến nỗ lực hợp thức hóa và mở rộng các nỗ lực phân loại tại nguồn. Ví dụ, các bên liên quan được phỏng vấn cho biết các thí điểm “3R” hoặc phân loại tại nguồn trước đây chưa thành công một phần do thiếu cơ sở hạ tầng phục vụ phân loại và thu gom riêng phù hợp, vì rác thải phân loại lại bị trộn lại khi thu gom rác thải đô thị. Do đó, lợi ích của việc thực hiện phân loại tại nguồn ở cấp hộ gia đình sẽ được tối đa hóa nếu những nỗ lực này được kết hợp với đầu tư nâng cao năng lực phân loại, thu gom, và xử lý rác thải được phân loại.

Tính khả thi về kinh tế và công nghệ của việc tái chế nhựa phụ thuộc nhiều vào chất lượng nguyên vật liệu. Mức độ nhiễm tạp chất của nguyên vật liệu càng thấp thì tính khả thi của việc tái chế nhựa càng cao. Đây là một rào cản đáng kể ở các thành phố có hệ thống quản lý chất thải yếu kém (vd: không thực hiện phân loại tại nguồn). Ngay cả ở những quận/huyện có nỗ

lực phân loại tại nguồn, tình trạng thiếu nhận thức của người tiêu dùng hoặc kiến thức về phân loại sản phẩm nhựa dẫn tới tỷ lệ phân loại thấp.

Dưới đây là một số thử nghiệm đáng chú ý do khu vực nhà nước và tư nhân thực hiện ở Việt Nam, đang diễn ra hoặc đã kết thúc:

- *Expertise France và IRD (2020-2022)*: Hoạt động thí điểm đang thực hiện ở Thành phố Hồ Chí Minh tập trung cải thiện việc thu gom, phân loại, và tái chế bao bì nhựa, và cũng hướng tới cải thiện phân loại rác tại nguồn của người tiêu dùng.
- *URENCO và Unilever (2020)*: Chương trình thí điểm nhằm nâng cao nhận thức về phân loại rác thải ở Hà Nội tại 3 phường bao gồm 4.500 hộ gia đình. Chưa có kết quả cụ thể để cung cấp cho nghiên cứu này.
- *IUCN và PRO Việt Nam (2020)*: IUCN đã triển khai sáng kiến phân loại tại nguồn tại Cù Lao Chàm từ năm 2010. Trong khuôn khổ quan hệ đối tác với PRO Việt Nam, 50-60kg nhựa giá trị thấp được thu gom mỗi ngày tại cù lao và được sử dụng để sản xuất sản phẩm có giá trị cao theo dự án ReForm.

- CITENCO (2018): Một dự án thí điểm tại TP.HCM trên 1.120 hộ gia đình ở quận Tân Phú đã sản xuất gần 410 kg chất thải nhựa.
- JICA (2006-2009): Hỗ trợ thực hiện Sáng kiến 3R tại Hà Nội bao gồm trên 18.000 hộ gia đình và gần 73.000 người.

Chưa tận dụng được nhu cầu ngày càng tăng trên toàn cầu đối với hàm lượng tái chế trong bao bì

Đánh giá ngành hóa dầu toàn cầu năm 2020 của S&P Global Platts cho thấy, mặc dù tình hình kinh tế không thuận lợi, khối lượng nhựa tái chế toàn cầu đạt gần 20 triệu tấn năm 2020, chiếm 8% tổng nhu cầu nhựa nguyên sinh.⁷⁰ Con số này tăng từ mức dưới 18 triệu tấn năm 2019, hay 7% tổng nhu cầu nhựa nguyên sinh. Đến năm 2030, gần một phần ba nhu cầu nhựa có thể được đáp ứng bằng sản xuất từ nhựa đã qua sử dụng thay vì nhựa nguyên sinh. Ước tính này dựa trên kịch bản hứa hẹn cho nhựa tái chế, dựa trên gia tăng đáng kể công suất tái chế cơ học, thương

mại hóa nhanh chóng công nghệ nhiệt phán, và giá dầu ở mức quanh 75 USD/thùng.⁷¹ Với việc bao bì là ngành sử dụng cuối lớn nhất, cam kết toàn cầu của các thương hiệu hàng đầu về tăng sử dụng hàm lượng tái chế trong bao bì đang dần thúc đẩy nhu cầu đối với nhựa tái chế cấp thực phẩm, vốn yêu cầu tỷ suất lợi nhuận cao hơn trong số các sản phẩm tái chế.

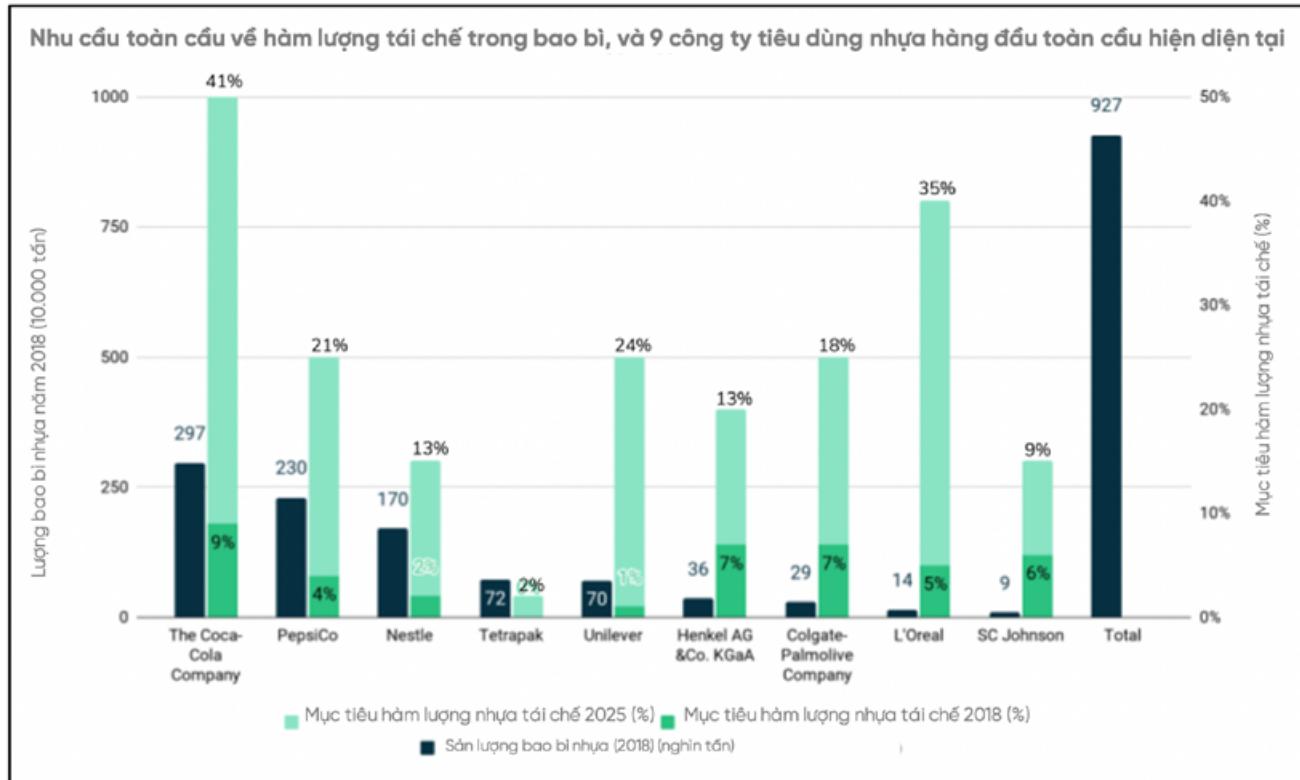
Hình 35 thể hiện mục tiêu hàm lượng nhựa tái chế năm 2025 của các thương hiệu có hiện diện lớn tại Việt Nam và đang tham gia Cam kết Toàn cầu về Kinh tế Nhựa Mới, do Quỹ Ellen MacArthur khởi xướng. Tổng sản lượng bao bì nhựa mà chín công ty này sử dụng trên toàn cầu lên tới khoảng 9,3 triệu tấn năm 2018. Mới có 0,4 triệu tấn là hàm lượng tái chế, dựa trên việc sử dụng hàm lượng nhựa tái chế của các công ty này năm 2018. Sử dụng nhựa tái chế của chín công ty này trên toàn cầu sẽ phải tăng thêm 1,5 triệu tấn, tức là tăng 275% so với lượng sử dụng nhựa tái chế năm 2018, để đáp ứng tổng mục tiêu hàm lượng nhựa tái chế năm 2025.

70 S&P Global Platts, "Global Petrochemical Trends H1" (2020)

71 McKinsey & Company, "[How plastics waste recycling could transform the chemical industry](#)" (2018)

Hình 35.

MỤC TIÊU HÀM LƯỢNG NHỰA TÁI CHẾ NĂM 2025 CỦA 9 THƯƠNG HIỆU TOÀN CẦU HIỆN DIỆN TẠI VIỆT NAM



Nguồn: Báo cáo tiền độ Cam kết toàn cầu về Nền kinh tế nhựa mới 2019 của Quỹ Ellen MacArthur.

Các ứng dụng bao bì tiếp xúc với thực phẩm yêu cầu chất lượng cao nhất đối với nhựa sau tiêu dùng. Do đó, việc sản xuất loại nhựa này có chi phí hoạt động cao trên mỗi tấn nhựa. Ví dụ, sản xuất rPET cấp thực phẩm yêu cầu các quá trình như cứng hóa polyme, để làm tăng độ dai của phế liệu PET tương đương với độ dai của nhựa nguyên sinh. Cần có đầu tư chi phí vốn (CAPEX) lớn để cho phép triển khai các quy trình này. Ngược lại, tái chế phế liệu PET thành sợi rPET thông qua ép dùn làm giảm độ dai của nhựa, dẫn tới chất lượng vật liệu thấp hơn. Theo phóng vấn với một doanh nghiệp sản xuất nhựa hàng đầu tại Việt Nam, hiện đang xây dựng dây chuyền tái chế rPET cấp thực phẩm mới, nhu cầu liên tục tăng từ các thương hiệu bao bì là yếu tố chính để doanh nghiệp quyết định đầu tư vốn.

Những thách thức cản trở các cơ sở tái chế Việt Nam tận dụng nhu cầu ngày càng tăng trên toàn cầu về hàm lượng nhựa tái chế

Mặc dù nhu cầu ngày càng tăng trên toàn cầu, hầu hết các nhà cung cấp nhựa tái chế ở Việt Nam là doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) vốn gặp thách thức do thiếu quy mô, hệ thống quản lý, công nghệ để sản xuất các sản phẩm đạt chất lượng cấp thực phẩm, và mạng lưới cung ứng không chính thức hoạt động dựa trên tiền mặt và không có liên kết với nhau. Vd: một số cơ sở tái chế cho biết họ không thể nhận đơn đặt hàng để cung cấp cho các thương hiệu lớn do hạn chế về dòng tiền vì không thể đáp ứng điều khoản thanh toán của bên mua (30-60 ngày) so với điều khoản thanh toán tiền mặt ngay khi giao hàng của khu vực không chính thức trong nước. Ngoài ra, cạnh tranh do chi phí thấp của nhựa nguyên sinh, nguyên vật liệu bị nhiễm tạp chất, thiếu nguồn cung, và thiếu tiêu chuẩn thiết kế để tái chế đang cản trở các cơ sở tái chế tận dụng nhu cầu toàn cầu và tối

đa hóa lợi nhuận, khiến cho tỷ lệ CFR trong nước vẫn ở mức thấp và giảm hiệu suất thu hồi giá trị của các đơn vị tái chế. Điều này, đến lượt nó, lại hạn chế các cơ sở tái chế quy mô nhỏ đầu tư CAPEX vào công nghệ tái chế tiên tiến cần thiết để sản xuất nhựa tái chế chất lượng cao, tiếp xúc với thực phẩm.

Phụ thuộc nặng nề vào nhập khẩu phế liệu nhựa và lo ngại của các đơn vị tái chế về hạn chế nhập khẩu sắp tới

Trước nhiều thách thức mà các đơn vị tái chế nhựa phải đối mặt trong thu mua nguyên vật liệu nhựa chất lượng cao, với khối lượng lớn và liên tục trong nước, nhiều đơn vị tái chế vẫn muốn nhập khẩu phế liệu nhựa. Điều này là do phế liệu nhập khẩu có thể đáp ứng tốt hơn các yêu cầu về chất lượng và giá và các nhà cung cấp có thể cung cấp hóa đơn GTGT phù hợp cho mục đích hạch toán chi phí kinh doanh và truy xuất nguồn gốc. Trong số 13 đơn vị tái chế được phóng vấn và đã cung cấp dữ liệu về nguồn nguyên vật liệu, 5 đơn vị tái chế (~ 40%) đã nhập khẩu trên 90% nguyên vật liệu.

Việt Nam là một trong những quốc gia nhập khẩu phế liệu nhựa lớn nhất trên toàn cầu. Khi Trung Quốc công bố lệnh cấm nhập khẩu hầu hết các loại rác thải nhựa năm 2017 theo Chính sách Thanh kiém Quốc gia, dòng phế liệu nhựa đã chuyển hướng sang các quốc gia khác ở Đông Nam Á (xem Hình 36 dưới đây). Từ tháng 1 - 11/2017, Việt Nam đã tăng nhập khẩu nhựa PE và PET lần lượt hơn 166% và 137% so với cùng kỳ năm trước. Đến tháng 11/2017, Việt Nam trở thành quốc gia nhập khẩu nhựa phế liệu lớn nhất, thay thế bằng mục "hỗn hợp/khác."⁷²

72 VN Express, "Vietnam in danger of becoming a dump as China says no to trash" (2018)

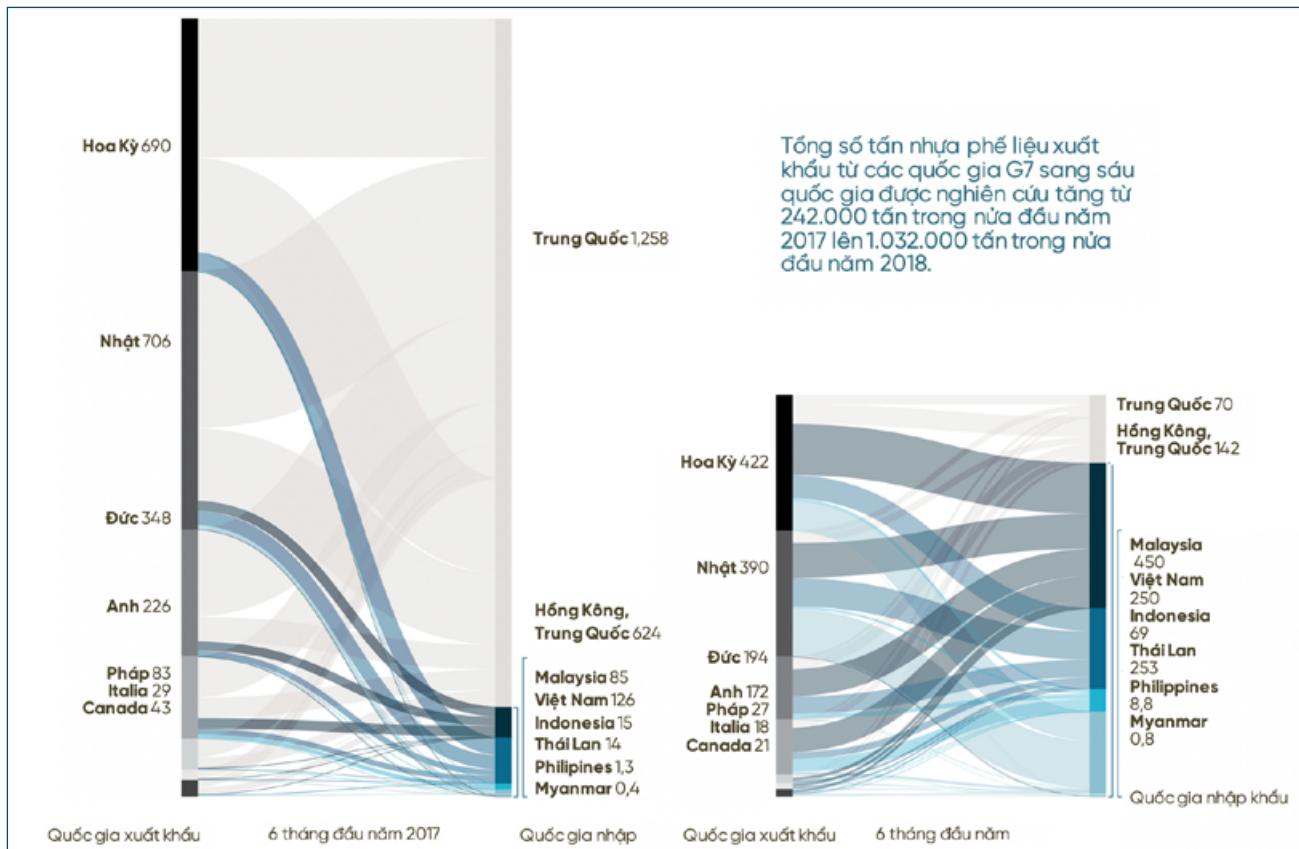


Chuyên môn của công ty chúng tôi là sản xuất hạt nhựa tái chế. Theo Nghị định 40/2019/NĐ-CP, nếu cơ sở tái chế muốn nhập khẩu nhựa phế liệu, chúng tôi phải sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa cụ thể sau năm 2024, và đây là thách thức lớn nhất của chúng tôi. Chúng tôi không thể cạnh tranh với các nhà sản xuất nhựa khác vì họ có chuyên môn rõ ràng.

Cơ sở tái chế từ Việt Nam

Hình 36.

CHUYỂN DỊCH DÒNG NHỰA PHẾ LIỆU DO CHÍNH SÁCH THANH KIẾM QUỐC GIA CỦA TRUNG QUỐC



Nguồn: Phân tích của GA dựa trên dữ liệu của UN Comtrade.

Chú thích: Toàn bộ số liệu là nghìn tấn/năm.

Vì vậy, trước tình trạng lượng nhựa phế liệu tăng đột ngột và rủi ro tiềm tàng của việc xả thải trong nước, Việt Nam đã áp dụng lệnh cấm tạm thời nhập khẩu nhựa phế liệu trong năm 2018. Chính phủ Việt Nam cũng cho biết sẽ không cấp phép mới cho nhập khẩu phế liệu trong bối cảnh tắc nghẽn càng do hoạt động nhập khẩu bất hợp pháp.⁷³ Khi phỏng vấn, các đơn vị tái chế cho biết trong giai đoạn này, nhiều công ty cùng ngành đã phá sản do không tiếp cận được với nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu và không có đủ nguyên liệu trong nước để thay thế thiếu hụt trước mắt.

Năm 2019, Việt Nam đã tiến hành các bước đi dài hạn để cắt giảm nhập khẩu với việc ban hành Nghị định số 40/2019/NĐ-CP sẽ có hiệu lực vào năm 2025. Nghị định này vẫn đang được sửa đổi, nhưng theo phỏng vấn với các đơn vị tái chế, những hạn chế nhập khẩu dự kiến sẽ làm gián đoạn vĩnh viễn chuỗi giá trị tái chế do hai hạn chế chính đề xuất trong nghị định hiện hành: (i) cơ sở tái chế chỉ được phép nhập khẩu 80% nguyên liệu sản xuất; và (ii) nguyên liệu nhập khẩu chỉ được phép sản xuất thành sản phẩm hoặc hàng hóa, không được sản xuất thành hạt nhựa tái chế thương phẩm. Các cơ sở tái chế cho biết hạn chế thứ hai rất không công bằng vì họ không thể cạnh tranh với các nhà sản xuất và chuyên đổi có kinh nghiệm đang sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa, do đó sẽ gây thiệt hại trên diện rộng đối với ngành công nghiệp tái chế.

“

“Chúng tôi không có thời gian và tiền bạc để đạt được các chứng chỉ EHS như vậy. Điều này cũng không công bằng vì nhiều cơ sở tái chế không chính thức không có giấy tờ phù hợp.”

Cơ sở tái chế từ Việt Nam

Các đơn vị tái chế thiếu chứng chỉ chất lượng và EHS

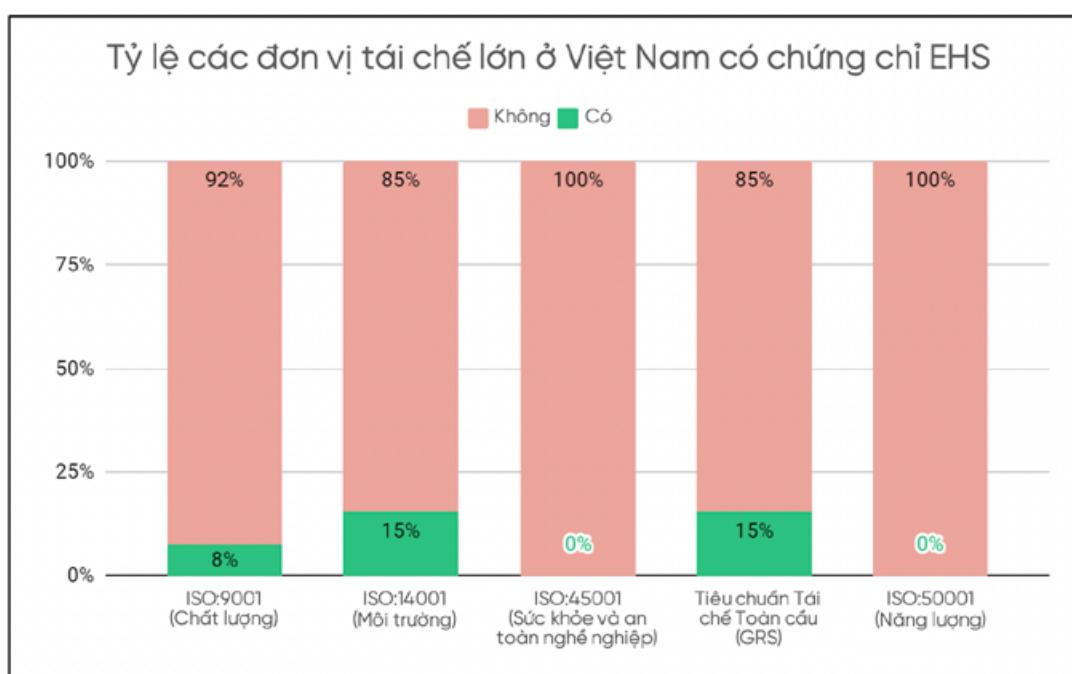
Dựa trên phỏng vấn chuyên sâu với các đơn vị tái chế nhựa chính thức tại Việt Nam, chỉ 8% đạt tiêu chuẩn chất lượng toàn cầu trong khi 15% đạt tiêu chuẩn môi trường quốc tế, được đo lường bằng chứng chỉ ISO:9001 và ISO:14001. Tuy nhiên, chưa đơn vị tái chế trong nước nào đáp ứng các yêu cầu ISO 45001 đối với hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, và chỉ có 15% tuân thủ Tiêu chuẩn Tái chế Toàn cầu (GRS) cho nhựa tái chế được sản xuất, như thể hiện trong Hình 37 dưới đây. Để có thể so sánh trong khu vực, các nhà máy tái chế nhựa của Indorama Ventures ở Thái Lan và Heng Hiap Industries ở Malaysia đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn quốc tế trên đây. Ngoài ra,

Indorama Ventures còn có chứng chỉ ISO: 50001 cho Hệ thống Quản lý Năng lượng.

Các đơn vị tái chế chính thức cũng cho biết tình trạng cạnh tranh không lành mạnh từ ngành công nghiệp tái chế phi chính thức, vì các cơ sở này trốn tránh chi phí trả thuế trong nước và không tuân thủ các quy định về môi trường và mức lương tối thiểu. Điều này khiến các cơ sở tái chế không chính thức có lợi thế cạnh tranh vì những cơ sở này có thể chấp nhận giá mua cao hơn và giá bán thấp hơn, buộc các đơn vị tái chế chính thức phải thực hiện tương ứng, và giảm tỷ suất lợi nhuận. Do đó, việc thực hiện các tiêu chuẩn EHS quốc tế được coi là khoản đầu tư tốn kém của đơn vị tái chế chính thức và do đó không được ưu tiên. Xem Hộp 2 dưới đây để có thêm thông tin chi tiết về làng nghề.

Hình 37.

CHỨNG NHẬN MÔI TRƯỜNG, SỨC KHỎE, VÀ AN TOÀN (EHS) CỦA MỘT MẪU CÁC ĐƠN VỊ TÁI CHẾ LỚN TẠI VIỆT NAM (N = 13)



“

“Chúng tôi chỉ cố gắng hoạt động; chúng tôi không có thời gian hoặc tiền bạc để có mọi loại giấy tờ thích hợp.”

Cơ sở tái chế phi chính thức tại Việt Nam

Các công ty hàng tiêu dùng đã cam kết sử dụng nhựa tái chế đang tìm kiếm nhà cung cấp sản phẩm tái chế để đáp ứng các tiêu chuẩn theo chứng nhận của bên thứ ba về hàm lượng tái chế, chuỗi hành trình sản phẩm, thực hành xã hội và môi trường, cũng như các tiêu chuẩn về nhiễm tạp chất. Điều này đòi hỏi các đơn vị tái chế phải nỗ lực hơn chứ không chỉ đạt được các chứng nhận chất lượng (không chỉ ISO:9001) và chứng nhận của bên thứ ba để xác nhận hàm lượng tái chế của sản phẩm (cả thành phẩm và trung gian) và xác nhận thực hành xã hội, môi trường, và hóa học có trách nhiệm trong sản xuất. Mục tiêu của các tiêu chuẩn và chứng nhận Chuỗi Hành trình Sản phẩm (CoC) là xác định các yêu cầu để đảm bảo các yêu cầu về hàm lượng chính xác, điều kiện làm việc tốt,

không sử dụng lao động trẻ em, công nhận quyền thiết lập thỏa ước tập thể của người lao động, và giảm thiểu các tác động môi trường và hóa chất có hại trong chuỗi giá trị và quy trình sản xuất.⁷⁴

Tỷ lệ tương đối cao các cơ sở tái chế chính thức ở Việt Nam chưa có tất cả các tiêu chuẩn ISO:9001, ISO:14001, ISO:45001, và GRS đồng nghĩa với việc các cơ sở tái chế nhỏ hơn càng khó đạt được các tiêu chuẩn này. Do đó, các đơn vị tái chế không thể tối đa hóa hiệu suất giá và do đó hiệu suất thu hồi giá trị.

74 Hệ thống quản lý chứng nhận CoC chứng nhận một chuỗi các tổ chức không gián đoạn sở hữu hợp pháp nguyên vật liệu trong toàn bộ chuỗi cung ứng, từ đầu ra của cơ sở tái chế được chứng nhận tới sản phẩm cuối cùng.

Hộp 7.

THÔNG TIN TỪ LÀNG NGHỀ TÁI CHẾ (CƠ SỞ TÁI CHẾ PHI CHÍNH THỨC)

Khảo sát của Viện Chiến lược và Chính sách, Bộ Công Thương (Bộ CT) ước tính có trên 100 làng nghề ở Việt Nam. Trên 80% số làng nghề thực hiện tái chế kim loại, 20% còn lại bao gồm các làng tái chế giấy và nhựa.⁷⁵ Phần lớn (90%) số làng nghề này thường hoạt động ở quy mô hộ gia đình.⁷⁶ Tổng công suất tái chế phi chính thức ở Việt Nam, bao gồm những làng nghề này, được VPRA ước tính ở mức từ 0,9 triệu tấn/năm đến 1,61 triệu tấn/năm (tham khảo Phụ lục 8). Tiếp cận tái chế là

thách thức chính mà các cơ sở tái chế phi chính thức phải đối mặt trong quá trình hợp thức hóa và mở rộng hoạt động. Do nhiều cơ sở tái chế không chính thức là các hoạt động mang tính “gia đình”, hầu như các cơ sở không có giấy phép, hồ sơ, hoặc chứng chỉ EHS trong nước theo quy định của pháp luật cho hoạt động của cơ sở, do đó không đủ điều kiện để được cấp vốn.

75 Shared by [Mr. Hoang Duc Vuong](#) from VPA with GA Circular.

76 Ibid.

3.3 Những thách thức mà các mô hình tái sử dụng/tái nạp và phân phối sản phẩm mới phải đối mặt

Mô hình tái sử dụng và phân phối sản phẩm mới (NDM) thuộc nhóm những chiến lược được áp dụng trên toàn cầu để giảm tiêu thụ nhựa. Tái sử dụng để cập đến việc thay thế các sản phẩm nhựa sử dụng một lần bằng các sản phẩm tái sử dụng thuộc sở hữu của người tiêu dùng.⁷⁷ Một ví dụ về tái sử dụng là người tiêu dùng mang theo hộp đựng đồ uống khi mua đồ uống. NDM để cập đến các dịch vụ và doanh nghiệp cung cấp một dịch vụ tiện ích trước đây được cung cấp bằng sản phẩm nhựa dùng một lần theo cách thức mới sử dụng ít nguyên vật liệu hơn, giảm tiêu thụ hoặc tăng tuân hoàn.⁷⁸ Một ví dụ về NDM là hệ thống chia sẻ cốc có thể tái sử dụng và trả lại, như AYA Cup ở Việt Nam, theo đó người tiêu dùng nhận đồ uống trong cốc có thể tái sử dụng và trả lại cốc đó ở bất kỳ cửa hàng hoặc điểm nào tham gia hệ thống.

Trong khuôn khổ nghiên cứu NPAP Việt Nam, theo đặt hàng của Diễn đàn Kinh tế Thế giới, các mô hình tái sử dụng và NDM có những thách thức chính sau đây:

- NDM ở Việt Nam có xu hướng được xây dựng thương hiệu và được coi là một ý tưởng cao cấp chỉ khai thi đối với nhóm dân số có thu nhập cao. Hiện tại chưa có mô hình NDM nào được áp dụng chính thống ở Việt Nam.
- Các quy định hiện hành liên quan đến nhựa chưa tập trung vào việc loại bỏ bao bì nhựa có thể tránh được. Để có thể thực hiện được cam kết công khai của chính phủ nhằm loại bỏ nhựa sử dụng một lần vào năm 2025, cần có hỗ trợ ngay bằng quy định.
- Hầu như chưa có chính sách ưu đãi đối với NDM hoặc các giải pháp không bao bì. Do đó, cần có chính sách và ưu đãi để khuyến khích đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong những lĩnh vực này để thúc đẩy và cho phép áp dụng chính thức các mô hình tái sử dụng và NDM. Ví dụ về các chính

sách ưu đãi bao gồm giảm thuế hoặc thậm chí trợ cấp hoặc cho vay lãi suất đặc biệt đối với doanh nghiệp đầu tư vào các mô hình NDM hoặc mô hình kinh doanh không bao bì.

Phỏng vấn với các chủ sở hữu thương hiệu cho nghiên cứu này cho thấy còn nhiều thách thức hơn nữa, bao gồm:

- Vệ sinh và phàn nàn của khách hàng. Cung cấp sản phẩm an toàn và hợp vệ sinh là ứng dụng chính của bao bì. Trong khuôn khổ của nghiên cứu này, một chủ sở hữu thương hiệu chia sẻ rằng 99% khiếu nại về chất lượng có liên quan đến vỏ chai có thể tái sử dụng. Các khiếu nại bao gồm khiếu nại về các vấn đề an toàn, cá thực tế và nhận thức. Do đó, các thương hiệu/doanh nghiệp cần bảo đảm chất lượng sản phẩm và thông báo cho người tiêu dùng về sự an toàn của các mô hình tái sử dụng.
- Dấu chân carbon cho vận chuyển. Việc tái sử dụng chỉ có ý nghĩa ở những địa điểm gần nhà máy sản xuất/phân phối. Ngoài bán kính này, chi phí, và tác động của carbon dioxide của việc thu hồi vỏ chai để tái sử dụng sẽ cao hơn so với lợi ích kinh tế và môi trường mong đợi. Mô hình tái sử dụng chỉ hiệu quả ở lân cận các khu vực tiêu thụ đáng kể như các thành phố (tối thiểu cho đến khi các phương thức vận chuyển bắt đầu sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo).
- Lợi tức đầu tư đầy thách thức. Từ khía cạnh của chủ sở hữu thương hiệu, các mô hình hoàn trả và tái sử dụng yêu cầu đầu tư đáng kể cho vận chuyển và quy trình rửa và khử trùng. Tính kinh tế của các mô hình này vẫn còn nhiều thách thức khi những mô hình như vậy chưa được áp dụng rộng rãi trên tất cả các nhóm dân số chính ở Việt Nam.
- Nhận thức của người tiêu dùng về các mô hình tái sử dụng. Trong kỷ nguyên hậu COVID-19, việc người tiêu dùng chấp nhận tái sử dụng và NDM dự kiến vẫn là một thách thức lớn. Để duy trì tính cạnh tranh, các thương hiệu phải theo sát xu hướng tiêu dùng và nghiên cứu cho thấy người tiêu dùng Việt Nam chưa sẵn sàng cho mô hình tái sử dụng và coi đây là một bước lùi về tính tiện lợi.

77 The Pew Charitable Trusts, "[Breaking the Plastic Wave](#)" (2020)

78 Ibid.



"Vai trò của bao bì là bảo vệ sản phẩm. Thời điểm chúng ta thỏa hiệp về an toàn và vệ sinh, chúng ta đang có một lựa chọn cực kỳ nguy hiểm".

Chủ thương hiệu từ Việt Nam

3.4 Tác động tiêu cực của COVID-19 đối với ngành công nghiệp tái chế nhựa

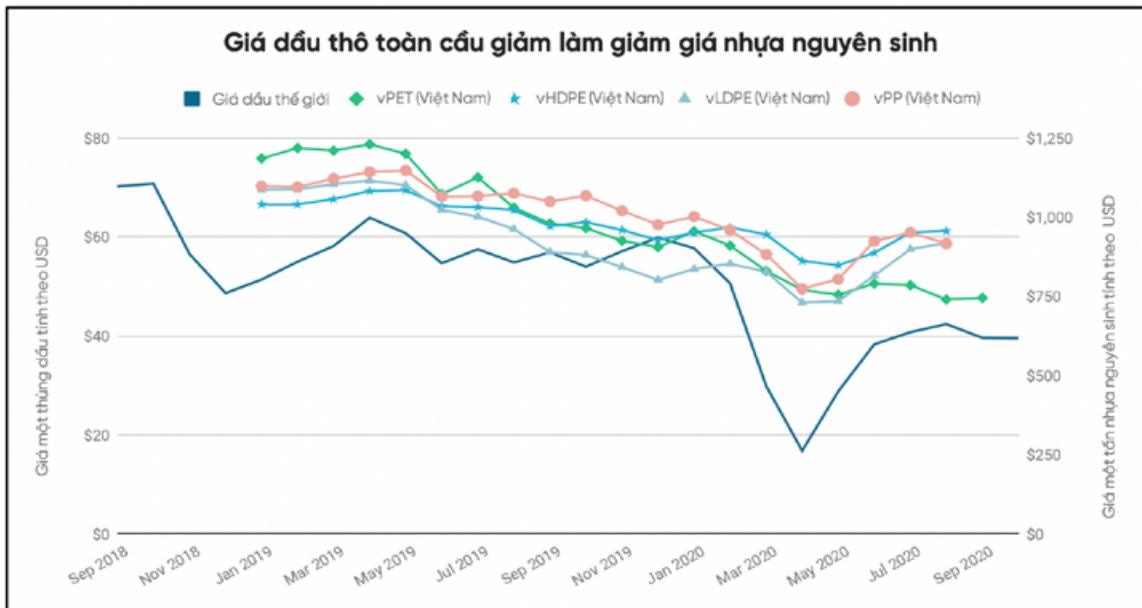
Mặc dù nghiên cứu này không thực hiện đánh giá tác động của COVID-19 đối với nhựa tái chế năm 2020, nghiên cứu cũng thu được một số thông tin ban đầu, như đề cập dưới đây, về tác động ngắn hạn và dài hạn dự kiến của đại dịch đối với ngành công nghiệp tái chế ở Việt Nam.

Sụt giảm đáng kể về cầu do giá dầu thấp và suy thoái kinh tế

Từ tháng 9 năm 2018, giá dầu không ở mức bền vững đối với ngành công nghiệp tái chế (trên 70 USD/thùng). Năm 2019, giá nhựa nguyên sinh tại Việt Nam giảm do giá dầu toàn cầu giảm. Giá thậm chí còn giảm nhiều thêm từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2020 (xem Hình 38 dưới đây), khi giá dầu chạm mức thấp nhất là 18 USD/thùng – mức giá thấp nhất trong hơn 15 năm qua.

Hình 38.

MỐI QUAN HỆ GIỮA GIÁ DẦU TOÀN CẦU VÀ GIÁ NHỰA NGUYÊN SINH Ở VIỆT NAM



Nguồn: Quỹ Tiền tệ Quốc tế và Cơ quan Thông tin Năng lượng Hoa Kỳ (Giá dầu thô toàn cầu), Hiệp hội Nhựa Việt Nam và Tập đoàn An Phát Holdings (Giá nhựa nguyên sinh).

Giá nhựa nguyên sinh ở Việt Nam năm 2020 bình quân thấp hơn 16% so với giá năm 2019. Giá nhựa nguyên sinh sụt giảm gây áp lực giảm đáng kể làm giảm giá bán nhựa tái chế và khiến các nhà sản xuất chuyển từ nhựa tái chế sang nhựa nguyên sinh. Trong giai đoạn từ trước COVID-19 đến trong thời gian COVID-19, các cơ sở tái chế ở năm quốc gia châu Á (Thái Lan, Việt Nam, Indonesia, Philippines, và Ấn Độ) báo cáo mức giảm bình quân 50% về cầu sản phẩm và 21% về giá bán. Việt Nam có mức sụt giảm nghiêm trọng

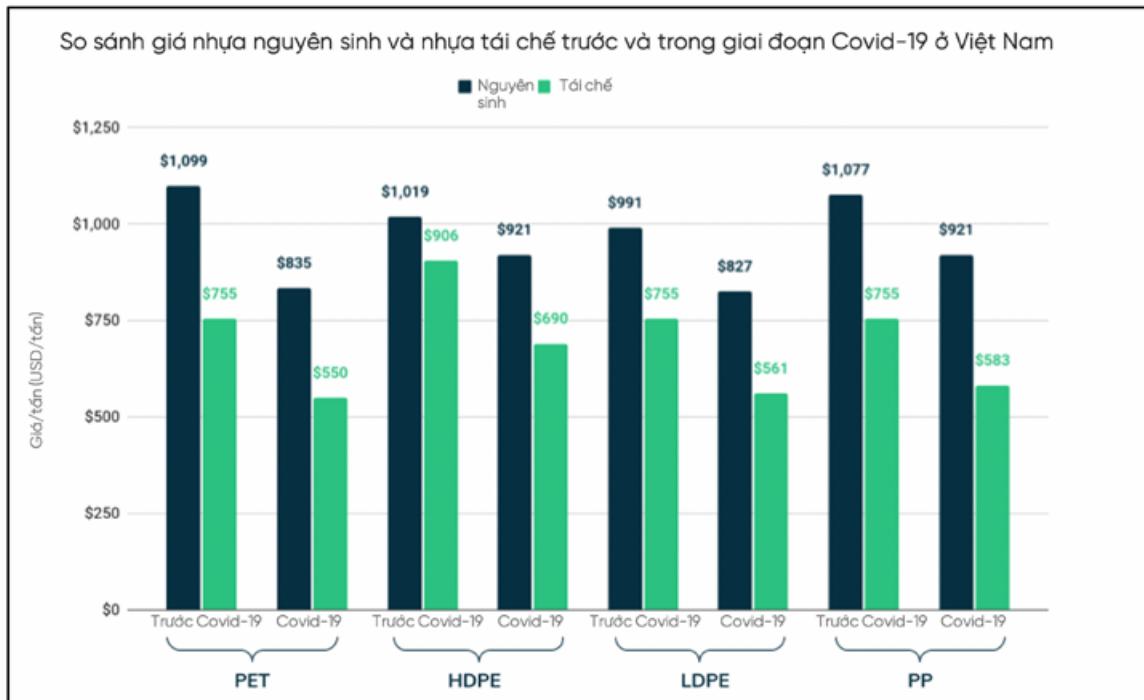
này, theo đó các cơ sở tái chế trong nước báo cáo mức sụt giảm cầu 84% đối với tất cả các loại nhựa (PET, HDPE, LDPE và PP) và sụt giảm 25% giá bán.⁷⁹

Như thể hiện trong Hình 39 dưới đây, giá nhựa nguyên sinh giảm trong giai đoạn trước và trong giai đoạn COVID-19 khiến các đơn vị tái chế nhựa ở Việt Nam phải giảm giá hơn nữa.

79 GA Circular & Circulate Capital - [Safeguarding the Plastic Recycling Value Chain \(2020\)](#)

Hình 39.

GIÁ NHỰA NGUYÊN SINH VÀ NHỰA TÁI CHẾ TRONG GIAI ĐOẠN TRƯỚC COVID-19 VÀ TRONG COVID-19



Nguồn: Công ty GA Circular phỏng vấn các đơn vị tái chế chính thức (có đăng ký) tại Hà Nội và TP Hồ Chí Minh.

Chú thích: Trước COVID-19 là toàn bộ gian đoạn năm 2019. Do đó, giá thể hiện là giá bình quân năm cho 2019. Giai đoạn COVID-19 đối với nhựa nguyên sinh là giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 8 năm 2020; giá thể hiện là giá bình quân của những tháng đó. Giai đoạn COVID-19 đối với nhựa tái chế là giai đoạn từ tháng 5 đến tháng 6/2020. Do đó, giá hiển thị là giá bình quân của những tháng đó.

Sụt giảm nguồn cung phế liệu nhựa do thay đổi cách thức tiêu dùng

COVID-19 đã thay đổi cách thức tiêu dùng của người tiêu dùng Việt Nam khi quốc gia trải qua giai đoạn giãn cách. Đại dịch đã ảnh hưởng đến thời lượng người dân dành cho sinh hoạt ngoài gia đình. Một nghiên cứu của Nielsen Việt Nam cho thấy 40% người Việt Nam được hỏi dành nhiều thời gian hơn để xem TV ở nhà, 25% tăng mua sắm trực tuyến, và 62% cho biết nhiều khả năng sẽ ăn tại nhà và sử dụng phương án giao đồ ăn ngay cả sau khi đại dịch bớt căng thẳng.⁸⁰ Do đó, dịch vụ giao đồ ăn tận nơi ở Việt Nam đã bùng nổ cùng với đại dịch. Ví dụ, Loship, một công ty giao hàng thực phẩm trong nước, báo cáo số lượng đơn hàng tăng 80% vào giữa tháng 3 năm 2020, thậm chí trước khi áp dụng giãn cách xã hội.⁸¹ Mặc dù những số liệu này gợi ý rằng nguồn cung nguyên vật liệu sẵn có cao hơn, theo báo cáo rộng rãi thì phế liệu

nhiêm tạp chất, từ túi đựng đồ ăn mang đi cho đến hộp đựng, chai lọ, và cốc chiếm hơn 80% chất thải nhựa. Tình trạng này làm giảm nguồn cung vật liệu sau tiêu dùng cho các cơ sở thu gom chính thức và không chính thức.

Tỷ lệ đáng kể ngành công nghiệp tái chế có rủi ro đóng cửa

Trong thời gian giãn cách chính thức trên toàn quốc từ ngày 1/4 – 23/4,⁸² các nhà máy tái chế nhựa không được phép hoạt động vì không được coi là dịch vụ thiết yếu. Điều này có ảnh hưởng bất lợi đối với ngành công nghiệp tái chế liên quan đến các hạn chế đáng kể về đi lại và đóng cửa. Đại dịch cũng làm gián đoạn thu nhập của ngành công nghiệp tái chế khi hầu như không có doanh số bán hàng, và thiếu cung cầu trên thị trường do việc nhập khẩu và xuất khẩu phế liệu và nhựa tái chế cũng bị tạm dừng trong thời gian giãn cách bắt buộc.

80 The Nielsen Company (US), "[How has COVID-19 impacted Vietnamese Consumers?](#)" (2020)

81 Vietnam Insider, "[Vietnam's food delivery market in a post-pandemic world: Where local players stand a chance](#)" (2020)

82 Xuan Quynh Nguyen and Nguyen Dieu Tu Uyen, "[Vietnam order 15-day nationwide isolation from April 1](#)" (2020)

“

“Mặc dù thời gian giãn cách trong nước đã kết thúc, đơn đặt hàng từ khách hàng nước ngoài, nơi tập trung hoạt động kinh doanh của chúng tôi, vẫn hạn chế. Chúng tôi lo ngại rằng với giá dầu và giá nhựa nguyên sinh thấp trong tương lai gần, đơn đặt hàng có thể không tăng”.

Đơn vị tái chế ở Việt Nam

Các đơn vị tái chế thường phải hoạt động ở công suất 70% để hoạt động tái chế có lợi nhuận. Khi Việt Nam dừng giãn cách, chỉ có 50 đến 70% cơ sở tái chế hoạt động trở lại, và cũng chỉ hoạt động ở mức 20 đến 50% công suất lắp đặt,⁸³ do nhu cầu không đáng kể trong tương lai. Chỉ 30 đến 50% số cơ sở tái chế ở khu vực Đông Nam Á, bao gồm cả Việt Nam, dự kiến sẽ tiếp tục hoạt động với tác động hạn chế, trong khi 40 đến 60% có rủi ro đóng cửa vĩnh viễn hoặc phả sàn.

83 GA Circular & Circulate Capital - [Safeguarding the Plastic Recycling Value Chain \(2020\)](#)

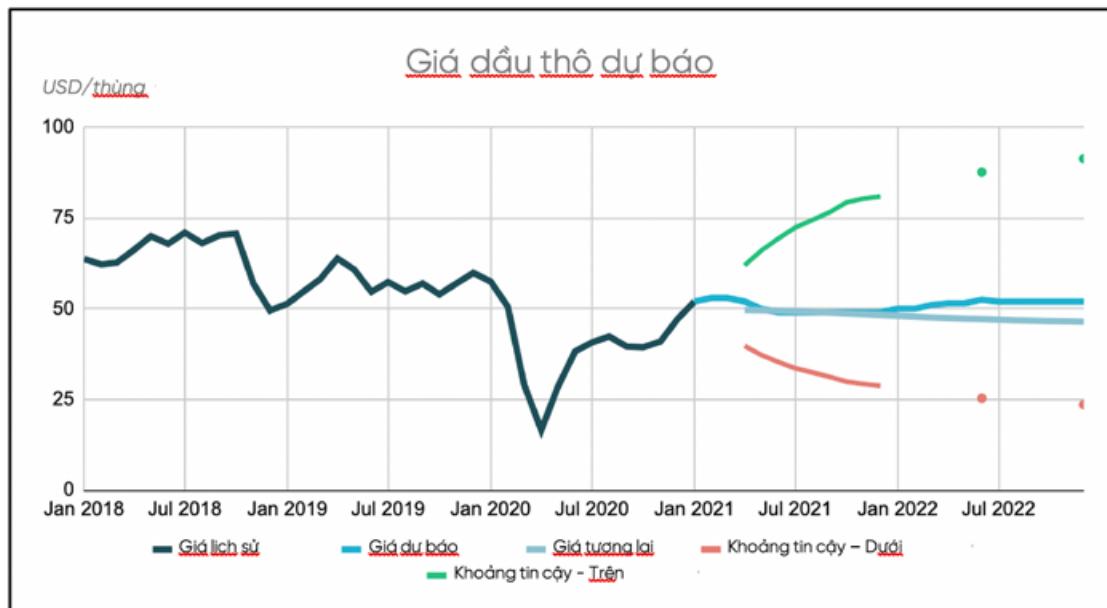
Lợi nhuận tái chế còn nhiều thách thức vì dự báo giá dầu thấp

Từ tháng 7 năm 2020 đến tháng 1 năm 2021, giá dầu dao động trong khoảng từ 39 USD đến 52 USD/thùng.⁸⁴ Trong suốt năm 2021, giá dự kiến chỉ đạt từ 49 đến 53 USD/thùng. Các đơn vị tái chế ở Việt Nam vốn đã gặp khó khăn về dòng tiền và kinh doanh từ Q3/Q4 năm 2020 lại phải đổi mới với viễn cảnh u ám về giai đoạn giá dầu thấp kéo dài trong 18 tháng tới hoặc lâu hơn, như thể hiện trong Hình 40 dưới đây.

84 Federal Reserve Bank of St. Louis, “[Global price of WTI CRUDE](#)” (2021)

Hình 40.

GIÁ DẦU THÔ LỊCH SỬ VÀ DỰ BÁO, GIÁ TƯƠNG LAI DỰ BÁO Ở KHÔNG TIN CẬY 95%



Nguồn: Dựa trên kịch bản tốt nhất của giá West Texas Intermediate (WTI) theo Cơ quan Thông tin Năng lượng Hoa Kỳ (EIA). Cơ quan Thông tin Năng lượng Hoa Kỳ, “Triển vọng Năng lượng Ngân hạn” (2021)

3.5 Thắt chặt quy định về vận chuyển xuyên biên giới và kinh doanh nhựa phế liệu và tái chế

Với sự chú ý ngày càng tăng về chất thải nhựa như một vấn đề trong khu vực, những diễn biến mới liên quan đến quy định về nhập khẩu nhựa tái chế và phế liệu đã xuất hiện, cả trong nước và quốc tế. Hai diễn biến quốc tế quan trọng sau đây đã ảnh hưởng đến cầu và giá nhựa tái chế. Ngoài ra, việc thực hiện các quy định trong nước theo lộ trình dự kiến sẽ ảnh hưởng đến cầu và giá nhựa tái chế trong tương lai.

Hai diễn biến quốc tế quan trọng

Thứ nhất, ngoài Chính sách Thanh kiểm Quốc gia năm 2018, cấm nhập khẩu nhựa phế thải, Trung Quốc, quốc gia tiêu thụ nhựa tái chế lớn, đã thắt chặt việc thi các quy định hiện hành liên quan đến nhập khẩu hạt nhựa tái chế. Các quy định nghiêm ngặt hơn, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 9 năm 2020, quy định rõ việc nhập khẩu hạt nhựa tái chế phải có "màu sắc, kích thước, và bao bì đồng nhất". Mặc dù quy định này thường được hiểu rằng không được trộn lẫn hạt nhựa khi nhập khẩu vào Trung Quốc, nhiều bên liên quan vẫn đang cố gắng xác nhận chính xác về ý nghĩa của quy định này. Việc vi phạm quy tắc này sẽ dẫn tới bị phạt hơn 500.000 NDT (74.500 USD). Do các khoản tiền phạt quá lớn liên quan đến quy định mới này, các đơn vị tái chế đã giảm lượng xuất khẩu sang Trung Quốc, để chờ xem cơ quan có thẩm quyền của Trung Quốc thực hiện quy định này như thế nào.

Thứ hai, Công ước Basel, một công ước gần như mang tính toàn cầu quy định về vận chuyển xuyên biên giới đối với chất thải nguy hại và các chất thải khác mà Việt Nam là thành viên, đã thông qua các sửa đổi đối với Phụ lục II, VIII và IX của Công ước. Những sửa đổi này giải quyết vấn đề vận chuyển xuyên biên giới của chất thải nhựa có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 với mục tiêu minh bạch hóa và quản lý tốt hơn hoạt động thương mại chất thải nhựa trên toàn cầu. Đến nay, mới có Hồng Kông, Trung Quốc cập nhật quy định để tuân thủ các sửa đổi về chất thải nhựa của Công ước Basel. Theo các biện pháp kiểm soát mới ở Hồng Kông, một số loại chất thải nhựa, quy định trong Pháp lệnh Xử lý Chất thải của Hồng Kông, Trung Quốc (WDO) và Công ước Basel, sẽ không yêu cầu giấy phép nhập khẩu nếu những chất thải này hầu như không nhiễm tạp chất, tức là không nhiễm quá 0,5%, và được sử dụng để tái chế

theo cách lành mạnh cho môi trường. Các nhà xuất khẩu không có trong danh sách sẽ phải chịu sự kiểm soát thông qua việc xin giấy phép/chấp thuận và phải thông báo khi chuyển tải.

Hai diễn biến mới này trong phong trào quốc tế về nhựa phế liệu và nhựa tái chế có nghĩa là, tôi thiếu là vào thời điểm hiện tại, nguồn cung phế liệu từ nước ngoài cho nhựa tái chế sẽ sụt giảm khi các đơn vị tái chế chờ xem các quy định mới được áp dụng như thế nào và một số điều khoản nhất định như "hầu như không có tạp chất" được định nghĩa thế nào (tham khảo Phụ lục 14 để biết thêm chi tiết).

Diễn biến trong nước

Như đề cập tại Phần 3, bắt đầu từ năm 2025, nhập khẩu nhựa phế liệu vào Việt Nam sẽ bị hạn chế hơn. Theo dự đoán, chính phủ đã ngừng cấp giấy phép nhập khẩu nhựa phế liệu mới và bắt đầu xử lý nghiêm việc nhập khẩu chất thải bất hợp pháp.⁸⁵ Hầm ý là sau tháng 12 năm 2024, các đơn vị tái chế sẽ bị hạn chế và chỉ sử dụng nguyên liệu nhập khẩu từ các quốc gia phát triển hơn, thường có chất lượng cao hơn nguyên liệu thu mua trong nước. Các đơn vị tái chế cũng sẽ được yêu cầu chỉ sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa, không được sản xuất thành hạt nhựa tái chế thương phẩm.

3.6 Tiêu thụ nhựa sinh học không đáng kể

Ở Việt Nam, nhựa sinh học chủ yếu được sử dụng trong các ứng dụng sử dụng một lần để bao bì và/hoặc ứng dụng tiếp xúc với thực phẩm như cốc đựng đồ uống, ống hút, dao kéo, túi trà và túi đựng. Nhựa sinh học thường không thích hợp cho các ứng dụng lâu bền hơn như phụ tùng ô tô vì cần có tuổi thọ và sử dụng lâu dài. Công ty CP Nhựa An Phát Xanh, công ty con của Tập đoàn An Phát (APH), và BASF là hai nhà sản xuất nhựa sinh học lớn nổi tiếng tại Việt Nam, trong đó Công ty CP Nhựa An Phát Xanh được coi là đơn vị tiên phong về sản phẩm "xanh" trong nước.

Việt Nam chưa có mạng lưới hạ tầng sản xuất phân hữu cơ công nghiệp quy mô lớn để xử lý vật liệu hữu cơ từ rác thải đô thị hoặc chất thải thương mại do nhiều nhà máy sản xuất phân hữu cơ đã đóng cửa trong vài năm gần đây do sản xuất phân hữu cơ chất

85 Reuters, "[Vietnam to limit waste imports as shipments build up at port](#)" (2018)

lượng thấp và không tiêu thụ được.⁸⁶ Phần lớn nhựa sinh học tiêu thụ ở Việt Nam được đưa thẳng đến bãie chôn lấp mà chưa được can thiệp của quá trình ủ phân hữu cơ.⁸⁷ Để phân hủy sinh học, nhựa sinh học như PLA và PBS cần có điều kiện ủ phân công nghiệp cụ thể (~ 60°C, có oxy và độ ẩm) và có chất nền hữu cơ như hỗn hợp đất và bùn. Những điều kiện này khó mở rộng ở các bãie chôn lấp hợp vệ sinh và hoàn toàn không có ở bãie chôn lấp không hợp vệ sinh. Do chưa có các cơ sở sản xuất phân hữu cơ công nghiệp ở Việt Nam, hầu hết nhựa sinh học tiêu thụ trong nước không được phân hủy sinh học ở giai đoạn hậu tiêu dùng.

Dưới đây là hai tiêu chí chính cần được đáp ứng để nhựa sinh học trở thành giải pháp thay thế bền vững và khả thi cho nhựa có nguồn gốc từ nguyên liệu hóa thạch:

- Các chính sách và tiêu chuẩn hỗ trợ bao gồm (a) chính sách cấm sử dụng nhựa từ nguyên liệu hóa thạch; (b) chính sách khuyến khích ứng dụng rộng rãi nhựa sinh học trong các ứng dụng sử dụng một lần; và (c) các tiêu chuẩn điều chỉnh hoạt động sản xuất và phân phối nhựa sinh học và cung ngǎn chặn nhựa không phân hủy sinh học, như nhựa phân hủy oxo, tràn ngập thị trường.
- Cơ sở hạ tầng giai đoạn hậu tiêu dùng bao gồm cơ sở hạ tầng cho phân loại, thu gom, và tái chế trong giai đoạn hậu tiêu dùng của nhựa sinh học.

Chi có tiêu chí đầu tiên là các chính sách và tiêu chuẩn hỗ trợ được các cơ quan chính phủ ở Việt Nam quan tâm nhất định. Tuy nhiên, tiêu chí này cho đến nay vẫn chưa được đề cập một cách tối ưu vì việc áp dụng các loại nhựa có khả năng phân hủy sinh học vẫn mang tính tự nguyên và chưa có quy định pháp luật yêu cầu thay đổi này trên toàn quốc. Một ví dụ về chính sách khuyến khích sử dụng các chất thay thế có khả năng phân hủy sinh học là thuế môi trường đối với túi nhựa không phân hủy sinh học. Túi nhựa

86 Hai cơ sở sản xuất phân hữu cơ ở Hà Nội và một cơ sở ở Phú Thọ đã đóng cửa do lỗi thiết bị hoặc sản phẩm không tiêu thụ được. Tương tự, một cơ sở sản xuất phân hữu cơ ở Hải Phòng sản xuất phân hữu cơ từ rác thải đô thị hỗn hợp cũng có sản phẩm phân hữu cơ không tiêu thụ được do chất lượng thấp vì nhiễm nhiều tạp chất bao gồm nhựa, kim loại, thủy tinh, v.v... Nguồn: Ngân hàng Thế giới, “[Đánh giá Quản lý Chất thải Rắn và Chất thải Nguy hại Công nghiệp](#)” (2018)

87 Tại các thành phố lớn, như Hà Nội, TP HCM và Đà Nẵng, khoảng 15,5% chất thải thu gom được đưa đến các cơ sở sản xuất phân hữu cơ, và 69% được vận chuyển thẳng đến các bãie chôn lấp, trong khi ở các tỉnh khác, khoảng 16% chất thải thu gom được đưa đến các cơ sở sản xuất phân hữu cơ, và 71% chất thải vận chuyển thẳng đến các bãie chôn lấp. Nguồn: Nghiên cứu NPAP Việt Nam.

không phân hủy chịu thuế môi trường 40.000 đồng (1,70 USD)/kg, và tăng lên 50.000 đồng (2,10 USD) từ ngày 1 tháng 1 năm 2019.⁸⁸ Túi nhựa phân hủy sinh học không phải chịu thuế này.

Mặc dù nhựa sinh học hiện vẫn chiếm một phần nhỏ trong lượng nhựa tiêu thụ ở Việt Nam, thị phần nhựa sinh học dự kiến sẽ tăng lên khi quốc gia chuyển dần khỏi các sản phẩm nhựa sử dụng một lần không thân thiện với môi trường.⁸⁹ Chính phủ cũng đang ngày càng tập trung đến việc giải quyết vấn đề rác thải nhựa đại dương. Điều này được thể hiện rõ trong Kế hoạch Hành động Quốc gia về Quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 và mục tiêu loại bỏ sản phẩm nhựa sử dụng một lần khỏi các siêu thị và cửa hàng tiện lợi vào năm 2021. Dự kiến, trên toàn quốc sẽ không còn sử dụng nhựa sử dụng một lần vào năm 2025.

Sản xuất nhựa sinh học ở Việt Nam dự kiến sẽ gia tăng, với việc một số công ty đang công bố kế hoạch mở rộng.⁹⁰ Do đó, nhựa sinh học có thể có vai trò quan trọng hơn trong các quyết định tìm nguồn cung ứng bao bì bền vững của các thương hiệu lớn trong tương lai. Tuy nhiên, ngay cả khi tất cả các chính sách và tiêu chuẩn hỗ trợ cần thiết đã được áp dụng ở Việt Nam, nhựa sinh học thực tế chỉ có thể được sử dụng như một giải pháp thay thế cho các ứng dụng sử dụng một lần khi việc phân loại tại nguồn và thu gom riêng rác thải đô thị và thương mại được thực hiện kết hợp với quá trình ủ phân công nghiệp đối với chất thải hữu cơ. Thông tin thêm về nhựa sinh học và các loại nhựa sinh học được cung cấp tại Phụ lục 15.

3.7 Quản lý chất thải nhựa thông qua đồng xử lý nhiên liệu có nguồn gốc từ chất thải

Nhiên liệu có nguồn gốc từ chất thải (RDF) là nhiên liệu được sản xuất từ rác thải công nghiệp, thương mại, và đô thị thông qua quá trình cắt nhỏ, sàng lọc, khử nước, và các hoạt động khác.⁹¹ The waste is separated into

88 Vietnam News, “[Loopholes and evasion limit success of plastic bag tax](#)” (2018)

89 Tuoi Tre News, “[Vietnam aiming for nation-wide eradication of single-use plastics by 2025: PM](#)” (2019)

90 Trao đổi của GA Circular với Tập đoàn An Phát Holdings, nhà sản xuất nhựa sinh học lớn tại Việt Nam, cho biết tập đoàn có kế hoạch mở rộng sản xuất cho tiêu dùng trong nước với nhà máy dự kiến bắt đầu hoạt động vào năm 2021 với mục tiêu 40% sản lượng dành cho thị trường trong nước.

91 UNESCAP, “[Nationally Appropriate Mitigation Action \(NAMA\) programme for solid waste sector in Viet Nam](#)” (2016)

Chất thải được phân tách thành các thành phần dễ cháy và không cháy được, với các thành phần dễ cháy được chuyển đổi thành nhiên liệu đóng bánh. RDF chủ yếu bao gồm nhựa không thể tái chế, giấy, bìa cứng, và các chất thải dễ cháy khác.

RDF có thể được sử dụng làm nhiên liệu trong các nhà máy chuyển đổi chất thải thành năng lượng hoặc để đồng xử lý tại các lò nung xi măng hiện tại.⁹² Trong một số trường hợp nhất định, đây có thể là phương thức khả thi để quản lý chất thải nhựa dễ cháy, đặc biệt là chất thải nhựa “không thể tái chế” như nhựa dẻo nhiều lớp, túi nhựa đựng phụ kiện, và túi ép. Mặc dù công nghệ đồng chế biến này chưa được ứng dụng rộng rãi ở Việt Nam⁹³ trừ các dự án thí điểm đang thực hiện và dự kiến,⁹⁴ vẫn có cơ hội để tìm nguồn cung RDF như đề cập dưới đây:

- Chất thải nhựa từ các thương hiệu FMCG toàn cầu và các nguồn thải khác: Các thương hiệu FMCG và các nguồn thải khác (vd: các thành phố) có thể vận chuyển trực tiếp chất thải nhựa đến các lò nung xi măng ở khu vực lân cận và sẵn sàng

92 World Bank, “[Solid and industrial hazardous waste management assessment](#)” (2018)

93 UNESCAP, “[Nationally Appropriate Mitigation Action \(NAMA\) programme for solid waste sector in Viet Nam](#)” (2016)

94 INSEE Ecocycle Việt Nam, đơn vị cung cấp dịch vụ đồng xử lý chất thải công nghiệp trong công nghệ lò nung xi măng, có dự án thử nghiệm trong đó INSEE phối hợp với một tổ chức cung cấp rác thải sinh hoạt đã phân loại.

chấp nhận những chất thải đó để đồng xử lý như đang được thực hiện ở Ấn Độ, Philippines và Thái Lan. Nestlé và Republic Cement, các nhà cung cấp giải pháp xây dựng hàng đầu tại Philippines, gần đây đã mở rộng quan hệ đối tác để quản lý chất thải nhựa thông qua sáng kiến đồng xử lý.

- Rác thải nhựa từ các dịch vụ bù đắp: TonToTon tại Việt Nam giúp các doanh nghiệp bù đắp dấu chân nhựa bằng cách thu gom cùng lượng nhựa mà các doanh nghiệp sản xuất từ môi trường mở, nhờ đó chuyển hướng nhựa không thể tái chế có thể rò rỉ ra đại dương.⁹⁵ Việc loại bỏ nhựa không thể tái chế khỏi môi trường mở không chỉ giúp giảm thiểu ô nhiễm mà còn có thể cung cấp nguyên liệu cho RDF.

Đồng xử lý nhựa có giá trị thấp và khó tái chế để sử dụng trong RDF không phải là một giải pháp dài hạn và tuần hoàn. Phương thức này cho phép chuyển hướng trong thời gian ngắn các loại nhựa có vấn đề ra khỏi các bãi chôn lấp, bãi thải lộ thiên, và đường thủy cho đến khi có giải pháp tuần hoàn dài hạn hơn trên thị trường (vd: công nghệ tái chế hóa học để chuyển đổi từ nhựa thành nhựa). Các chính sách thuận lợi và giải pháp can thiệp để hỗ trợ mở rộng quy mô đồng xử lý RDF được trình bày chi tiết trong Phần 4.

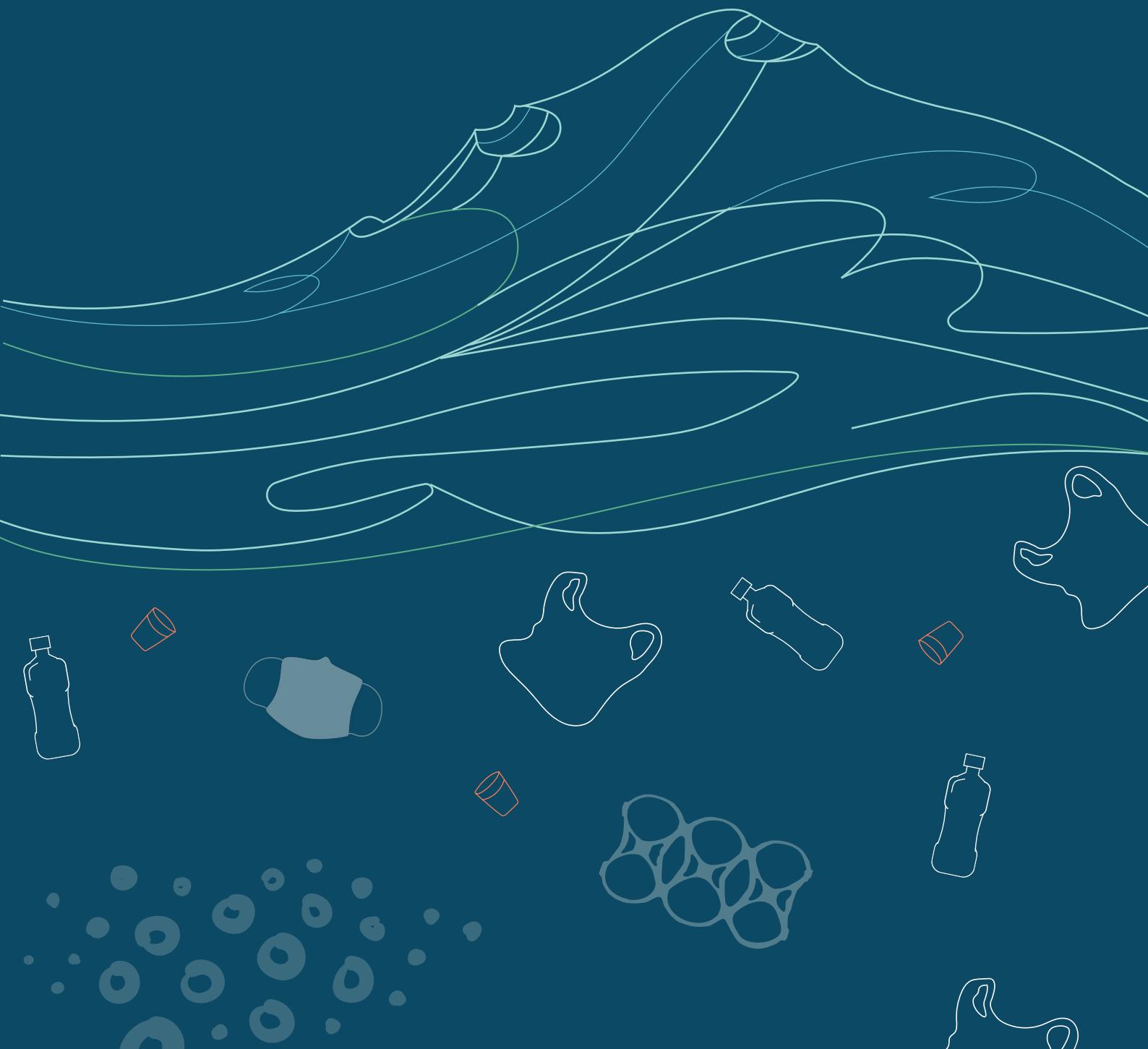
95 TONTOTON, “[What is plastic neutralization?](#)” (2020)



Photo: www.unplash.com

PHẦN 4:

CAN THIỆP ĐỂ GIẢI PHÓNG THÊM GIÁ TRỊ VẬT LIỆU



PHẦN 4:

CAN THIỆP ĐỂ GIẢI PHÓNG THÊM GIÁ TRỊ VẬT LIỆU

Như đã giải thích ở phần trước, nhiều sức ép khác nhau có tác động đến tỷ lệ CFR và hiệu suất thu hồi giá trị của hoạt động tái chế nhựa ở Việt Nam, dẫn tới thất thoát 75% giá trị vật liệu, tương đương với 2,2 - 2,9 tỷ USD mỗi năm. Phần này đề cập đến các can thiệp khuyến nghị nhằm ngăn chặn thất thoát này với việc thiết lập một nền tảng vững chắc cho ngành công nghiệp tái chế, cải thiện nhu cầu sản phẩm tái chế và chuyển đổi ngành công nghiệp tái chế nhựa của Việt Nam thành một ngành có năng lực cạnh tranh và bền vững trên toàn cầu.

Mục 4.1 cung cấp tổng quan về hai nhóm can thiệp cần thiết để làm tăng giá trị vật liệu được giải phóng. Mục 4.2 và 4.3 mô tả những hành động chi tiết cần thực hiện trong từng nhóm. Mục 4.4 tóm tắt các giải pháp can thiệp khuyến nghị liên quan đến tiềm năng giải phóng giá trị vật liệu của những can thiệp và vạch ra lộ trình về hành động ưu tiên cần thực hiện.

4.1 Tổng quan

Như minh họa trong Hình 41 dưới đây, cần có các nhóm can thiệp sau đây để cải thiện giá trị vật liệu được giải phóng thông qua tuân hoán nhựa ở Việt Nam:

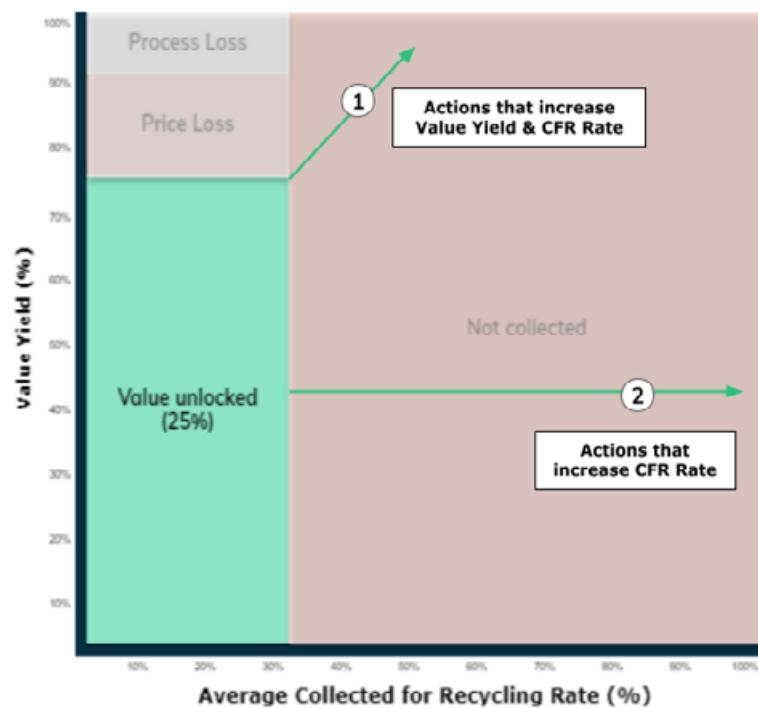
Những can thiệp nhằm tăng hiệu suất thu hồi giá trị và tỷ lệ CFR: Những can thiệp này vắt ngang chuỗi giá trị quản lý chất thải và tái chế. Vì những hành động nhằm tăng hiệu suất thu hồi giá trị chủ yếu được thúc đẩy bởi các yếu tố kinh tế và tạo ra giá trị, những hành động này cần được ưu tiên thực hiện để tạo ra các chính sách ưu đãi dẫn đến gia tăng tái chế. Việc bảo đảm để các bên tham gia chuỗi giá trị hiểu và công nhận giá trị của tái chế là một bước cơ bản để cải thiện tính tuân hoán.

Tất cả những hành động được đề xuất dưới đây có mục tiêu tăng cả tỷ lệ CFR và hiệu suất thu hồi giá trị ở mức độ nhất định, và phần lớn những hành động này có tính phụ thuộc lẫn nhau. Tuy nhiên, đối với nghiên cứu này, những hành động này được giải thích riêng theo hai nhóm đề cập trên đây.

Nhiều hành động được khuyến nghị yêu cầu thực hiện dự toán chi phí cho cơ sở hạ tầng cần thiết cùng với các rào cản. Tuy nhiên, dự toán như vậy nằm ngoài phạm vi của nghiên cứu này. Do đó, trước khi chấp nhận các khuyến nghị của nghiên cứu để đưa vào triển khai, cần thực hiện dự toán chi phí CAPEX và OPEX cho cơ sở hạ tầng cùng với rào cản đối với mỗi hành động.

Hình 41.

HAI NHÓM HÀNH ĐỘNG ĐỂ GIẢI PHÓNG THÊM GIÁ TRỊ VẬT LIỆU THÔNG QUA TÁI CHẾ



Để thuận tiện, khi thiết lập thứ tự ưu tiên về thời gian đối với hành động đề xuất, những hành động này được đặt theo ba cụm:

- Thiết lập nền tảng:** Những hành động trong cụm này thiết lập nền tảng cần thiết cho tuần hoàn nhựa tại Việt Nam. Thời gian đề xuất để thực hiện hành động trong cụm này là một đến hai năm.
- Cải thiện nhu cầu:** Những hành động trong cụm này có tác động lớn, có mục tiêu tạo ra nhu cầu đối với sản phẩm tái chế bằng cách tăng tỷ lệ CFR và hiệu suất thu hồi giá trị. Thời gian đề xuất để thực hiện những hành động này là từ ba đến năm năm.
- Tối đa hóa giá trị:** Những hành động trong cụm này giúp giải phóng giá trị tối đa từ tái chế nhựa và giúp xây dựng một ngành công nghiệp tái chế bền vững. Thời gian đề xuất để thực hiện hành động trong cụm này là trên năm năm.

4.2 Nhũng can thiệp nhằm tăng hiệu suất thu hồi giá trị và tỷ lệ CFR

A. Thúc đẩy tuần hoàn nhựa thông qua xây dựng kịp thời các nghị định và thông tư nền tảng để hướng dẫn thi hành Luật BVMT

Luật BVMT sửa đổi, được thông qua vào ngày 17 tháng 11 năm 2020, sẽ có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2022. Các bên liên quan tham gia nghiên cứu này xếp hạng việc xây dựng các nghị định và thông tư để hướng dẫn thi hành các điều của Luật BVMT ở mức ưu tiên cao và là cách thức để khuyến khích loại bỏ nhựa và xây dựng các mô hình tái sử dụng và phân phối mới. Can thiệp này tập trung vào giai đoạn sản xuất và xử lý trong vòng đời của nhựa.

Bảng 7.

HÀNH ĐỘNG VÀ CƠ SỞ CHO CAN THIỆP A: THÚC ĐẨY TUẦN HOÀN NHỰA THÔNG QUA XÂY DỰNG KỊP THỜI CÁC CÔNG CỤ CHÍNH SÁCH NỀN TẢNG CHO LUẬT BVMT

| Cụm & thời gian | Hành động | Cơ sở | |
|-------------------------------------|-----------|--|---|
| Thiết lập nền tảng (1-2 năm) | 1 | Báo đảm các cơ quan có trách nhiệm có đủ thẩm quyền và nguồn lực để phối hợp với các bên liên quan xây dựng các công cụ chính sách nền tảng (nghị định và thông tư) và thực thi Luật BVMT. 2 | Các vấn đề được nêu trong khi phòng vấn các bên liên quan bao gồm thiếu phân định trách nhiệm rõ ràng, thiếu nguồn lực, và vấn đề thực thi Luật BVMT, sửa đổi năm 2014. Do đó, các công cụ chính sách nền tảng của Luật BVMT mới (các nghị định và thông tư) phải được các cơ quan có trách nhiệm thuộc chính phủ tiếp tục xây dựng. Những cơ quan này cần có nguồn lực cần thiết để thực hiện hoạt động này. Điều này rất quan trọng vì nhiều cơ quan và bên liên quan cho biết tình trạng chưa có phân định trách nhiệm rõ ràng giữa các cơ quan, và các cơ quan này cũng thiếu nguồn lực, ví dụ như để tham vấn ý kiến chuyên gia hoặc tổ chức các buổi tham vấn với các ngành. Nếu tình trạng này kéo dài, việc xây dựng các nghị định và thông tư có thể bị chậm trễ hoặc có thể thiếu chi tiết và liên kết ngành cần thiết để thực hiện thành công. Các điều có liên quan nhiều nhất đến tuần hoàn nhựa bao gồm: a. Hàm lượng Tái chế & EPR: điều 53, 54, 55 b. Mua sắm Xanh: điều 146 c. Tín dụng & Trái phiếu Xanh: điều 149, 150 d. Quản lý Chất thải Rắn Sinh hoạt: điều 75, 76, 77, 78, 79, 80 |
| | | Có chính sách ưu đãi để khuyến khích giảm sử dụng nhựa (vd: loại bỏ dần những sản phẩm nhựa không cần thiết) và các hệ thống tái sử dụng (vd: chai có thể nạp lại, mô hình phân phối mới, và mô hình kinh doanh) Dựa trên nghiên cứu được thực hiện trước đây trong khuôn khổ Đối tác Hành động Nhựa Quốc gia (NPAP), theo đặt hàng của Diễn đàn Kinh tế Thế giới năm 2020, các kịch bản được mô hình hóa cho thấy 22 - 35% lượng nhựa, được tạo ra qua dòng CTRĐT, có thể được loại bỏ thông qua: a. Giảm tiêu thụ nhựa thông qua loại bỏ, tái sử dụng, và các mô hình phân phối mới: có thể tránh tiêu thụ nhựa từ 13 - 26%, dẫn đến giảm tương đương một triệu tấn nhựa vào năm 2030. b. Thay thế nhựa bằng vật liệu thay thế phù hợp như giấy, giấy trắng, và vật liệu có thể phân hủy, có nghĩa là có thể tránh được thêm 9% lượng tiêu thụ nhựa vào năm 2030, tương đương với mức giảm 0,65 triệu tấn nhựa vào năm 2030. ⁹⁶ Gần đây, chính phủ có thông báo về việc cấm đồ nhựa sử dụng một lần vào năm 2025 ⁹⁷ dẫn tới câu hỏi về những sản phẩm nào sẽ thuộc phạm vi của lệnh cấm này và những vật liệu nào có sẵn trong nước sẽ thay thế sản phẩm nhựa. Tình trạng không chắc chắn này được ghi nhận trong phân tích NPAP, theo đó mức tránh 13% được tính toán dựa trên kịch bản thực tế hơn về lệnh cấm nhựa sử dụng một lần ở mức tối thiểu. | |

96 Results were based on a comprehensive analysis of 16 different product applications and assessing popular substitutions currently available in the market (following the methodology from Breaking the Plastic Wave report). Methodology source: The Pew Charitable Trusts and SYSTEMIQ, "Breaking the Plastic Wave" (2020)

97 Vietnam News, "[Government aims to set an example in reducing plastic waste](#)" (2020)

| Cụm & thời gian | Hành động | Cơ sở |
|-------------------------------------|---|--|
| Thiết lập nền tảng (1-2 năm) | 2 Có chính sách ưu đãi để khuyến khích giảm sử dụng nhựa (vd: loại bô dàn những sản phẩm nhựa không cần thiết) và các hệ thống tái sử dụng (vd: chai có thể nạp lại, mô hình phân phối mới, và mô hình kinh doanh) | <p>Ngược lại, mức tránh 26% được tính toán dựa trên kịch bản tham vọng hơn về số lượng lớn hơn các lệnh cấm nhựa sử dụng một lần. Để áp dụng việc loại bỏ trên quy mô toàn quốc, các nhà hoạch định chính sách cần bảo đảm có sản phẩm thay thế phù hợp với mức giá chấp nhận được, đáp ứng nhu cầu của các nhóm dân số khác nhau ở Việt Nam và vượt qua được những thách thức liên quan đến tái sử dụng và các mô hình phân phối mới (các thách thức được nêu bật tại Phần 3).</p> <p>Hiện tại, các Điều trong Luật BVMT không ưu tiên tái sử dụng hoặc các mô hình phân phối mới và tập trung nhiều hơn vào quản lý và tái chế chất thải. "Tái sử dụng" chỉ được đề cập một lần duy nhất tại Điều 53, trong khi điều này chủ yếu tập trung vào trách nhiệm quản lý chất thải của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Chính phủ nên xây dựng các chính sách và ưu đãi để hỗ trợ tái sử dụng nhựa và các mô hình kinh doanh phân phối mới, khẳng định ngay về việc không khuyến khích sử dụng nhựa. Ví dụ về những hành động cần thiết bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> c. Các giới hạn theo quy định, bao gồm lựa chọn chính sách và quy định hạn chế sản xuất quá nhiều bao bì, bao bì khó tái chế, và thúc đẩy doanh nghiệp giảm và/hoặc thay thế bao bì. Một cách lý tưởng, những lựa chọn chính sách này nên bao gồm việc áp dụng kết hợp các sắc thuế, lệnh cấm, và quy định về trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất để khuyến khích sự đổi mới sản phẩm, và nên có các nguyên tắc điều chỉnh sinh thái trong các chương trình EPR. Những hành động này sẽ khuyến khích các thương hiệu tăng cường đầu tư vào các mô hình kinh doanh mới. d. Lựa chọn chính sách hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng cho các mô hình tái sử dụng hoặc vật liệu thay thế (như cơ sở ủ phân hữu cơ đối với nhựa phân hủy sinh học) và giảm dòng chảy nhựa ra môi trường e. Lựa chọn chính sách với định hướng tài trợ cho đổi mới vật liệu mới và thiết kế giảm bao bì, cũng như mở rộng hệ thống thu hồi cho vật liệu thay thế như giấy, thủy tinh, và kim loại, và cải tiến thiết kế kho vận/hệ thống cho các mô hình tái sử dụng khả thi f. Hỗ trợ các công ty khởi nghiệp sử dụng mô hình kinh doanh mới và tăng trưởng của hệ sinh thái. g. Khuyến khích các định chế tài chính cho vay và/hoặc đầu tư vào các doanh nghiệp này. <p>Vui lòng tham khảo báo cáo sắp xuất bản của NPAP Việt Nam "Giảm thiểu Rò rỉ nhựa ở Việt Nam: Lộ trình Hành động" để có thêm khuyến nghị về các mô hình giảm thiểu và tái sử dụng phù hợp ở Việt Nam.</p> |

B. Tăng hiệu quả thu gom và phân loại chất thải nhựa

Với tỷ lệ CFR tương đối thấp đối với cả bốn loại nhựa chính được đánh giá, cần tăng hiệu quả phân loại trong toàn chuỗi giá trị ngành nhựa hậu tiêu dùng, bao gồm các giai đoạn xử lý chất thải tiêu dùng, thu gom riêng, vận chuyển, và phân loại vật liệu từ các nguồn hỗn hợp. Những hành động được khuyến nghị dưới đây là chiến lược chính để triển khai hệ thống Quản lý Chất thải Rắn Tổng hợp (ISWM).

Bảng 8.

HÀNH ĐỘNG VÀ CƠ SỞ CHO CAN THIỆP B: TĂNG HIỆU QUẢ THU GOM VÀ PHÂN LOẠI CHẤT THẢI NHỰA

| Cụm & thời gian | Hành động | Cơ sở |
|------------------------------|--|---|
| Thiết lập nền tảng (1-2 năm) | 3 Tăng tỷ lệ thu gom chất thải và thực hiện các hành động để loại bỏ dần các bãi thải | <p>Đến năm 2018, mức độ bao phủ thu gom CTRDT trên toàn quốc là 75%, dựa trên số liệu báo cáo của chính phủ, trong đó tỷ lệ thu gom CTRDT ở khu vực nông thôn là 62% và ở khu vực đô thị là 88%. Theo NPAP cho Việt Nam, tình trạng thu gom CTRDT chính thức chưa đầy đủ ước tính gây ra hơn một nửa lượng rác rưởi nhựa từ CTRDT,⁹⁸ là lý do tại sao nhất thiết phải tăng tỷ lệ thu gom CTRDT. Nguồn rác rưởi nhựa do CTRDT tạo ra lớn thứ hai là từ bãi rác và bãi chôn lấp. Do đó, việc tăng tỷ lệ thu gom CTRDT phải đi đôi với việc mở rộng các khu xử lý an toàn. Nếu không, tỷ lệ rác rưởi nhựa sẽ không thay đổi đáng kể vì vị trí rác rưởi nhựa sẽ chuyển từ nơi phát sinh đến bãi thải.</p> <p>Phương thức thu gom hiện tại của khu vực phi chính thức rất tốn kém (so với phế liệu nhựa nhập khẩu), và khối lượng dao động theo giá thị trường, điều này tác động bất lợi đối với tính kinh tế của hoạt động tái chế và mức đầu tư tiềm năng của khu vực tư nhân. Điều này cùng với tình trạng rác rưởi do tỷ lệ thu gom CTRDT chính thức còn thấp cho thấy sự cấp thiết phải có hệ thống ISWM cải tiến, bao gồm tỷ lệ thu gom, phân loại tại nguồn, và thu gom riêng, lộ trình tái chế và các bãi xử lý an toàn.</p> <p>Trong chiến lược sửa đổi năm 2017, chính phủ công bố các mục tiêu điều chỉnh về độ bao phủ thu gom CTRDT là 90% ở khu vực nông thôn và 100% ở khu vực đô thị vào năm 2025. Tuy nhiên, các bên liên quan bày tỏ lo ngại về tính thực tế của những mục tiêu này.⁹⁹ Để tăng được độ bao phủ thu gom CTRDT, cần thực hiện các chính sách và hành động kinh tế, bao gồm nhưng không giới hạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Tăng kinh phí và phân bổ ngân sách để tăng tỷ lệ thu gom và địa điểm xử lý chất thải thích hợp b. Loại bỏ dần các bãi thải c. Thực thi chặt chẽ hơn các biện pháp kiểm soát rác rưởi tại các bãi chôn lấp <p>Ngoài ra, các công cụ EPR có ý nghĩa rất quan trọng vì chất thải nhựa trong kịch bản bình thường (không thực hiện giảm thiểu, tái sử dụng, và mô hình phân phối mới) được dự báo sẽ tăng trưởng nhanh hơn CTRDT.</p> |

98 Sô liệu này đã tính đến một phần thu gom phế liệu nhựa của khu vực phi chính thức ở các khu vực chưa thực hiện thu gom CTRDT.

99 World Bank. "[Solid and Industrial Waste Management Assessment: Options and Action Area To Implement The National Strategy](#)" (2018)

| Cụm & thời gian | Hành động | Cơ sở |
|------------------------------|--|---|
| Thiết lập nền tảng (1-2 năm) | 4 Quy định và điều chỉnh hài hòa các tiêu chuẩn và mục tiêu phân loại tại nguồn và thu gom riêng | <p>Như đã nêu trong Phần 3 về các sức ép có liên quan lẫn nhau, chuỗi giá trị tái chế nhựa liên tục có những thách thức về nguồn cung nguyên liệu sau tiêu dùng liên tục và có chất lượng tốt với tỷ lệ nhiễm tạp chất thấp. Ở mức tối thiểu, việc phân loại CTRDT tại nguồn để phân loại giữa chất thải ướt (hữu cơ) và khô (vô cơ) sẽ làm giảm đáng kể mức độ nhiễm tạp chất đối với nhựa vì chất thải hữu cơ thường là thành phần chính của chất thải rắn, đặc biệt là các nền kinh tế mới nổi. Việc thu gom riêng cũng bao gồm hiệu quả hoạt động cao hơn đối với người thu gom chất thải.</p> <p>Nếu thực thi phù hợp các tiêu chuẩn và mục tiêu hài hòa trên toàn quốc về phân loại tại nguồn và thu gom riêng, có thể giảm được chi phí thu gom cho cơ sở tái chế và tăng hiệu suất thu hồi giá trị. Mặc dù việc mở rộng trên phạm vi toàn quốc có thể không khả thi, các cơ quan có thẩm quyền có thể bắt đầu với các thành phố trọng điểm có lượng CTRDT đáng kể, như Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Hà Nội.</p> <p>Đã có một số chương trình thí điểm về phân loại tại nguồn trên khắp Việt Nam (như đề cập tại Phần 3), nhưng chưa chương trình nào có được quy mô và thành công bền vững. Để những chương trình này có được thành công lâu dài, phải có hỗ trợ đầy đủ của Sở Tài nguyên Môi trường (Sở TNMT) và Ủy ban Nhân dân của địa phương để triển khai nỗ lực của các hoạt động thí điểm nhà nước - tư nhân này. Một ví dụ thành công trong khu vực là Depok, Indonesia, nơi chính quyền địa phương đã có được thành công lâu dài từ năm 2012 khi trên 100.000 hộ gia đình thực hiện phân loại rác thải.¹⁰⁰</p> <p>Một khía cạnh quan trọng khác của hành động này là xây dựng hệ thống báo cáo dữ liệu hợp nhất để tiếp nhận dữ liệu quản lý và tái chế chất thải từ tất cả các tỉnh thành. Theo nghiên cứu trước đây cho NPAP, dữ liệu quản lý chất thải cơ bản (chất thải thu gom, chất thải phát sinh) không có sẵn khi yêu cầu dữ liệu được gửi tới một mẫu bao gồm sáu trong số 61 Sở TNMT trên khắp Việt Nam.</p> |
| | 5 Bảo đảm nhất quán giữa các chiến dịch thay đổi hành vi và nâng cao nhận thức của khu vực nhà nước và khu vực tư nhân | <p>Các chiến dịch nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi tập trung vào ngăn chặn xả rác, phân loại tại nguồn (vd: chất thải khô với chất thải ướt), và tái chế có ý nghĩa rất quan trọng đối với thành công của tuần hoàn nhựa. Cần thuyết phục được người tiêu dùng, doanh nghiệp, và các nhà lãnh đạo ở cấp trung ương và địa phương thi mới có thể thành công ở các chiến dịch thay đổi hành vi. Các giải pháp quản lý và tái chế chất thải sẽ hiệu quả hơn khi việc người tiêu dùng thay đổi hành vi được hỗ trợ bởi ủng hộ chính trị mạnh mẽ của các cơ quan lập pháp và hành pháp.</p> <p>Chính phủ Việt Nam đã có động lực chính trị mạnh mẽ trong giảm thiểu chất thải nhựa. Các tổ chức phi chính phủ và doanh nghiệp trong nước và quốc tế cũng đã thúc đẩy những nỗ lực mạnh mẽ ở cấp cơ sở để nâng cao nhận thức và vận động cho việc phân loại tại nguồn. Tuy nhiên, cần có nhiều nỗ lực hơn nữa ở cấp tỉnh và cấp huyện để đảm bảo sự nhất quán về thông điệp, thuyết phục người tiêu dùng, và cải thiện việc thực hiện phân loại chất thải. Ngoài ra, các hộ gia đình cần được đảm bảo rằng việc phân loại tại nguồn được thực hiện thành công từ điểm thu gom tới vận chuyển tới xử lý. Rác thải được phân loại tại nguồn thường hay bị trộn lẫn trở lại trong quá trình vận chuyển hoặc xử lý.</p> <p>Các tổ chức EPR tự nguyện và các ngành công nghiệp tiêu dùng khác có sử dụng nhựa có thể hợp tác với chính quyền cấp tỉnh và cấp huyện để xác định các hành vi cần giải quyết, đòn bẩy để thay đổi hành vi, và bảo đảm để việc truyền thông được hỗ trợ bằng cơ sở hạ tầng QLCTR cho phép người dân tham gia vào các giải pháp.</p> |

100 The Jakarta Post, "[Depok: The front line in Indonesia's fight against waste](#)" (2017)

| Cụm & thời gian | Hành động | Cơ sở |
|-----------------------------|--|--|
| Cải thiện nhu cầu (3-5 năm) | 6 Tạo cơ hội hòa nhập khu vực phi chính thức và tăng cường minh bạch của hoạt động thu gom phế liệu tái chế | <p>Khu vực phi chính thức đóng vai trò quá lớn trong hoạt động thu gom nhựa phế liệu và tái chế nhựa ở Việt Nam. Tình trạng này là do không có phương thức chính thức và có quy mô lớn cho hoạt động thu gom nhựa để tái chế (vd: phân loại phế liệu tái chế tại nguồn). Khu vực phi chính thức đang ở tuyến đầu của hoạt động thu gom phế liệu và thường có điều kiện làm việc không an toàn, không hợp vệ sinh, với mức thù lao thấp.</p> <p>Như đề cập tại Phần 3, với nhiều thách thức mà các cơ sở tái chế nhựa ở Việt Nam gặp phải trong khi thu mua nguyên liệu nhựa sau tiêu dùng chất lượng cao, với khối lượng lớn và ổn định từ các nguồn trong nước, nhiều cơ sở tái chế ưa thích việc nhập khẩu phế liệu nhựa vì nguyên liệu nhập khẩu có thể đáp ứng tốt hơn các yêu cầu chất lượng và nhu cầu truy xuất nguồn gốc cũng như hóa đơn phù hợp.</p> <p>Ngoài ra, nhu cầu phế liệu tái chế có nguồn gốc minh bạch dự kiến sẽ tăng lên khi các thương hiệu gia tăng cam kết sử dụng hàm lượng tái chế. Xu hướng này và những hạn chế nhập khẩu sắp tới (Nghị định số 40/2019/NĐ-CP và Công ước Basel cập nhật, như đề cập tại Phần 3) tạo cơ hội lớn để phát triển các nguồn nguyên vật liệu tốt hơn trong nước và đẩy mạnh hòa nhập khu vực phi chính thức để cải thiện minh bạch, và thông qua cung cấp liên kết giữa khu vực chính thức và phi chính thức. Thị trường chất thải và tái chế chỉ có thể được tối ưu hóa thông qua một hệ thống tích hợp. Do đó, các mô hình khả thi phải bao trùm cả khu vực phi chính thức và tận dụng được chuyên môn của khu vực này.</p> <p>Khu vực phi chính thức có thể được hòa nhập thông qua một trong năm hoạt động điển hình tốt nhất về hòa nhập khu vực phi chính thức, theo xác định của Tổ chức Bảo tồn Đại dương: (a) Doanh nghiệp siêu nhỏ do NGO hỗ trợ; (b) Hợp tác xã và tập thể; (c) Phát triển bên nhận nhượng quyền; (d) Phát triển nhà cung cấp; (e) Ngân hàng chất thải độc lập.¹⁰¹</p> <p>Cần tăng cường hỗ trợ cho lĩnh vực quản lý chất thải phi chính thức bằng cách đăng ký chính thức cho người lao động trong lĩnh vực chất thải phi chính thức, cấp cho họ giấy tờ tùy thân, và đầu tư nâng cao năng lực để tăng cường khả năng thu gom chất thải hiệu quả hơn. Ví dụ, GIZ hỗ trợ thực hiện một dự án để hòa nhập người thu gom rác phi chính thức ở Thành phố Ilollo. Người lao động được đào tạo nâng cao năng lực để nâng cao kỹ năng và cuối cùng thành lập một hiệp hội, Hiệp hội Sinh kế Uswag Calajunan (UCLA), để tổ chức công việc tốt hơn và được công nhận.¹⁰²</p> |

101 Ocean Conservancy - Plastics Policy Playbook (2019)

102 Paul et al. - Integration of the informal sector into municipal solid waste management in the Philippines – What does it need? (2012)

| Cụm & thời gian | Hành động | Cơ sở |
|-----------------------------|--|--|
| Cải thiện nhu cầu (3-5 năm) | 6 Tạo cơ hội hòa nhập khu vực phi chính thức và tăng cường minh bạch của hoạt động thu gom phế liệu tái chế | <p>Việc thành lập các hợp tác xã và DNNVV cần có sự hỗ trợ. Ví dụ về một hợp tác xã như vậy là SWaCH, hợp tác xã đầu tiên của Ấn Độ thuộc sở hữu hoàn toàn của những người thu gom rác thải độc lập và người nghèo thành thị khác. Đây là doanh nghiệp tự chủ cung cấp dịch vụ quản lý chất thải cho người dân thành phố Pune ở miền tây Ấn Độ. Hợp tác xã này cung cấp dịch vụ cho trên 70% của thành phố, bảo đảm thu gom rác thải phân loại hàng ngày tận cửa nhà trong khi tạo sinh kế bền vững cho một trong những bộ phận nghèo nhất và thiệt thòi nhất của xã hội.¹⁰³</p> <p>Các chương trình thúc đẩy phúc lợi và mức sống của người nhặt rác phi chính thức của chính quyền địa phương có thể bao gồm các sáng kiến như khám sức khỏe hàng năm, bảo hiểm nhân thọ, và tiền thưởng hàng năm nếu thu gom được nhiều hơn một lượng chất thải nhất định. Các công ty tư nhân quản lý thu gom rác thải có thể được khuyến khích gặp gỡ những người nhặt rác phi chính thức làm việc trong khu vực để thảo luận các giải pháp (ví dụ, cơ hội đào tạo, lợi ích sức khỏe, và thiết bị an toàn) để cải thiện điều kiện làm việc và cách thức để chuyển hướng chất thải khỏi bãi chôn lấp hiệu quả hơn, do đó giảm phí bãi chôn lấp cho các công ty tư nhân và tiết kiệm chi phí.¹⁰⁴ Một ví dụ là Hasiru Dala Innovations, một công ty thu gom rác thải tư nhân ở Bengaluru, Ấn Độ. Công ty đã chủ động phối hợp với 3.000 người nhặt rác trong thành phố để cung cấp các lợi ích như an sinh xã hội, bảo hiểm y tế, và cơ hội tiếp cận nguồn tài chính vi mô để giúp họ nâng cao mức sống.</p> <p>Một nhu cầu quan trọng khác là tăng cường tính minh bạch của chuỗi cung ứng nhựa phế thải tại Việt Nam bằng cách truy nguyên dòng nguyên vật liệu thông qua người thu gom phi chính thức, người thu mua, thu gom, và tái chế thông qua các công cụ và nền tảng lập bản đồ kỹ thuật số. Điều này có thể làm tăng giá nhựa phế liệu và cho phép định tuyến vận tải hiệu quả hơn cho các đơn vị thu gom và tái chế.</p> |

103 SWaCH - Website

104 UNESCAP - "Closing the Loop" Sai Mai District, Bangkok Case Study (2018)

| Cụm & thời gian | Hành động | Cơ sở |
|-----------------------------|---|--|
| Cải thiện nhu cầu (3-5 năm) | 7 Triển khai mô hình thu gom chất thải trả phí theo lượng rác thải (PAYT) để khuyến khích phân loại tại nguồn | <p>PAYT là mô hình định giá theo lượng sử dụng, trong đó người dùng được tính phí dựa trên lượng rác thải. Cách tính phí này khuyến khích từng hộ gia đình giảm khối lượng chất thải vứt bỏ. Khi áp dụng hình thức định giá trực tiếp cho lượng chất thải phát sinh, các hộ gia đình có động lực phân loại hoặc tái chế càng nhiều chất thải càng tốt để có thể tiết kiệm khoản phí gắn với hệ thống PAYT. Với phương pháp này, việc xử lý chất thải sẽ tương tự các dịch vụ tiện ích khác, khi khách hàng thanh toán chi phí cho lượng dịch vụ được cung cấp. Điều 79 Luật BVMT đã thiết lập khuôn khổ pháp lý liên quan đến chi phí thu gom, vận chuyển và quản lý chất thải rắn sinh hoạt.</p> <p>Cần có ba thành phần chính để thực hiện hiệu quả chương trình PAYT/ Tiết kiệm Khi Tái chế (SAYR): (a) hệ thống nhận dạng người dùng; (b) đo lường khối lượng chất thải phát sinh; (c) cung cấp chương trình tính phí được chấp nhận công khai.</p> <p>To ensure proper implementation of any PAYT model, it will be crucial to consult with the relevant People's Committee before launching any new waste disposal fee model. This will better enable the opinions of waste producers to be heard and accounted for. This will ensure the cooperation of households and bulk waste generators and discourage these participants from disposing of waste via informal channels. Additionally, enforcement and penalties for any illegal disposal will be critical. An example of exemplary enforcement of source segregation is the city of Depok, Indonesia, which redeployed police, fined those individuals who illegally disposed of their waste, and took them to court. The court cases were covered by the media, which ensured strong adherence to the rules.¹⁰⁵</p> <p>Để đảm bảo thực hiện phù hợp bất kỳ mô hình PAYT nào, điều quan trọng là phải tham vấn ý kiến của Ủy ban Nhân dân địa phương trước khi triển khai bất kỳ mô hình mới nào về phí xử lý chất thải. Điều này sẽ cho phép lắng nghe và xem xét đến ý kiến của cơ sở sản xuất chất thải. Điều này cũng bảo đảm sự hợp tác của các hộ gia đình và các chủ nguồn thải lớn và hạn chế những người tham gia thải bỏ rác qua các kênh không chính thức. Ngoài ra, việc thi hành và hình phạt đối với mọi hành vi đổ thải bất hợp pháp cũng rất quan trọng. Một ví dụ về việc thực hiện phân loại tại nguồn là thành phố Depok, Indonesia, khi thành phố bố trí lực lượng cảnh sát, thực hiện phạt những cá nhân đổ thải bất hợp pháp và đưa ra tòa. Các phiên tòa đã được đưa tin rộng rãi trên các phương tiện truyền thông, bảo đảm tuân thủ quy định một cách nghiêm túc.¹⁰⁶</p> <p>Một số công nghệ thông minh đã có mặt trên thị trường ở khu vực Đông Nam Á bao gồm¹⁰⁷:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. PAYT (Trả phí theo lượng rác thải)/SAYR (Tiết kiệm Khi Tiết giảm) bằng cách sử dụng túi màu hoặc hệ thống theo dõi RFID a. Công nghệ cảm biến không dây khi đổ rác vào thùng a. Phần mềm tối ưu hóa tuyến đường thu gom |

105 GA Circular, "Driving Solutions for Post-Consumer Flexible Packaging in Asia." (2017)

106 World Economic Forum, "[South Korea's organic waste recycling](#)" (2019)

107 National Environment Agency, "[Solid Waste Management Technology Roadmap](#)" (2014)

C. Cải thiện cơ hội tiếp cận tài chính cho các dự án tái chế và hỗ trợ xây dựng năng lực

Nhu cầu cấp tại Phần 3, hơn 90% số đơn vị tái chế chính thức được liên hệ tham gia nghiên cứu này ở Việt Nam cho biết chính phủ hoặc khu vực tư nhân chưa có hỗ trợ tài chính hay chính sách ưu đãi rõ ràng cho hoạt động tái chế nhựa. Điều quan trọng là phải giải quyết nhu cầu về cơ hội tiếp cận tài chính và xây dựng năng lực trong nước, đặc biệt đối với các DNNVV để mở rộng thị trường tái chế trong nước.

Bảng 9.

HÀNH ĐỘNG VÀ CƠ SỞ CHO CAN THIỆP C: CẢI THIỆN CƠ HỘI TIẾP CẬN TÀI CHÍNH VÀ XÂY DỰNG NĂNG LỰC

| Cluster & Timing | Action | Rationale |
|------------------------------|--|--|
| Thiết lập nền tảng (1-2 năm) | 8 Hoàn thiện khung tài trợ xanh hiện tại để thẩm định và đưa ra các chính sách ưu đãi phù hợp nhằm hỗ trợ chuỗi giá trị tái chế nhựa | <p>Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã thực hiện một số hành động để hỗ trợ các sáng kiến quốc gia về tăng trưởng xanh của Việt Nam. Năm 2015, NHNN đã ban hành chỉ thị về thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh và quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cho vay và kế hoạch hành động của ngành ngân hàng thực hiện Chiến lược Quốc gia về Tăng trưởng Xanh.</p> <p>Việc NHNN phê duyệt Đề án phát triển ngân hàng xanh năm 2018 (Quyết định số 1604/QĐ-NHNN) có mục tiêu khuyến khích và thiết lập ưu đãi để hướng dòng vốn tín dụng vào tài trợ các dự án xanh, đặc biệt là những dự án phù hợp với mục tiêu quốc gia của Việt Nam về phát triển bền vững. Từ năm 2018, các mốc quan trọng sau đây về tài chính liên quan đến nền kinh tế xanh đã được thực hiện:¹⁰⁸</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Nghị định 95/2018/NĐ-CP về công cụ nợ của Chính phủ ngày 30 tháng 6 năm 2018 (Chính phủ Việt Nam, 2018) b. Nghị định 163/2018/NĐ-CP về phát hành trái phiếu doanh nghiệp ngày 04 tháng 12 năm 2018, trong đó có trái phiếu xanh (Chính phủ Việt Nam, 2018) c. Quyết định 1731/2018/QĐ-NHNN ban hành Kế hoạch Hành động của ngành ngân hàng thực hiện chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2018) <p>Mặc dù vậy, nhiều ngân hàng tư nhân hoạt động tại Việt Nam vẫn chưa có sản phẩm tài chính trên thị trường để cho phép khu vực tư nhân, đặc biệt là DNNVV, giải phóng tăng trưởng trong nền kinh tế xanh, đặc biệt là tái chế nhựa. Một số ngân hàng tư nhân có các chương trình tài trợ xanh tích cực, bao gồm nhưng không giới hạn HSBC (một ngân hàng quốc tế tại Việt Nam), BIDV (một ngân hàng lớn của Việt Nam có khoản tín dụng xanh từ WB), VPBank (một ngân hàng Việt Nam hiện có khoản tín dụng từ IFC), và HD bank (một ngân hàng Việt Nam).</p> <p>NHNN, cùng với các đối tác phát triển đa phương hoặc song phương, cần có các chính sách ưu đãi để thúc đẩy ngân hàng xanh. Các ngân hàng nên được khuyến khích thông qua các hoạt động giảm thiểu rủi ro. Ngoài ra, cần cập nhật Quyết định 1731/2018/QĐ-NHNN để điều chỉnh hỗ trợ cho Kế hoạch Hành động Quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 với các điều khoản cụ thể nhằm hỗ trợ chuỗi giá trị tái chế nhựa.</p> |

108 IFC, "Country Progress Report, Vietnam" (2019)

| Cluster & Timing | Action | Rationale |
|------------------------------|---|---|
| Thiết lập nền tảng (1-2 năm) | 9 Xây dựng các quy trình thực tế để tài trợ cho các doanh nghiệp tuân hoàn nhựa | <p>Khi được cho biết về các chương trình tài chính xanh hiện có ở Việt Nam, các đơn vị tái chế được phỏng vấn cho nghiên cứu này cho biết, thứ nhất, các chương trình sẵn có chưa phù hợp với nhu cầu tài chính của doanh nghiệp, và thứ hai, hồ sơ vay quá nhiều và vượt quá khả năng của doanh nghiệp (như đã đề cập tại Phần 3).</p> <p>Nên tìm hiểu kỹ hơn mô hình tài chính phù hợp như Cơ sở Chia sẻ Rủi ro để cho phép doanh nghiệp tái chế nhựa và tuân hoàn nhựa, đặc biệt là DNNVV không có tài sản thế chấp vay vốn của ngân hàng. Ngoài ra còn có cơ hội tăng cường tài chính xanh cho các đơn vị tái chế nhựa và doanh nghiệp tuân hoàn nhựa thông qua truyền thông/nâng cao nhận thức về tín dụng xanh và nâng cao năng lực/đào tạo cho các đơn vị tái chế nhựa nhằm đáp ứng các yêu cầu cho vay và điều chỉnh quy mô khoản vay.</p> <p>Ngoài ra, Khung Tín dụng Xanh của NHNN và VPBank nêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Điều chỉnh Danh mục Tài sản xanh để bổ sung thêm một nhóm cụ thể về tuân hoàn nhựa nhằm tập trung hơn và có nhiều nguồn lực hơn cho khu vực đang ngày càng được quan tâm này. Hiện tại, nhựa thuộc nhóm sản phẩm, công nghệ sản xuất được điều chỉnh để “thân thiện với môi trường và/hoặc nền kinh tế tuân hoàn”. b. Bổ sung các chỉ số tác động cụ thể đối với tuân hoàn nhựa, như tần sản phẩm nhựa tái chế được sản xuất; tần năng lượng và CO2e tiết kiệm được nhờ thay thế nhựa nguyên sinh bằng nhựa tái chế. c. Bảo đảm có chuyên gia tư vấn về tái chế nhựa có kinh nghiệm tham gia nhóm thẩm định hồ sơ vay. Hoặc, tối thiểu, bảo đảm nhóm thẩm định có thể tham vấn ý kiến chuyên gia khi thẩm định các dự án tuân hoàn nhựa. |
| Cải thiện nhu cầu (3-5 năm) | 10 Xây dựng năng lực của các đơn vị tái chế để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng và EHS | <p>Như đã đề cập tại Phần 3, hầu hết các đơn vị tái chế ở Việt Nam không có chứng chỉ chất lượng và tiêu chuẩn EHS. Theo thông tin từ các cuộc họp với bên cho vay và nhà đầu tư, đây là rào cản đối với việc tiếp cận nguồn vốn, và theo phỏng vấn với các thương hiệu hàng đầu, đây là rào cản trong việc thực hiện các hợp đồng mua. Tóm lại, các đơn vị tái chế cần được hỗ trợ để xây dựng năng lực trong các lĩnh vực sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Bảo đảm để thông tin về các chương trình cho vay và lợi ích đầu tư đến được với những người nhận dự kiến, như thông qua hợp tác với VPA và VPRA, những cơ quan có cơ sở dữ liệu lớn về các đơn vị tái chế nhựa. b. Xác định và bảo đảm có giấy phép và giấy chứng nhận kinh doanh cần thiết. Ví dụ, điều này có thể được thực hiện với việc chính phủ (Bộ CT và Bộ TNMT), các đối tác phát triển, và/hoặc các ngân hàng phối hợp tổ chức hội thảo và hướng dẫn để các đơn vị tái chế hiểu các yêu cầu và có được giấy phép, giấy chứng nhận, và tiêu chuẩn quốc gia cần thiết và cung cấp các nguồn lực để thực hiện được các yêu cầu này. |

| Cluster & Timing | Action | Rationale |
|-----------------------------|--|--|
| Cải thiện nhu cầu (3-5 năm) | 10 Xây dựng năng lực của các đơn vị tái chế để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng và EHS | <p>c. Các chương trình đào tạo và nguồn lực về áp dụng và đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế và EHS.</p> <p>d. Đầu tư vào máy móc tiên tiến hơn để nâng cao năng suất và chất lượng.</p> <p>e. Đầu tư tăng công suất các loại nhựa có nhu cầu cao - vd: chuyển đổi sang các sản phẩm cấp thực phẩm.</p> <p>Việc nâng cao năng lực có thể vươn ra hơn các khoản tín dụng, đầu tư, hoặc chương trình đào tạo để đáp ứng các nhu cầu khác của đơn vị tái chế. Những nội dung này bao gồm hỗ trợ hạ tầng với việc cung cấp các khu kinh doanh chuyên ngành có cơ sở xử lý nước thải chung và phân vùng các đơn vị tái chế để giảm chi phí đầu tư và tăng tỷ suất lợi nhuận (ví dụ, tương tự như nỗ lực ở Hồng Kông để xây dựng Công viên sinh thái hợp tác công tư với trọng tâm là tái chế nhựa).</p> |
| Cải thiện nhu cầu (3-5 năm) | 11 Đánh giá tiềm năng giảm thiểu phát thải trong tuần hoàn nhựa để tận dụng được tài trợ khí hậu | <p>Tài trợ khí hậu là nguồn vốn dành cho mục tiêu cho giảm nhẹ KNK và tăng khả năng thích ứng, có thể từ các nguồn tài chính công, tư, và nguồn tài trợ khác. Nguồn tài trợ này bao gồm 100 tỷ USD mỗi năm, theo cam kết của các nước phát triển trong khuôn khổ Hiệp định Copenhagen năm 2009 và nhiều nguồn tài trợ khác góp phần giảm thiểu biến đổi khí hậu.¹⁰⁹</p> <p>Hiện nay, các chiến lược vật liệu carbon thấp và phi vật liệu hóa ít khi được xem xét khi tài trợ cho khí hậu. Do đó, tiềm năng giảm thiểu đáng kể của nền kinh tế tuần hoàn bị bỏ qua. Vì vậy, hầu hết các dự án tài trợ khí hậu trên toàn thế giới, kể cả các dự án ở Việt Nam, đều tập trung vào năng lượng tái tạo và hiệu quả năng lượng. Tuy nhiên, ngày càng có nhiều bằng chứng về cách thức mà nền kinh tế tuần hoàn, bao gồm tuần hoàn nhựa, có thể góp phần giảm thiểu biến đổi khí hậu.¹¹⁰ Tuy nhiên, cần thừa nhận rằng việc áp dụng khái niệm kinh tế tuần hoàn vẫn còn ở giai đoạn sơ khai. Còn thiếu bằng chứng rõ ràng và chi tiết để mô tả và lượng hóa tiềm năng giảm nhẹ biến đổi khí hậu của nền kinh tế tuần hoàn.¹¹¹</p> <p>Việt Nam cần có nghiên cứu ở cấp quốc gia để có hiểu biết sâu sắc hơn về các cơ chế cho phép nền kinh tế tuần hoàn phát huy đầy đủ tiềm năng trong giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu. Một số phương án tài chính khí hậu đang được nghiên cứu, bao gồm tiềm năng cho các chương trình kinh tế tuần hoàn tập trung vào nhựa để tạo ra mức giảm KNK đáp ứng tiêu chuẩn chứng chỉ các-bon có thể giao dịch theo Điều 6 của Hiệp định Paris.</p> |

109 Circle Economy, " [5 questions to understand why the circular economy contributes to climate change mitigation](#)" (2017)

110 Circle Economy, " [5 actions to mobilise climate finance for the circular economy](#)" (2017)

111 Ibid.

D. Khuyến khích sử dụng hàm lượng tái chế trong tất cả các ứng dụng sử dụng cuối

Ước tính chi khoảng 33% trong số 3,9 triệu tấn nhựa tiêu thụ được tái chế hàng năm, Việt Nam thiếu một thị trường thứ cấp mạnh mẽ cho nhựa tái chế. Việc Việt Nam phải phụ thuộc vào xuất khẩu nhựa tái chế khiến ngành công nghiệp tái chế phải chịu toàn bộ gánh nặng biến động giá toàn cầu tiềm ẩn trong lĩnh vực tái chế. Do đó, việc thiết lập mục tiêu hàm lượng tái chế cho phép tăng trưởng thị trường nhựa tái chế nội địa mạnh mẽ bằng cách tăng nhu cầu nhựa sau tiêu dùng.

Bảng 10.

HÀNH ĐỘNG VÀ CƠ SỞ CHO CAN THIỆP D: KHUYẾN KHÍCH SỬ DỤNG HÀM LƯỢNG TÁI CHẾ TRONG TẤT CẢ CÁC ỨNG DỤNG SỬ DỤNG CUỐI QUAN TRỌNG

| Cụm & Thời gian | Hành động | Cơ sở |
|------------------------------|--|--|
| Thiết lập nền tảng (1-2 năm) | 12 Xây dựng và cung cấp chính sách ưu đãi cho việc sử dụng hàm lượng tái chế | <p>Các thương hiệu tại Việt Nam bày tỏ lo ngại về các mục tiêu bắt buộc về hàm lượng tái chế dựa trên kỳ vọng rằng giá nhựa tái chế sẽ tăng do quy định này sẽ tạo ra nhu cầu. Mặc dù mục tiêu bắt buộc về hàm lượng tái chế có ý nghĩa quan trọng, cần có các chính sách ưu đãi rõ ràng trong vai trò là bước đi đầu tiên khuyến khích các công ty sử dụng hàm lượng tái chế trước khi áp dụng thời hạn bắt buộc cho các mục tiêu cụ thể. Ví dụ, chính phủ có thể kích cầu bằng cách giảm thiểu một số chi phí hạ tầng khi tích hợp nhựa sau tiêu dùng (PCR) vào sản phẩm nhựa với việc áp dụng ưu đãi thuế đối với sản phẩm nhựa có hàm lượng PCR trên một tỷ lệ nhất định (vd: PCR trên 10%). Theo cách đó, các thương hiệu và các bên liên quan còn lại trong chuỗi giá trị sẽ được khuyến khích tích hợp hàm lượng PCR trong sản phẩm.</p> <p>Để tham khảo, Bộ Tài chính Vương quốc Anh áp thuế giá trị gia tăng (VAT) thấp hơn đối với sản phẩm hoặc doanh nghiệp có sử dụng tỷ lệ tối thiểu nguyên liệu tái chế, tái sử dụng, hoặc tái sản xuất. Giảm thuế VAT cho hàm lượng tái chế hoặc hoạt động tái sử dụng và sửa chữa là phù hợp với một số khuyến nghị trước đây của ủy ban ở Anh, vd: năm 2014, Ủy ban Kiểm toán Môi trường của chính phủ Anh khuyến nghị chính phủ “áp dụng các mức thuế VAT khác nhau dựa trên phân tích vòng đời của tác động môi trường hoặc hàm lượng tái chế của sản phẩm, và áp dụng trợ cấp thuế cho doanh nghiệp sửa chữa hàng hóa hoặc khuyến khích tái sử dụng.”¹¹²</p> <p>Nếu không thực hiện được các chính sách ưu đãi đối với hàm lượng tái chế ở Việt Nam do hạn chế về ngân sách (đặc biệt do chi tiêu trong đại dịch COVID-19), nên cân nhắc can thiệp số 16 dưới đây (đánh thuế các ứng dụng nhựa không có hàm lượng tái chế tối thiểu) để làm giải pháp thay thế cho can thiệp này, vì can thiệp số 16 tạo động lực để việc sử dụng hàm lượng tái chế trở nên hấp dẫn hơn nhưng không yêu cầu sử dụng nguồn ngân sách hạn chế của chính phủ.</p> |

112 Green Alliance, “[Completing the Circle Creating Effective UK markets for recovered resources](#)” (2018)

| Cụm & Thời gian | Hành động | Cơ sở |
|------------------------------|---|---|
| Thiết lập nền tảng (1-2 năm) | 13 Thiết lập mục tiêu/tiêu chuẩn hàm lượng tái chế cho các ngành sử dụng nhựa chính | <p>Các ứng dụng bao bì, điện tử, và dệt may sử dụng tỷ lệ lớn nhựa đơn vật liệu và đa vật liệu nên là trọng tâm cho việc đạt được các mục tiêu về hàm lượng tái chế. Việc thực hiện tiêu chuẩn quốc gia đối với sản phẩm tái chế cũng có thể thúc đẩy chấp nhận của người tiêu dùng khi người tiêu dùng cảm thấy tin tưởng về hoạt động và an toàn của sản phẩm.</p> <p>Trong khi còn nhiều việc cần phải thực hiện để làm rõ việc sử dụng hàm lượng tái chế trong bao bì thực phẩm, những ứng dụng bao bì không tiếp xúc với thực phẩm, điện tử, và dệt may là những ứng dụng cuối lý tưởng để áp dụng hàm lượng tái chế.</p> <p>Như đã thấy tại Phần 3, dựa trên phân tích công suất tái chế chính thức đã biết và ước tính năm 2019, mục tiêu hàm lượng tái chế 20% đối với bao bì PET, PP, HDPE, và LDPE/LLDPE là khả thi, kể cả ở mức tiêu thụ năm 2030.</p> <p>Việc thiết lập các mục tiêu cụ thể về hàm lượng tái chế và các mốc thời gian cần đạt được ít nhất phải cân nhắc đến công suất tái chế lắp đặt, yêu cầu chất lượng, cơ sở hạ tầng QLCTR trong nước, và phân tích chi phí - lợi ích của các mục tiêu tái chế. Mọi mục tiêu tỷ lệ hàm lượng tái chế nên được thiết lập cho từng loại nhựa hoặc ứng dụng sử dụng cuối cùng. Vd: tỷ lệ mục tiêu về hàm lượng tái chế đối với chai PET có thể được thiết lập cao hơn vì một số công ty hàng tiêu dùng đã hướng tới mục tiêu tỷ lệ hàm lượng tái chế từ 25 - 50% đối với chai PET vào năm 2030, và cũng do tỷ lệ CFR đối với bao bì PET cao hơn các ứng dụng khác của PET. Mục tiêu hàm lượng tái chế có thể hiệu quả như mục tiêu tỷ lệ CFR vì những mục tiêu này thúc đẩy thị trường thứ cấp trong nước đối với sản phẩm tái chế.</p> |
| | 14 Thực hiện GPP cho các sản phẩm nhựa tái chế | <p>Như đã đề cập tại Phần 3, GPP có tiềm năng tạo nhu cầu thị trường cho sản phẩm tái chế. Vd: nhu cầu trong "Sổ tay Mua sắm Công Xanh để Ngăn ngừa Chất thải Nhựa" của EU, các chính phủ có thể quy định về việc bao bì do chính phủ mua hoặc sử dụng phải chứa tối thiểu 75% hàm lượng tái chế. Quy định này có thể làm tăng nhu cầu nhựa tái chế.</p> <p>Khung GPP hiện tại của Việt Nam đang đổi mới với một số vấn đề theo Điều 146 của Luật BVMT sửa đổi, do đó các nghị định và thông tư cần được xây dựng chi tiết, đặc biệt đối với các lĩnh vực về sản phẩm nhựa tái chế. Trước khi hoàn thiện được một khuôn khổ chặt chẽ, cần thiết lập các tiêu chuẩn về hàm lượng tái chế trong ngành, và cần xem xét sự phù hợp với các tiêu chí của chương trình nhãn xanh Việt Nam¹¹³ và Luật Đấu thầu.</p> <p>Điều quan trọng là phải giải quyết các trường hợp còn chưa nhất quán và thiết lập mục tiêu cụ thể cho các ứng dụng sử dụng cuối khác nhau để có thể thiết lập thị trường nhựa tái chế thông qua GPP.</p> |

113 MONRE, “[14 Criteria of the Vietnam Green Label Announced](#)” (2014)

| Cụm & Thời gian | Hành động | Cơ sở |
|------------------------------|--|--|
| Tối đa hóa giá trị (> 5 năm) | 15 Tìm hiểu phương án đánh thuế bao bì nhựa được đưa ra thị trường mà không có hàm lượng tái chế tối thiểu | Sau khi thiết lập các mục tiêu về hàm lượng tái chế và đã thực hiện các hành động khác trong cụm "Thiết lập nền tảng" trong bảng này, nên áp dụng thuế vật liệu nguyên sinh đối với sản phẩm nhựa không đạt được mục tiêu về hàm lượng tái chế. Loại thuế này sẽ giúp ổn định nhu cầu và bảo đảm toàn bộ ngành tăng dần việc sử dụng hàm lượng tái chế. Ví dụ, thuế bao bì nhựa của Vương quốc Anh sẽ dẫn đến mức thuế bổ sung là 200 bảng Anh/tấn đối với các sản phẩm nhựa không có hàm lượng PCR tối thiểu 30% khi quy định này có hiệu lực vào năm 2022. Tương tự, Ủy ban Châu Âu đề xuất mức thuế 0,80 €/kg đối với toàn bộ nhựa không tái chế sản xuất tại EU, tạo ra khoản thu ước tính khoảng 5,9 tỷ €/năm cho ngân sách EU. Các loại thuế này ban đầu có thể dành cho những sản phẩm đã có yêu cầu về hàm lượng tái chế hoặc ít gấp phải rào cản để thực hiện yêu cầu này. Vd: bao bì không tiếp xúc với thực phẩm và vài dết có thể đã có yêu cầu sử dụng hàm lượng tái chế, trong khi có thể cần thêm thời gian để yêu cầu sử dụng hàm lượng tái chế trong bao bì tiếp xúc với thực phẩm. |

Trong khuôn khổ của nghiên cứu này, các cơ sở tái chế và thương hiệu được đề nghị xếp hạng mức độ ưu tiên của những cam kết để tăng tỷ lệ CFR và hiệu suất thu hồi giá trị đối với nhựa tiêu thụ tại Việt Nam. Mục tiêu hàm lượng tái chế luôn

được cả các thương hiệu và cơ sở tái chế xếp hạng ưu tiên hàng đầu, theo Hình 42 dưới đây. Ngoài ra, quy định bắt buộc về thiết kế để tái chế (sẽ được thảo luận trong Cam kết E) được cả hai nhóm liên quan xếp thứ hai.

Hình 42.

XẾP HẠNG CAM KẾT ĐỂ XUẤT BỞI CÁC ĐƠN VỊ TÁI CHẾ VÀ THƯƠNG HIỆU TẠI VIỆT NAM

| Interventions To Increase Plastic Products Locally Collected For Recycling: | Ranking by Recyclers | Interventions to increase plastic products locally collected for recycling | Ranking by Brand Owners |
|---|----------------------|---|-------------------------|
| Recycled content targets for products | 1 | Recycled content targets for products | 1 |
| Mandatory-design-for-recycling standards | 2 | Others, please specify (Mandatory Segregated Collection | 1 |
| Advanced disposal or recycling contributions/fees paid by the company that places the product on the market | 3 | Mandatory-design-for-recycling standards | 2 |
| Pay the informal sector collectors more per ton collected | 4 | Advanced disposal or recycling contributions/fees paid by the company that places the product on the market | 2 |
| Mandatory Deposit Refund Systems | 5 | Mandatory Deposit Refund Systems | 3 |
| Carrying out Green Public Procurement | 6 | Remove subsidies from oil and gas industries in relation to virgin plastics production | 4 |
| Remove subsidies from oil and gas industries in relation to virgin plastics production | 7 | Increase in landfill taxes | |
| Increase in landfill taxes | 8 | | |

Nguồn: Nghiên cứu sơ bộ của Công ty GA Circular thông qua phỏng vấn chuyên sâu với các Đơn vị tái chế và Thương hiệu trên khắp Việt Nam (2020-2021).

Chú thích: Xếp hạng 1 = ưu tiên cao nhất; Xếp hạng 8 = ưu tiên thấp nhất..

E. Tiêu chuẩn bắt buộc về thiết kế để tái chế đối với mọi loại nhựa, đặc biệt là bao bì

Bao bì chiếm khoảng 35% doanh thu của tất cả các loại nhựa tiêu thụ tại Việt Nam.¹¹⁴ Nếu không có đổi mới và thiết kế lại một cách nền tảng, khoảng 30% bao bì nhựa sẽ không bao giờ được tái sử dụng hoặc tái chế.¹¹⁵

Các phân khúc bao bì ở Việt Nam, được coi là khó tái chế do hạn chế về thiết kế, bao gồm bao bì định

dạng nhỏ, như túi ép, bao bì xé, nắp, và giấy gói ngọt; bao bì dẻo đa vật liệu được làm bằng một vài vật liệu gắn với nhau để cải thiện tính năng bao bì; vật liệu bao bì bằng nhựa không phổ biến chỉ có khối lượng tương đối thấp được đưa vào thị trường bao bì, như polyvinyl clorua (PVC), polystyrene (PS) và polystyrene mờ rộng (EPS), và bao bì bị nhiễm nhiều chất dinh dưỡng, nhu bao bì thức ăn nhanh.¹¹⁶

114 Dữ liệu tiêu thụ nhựa trong nước của VPA2019

115 [Ellen MacArthur Foundation, "New Plastics Economy: Catalyzing Action"](#)

116 [Ellen MacArthur Foundation, "New Plastics Economy: Catalyzing Action"](#) (2017)

Bảng 11.

HÀNH ĐỘNG VÀ CƠ SỞ CHO CAN THIỆP E: TIÊU CHUẨN BẮT BUỘC "THIẾT KẾ ĐỂ TÁI CHẾ" ĐỐI VỚI TẤT CẢ CÁC LOẠI NHỰA, ĐẶC BIỆT BAO BÌ

| Cụm & Thời gian | Hành động | Cơ sở |
|------------------------------|--|---|
| Thiết lập nền tảng (1-2 năm) | 16 Bộ CT tham vấn các bên liên quan để xây dựng tiêu chuẩn thiết kế để tái chế | Theo Quyết định số 889-QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình Hành động Quốc gia về Sản xuất và Tiêu dùng Bền vững giai đoạn 2021-2030, Bộ Công Thương đã được giao xây dựng và hoàn thiện các chính sách, quy định, tiêu chuẩn về nhãn sinh thái, thiết kế bền vững, thiết kế sinh thái, thiết kế để tái chế, và tái sử dụng; chính sách thúc đẩy sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm thân thiện với môi trường và được dân nhân sinh thái; chính sách phân phối bền vững, xúc tiến thương mại, và xuất nhập khẩu bền vững; chính sách phát triển công nghiệp xanh, công nghiệp môi trường, công nghiệp tái chế chất thải theo hướng kinh tế tuần hoàn. Tuy nhiên, đại diện Bộ CT chia sẻ với nhóm nghiên cứu rằng trong khi việc xây dựng các tiêu chuẩn thiết kế để tái chế cho các sản phẩm nhựa là ưu tiên hàng đầu, hiện Bộ CT đang thiếu nguồn lực để xây dựng những tiêu chuẩn này. Khuyến khích khu vực tư nhân, trên cơ sở phối hợp với VPA và VPRA, phối hợp với Bộ CT để xây dựng các tiêu chuẩn thiết kế để tái chế đồng thời áp dụng các thông lệ tốt nhất trên toàn cầu. |
| | 17 Bảo đảm để các tiêu chuẩn thiết kế để tái chế thống nhất giữa các ngành và khuyến khích áp dụng tự nguyện các tiêu chuẩn này | Các bên liên quan trong chuỗi giá trị tái chế nhựa (đơn vị tái chế, đơn vị thu mua, và người thu gom) đều cho biết một số sản phẩm nhựa không phải là bao bì không bao giờ được tái chế do thiết kế sản phẩm không phù hợp (vd: sử dụng keo dán thay vì ốc vít trong sản phẩm nhựa công nghiệp). Một số đơn vị tái chế đã có ý kiến với nhà sản xuất, yêu cầu thay đổi thiết kế nhưng không thành công vì ở Việt Nam chưa có hướng dẫn hoặc yêu cầu về khả năng sửa chữa/sản có của phụ tùng, thiết kế theo mô-đun, dễ tháo rời, thiết kế để tái chế, hoặc về việc phải công bố những chất liệu gây khó khăn cho tái chế. Nếu giá trị được giải phóng từ các ứng dụng nhựa ngoài bao bì, các tiêu chuẩn thiết kế để tái chế cũng phải mang tính bắt buộc ở mức độ nhất định, bắt đầu với việc tự nguyện áp dụng các tiêu chuẩn. |

| Cụm & Thời gian | Hành động | Cơ sở |
|------------------------------|---|--|
| Thiết lập nền tảng (1-2 năm) | 17 Bảo đảm để các tiêu chuẩn thiết kế để tái chế thống nhất giữa các ngành và khuyến khích áp dụng tự nguyện các tiêu chuẩn này | <p>Việc xây dựng các tiêu chuẩn tự nguyện về thiết kế để tái chế phải do ngành đóng vai trò đầu mối (VPA, VPRA, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, PRO Việt Nam, và PPC Việt Nam) và được chính phủ hỗ trợ (Bộ CT theo Hành động 16). Ví dụ, các tiêu chuẩn tự nguyện có thể được các nhà sản xuất nhựa và thương hiệu thông qua.</p> <p>Một lĩnh vực tiềm tàng để thực hiện nghiên cứu sâu hơn, đặc biệt về bao bì ép đa vật liệu, sẽ là xem xét các yếu tố kỹ thuật (vd: khả năng tái chế), chức năng (vd: tính chất cán, độ bền kéo), và kinh tế của việc thay thế bao bì ép có thiết kế phức tạp và đa vật liệu bằng một loại vật liệu, nhiều lớp với tối thiểu 90% một monome đơn lè theo trọng lượng, hoặc đa vật liệu nhưng là hồn hồn dễ tái chế hơn như hồn hợp PP và PE. Ví dụ, bao bì ép đa vật liệu làm từ màng PP (OPP) và PP đúc kim loại chân không (VMCPP) hoặc từ PE định hướng bằng máy (MDOPE) và LLDPE đã được một số bên trong chuỗi giá trị ngành nhựa ở khu vực Đông Nam Á cho biết là dễ tái chế hơn.¹¹⁷ Việc thực hiện một nghiên cứu quốc gia hoặc khu vực có thể cung cấp thêm thông tin chi tiết về những canh trở đối với việc chuyển hướng sang bao bì ép có thể tái chế và các mô hình phân phối khác cho người dân có thu nhập thấp.</p> |
| Cải thiện nhu cầu (3-5 năm) | 18 Quy định tiêu chuẩn quốc gia về thiết kế để tái chế cho bao bì nhựa | Các quy định quốc gia về tiêu chuẩn thiết kế công nghiệp đối với các ứng dụng nhựa khối lượng lớn như nhựa bao bì rút cục sẽ tạo ra sân chơi bình đẳng, trong đó các khoản đầu tư và thay đổi theo hướng thiết kế để tái chế sẽ trở thành xu hướng chính thống và không còn những đơn vị được thụ hưởng miễn phí. Những quy định bắt buộc này chỉ có hiệu lực sau một khoảng thời gian chấp nhận được để khu vực tư nhân điều chỉnh hoạt động phù hợp với quy định của quốc gia. Hộp 4 dưới đây cung cấp một ví dụ theo thông lệ tốt từ EU, nơi có nền tảng tự nguyện do ngành chủ động thực hiện và đã xây dựng hướng dẫn thiết kế chai PET để tạo điều kiện thuận lợi cho tái chế. |

117 [Daibochi Presentation \(2020\)](#)

Hộp 8.

THÔNG LỆ TỐT NHẤT: NỀN TÀNG CHAI PET CHÂU ÂU (EPBP)

Nền tảng Chai PET Châu Âu là một sáng kiến tự nguyện của ngành ở EU, cung cấp hướng dẫn về thiết kế chai PET để tái chế, đánh giá các giải pháp và công nghệ bao bì chai PET, và hỗ trợ tăng cường hiểu biết về tác động của cải tiến chai PET mới đối với quá trình tái chế. Sáng kiến này hỗ trợ hướng tới nền kinh tế tuần hoàn cho chuỗi giá trị PET Châu Âu.

EPBP bao gồm các chuyên gia kỹ thuật trong lĩnh vực sản xuất, thiết kế, và tái chế PET, với mục tiêu duy nhất là đánh giá công nghệ mới và cung cấp đánh giá độc lập và bảo mật về tác động của công nghệ mới đối với quá trình tái chế PET trên khắp Châu Âu. EPBP đã thiết lập một số quy trình kiểm

thứ để đánh giá tác động của công nghệ bao bì mới đối với hoạt động tái chế. Những sản phẩm đạt yêu cầu kiểm thử sẽ rất ít gây ra sự cố trong quá trình tái chế.

Mục tiêu của Hướng dẫn Thiết kế để Tái chế cho chai PET là khuyễn khích các nhà thiết kế, chuyên đổi, và người sử dụng bao bì tích hợp các tiêu chí cụ thể trong giai đoạn phát triển sản phẩm mới để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tái chế PET. Trong bối cảnh của Việt Nam, Văn phòng SCPO, cùng với các bên liên quan, có thể coi EPBP như nghiên cứu tình huống về thực hành tốt để xây dựng các tiêu chuẩn quốc gia nhằm nâng cao hiệu suất thu hồi giá trị và tỷ lệ CFR cho nhựa tại Việt Nam.

| Design Guidelines | | |
|--|---|---|
| Please select a product from below: | | |
|  Transparent clear / light blue PET bottles | | |
| Transparent coloured PET bottles | | |
| Opaque PET bottles | | |
| YES Full compatibility – materials that passed the testing protocols with no negative impact OR materials that have not been tested (yet), but are known to be acceptable in PET recycling | CONDITIONAL Limited compatibility – materials that passed the testing protocols if certain conditions are met OR materials that have not been tested (yet), but pose a low risk of interfering with PET recycling | NO Low compatibility – materials that failed the testing protocols OR materials that have not been tested (yet), but pose a high risk of interfering with PET recycling |
| Material PET | | PLA; PVC; PS; PETG |
| Size | | smaller than 4 cm (when compacted) or larger than 5 liters |
| Colours transparent clear; transparent light blue | | other transparent colours: opaque; fluorescence; metallic |
| Barrier SiOx plasma-coating | carbon plasma-coating; Nylon-MXD6 in a 3-layer structure with up to 5 wt% Nylon-MXD6 and no tie layers; PGA multilayer; PTN alloy | Nylon-MXD6 in a 3 layer structure, with > 5 wt% Nylon-MXD6 or with tie layers; Nylon-MXD6 in a 5 layer structure; monolayer Nylon-MXD6 blend; EVOH |
| Additives | UV stabilisers; AA blockers; optical brighteners; oxygen scavengers | bio-/oxo-/photodegradable additives; nanocomposites |

Table - Snapshot of example guidelines for optimal PET bottle design by the European PET Bottle Platform

4.3 Các can thiệp để tăng tỷ lệ CFR

A. Bảo đảm minh bạch hơn về dữ liệu trên thị trường nhựa

Theo các bên thuộc khu vực tư nhân, tình trạng thiếu dữ liệu liên quan và cập nhật về nhiều khía cạnh của tiêu thụ, nhập khẩu/xuất khẩu, và tái chế nhựa ở Việt Nam là một trong những thách thức phổ biến nhất. Hơn nữa, tình trạng thiếu minh bạch và sẵn có về dữ liệu cũng gây ra rào cản gia nhập đối với nhà đầu tư và doanh nghiệp muốn mở rộng kinh doanh sang lĩnh vực tái chế nhựa.

Bảng 12.

HÀNH ĐỘNG VÀ CƠ SỞ CHO CAN THIỆP F: BẢO ĐẢM MINH BẠCH HƠN VỀ DỮ LIỆU TRÊN THỊ TRƯỜNG NHỰA

| Cluster & Timing | Action | Rationale |
|------------------------------|--|--|
| Thiết lập nền tảng (1-2 năm) | 19 Bộ CT/Tổng cục Hải quan cần thực hiện chính thức: (i) thiết lập cơ sở dữ liệu có thể truy cập công khai về xuất nhập khẩu nhựa; (ii) cải thiện mức độ chính xác của việc nhập liệu; và (iii) lập danh sách đầy đủ các đơn vị tái chế | Dữ liệu xuất nhập khẩu của toàn bộ hàng hóa, bao gồm cả nhựa, do Bộ CT và Tổng Cục Hải quan sở hữu và quản lý, với dữ liệu đầu vào từ VPA. Quá trình thu thập dữ liệu cho nghiên cứu này giúp phát hiện một số vấn đề cần được Bộ Công Thương/ Tổng Cục Hải quan nhanh chóng giải quyết để cho phép toàn ngành công nghiệp tái chế triển khai hợp thức hóa: <ul style="list-style-type: none"> a. Tình trạng thiếu minh bạch về dữ liệu xuất nhập khẩu các loại nhựa, sản phẩm nhựa, và nhựa phi liệu được hầu hết các bên liên quan trong chuỗi giá trị đề cập. Cần có một tập hợp dữ liệu có thể truy cập công khai về dữ liệu xuất nhập khẩu. b. Sử dụng giao thức nhập liệu khác nhau (như sử dụng đơn vị đo lường khác nhau, vd: kilogram và tấn; đơn vị và mảnh) và có một số lỗi nhập liệu (ví dụ, thêm chữ số vào số lượng nhận hoặc vận chuyển), dẫn tới tình trạng thiếu chính xác đang kể đối với tổng lượng tiêu thụ nhựa ở Việt Nam. Quá trình nhập liệu tại nguồn nhập cần được rà soát và cập nhật. c. Hiện chưa có tổ chức nào thuộc khu vực nhà nước hay tư nhân có danh sách đầy đủ các đơn vị tái chế nhựa tại Việt Nam. Các bên được phỏng vấn cho rằng đây là điểm mù quan trọng đối với hiểu biết đầy đủ về công suất tái chế chính thức và không chính thức. Bộ dữ liệu của VPRA cũng không hoàn chỉnh. Một danh sách đầy đủ các đơn vị tái chế chính thức và ước tính số lượng các đơn vị tái chế phi chính thức và năng lực cần được thiết lập và cập nhật hàng năm. |
| 20 | VPA cần thực hiện chính thức: (i) khuyến khích các doanh nghiệp tham gia chia sẻ dữ liệu nhiều hơn; và (ii) xây dựng cơ sở dữ liệu và báo cáo về thị trường nhựa nguyên sinh và nhựa tái chế | Trong khi thành viên VPA bao gồm các nhà sản xuất, chuyên đổi, và tái chế nhựa, tuy nhiên chỉ có thành viên sản xuất và tái chế nhựa thường xuyên cung cấp dữ liệu và thông tin cần thiết cho nghiên cứu này. Các đơn vị sản xuất và tái chế nhựa đã chia sẻ dữ liệu giá hàng tháng và chi chia sẻ dữ liệu khởi lượng hàng năm. Do đó, VPA nên khuyến nghị: (i) các công ty trong toàn chuỗi giá trị tham gia nhiều hơn trong việc chia sẻ dữ liệu; và (ii) xây dựng các bộ dữ liệu và báo cáo ngành nhựa hàng tháng và hàng năm, trong đó có giá nhựa nguyên sinh và hạt nhựa tái chế, sản lượng, khởi lượng nhập khẩu/xuất khẩu, dữ liệu sử dụng cuối của ngành, triển vọng ngành, và tuyên bố lập trường/sách trắng. Để xây dựng cơ sở dữ liệu và báo cáo này, có thể tham chiếu Chỉ số Giá Polyme và So sánh Chi phí của Liên đoàn Nhựa Vương quốc Anh và tóm tắt thông tin ngành nhựa hàng tháng và hàng năm của Viện Nhựa Thái Lan, là các báo cáo tổng hợp dữ liệu của khu vực tư nhân và chính phủ về ngành nhựa, bao gồm thông tin chính về giá và khởi lượng. |

| Cluster & Timing | Action | Rationale |
|-----------------------------------|---|--|
| Strengthen the demand (3-5 years) | 21 Develop VPRA into a separate association; expand membership and representation | <p>VPRA hiện là tổ chức trực thuộc VPA và vẫn là một chi hội tương đối nhỏ với mức độ đại diện và phạm vi tiếp cận hạn chế. Vẫn còn một số lượng lớn các đơn vị tái chế chính thức chưa tham gia chi hội ngành, kể cả một số đơn vị đã tham gia nghiên cứu này.</p> <p>VPRA có thể có tiếng nói mạnh mẽ hơn cho các đơn vị tái chế nhựa tại Việt Nam nếu VPRA trở thành một hiệp hội hoàn toàn độc lập và hoạt động với sự tham gia của các đơn vị tái chế nhựa chính thức và không chính thức khác nhau trên khắp Việt Nam.</p> <p>Có thể tham khảo mô hình tương tự ở Malaysia khi đến năm 2014 thì Hiệp hội Tái chế Nhựa Malaysia (MPRA) độc lập mới được tách khỏi Hiệp hội Sản xuất Nhựa Malaysia (MPMA) để thúc đẩy tăng trưởng của ngành tái chế nhựa, cải thiện sự toàn vẹn của dữ liệu, và tương tác trực tiếp với chính phủ và các cơ quan quản lý.¹¹⁸ MPRA đã hoạt động tích cực trong những năm gần đây, tăng số lượng thành viên, xây dựng các bộ dữ liệu, tổ chức các sự kiện, và phát hành sách trắng trên cơ sở hợp tác với MPMA.</p> |

118 [Official website of the Malaysia Plastics Recyclers Association](#)



B. Tăng công suất tái chế (cơ học và hóa học) và không khuyến khích thải bỏ nhựa

Nhu cầu cập nhật tại Phần 3, chênh lệch giữa tổng lượng nhựa tiêu thụ và công suất chính thức hiện có ước tính để tái chế lượng nhựa này tương đương với 2,67 triệu tấn/năm hay 68% tổng lượng nhựa tiêu thụ. Tất cả các bên liên quan được phỏng vấn cho nghiên cứu đều đồng ý rằng không thể tăng tỷ lệ CFR ở Việt Nam nếu không tăng thêm công suất tái chế. Điều này dẫn đến việc cần thực hiện một số hành động có liên kết với nhau và được liệt kê dưới đây.

Bảng 13.

HÀNH ĐỘNG VÀ CƠ SỞ CHO CAN THIỆP G: TĂNG CÔNG SUẤT TÁI CHẾ (CƠ HỌC VÀ HÓA HỌC) & KHÔNG KHUYẾN KHÍCH THẢI BỎ NHỰA

| Cụm & Thời gian | Hành động | Cơ sở |
|------------------------------|--|--|
| Thiết lập nền tảng (1-2 năm) | 22 Khuyến khích tăng công suất tái chế polyolefin (PP, PE) và phát triển tái chế bao bì PET để sản xuất sản phẩm tái chế cao cấp hơn | <p>Có tình trạng thiếu hụt lớn về công suất tái chế đối với những loại nhựa có nhiều ứng dụng sử dụng một lần như PP, HDPE, và LDPE/LLDPE, ví dụ, PP (thiểu 71%) và PE (thiểu 70%). Do vậy, những loại nhựa này phải được ưu tiên đầu tư.</p> <p>Đánh giá và xây dựng các phương án thích hợp để tăng công suất tái chế trong nước, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> d. Có chính sách ưu đãi tạm thời như ưu đãi để thúc đẩy ngành công nghiệp hóa dầu ở Việt Nam. Ví dụ, có khả năng kéo dài thời gian miễn thuế đối với đơn vị tái chế nhựa lên tối thiểu 5 năm (kể cả các đơn vị tái chế chính thức quy mô nhỏ cũng cho biết thời gian hoàn vốn đầu tư tối thiểu là 5 năm). e. Thúc đẩy áp dụng các tiêu chuẩn và thực hành EHS cần thiết cùng với hỗ trợ kỹ thuật, bao gồm cơ hội tiếp cận kiến thức/thông tin cụ thể cho quy trình rửa vật liệu, một quy trình cẩn thiết nhưng tốn kém trong tái chế, để chiết xuất được giá trị cao nhất. f. Cung cấp hỗ trợ hạ tầng bằng cách sử dụng khu công nghiệp chuyên ngành cho tái chế nhựa để bố trí hoạt động hợp lý, nâng cao hiệu quả, và tăng tính kinh tế nhờ quy mô cho các đơn vị tái chế, tương tự các khu sản xuất và công nghệ hiện tại, như Khu công nghiệp Việt Nam Singapore.¹¹⁹ g. Trong dài hạn, thiết lập chương trình phát triển thị trường nhựa, trong đó chỉ trả một phần giá trị thu xếp trước cho mỗi tấn nhựa cho các đơn vị tiền tái chế và sản xuất nhựa khi sử dụng nhựa tái chế. Chương trình này có thể được tài trợ bằng khoản thuế thu được từ các ứng dụng nhựa không chứa hàm lượng tái chế tối thiểu (theo Hành động 15). <p>Trong khi cân nhắc các chính sách ưu đãi, cần ưu tiên các dự án tái chế nhựa mang lại giá trị cao nhất cho sản phẩm cuối cùng và đáp ứng các tiêu chuẩn EHS (vd: trùng hợp ở trạng thái rắn hoặc bổ sung dây chuyền rửa nóng hoặc rửa lạnh) so với những dự án không giúp gia tăng giá trị hoặc không đáp ứng các tiêu chuẩn EHS. Ví dụ, nếu bước rửa của quá trình tái chế nhựa không nhận được ưu đãi cụ thể, điều này cũng đồng nghĩa với việc không khuyến khích tái chế vì bước rửa là cầu phàn chính về chi phí và vận hành của mọi quy trình tái chế cơ học.</p> |

119 Mitsubishi Group, "[Vietnam Singapore Industrial Park](#)" (nil)

| Cụm & Thời gian | Hành động | Cơ sở |
|------------------------------|---|--|
| Thiết lập nền tảng (1-2 năm) | 23 Hợp thức hóa các đơn vị tái chế phi chính thức và giảm cạnh tranh không lành mạnh từ các đơn vị tái chế bất hợp pháp | Mặc dù các đơn vị tái chế nhựa phi chính thức (hoặc không được cấp phép) có đóng góp tích cực cho tỷ lệ CFR, nhưng đơn vị này có thể khiến các đơn vị tái chế chính thức gặp bất lợi. Lý do là các đơn vị tái chế phi chính thức không tuân thủ các tiêu chuẩn EHS và các yêu cầu khác (như nộp thuế), cho phép cơ sở tái chế phi chính thức tránh được chi phí liên quan đến tuân thủ. Do đó, các cơ sở tái chế phi chính thức có nhiều nguồn lực hơn để mua nguyên vật liệu với giá cao hơn và/hoặc bán sản phẩm với giá thấp hơn đơn vị tái chế chính thức. Điều này buộc các đơn vị tái chế chính thức (được cấp phép) phải tăng giá mua hoặc có rủi ro không có đủ nguồn cung nhựa sau tiêu dùng hoặc bán sản phẩm với giá thấp hơn, tức là các đơn vị tái chế không có giấy phép gây rủi ro đối với hoạt động kinh doanh của đơn vị tái chế chính thức. Cạnh tranh từ các cơ sở tái chế phi chính thức ở Việt Nam là rất lớn. Các đơn vị tái chế chính thức tham gia nghiên cứu này ước tính công suất của các đơn vị tái chế nhựa phi chính thức là 0,9 - 1,61 triệu tấn/năm, là thách thức đối với các đơn vị tái chế chính thức và là cơ hội để tăng công suất tái chế chính thức bằng cách hợp thức hóa các cơ sở tái chế phi chính thức hiện nay. Có hai bước để xuất đê cải thiện tình trạng này: <ul style="list-style-type: none"> ➢ <i>Bước 1:</i> Có lộ trình hợp thức hóa các cơ sở tái chế bất hợp pháp (qua hỗ trợ kỹ thuật và hành chính và xây dựng các khu tái chế công nghiệp để các cơ sở tái chế phi chính thức chuyển đến) sẽ giúp tạo động lực cho những cơ sở tái chế này hợp thức hóa. ➢ <i>Bước 2:</i> Thực hiện các hành động đê đóng cửa các cơ sở tái chế không tuân thủ các quy định EHS liên quan đê đảm bảo sân chơi bình đẳng. Chi nên thực hiện Bước 2 nếu không thể hợp thức hóa cơ sở tái chế sau khi đã nỗ lực tốt nhất, bao gồm cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và hành chính/nâng cao năng lực. Ví dụ về hành động tương tự có thể thấy ở bang Penang, Malaysia, nơi hội đồng thành phố (MBSP) cấp giấy phép tạm thời cho những cơ sở tái chế phi chính thức có thể tuân thủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định đê những cơ sở hoạt động trước khi được cấp phép và cho phép có quá trình chuyển đổi. Ngoài ra, chính phủ Malaysia nhận ra tác động môi trường của các cơ sở tái chế không có giấy phép và kể từ đầu năm 2019 đã đóng cửa 140 nhà máy tái chế nhựa bất hợp pháp vi phạm Đạo luật Chất lượng Môi trường 1974 của Malaysia. ¹²⁰ |

120 Recycling Today - [Malaysia closes illegal plastic recycling facilities \(2019\)](#)

| Cụm & Thời gian | Hành động | Cơ sở |
|------------------------------|---|--|
| Thiết lập nền tảng (1-2 năm) | 24 Xây dựng các tiêu chuẩn rõ ràng đối với việc nhập khẩu nhựa phế liệu có chất lượng để sản xuất hạt, sản phẩm hoặc hàng hóa nhựa; tránh việc cấm hoàn toàn nhập khẩu phế liệu nhựa. | <p>Hành động này giải quyết lo ngại của các bên về Nghị định số 40/2019/NQ-CP, có liên quan đến những hạn chế mới về nhập khẩu sẽ có hiệu lực vào năm 2025.</p> <p>Nhiều đơn vị tái chế cho biết những hạn chế sắp tới nên được điều chỉnh để bảo đảm chỉ những loại nhựa phế liệu có chất lượng tiếp tục được phép nhập khẩu trong khi cải thiện cơ hội tiếp cận với nguyên vật liệu có chất lượng trong nước. Các đơn vị tái chế phản đối mạnh mẽ quy định hiện hành tại nghị định yêu cầu đơn vị nhập khẩu phế liệu nhựa phải chuyển đổi phế liệu nhựa thành hàng sản phẩm hoặc hàng hóa sau năm 2024. Điều này là do: (i) các đơn vị tái chế không thể cạnh tranh với các nhà sản xuất nhựa có kinh nghiệm từ lâu chuyên sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa; và (ii) không có sẵn nguồn nguyên liệu sạch và có chất lượng cao trong nước với số lượng theo yêu cầu. Do đó, đối với vấn đề thứ hai, EPR và phân loại tại nguồn cần được thực hiện trước khi áp dụng các hạn chế mạnh hơn đối với hoạt động nhập khẩu nguyên liệu nhựa.</p> |
| Đẩy mạnh cầu (3-5 năm) | 25 Đầu tư tăng công suất tái chế hóa học (chuyển đổi nhựa thành naphtha/nhựa thành monome) đối với các loại nhựa có giá trị thấp | <p>Tái chế hóa học (nhiệt phân) chuyển đổi nhựa phế liệu thành vật liệu cracker có thể thay thế nhu cầu naphtha hoặc chất lỏng khí tự nhiên (NGL). Loại hình tái chế này xử lý các dòng polym hợp giá trị thấp và nhựa nhiều lớp mà công nghệ tái chế cơ học không xử lý được. Đầu ra của tái chế hóa học có tính bền vững hơn trước tình trạng giảm giá dầu, vẫn có lợi nhuận ở mức 50 USD/thùng¹²¹ so với tái chế cơ học (70 - 80 USD/thùng).</p> <p>Công nghệ chuyển đổi nhựa trở lại thành nguyên vật liệu thô thứ cấp hoặc nhiên liệu có thể chia thành hai nhóm chính: (a) chuyển đổi nhựa thành nhựa (qua tái chế naphtha hoặc monome); (b) chuyển đổi nhựa thành nhiên liệu (PTF).¹²² Những công nghệ này chủ yếu đang ở giai đoạn tiền thương mại. Khả năng mở rộng, tính khả thi về tài chính, đánh giá tác động môi trường, và các rủi ro khác của tái chế hóa học vẫn chưa được chứng minh đầy đủ, đặc biệt trong bối cảnh Đông Nam Á. Những công nghệ này đang thu hút quan tâm như phương thức thay thế cho các nguồn nguyên vật liệu không bền vững.¹²³</p> <p>Trong khi định nghĩa chung về tái chế hóa học vẫn đang được xây dựng, ngay cả ở EU, là khu vực dẫn đầu trong phát triển những công nghệ này, công nghệ chuyên đổi nhựa thành nhiên liệu vẫn được ngành tái chế hóa học coi là thu hồi năng lượng, chứ không phải tái chế; chỉ có công nghệ chuyển đổi nhựa thành nhựa (như công nghệ sản xuất naphtha hoặc monome trực tiếp) mới được coi là tuân thủ định nghĩa hiện hành của EU về tái chế trong Chỉ thị Khung về Chất thải của EU.¹²⁴</p> |

121 McKinsey & Company, "[How plastics waste recycling could transform the chemical industry](#)" (2018)

122 BCG, "[A Circular Solution to Plastic Waste](#)" (2019)

123 Plastic Recyclers Europe, "[Flexible Films Market in Europe, State of Play](#)" (2020)

124 Chemical Recycling Europe, "[About Chemical Recycling](#)" (2019)

| Cụm & Thời gian | Hành động | Cơ sở |
|---------------------------|--|---|
| Đẩy mạnh cầu (3-5 năm) | 25 Đầu tư tăng công suất tái chế hóa học (chuyển đổi nhựa thành naphtha/nhựa thành monome) đối với các loại nhựa có giá trị thấp | <p>Công nghệ tái chế hóa học bắt đầu thâm nhập các quốc gia Đông Nam Á như Indonesia và Malaysia.¹²⁵ Tái chế hóa học (nhựa thành nhựa) đặc biệt phù hợp với màng dẻo PE và PP ở Việt Nam và cần được khuyến khích để bổ sung cho tái chế cơ học. Một ví dụ về giải pháp tái chế hóa học tiềm năng có thể được nhân rộng ở Việt Nam là Nhiều chu trình,¹²⁶ một dự án của EU sử dụng công nghệ CreaSolv để xác định các giải pháp tái chế hóa học tiềm năng đối với nhựa trong chất thải hỗn hợp.</p> <p>Không chỉ ưu tiên đầu tư tăng công suất tái chế cho các cơ sở chuyển đổi nhựa thành nhiên liệu (vd: nhựa thành dầu diesel) trong vai trò sản phẩm đầu ra chính vì hoạt động này không được coi là tuân hoàn.</p> |
| | 26 Tăng phí bãi chôn lấp và đầu tư vào xử lý chất thải hữu cơ | <p>Hiện tại, phí bãi chôn lấp ở Việt Nam đang ở mức thấp, với mức khởi điểm từ 66.000 đồng/tấn (3 USD/tấn). Do đó, chôn lấp vẫn là phương án xử lý chất thải háp dẫn về mặt kinh tế và gây áp lực về giá đối với các quy trình thay thế nhằm chuyển hướng chất thải nhựa sang thu hồi năng lượng hoặc tái chế.</p> <p>Phí bãi chôn lấp tăng lên có thể khuyến khích việc chuyển hướng phế liệu tái chế khỏi bãi chôn lấp và bãi thải lộ thiên. Việc tăng phí bãi chôn lấp cần được xem xét và điều chỉnh tùy theo tinh/thành phố vì một số tinh có ngân sách thấp hơn vẫn phải sử dụng bãi rác lộ thiên, do đó việc tăng phí bãi chôn lấp ở những tinh/thành phố này có thể làm tăng tình trạng đổ thải bất hợp pháp.</p> <p>Tái chế nhựa sẽ thành công hơn nếu đầu tư song song với xử lý chất thải hữu cơ như phân hữu cơ quy mô công nghiệp, phân hủy khí, hoặc xử lý sinh học - cơ học (MBT) để tạo ra giá trị từ chất thải hữu cơ. Việc phân loại chất hữu cơ khỏi dòng chất thải còn lại giúp vật liệu nhựa ít bị nhiễm tạp chất hơn và tăng hiệu suất thu hồi giá trị vật liệu. Ngoài ra, còn có một lợi ích bổ sung là cơ sở xử lý chất thải hữu cơ có tiềm năng xử lý nhựa phân hủy sinh học, hiện là phân khúc bao bì nhỏ nhưng có tiềm năng phát triển trong tương lai.</p> <p>Ví dụ, tại Philippines, Kế hoạch Phát triển Bền vững Vịnh Manila bao gồm bốn cơ sở sản xuất phân hữu cơ quy mô lớn trong khuôn khổ nỗ lực cải thiện QLCTR trong khu vực thông qua chuyển hướng. Kế hoạch này khuyến khích chính quyền tinh hợp tác với khu vực tư nhân từ nghiên cứu khả thi cho tới xây dựng và vận hành các cơ sở sản xuất phân hữu cơ.</p> |

125 [Plastics Energy Press Release](#) on Malaysia; [Plastics Energy Press Release](#) on Indonesia.

126 Multicycle, "[Multicycle](#)" (nil)

C. Thiết lập yêu cầu cụ thể theo ngành để giúp tăng tỷ lệ thu gom, tái chế chất thải nhựa

Một trong những thách thức chính đối với tuân hoán nhựa ở Việt Nam là chưa có yêu cầu thu gom/thu hồi cụ thể theo ngành đối với các ngành sử dụng cuối quan trọng. Tình trạng thiếu trách nhiệm của nhà sản xuất như vậy dẫn tới tỷ lệ CFR hoàn toàn do lực lượng thị trường điều chỉnh. Do đó, tỷ lệ CFR cần được tách rời khỏi áp lực chi phí đối với nhựa tái chế, và các yêu cầu cụ thể theo ngành là phương thức đã chứng tỏ hiệu quả trong việc đạt được mục tiêu này.

Bảng 14.

HÀNH ĐỘNG VÀ CƠ SỞ CHO CAN THIỆP H: THIẾT LẬP YÊU CẦU CỤ THỂ THEO NGÀNH ĐỂ GIÚP TĂNG TỶ LỆ THU GOM, TÁI CHẾ CHẤT THẢI NHỰA

| Cụm & Thời gian | Hành động | Cơ sở |
|------------------------------|---|--|
| Thiết lập nền tảng (1-2 năm) | 27 Quy định các mục tiêu thu gom cho ngành bao bì, dựa trên tham vấn ngành | <p>Ngành bao bì dự ước tính tiêu thụ khoảng 35% tổng lượng nhựa sử dụng cuối ở Việt Nam.¹²⁷ Các mục tiêu thu gom bắt buộc giảm thiểu thách thức do tình trạng có những đơn vị thu hưởng miễn phí và yêu cầu toàn bộ ngành có nghĩa vụ tham gia tăng tỷ lệ CFR. Các mục tiêu phải được hiệu chỉnh dựa trên mức độ khả năng tái chế của các loại nhựa và sản phẩm cũng như mức độ phát triển của cơ sở hạ tầng tái chế. Trên thực tế, các mục tiêu thu gom này cần trở thành khía cạnh thiết yếu của các nghị định và thông tư sẽ được xây dựng để hướng dẫn thực hiện các Điều 53, 54 và 55 của Luật BVMT sửa đổi.</p> <p>Việc áp dụng các mục tiêu thu gom theo hệ thống EPR không nên mang tính mệnh lệnh, và việc thiết kế và thực hiện các mô hình kinh tế phải dựa trên tham vấn với ngành và yếu tố cụ thể của quốc gia. Cần nghiên cứu và đánh giá chi tiết hơn về lộ trình thực hiện hệ thống EPR do ngành điều hành hoặc do một quỹ đại chúng/chính phủ điều hành để cung cấp thông tin cho việc xây dựng dự thảo Nghị định về EPR theo Luật BVMT. Các mục tiêu khuyến khích điều chỉnh sinh thái trong mô hình kinh tế của EPR nên được áp dụng để đẩy nhanh tiến độ triển khai. Ví dụ, trong xây dựng mô hình kinh tế cho hệ thống EPR, ngành phải trả một khoản phí cao hơn cho việc thu gom các loại nhựa có giá trị thấp hơn, không tái chế được (như bao bì dẻo đa vật liệu, nhiều lớp) so với nhựa có giá trị cao hơn, có thể tái chế (như chai và hộp đựng PET, HDPE và PP cứng).</p> |
| | 28 Hỗ trợ đồng xử lý nhựa có giá trị thấp để sử dụng trong RDF trong vai trò giải pháp tạm thời | <p>Đồng xử lý RDF cung cấp một giải pháp tiềm năng để quản lý chất thải nhựa không thé tái chế ở Việt Nam, như nhựa dẻo nhiều lớp như túi đựng phụ kiện và túi ép thông qua thu hồi năng lượng.</p> <p>Các thương hiệu và đơn vị phát thải nhựa khác (bao gồm các thành phố) có cơ hội phối hợp trực tiếp với các lò nung xi măng để đồng xử lý chất thải nhựa sau tiêu dùng, như đã thực hiện ở các quốc gia khác (vd: sự hợp tác giữa Nestlé và Republic Cement ở Philippines).¹²⁸ Trong một số trường hợp, các thương hiệu có thể sử dụng dịch vụ bù trừ nhựa để thu mua vật liệu nhựa có giá trị thấp và cung cấp cho các đơn vị đồng chế biến. Ví dụ, hoạt động thí điểm giữa INSEE Ecocycle và TonToTon tại Thành phố Hồ Chí Minh để xử lý nhựa giá trị thấp được chứng nhận chuyên theo đường biển từ Phú Quốc, Việt Nam.¹²⁹</p> |

127 Based on 2019 revenue data by the VPA.

128 Republic Cement and Nestle Philippines [press release](#)

129 TontoTon, "[What is plastic neutralization?](#)" (nil)

| Cụm & Thời gian | Hành động | Cơ sở |
|------------------------------|---|--|
| Thiết lập nền tảng (1-2 năm) | 28 Hỗ trợ đồng xử lý nhựa có giá trị thấp để sử dụng trong RDF trong vai trò giải pháp tạm thời | Nhu đã đề cập tại Phần 3, việc đồng xử lý nhựa có giá trị thấp để sử dụng trong RDF không phải là giải pháp dài hạn và tuần hoàn. Giải pháp này cho phép chuyển hướng ngắn hạn các loại nhựa có giá trị thấp ra khỏi bãi chôn lấp, bãi tài lợ thiền, và các tuyến đường thủy. Đồng thời, các giải pháp tuần hoàn dài hạn đang được xây dựng (vd: tái chế hóa học để chuyển đổi nhựa thành nhựa đối với nhựa nhiều lớp có giá trị thấp không tái chế được bằng công nghệ tái chế cơ học hiện tại). Việc ưu tiên RDF mà không tập trung vào giảm/tái sử dụng/các mô hình phân phối mới (Hành động 2) và thiết kế để tái chế (Hành động 16-18) sẽ dẫn tới việc bị mắc kẹt ở giải pháp tuyển tính chứ không hướng tới các giải pháp tuần hoàn hơn. Do đó, để giảm thiểu rò rỉ nhựa và tăng tuần hoàn nhựa, can thiệp này (Hành động 28) phải được thực hiện đồng thời với mức độ tập trung và tiến độ tương đương hoặc lớn hơn của Hành động 2 và Hành động 16-18 và những can thiệp khác về tuần hoàn đối với nhựa có giá trị thấp. |
| Cải thiện nhu cầu (3-5 năm) | 29 Quy định về khung báo cáo đối với sản phẩm nhựa | Cần có dữ liệu ở cấp sản phẩm ở Việt Nam, theo đó các nhà sản xuất và bán lẻ công bố số lượng sản phẩm nhựa (vd: bao bì và đồ điện tử) đưa vào thị trường, dựa trên loại polyme được sử dụng, khối lượng, và lĩnh vực sử dụng cuối. Dữ liệu này cho phép có hình dung chính xác về những sản phẩm nhựa được đưa vào thị trường và giúp các nhà hoạch định chính sách thiết lập mục tiêu. Ví dụ, Singapore yêu cầu tất cả các công ty đưa bao bì vào quốc gia phải công bố loại và trọng lượng nhựa hàng năm từ năm 2022 trở đi. Việc báo cáo chính xác về tiêu thụ nhựa và sản phẩm sản phẩm bao bì nhựa sẽ được sử dụng để thiết lập các mục tiêu EPR cho ngành công nghiệp trong nước. |

4.4 Tóm tắt các giải pháp can thiệp

Việc tăng tỷ lệ CFR và hiệu suất thu hồi giá trị sẽ khá thi với việc thực hiện các giải pháp can thiệp trên đây.

Bản thân mỗi giải pháp can thiệp có khả năng làm tăng giá trị tái chế được giải phóng từ 0,8 tỷ USD đến 1,8 tỷ USD mỗi năm. Tuy nhiên, những can thiệp này có thể trùng lặp, do đó tổng giá trị được giải phóng sẽ thấp hơn tổng giá trị của các can thiệp đơn lẻ. Phân tích này chỉ cho thấy lợi ích tiềm tàng của mỗi can thiệp trong việc giải phóng giá trị vật liệu vì nghiên cứu thị trường này chưa dự toán chi phí thực hiện mỗi can thiệp. Do đó, phân tích chi tiết về chi phí - lợi ích của mỗi can thiệp chưa được thực hiện. Hình 42 và Bảng 15 dưới đây tóm tắt các giải pháp can thiệp và tác động đối với việc tăng tỷ lệ CFR và hiệu suất thu hồi giá trị.

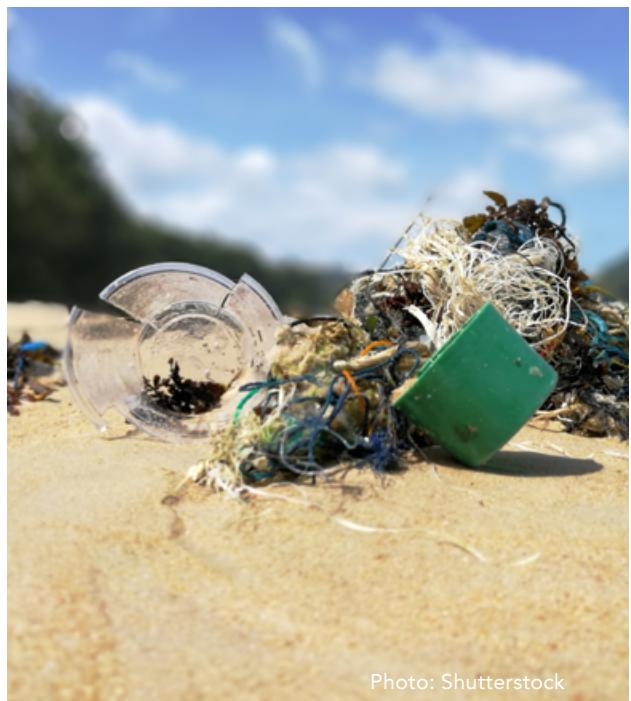
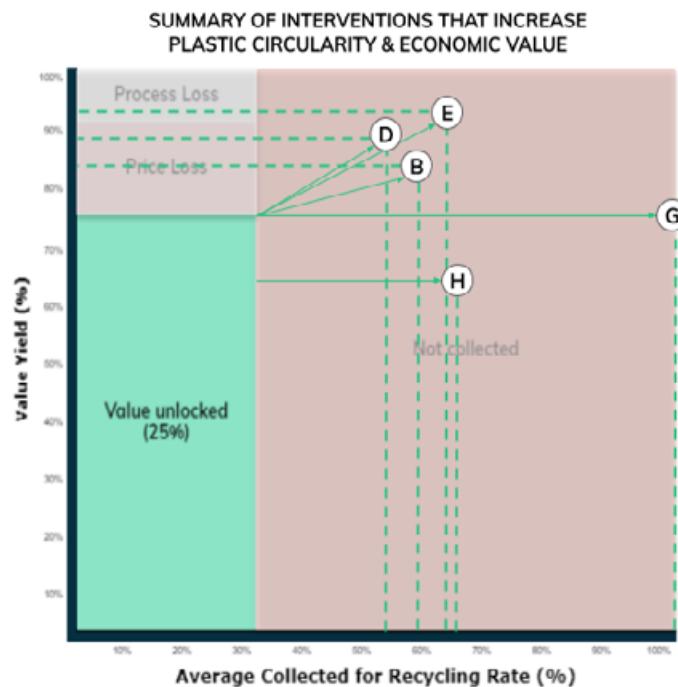


Photo: Shutterstock

Hình 43.

CAN THIỆP ĐỀ XUẤT VÀ TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI VIỆC TĂNG TỶ LỆ CFR VÀ HIỆU SUẤT THU HỒI GIÁ TRỊ



Bảng 15.

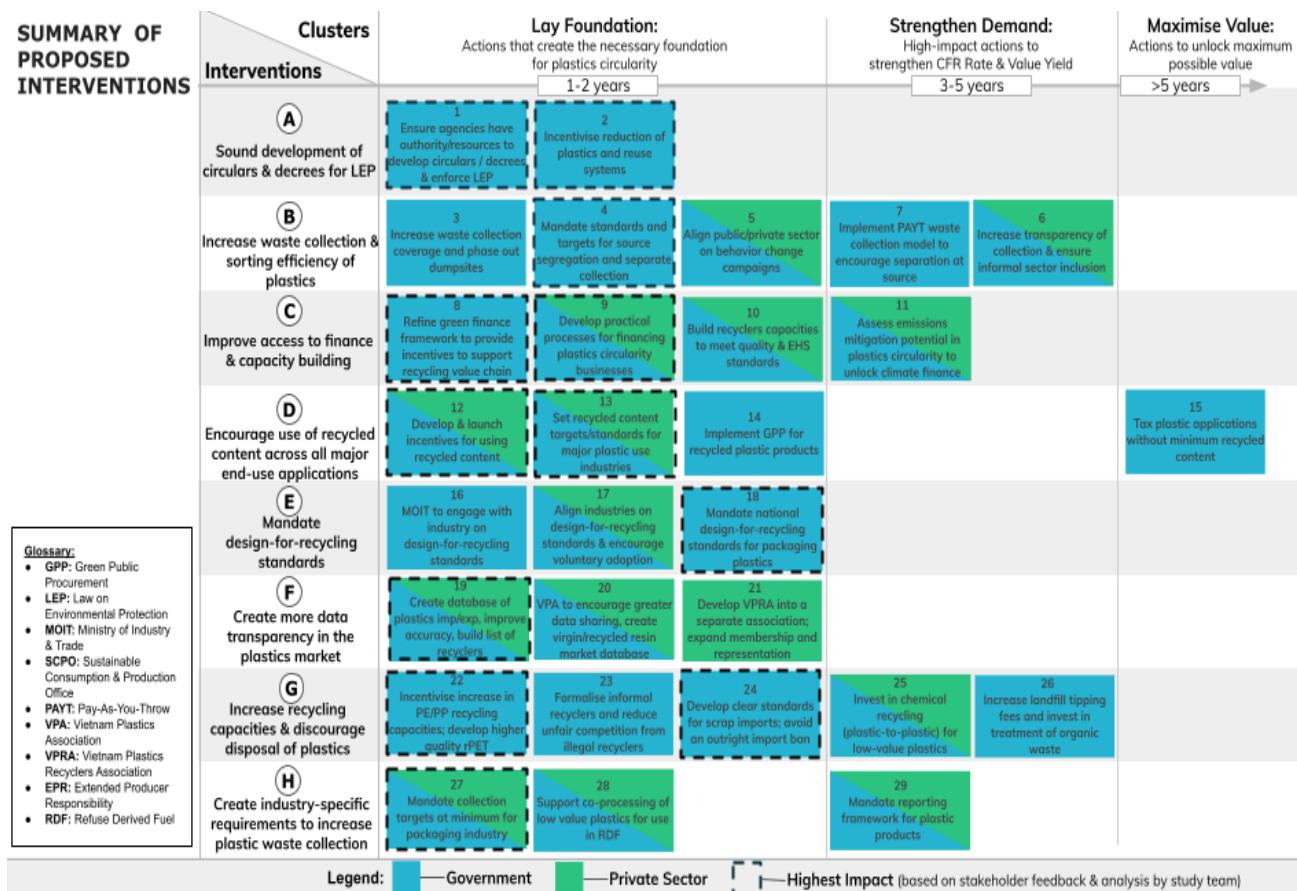
CAN THIỆP ĐỀ XUẤT VÀ TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI VIỆC TĂNG TỶ LỆ CFR VÀ HIỆU SUẤT THU HỒI GIÁ TRỊ

| TÓM TẮT CÁC GIẢI PHÁP CAN THIỆP | TĂNG HIỆU SUẤT THU HỒI GIÁ TRỊ | TĂNG TỶ LỆ CFR | GIÁ TRỊ VẬT LIỆU ĐƯỢC GIẢI PHÓNG |
|---|--------------------------------|----------------|----------------------------------|
| 1. Các giải pháp can thiệp làm tăng tỷ lệ CFR và hiệu suất thu hồi giá trị | | | |
| A. Thúc đẩy tuân hoàn nhựa thông qua xây dựng chính sách nền tảng phù hợp (thông tư và nghị định) để hướng dẫn thi hành Luật BVMT | - | - | - |
| B. Tăng hiệu quả thu gom và phân loại chất thải nhựa | 8% | 27% | 0,9 tỉ USD |
| C. Cải thiện cơ hội tiếp cận tài chính và xây dựng năng lực | - | - | - |
| D. Khuyến khích sử dụng hàm lượng tái chế trong tất cả các ứng dụng sử dụng cuối | 11% | 22% | 0,8 tỉ USD |
| E. Tiêu chuẩn bắt buộc về "thiết kế để tái chế" đối với mọi loại nhựa, đặc biệt là bao bì | 17% | 30% | 1,1 tỉ USD |
| 2. Các giải pháp can thiệp làm tăng tỷ lệ CFR | | | |
| A. Bảo đảm minh bạch hơn về dữ liệu trên thị trường nhựa | - | - | - |
| B. Tăng công suất tái chế (cơ học và hóa học) và không khuyến khích thải bỏ nhựa | - | 67% | 1,8 tỉ USD |
| C. Thiết lập yêu cầu cụ thể theo ngành để tăng tỷ lệ thu gom và tái chế chất thải nhựa | - | 31% | 0,8 tỉ USD |

Các can thiệp “A” (xây dựng và thực thi quy định về tuần hoàn nhựa trong Luật BVMT), “C” (cải thiện cơ hội tiếp cận tài chính và xây dựng năng lực) và “A” (bảo đảm minh bạch hơn về dữ liệu trên thị trường nhựa) đều ở Phần 4 không có hiệu suất thu hồi giá trị và mức tăng CFR cụ thể như trong bảng trên vì ba can thiệp này là can thiệp định tính và không thể tính toán tác động trực tiếp của các can thiệp này đối với hiệu suất thu hồi giá trị và tỷ lệ CFR. Ba can thiệp này rất quan trọng và là nền tảng để hỗ trợ những can thiệp cụ thể hơn trong bảng trên đây. Tham khảo Phụ lục 16 về các già định và tính toán

Hình 44.

TÓM TẮT TẤT CẢ CÁC CAN THIỆP VÀ HÀNH ĐỘNG TƯƠNG ỨNG



Hành động ưu tiên để giải phóng giá trị vật liệu thất thoát

Dựa trên phân tích của nhóm nghiên cứu và phản hồi của các bên liên quan về tính thực tiễn của việc thực hiện trong một đến năm năm tới, 12 hành động ưu tiên đã được xác định trong Bảng 16 dưới đây để giải phóng giá trị vật liệu và hỗ trợ tăng trưởng của ngành công nghiệp tái chế trong nước.

chi tiết về giá trị vật liệu được giải phóng thông qua những can thiệp này. Ngoài ra, tham khảo Phụ lục 17 về tóm tắt và phân loại tất cả các khuyến nghị từ cung và cầu nhựa.

4.5 Lộ trình tiếp theo

Hình 43 dưới đây tóm tắt toàn bộ các hành động theo nhóm can thiệp và theo cụm dựa trên việc phân cụm hành động như trên. Hình này cũng nêu rõ bên (chính phủ hoặc khu vực tư nhân hoặc cả hai) chịu trách nhiệm chính trong thực hiện hành động.

Một số trong những hành động này cần thực hiện nghiên cứu khà thi chi tiết hơn (phân tích chính sách, phân tích chi phí-lợi ích, và phân tích độ nhạy) để đánh giá và đề xuất các phương pháp tiếp cận cụ thể nhằm thực hiện/triển khai những hành động này và giúp định hướng chính sách, mục tiêu, và quy định cụ thể.

Bảng 16.

TÓM TẮT 12 HÀNH ĐỘNG ƯU TIÊN ĐỂ GIẢI PHÓNG GIÁ TRỊ VẬT LIỆU THẤT THOÁT

| Hành động | Hành động ưu tiên dựa trên phản hồi của các bên liên quan | Khung thời gian | Bên liên quan chính |
|-----------|---|-----------------|------------------------------|
| 1 | Bảo đảm các cơ quan có trách nhiệm có đủ thẩm quyền và nguồn lực để phối hợp với các bên liên quan xây dựng các công cụ chính sách nền tảng (nghị định và thông tư) và thực thi Luật BVMT | 1-2 năm | Chính phủ |
| 2 | Có chính sách ưu đãi để khuyến khích giảm sử dụng nhựa (vd: loại bỏ dần những sản phẩm nhựa không cần thiết) và các hệ thống tái sử dụng (vd: chai có thể nạp lại, mô hình phân phối mới, và mô hình kinh doanh mới) | | |
| 4 | Quy định và điều chỉnh hài hòa các tiêu chuẩn và mục tiêu phân loại tại nguồn và thu gom riêng | | |
| 8 | Hoàn thiện khung tài trợ xanh hiện tại để có chính sách ưu đãi và hỗ trợ cụ thể cho chuỗi giá trị tái chế nhựa | | |
| 18 | Quy định tiêu chuẩn quốc gia về thiết kế để tái chế cho bao bì nhựa | | |
| 22 | Khuyến khích tăng công suất tái chế PE/PP chính thức; phát triển tái chế PET chất lượng cao hơn | | |
| 24 | Xây dựng các tiêu chuẩn rõ ràng đối với việc nhập khẩu nhựa phế liệu có chất lượng để sản xuất hạt, sản phẩm và/hoặc hàng hóa; tránh việc cấm hoàn toàn nhập khẩu phế liệu nhựa | 3-5 năm | |
| 9 | Xây dựng các quy trình thực tế để tài trợ cho các doanh nghiệp tuân hoàn nhựa | 1-2 năm | Chính phủ và khu vực tư nhân |
| 12 | Xây dựng và triển khai các chính sách ưu đãi cho việc sử dụng hàm lượng tái chế | | |
| 13 | Thiết lập mục tiêu/tiêu chuẩn hàm lượng tái chế cho các ngành lớn sử dụng sản phẩm nhựa cuối | | |
| 19 | Bộ CT/Tổng cục Hải quan chính thức (i) thiết lập cơ sở dữ liệu có thể truy cập rộng rãi về xuất/nhập khẩu nhựa; (ii) cải thiện mức độ chính xác của nhập liệu; và (iii) xây dựng danh mục toàn diện các đơn vị tái chế trong nước | | |
| 27 | Quy định các mục tiêu thu gom cho ngành bao bì, dựa trên tham vấn ngành | | |

Tóm tắt các cơ hội tài trợ và/hoặc đầu tư của khu vực tư nhân

Bảng 17 dưới đây minh họa các cơ hội tài trợ và/hoặc đầu tư chính của khu vực tư nhân, dựa trên tình hình thị trường hiện tại (nhu cầu ngày càng tăng đối với hàm lượng tái chế cấp thực phẩm và không thuộc cấp thực phẩm, chất lượng cao, của các thương hiệu lớn, đặc biệt trong lĩnh vực bao bì) và chính sách hiện hành ở Việt Nam.

Bảng 17.

TÓM TẮT CÁC CƠ HỘI TÀI TRỢ VÀ/HOẶC ĐẦU TƯ CỦA KHU VỰC TƯ NHÂN

| Khung thời gian | Cơ hội tài trợ và/hoặc đầu tư của khu vực tư nhân |
|-------------------------|---|
| Ngắn hạn (1-2 năm) | <p>Cơ sở tái chế từ vỏ chai PET thành vỏ chai cho các ứng dụng cấp thực phẩm: Như đã đề cập trong Hộp 2, Phần 3, cơ sở tái chế vỏ chai trị giá 60 triệu USD của Duy Tân đang được xây dựng. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều cơ hội đáng kể để nâng cấp các cơ sở tái chế PET hiện có để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của các thương hiệu.</p> <p>Nâng cấp/cài tiến thiết bị cho các cơ sở tái chế HDPE, LDPE, và PP hiện tại để sản xuất đầu ra chất lượng cao hơn (loại không thuộc cấp thực phẩm) và mở rộng công suất.</p> |
| Mid-term (3-5 years) | <p>Cơ sở tái chế cấp thực phẩm cho HDPE, LDPE, và PP.</p> <p>(Lưu ý: khung thời gian cho hành động này dài hơn một chút so với PET cấp thực phẩm, vì việc xây dựng chính sách và tiêu chuẩn đối với HDPE, LDPE, và PP cấp thực phẩm sẽ mất nhiều thời gian hơn một chút so với chính sách đối với PET. Lý do là một phần đáng kể của nguyên vật liệu từ HDPE, LDPE, và PP có nguồn gốc từ các ứng dụng không thuộc cấp thực phẩm. Ngoài ra, công nghệ tái chế hóa học (chuyển đổi nhựa thành nhựa) phải được thương mại hóa đầy đủ cho các ứng dụng tái chế HDPE/LDPE và PP cấp thực phẩm.)</p> |

Nếu Chính phủ Việt Nam thực hiện các chính sách được khuyến nghị trong nghiên cứu này sau khi thực hiện phân tích chi tiết hơn về chi phí thực hiện cùng với một số cân nhắc khác theo bối cảnh trong nước, sẽ có thêm các cơ hội đầu tư và tài trợ cho khu vực tư nhân, như được thể hiện rõ qua các tuyên bố sau đây:

Sau khi các chính sách ưu đãi để giảm nhựa và tăng cường các hệ thống tái sử dụng (Hành động 2) được áp dụng, đầu tư vào các doanh nghiệp cung cấp các mô hình tái nạp hoặc mô hình phân phối mới sẽ hấp dẫn hơn. Các bên liên quan trong khu vực tư nhân sẽ tập trung hơn nữa để phát triển các mô hình tái sử dụng/nạp lại để thay thế túi ép.

Sau khi có môi trường thuận lợi khiến cho việc tiếp cận nguồn tài chính xanh đối với chuỗi giá trị tái chế nhựa trở nên dễ dàng hơn và đơn vị tái chế có năng lực đáp ứng các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế, các ngân hàng sẽ có động lực để cấp các khoản vay cho những đơn vị này (Hành động 8-11).

Sau khi mục tiêu về hàm lượng tái chế được khuyến khích và bắt buộc, các mục tiêu ngành điều chỉnh được thiết lập, và phí được tính dựa trên khả năng tái chế nhựa (Hành động 12, 13 và 27), đầu tư vào các đơn vị tái chế sẽ được thúc đẩy hơn nữa.

Nghiên cứu Thị trường cho Việt Nam: Cơ hội và Rào cản đối với Tuần hoàn Nhựa là đánh giá thị trường tập trung vào khu vực tư nhân về chuỗi giá trị ngành nhựa và thị trường tái chế tại Việt Nam với mục tiêu tổng thể là xác định các cơ hội và rào cản đối với tái chế nhựa và tuần hoàn nhựa tại Việt Nam.

Nghiên cứu này do PROBLUE, một Quỹ Tín thác Đa biên thuộc Ngân hàng Thế giới, tài trợ nhằm hỗ trợ phát triển các nguồn tài nguyên biển và ven biển tổng hợp, bền vững, và lành mạnh. PROBLUE là một cầu phần trong khuôn khổ chương trình kinh tế xanh tổng thể của Nhóm Ngân hàng Thế giới, với các dự án đang hoạt động trị giá khoảng 5,6 tỷ USD, từ tháng 3 năm 2020. <https://www.worldbank.org/en/programs/problue>



THÁNG 6/2021



WORLD BANK GROUP

THE WORLD BANK
IBRD • IDA

IFC | International
Finance Corporation

PROBLUE

Administered by
THE WORLD BANK
IBRD • IDA | WORLD BANK GROUP